

PHẬT TỔ NGŨ KINH

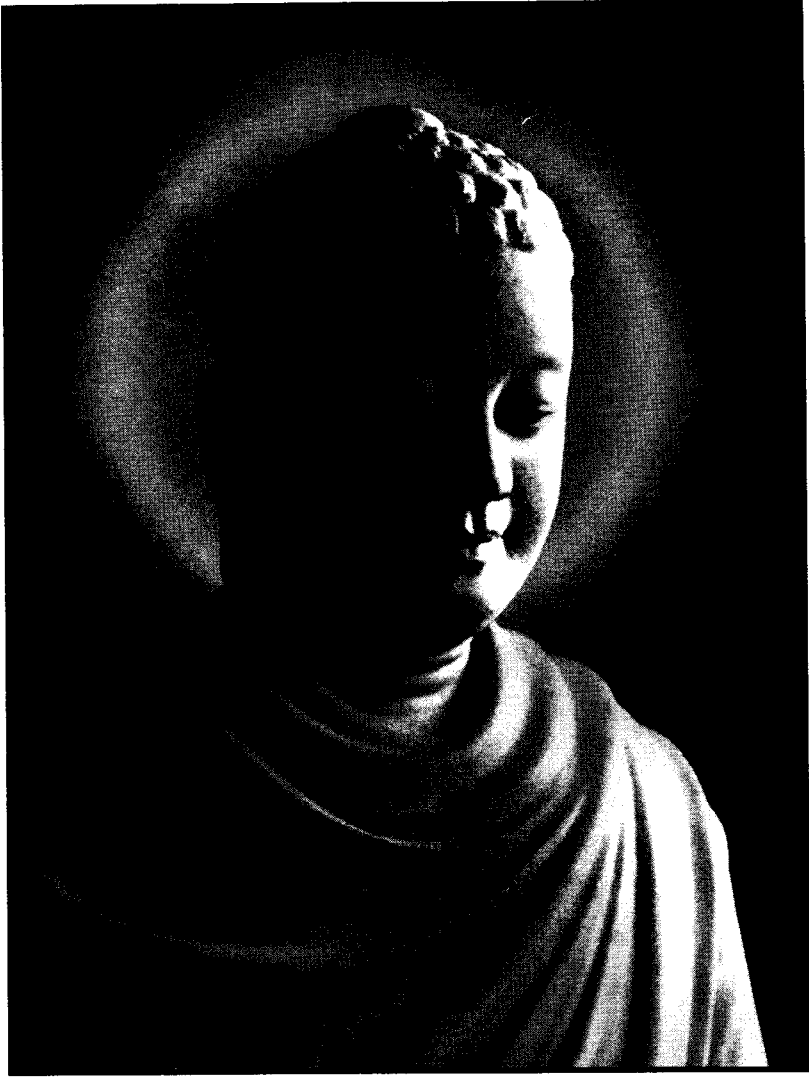
- THẬP THIÊN
- TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG
- DI GIÁO
- CẢNH SÁCH
- DUY THỨC TAM THẬP TỤNG

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
TỔ IN ẤN VÀ PHÁT HÀNH KINH SÁCH

Thực hiện

Địa chỉ : 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8 – Q.3 – TP. HCM

ĐT : 8 469721



ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

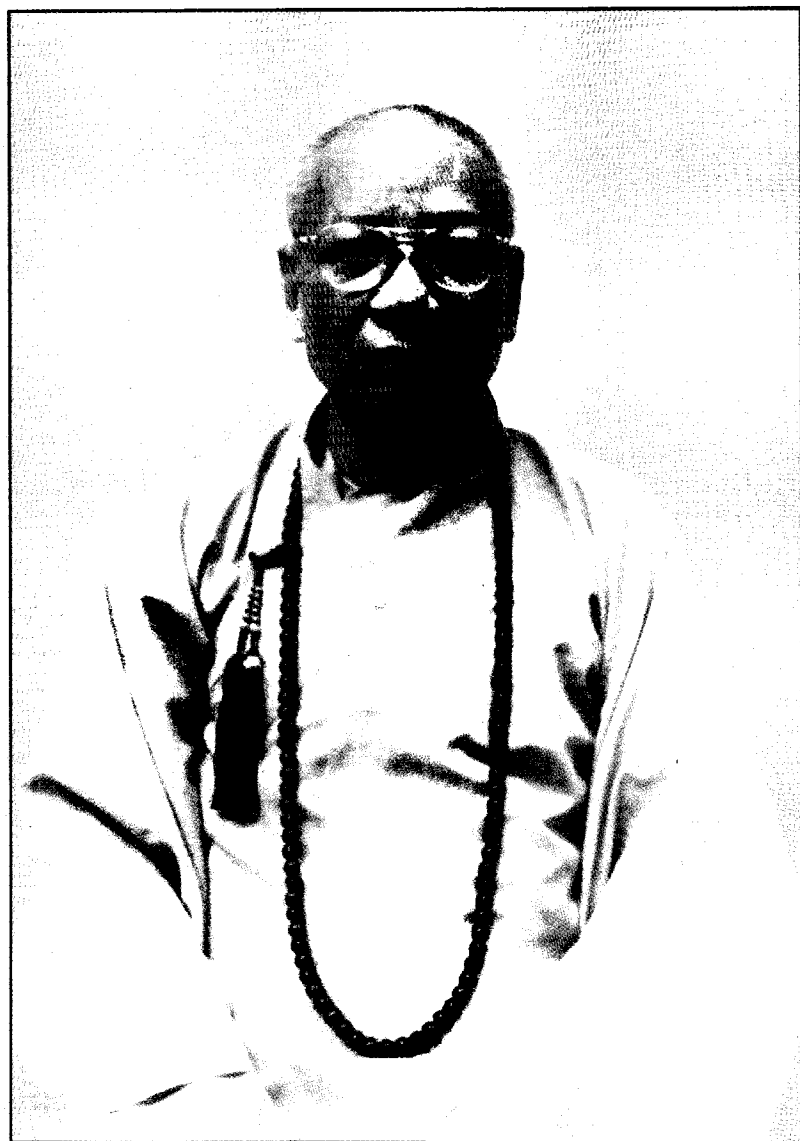


Dịch giả : HT. THÍCH HOÀN QUAN

PHẬT TỔ NGŨ KINH

Tái bản lần thứ nhất

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI - PL. 2549 - DL. 2005**



**CHÂN DUNG HÒA THƯỢNG
HÒÀN QUAN THÍCH GIẢI NÃNG**

KINH THẬP THIÊN
(CHÚ GIẢI)

Lời Dịch Giả

Trải qua thời gian phục vụ Đạo pháp chuyên lo giáo dục Tăng Ni, tôi hằng nghĩ đến hai vấn đề: Phương pháp giáo dục và bài vở soạn dạy, nó phải luôn luôn được cải tiến để đáp ứng nhu cầu hiện tại và theo kịp đà giáo dục tân tiến ngày nay.

Riêng về các lớp Trung, Tiểu học Phật giáo, tôi nhận thấy không thể loại bỏ hẳn các Kinh bằng Hán tự được, nhưng cũng không thể đem cả bản Kinh chữ Hán ra dạy như cách dạy hơn mười năm về trước, vì những lý do sau đây:

Một, hiện nay chúng ta chưa có ba tạng Kinh điển bằng Việt ngữ.

Hai, trình độ Tăng Ni sinh hiện giờ rất kém về Hán tự.

Ba, hiện nay Tăng Ni sinh không phải chỉ chuyên lo học kinh điển như trước kia, mà còn phải lo học cả các môn thế pháp như: toán, lý, hóa v.v... để “giật lấy mảnh bằng”..., nếu dạy theo lối cổ điển như thời kỳ chúng tôi còn ngồi “mài” trên ghế Phật Học Đường, thì chắc không có một ai theo học.

Vì lẽ đó mà lối dạy kinh điển cần phải được cải tiến. Chúng ta phải làm sao cho các Tăng Ni sinh sau khi

mãn Trung học Phật giáo; có một số vốn Hán tự khả dĩ nghiên cứu được những bộ Kinh khác; giúp cho Tăng Ni sinh kém Hán văn vẫn học Kinh bằng chữ Hán và thấu triệt được một cách dễ dàng; giúp các Tăng Ni sinh có đủ thì giờ vừa học chương trình Phật pháp vừa theo chương trình thể pháp mà không phải e ngại trước hai chương trình quá ư nặng nhọc.

Để thỏa mãn các nhu cầu cấp thiết trên, tôi tuy tự biết khả năng mình có giới hạn, nhưng trong thời gian đảm nhận dạy tại các Viện Phật Học, vẫn cố gắng đem những Kinh Luận có trong chương trình, soạn dịch ra thành từng bài, để thỏa mãn phần nào trong nhu cầu hiện tại và góp một phần nhỏ vào công việc đào tạo Tăng tài, xây dựng Đạo pháp.

Vì lẽ đó, mà hôm nay bộ Kinh THẬP THIÊN này ra mắt các bạn, tôi không tham vọng gì hơn là giúp các bạn Tăng Ni sinh có đủ sách học tập, để khỏi biên chép mất thì giờ, và cũng để giúp phần nào cho các bạn mới bước chân vào ngành Phật sự bạc bèo này.

Thể thức trình bày các bài trong bộ Kinh, chúng tôi trình bày theo lối một bài giảng văn ngoại ngữ:

Trước tiên là nguyên văn chữ Hán của bản Kinh, kế đó là phân dịch nghĩa, rồi đến phân giải thích từ ngữ, sau là đại ý của bài; cuối cùng là giảng giải ý Kinh.

Theo thể thức này, chẳng những Tăng Ni sinh dễ dàng thấu triệt từng bài học của mình, mà người dạy cũng thuận lợi được nhiều kết quả.

Ngoài ra, khi soạn dịch bộ Kinh này, chúng tôi còn nhắm vào hai mục đích sau đây:

Một là giúp tài liệu cho các vị Trụ trì, không đủ phương tiện gửi đệ tử vào các Phật Học Viện để thụ huấn, có thể theo đây mà dẫn dắt con em trên đường tu học.

Hai là giúp các vị cư sĩ mới vào đạo, muốn tìm hiểu, nghiên cứu Phật pháp rất tiện lợi, vì nó là một bộ Kinh căn bản cho tất cả pháp môn tu hành, nền tảng của Tam thừa Thánh quả.

Mặc dù chúng tôi đã cố gắng trong công việc biên soạn này, nhưng không sao tránh khỏi sự thiếu sót, vụng về, vậy kính mong các bậc cao minh vui lòng chỉ giáo cho, chúng tôi rất cảm tạ và sẽ cố gắng trong kỳ tái bản sau này cho được hoàn hảo hơn.

Sa Môn THÍCH HOÀN QUAN

LỜI NÓI ĐẦU

A. KHẾ LÝ VÀ KHẾ CƠ

Hôm nay giảng Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, trước khi giảng Kinh văn, tôi xin bàn qua mấy lời ở đầu Kinh.

Tất cả kinh điển của Phật giáo đều gọi là Khế Kinh, nghĩa là khế lý và khế cơ. Tất cả giáo pháp của Phật đều kiến lập trên nguyên tắc này. Chữ khế là hợp. Khế lý là hợp với chơn lý của tất cả pháp: Pháp tánh, Pháp tướng chơn thật của muôn sự muôn vật, chính là trí huệ tuyệt đối của Phật, tự mình chứng được rồi đem chỗ thân chứng ấy mà khai thị chúng sanh, khiến cho đều được chứng nhập. Ấy là Phật y theo nguyên tắc khế lý mà thuyết pháp. Khế cơ là hợp với thời tiết, nhân duyên, căn tánh từng chủng loại. Nghĩa là Phật tìm những phương tiện thích hợp với chúng sanh mà nói pháp, khiến cho chúng sanh đều được giác ngộ. Dù hai nghĩa như trên mới gọi là Khế Kinh.

Nay y cứ vào hai nghĩa ấy mà nói nghĩa đại khái của Kinh này.

I. THẬT NGHĨA CỦA KHẾ LÝ

Thật nghĩa của Khế lý là nghĩa chơn thật của chơn lý khế hợp với các Pháp tánh tướng.

Sự khế hợp thật tướng của chơn lý này, không vì thời gian mà thay đổi, không vì bờ cõi mà sai khác; không luận thời đại nào, địa phương nào, chủng loại nào, cũng đều là như thế cả.

Nay xin chia làm ba đoạn để thuyết minh thật nghĩa Khế lý của Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo.

1. THẬP THIÊN NGHIỆP LÀ MỤC TIÊU CỦA THIÊN HẠNH THẾ GIAN VÀ XUẤT THẾ GIAN

Nghiệp (Karma) là hành vi, mười Thiện nghiệp là:

Thân nghiệp, có ba: Không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục.

Ngữ nghiệp, có bốn: Không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói thô dật.

Ý nghiệp, có ba: Không tham lam, không sân hận, không ngu si tà kiến.

Hợp cả thân, ngữ, ý thành mười nghiệp lành, trái lại là mười nghiệp ác.

Nghiệp không nhứt định là lành hay là ác mà cần phải xem tánh chất của nó mới minh định được. Nếu trong tâm thiện thì phát ra hành vi lợi lạc chúng sanh, ấy là Thiện nghiệp; nếu trong tâm ác thì phát ra hành vi sẽ tổn hại chúng sanh, ấy là ác nghiệp. Nếu muốn biết thiện hay bất thiện của mười nghiệp về thân, ngữ, ý, ta phải xét đến kết quả về tương lai tốt hay xấu.

Mười điều thiện này không những là Thiện hạnh của thế gian mà còn là cơ bản của xuất thế gian nữa, nên trong Kinh Phật luôn luôn nói đến. Vì thế mà mười điều thiện này là Đại Tổng trì (Đại-đà-la-ni) của tất cả Thiện hạnh thế và xuất thế.

Thế gian do mười Thiện hạnh này mà được quả tốt hơn thiên. Loài Trời là chúng sanh ở thế giới tốt đẹp hơn loài người cũng do tu hành mười Thiện nghiệp mà được thành tựu. Tóm lại, tất cả phúc báu ở cõi Trời và cõi Người đều do tu mười Thiện nghiệp mà được.

Thông thường, trong Phật pháp, người ta cho những hành vi đạo đức của loài người là Ngũ giới: Không sát, không trộm... chỉ muốn sanh về cõi Trời thì mới cần đủ hành vi đạo đức của mười điều thiện. Từ cõi Dục trở lên cõi Sắc và Vô Sắc, ai muốn sanh lên đó, mặc dù đều phải tu Tứ thiên, Bát định, nhưng cũng phải căn cứ trên mười Thiện nghiệp này.

Đến như nghiệp xuất thế siêu thoát tam giới để thành quả Tam thừa: Thinh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát Bồ-đề cũng không thể không lấy mười Thiện nghiệp này làm căn bản mà được thành tựu. Vì thế mà giáo pháp Đại thừa đều thâm nhiếp vào mười Thiện nghiệp. Nhờ giới mà sanh định, nhờ định mà phát ra trí huệ. Vị thứ hai là Ly Cấu Địa trong Bồ Tát vị chính là do tu mười điều thiện này mà thành tựu đạo nghiệp, nghĩa là do giới tăng thượng mà thành định, tức là thân tu mười Thiện nghiệp, đến phần vi tế ác nghiệp nơi thân, ngữ, ý cũng đoạn trừ tận gốc. Tâm không tán loạn và được an ổn, chính là nhờ tu mười Thiện hạnh rồi tiến sâu từng công

phu một. Đến như khi từ định thành huệ thì cuối cùng sẽ đã phá được vô minh tà kiến, Vô lậu trí huệ phát sanh, đây chính là cái đạo cứu cánh của mười Thiện nghiệp.

Vì lẽ đó mà nghiệp quả xuất thế thanh tịnh của bậc Tam thừa cũng bao quát trong mười Thiện nghiệp. Đây là lý thú chơn thật của Thập Thiện Nghiệp Đạo.

2. THẬP THIÊN NGHIỆP LÀ CHÁNH NHƠN TẠO THÀNH THIÊN QUỐC Ở NHÂN GIAN

Con đường thiết thực nhất để biến đổi nhân gian trở thành Lạc quốc là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nếu muốn đạt được mục đích đưa nhân loại đến chỗ an lạc, không thể không thực hành Thập Thiện mà thành tựu. Hiện tại thế giới đánh giết lẫn nhau đều do buông lung làm mười điều ác, chẳng làm mười điều thiện. Giả sử ai ai cũng thực hành mười điều thiện thì thế giới này lập tức biến thành thế giới an lạc.

Các nhà tư tưởng trên thế giới, không luận là các nhà truyền giáo, các nhà học vấn trong mọi ngành, đều nuôi hy vọng tạo thành một thế giới an lạc tương thân tương ái không cần tìm những phương pháp xa vời, chỉ cần thực hành mười Thiện nghiệp thì cảnh Thiên quốc của Thánh Hiền xưa nay và lý thuyết đại đồng bên Trung Quốc cũng như lý tưởng thế giới hoàng kim của người Tây phương đều thực hiện không khó vậy. Chúng ta chỉ cần đem mười ác nghiệp đổi thành mười Thiện nghiệp thì tức khắc biến thế giới năm trược này thành ra Lạc quốc thanh lương. Đây là điều mong muốn không thể chần chờ của thế giới nhân loại ngày nay.

Ngài Lô Sơn Huệ Viên Đại sư bảo rằng: “Mười Thiện nghiệp này, nếu có thể từ một nhà, một làng, đến một quốc gia mà thực hành thì lập tức phong tục thuần mỹ, hình phạt bãi bỏ, trở thành một nước thái bình thịnh vượng...”. Đức Phật nói trong bốn châu chỉ có nhân dân ở Bắc Câu Lô Châu là phước lạc tự tại hơn cả cũng đều nhờ kết quả tu mười Thiện nghiệp. Phật lại nói: Khi Chuyển Luân Thánh Vương ra đời thì bốn biển thanh bình, thiên hạ an lạc và nhân dân ai ai cũng tu hành Thập thiện. Chừng ấy bằng cứ cũng đủ chứng minh cho Đạo lý này vậy.

3. THẬP THIỆN LÀ CĂN BẢN CỦA BỒ ĐỀ NIẾT BÀN

Hai quả Chuyển y Bồ-đề Niết-bàn của Tam thừa đều lấy Thập thiện làm căn bản. Vì mười Thiện nghiệp có công năng ngăn đón các hành vi độc ác, đối trị tất cả hành vi bất thiện, giải thoát tất cả khổ sanh tử, chứng được quả Đại Niết-bàn. Đoạn trừ hết mầm móng của mười ác nghiệp thì công đức mười Thiện nghiệp phát triển đến cực điểm. Lại đem mười Thiện nghiệp độ khắp tất cả chúng sanh trong thế gian, tức là viên mãn quả Đại Bồ-đề. Đây là một định luật. Thật vậy, không thể nào không viên mãn mười Thiện nghiệp mà có thể chứng được đạo quả Tam thừa.

II. ỨNG CƠ ĐỐI TRỊ

Đức Phật thuyết pháp bao giờ cũng thích hợp với căn cơ của chúng sanh. Nay giảng Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo này cũng ứng cơ mà đối trị để cứu vãn phần nào sự khổ não thăm khốc của thế giới. Vì muốn đem sự khổ

nào thăm khốc kia chuyển thành an lạc thì phi Thập Thiện Nghiệp không thể được. Ở đây cũng có ba phần:

1. *ĐỐI TRỊ BỆNH Ỡ LẠI BÊN NGOÀI QUÊN MÁT
PHẦN MÌNH*

Thế giới hiện tại đang ở trong tình trạng căng thẳng, luôn luôn đe dọa nhân loại, lại thêm thiên tai nhân họa làm điêu đứng con người, sự thống khổ không biết đến đâu là cùng. Những phương pháp cứu vãn thiết thực nhất là thực hành mười Thiện nghiệp; chứ không ngồi oán trời trách người, cũng không cần hưởng cầu bên ngoài, trách nhiệm là ở nơi mình mà thôi. Không nên đổ lỗi cho hoàn cảnh hoặc người nào, hoặc xã hội bất lương, hoặc bất tội điều kiện vật chất không đầy đủ. Giả sử trên thế giới này, ai ai cũng có tư tưởng ỷ lại thì chắc chắn không có người nào dám đứng ra chịu trách nhiệm. Lại còn có những hạng người chẳng cầu nơi người hay ở nơi vật mà đi cầu đạo với Thượng Đế, quỷ thần cho đến tin Phật mà cũng không ngoài mục đích cầu khẩn ấy. Họ chẳng biết rằng cái ý nghĩa chơn chánh của Phật pháp là mỗi người tự hiểu rõ lý nhân quả đúng như pháp để trở lại cầu ở nơi mình.

Như khi Phật còn tại thế, đường đệ của Ngài là ông A Nan, cứ ỷ lại vào Phật để Phật ban cho phép “Tam Muội”, không chịu lo tu tập, đến phải mắc nạn Ma Đăng Già. Ông A Nan là bậc đa văn đệ nhất trong hàng đệ tử của Phật mà còn không thể ỷ vào Phật được. Như thế đủ biết trong Phật pháp, trách nhiệm là hoàn toàn tại nơi mình; nếu bỏ nơi mình đi cầu với thiên thần quỷ vật mà

muốn cải tạo thế giới xã hội, điều đó quyết không bao giờ được! Còn như trước đem mười ác nghiệp nơi tự tâm đổi thành mười Thiện nghiệp, rồi sau cầu Phật thì mới có hiệu quả. Xưa đức Khổng Tử bệnh, ông Tử Lộ xin Ngài cầu đảo, Ngài bảo rằng: “Khu vực này cầu đảo đã lâu rồi”. Như thế, dù biết hướng bên ngoài mà cầu với tạo vật quỷ thần là việc làm không có lợi ích. Điều cốt yếu là tu chính nơi mình và khuyên mọi người thực hành mười Thiện nghiệp, mới mong văn hồi được nhân tâm thế đạo.

2. ĐỐI TRỊ NHỮNG HẠNG NGƯỜI MẮC BỆNH NÓI HAY LÀM DỖ

Hiện nay có những hạng người ý nghĩ và lời nói có vẻ phi thường, đưa ra nhiều lý luận cho là siêu phàm, nhập Thánh, nhưng xét trên việc làm thực tế thì không có gì là siêu phàm cả. Ngay nơi lời nói và việc làm tầm thường, họ cũng chưa hề làm đến. Chỉ có nói khoác một cách ngậy dại và nó đã trở thành thông bệnh của nhân loại ngày nay. Người ta cũng hô hào, đề xướng ra những lý thuyết này hay lý thuyết khác, nhưng trên sự thực hành càng không đem lại một kết quả nào. Thật là nguy hiểm! Họ chỉ biết khoe khoang lớn lối mà không nhìn lại sự thực hành, như thế mà đem ra trị đời thì càng trị thì càng rối. Chẳng khác nào đội một tảng đá ngàn cân mà nhảy múa trong đám đông thì không làm sao tránh khỏi sự nguy hại cho mọi người chung quanh và cả chính mình nữa.

Chẳng những việc trị đời như thế mà việc học Phật cũng không khác. Như có một bọn cuồng thiên chỉ biết lớn lối khoe khoang ngoài đầu môi chót lưỡi, không biết

kiêng kỵ, sợ sệt gì hết, tự cho mình là Phật, rồi tha hồ đàm huyền, thuyết diệu mà cử chỉ thì không hợp với đạo chút nào. Muốn trị cái bệnh điên cuồng ấy, cần phải thực hành theo mười Thiện nghiệp. Trái lại dù cho nhà đại kỹ thuật thấy rộng, nghe nhiều cũng chỉ là cái nhân đọa lạc chứ không thể nào thành được hạnh Bồ Tát của một chơn chánh Phật tử.

3. ĐỐI TRỊ NHỮNG HẠNG NGƯỜI CÓ BỆNH THAM VỌNG CAO, TÀI ĐỨC KÉM

Hiện tại có những hạng người, chí lớn sánh với trời cao mà tướng mạng mỏng như tờ giấy, đã chẳng chịu tự lo trau dồi đức hạnh lại còn luôn luôn có ý đè ép mọi người để tự đưa mình lên. Nếu chẳng biết thay đổi cõi lòng chuyên tu Thiện nghiệp để vun bồi phúc đức thì càng đưa mình lên chừng nào càng hạ thấp mình xuống chừng ấy, không còn cách cứu gỡ.

Tâm cao vọng không phải là xấu, mà cốt phải vun bồi phúc đức. Như công đức Phật quả và oai lực Thiên Long cũng đều do phúc đức mười Thiện nghiệp mà thành tựu. Nếu tâm chỉ tham vọng cao xa mà chẳng tu Thiện nghiệp vun trồng phúc đức thì trọn ngày chỉ lẩn quẩn trong vòng phiền não mà chẳng đem lại một kết quả tốt đẹp nào, lại còn tự lao mình vào con đường tự sát nữa cũng nên.

Xưa có một vị Pháp sư giảng Kinh rất hay mà người nghe không thích, sau gặp một vị Thánh Tăng bảo rằng: Nhà ngươi vì thiếu phúc đức, từ nay nên tu phúc đức, làm nhiều việc lợi tha. Pháp sư ấy y theo lời dạy thực hành,

về sau thuyết pháp quả rất được nhiều người nghe. Vì thế, thiết tưởng ở đời ai muốn thành tựu được đại nghiệp, ắt cần phải tu bồi nhiều phúc đức, tu tập mười Thiện hạnh lợi mình lợi người.

B. GIẢI THÍCH ĐỀ KINH VÀ ĐỀ DỊCH

1. GIẢI THÍCH ĐỀ KINH

Đại khái giáo điển Đạo Phật chia làm ba tạng: Kinh, Luật và Luận. Đây thuộc về Kinh tạng.

Như trước đã nói, Kinh là Khế Kinh. Nghĩa là những lời giáo huấn của Đức Phật lúc nào cũng hợp lý, hợp cơ, không thể đổi dời. Kinh này do Phật nói ra nên gọi là Phật thuyết. Phật đây chính là Ứng thân Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giáng sanh ở Trung Ấn Độ, đầy đủ vô lượng công đức cứu cánh viên mãn đồng với hư không, khắp cùng pháp giới, ai cũng tôn kính. Thích Ca là họ Ngài, Trung Hoa dịch là Năng Nhân. Mâu Ni là tên Ngài, Trung Hoa dịch là Tịch Mặc, y theo bản nguyện, thuận với căn cơ chúng sanh mà khai thị tế độ nên nói ra Kinh này và lấy tên là THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO KINH. Mười điều thiện sẽ giảng ở Kinh văn. Chữ NGHIỆP tức là hành vi, là những hành vi về đạo đức học, về luân lý học. Theo Phật pháp có thể gọi nó là THIỆN HÀNH HỌC. Muốn định nghĩa chữ THIỆN NGHIỆP cần phải căn cứ vào những hành vi đối với không gian có lợi ích cả mình lẫn người. Trái lại, nếu chỉ biết lợi mình, không nghĩ đến kẻ khác hoặc là tham lợi trước mắt, chẳng nghĩ hại về sau, đều thuộc về ác nghiệp cả. Lấy

mục đích lợi tha Thiện nghiệp làm lợi ích cho đại chúng, kết quả cả mình và người đều lợi. Lấy mục đích hại tha ác nghiệp làm tổn não đại chúng, kết quả người và mình đều hại. Nội dung của thiện ác đại khái là như thế. ĐẠO là con đường đi, có nghĩa là thông suốt. Thập Thiện Nghiệp là con đường bằng phẳng sáng suốt, chẳng phải như thập ác nghiệp là con đường tối tăm nguy hiểm. Nếu ai đi trên con đường Thập Thiện Nghiệp chắc chắn gần, thì đến được Lạc quả nhân thiên, xa thì đến được Thánh quả Tam thừa. Cho nên gọi là Thập Thiện Nghiệp Đạo.

II. GIẢI THÍCH ĐỀ DỊCH

Kinh này Phật nói dưới Long cung chép bằng Phạm văn. Đời nhà Đường, Ngài Thiệt Xoa Nan Đà nước Vu Điền dịch ra văn Trung Hoa. Nước Vu Điền tức là tỉnh Tân Cương bây giờ, về đời Đường chưa thuộc về bản đồ Trung Quốc. Ngài thông cả Tam tạng, đã từng dịch Kinh Bát Thập Hoa Nghiêm. Đồng thời cũng có Ngài Nghĩa Tịnh Tam Tạng Pháp Sư dịch Kinh này và lấy tên là THUYẾT HẢI LONG CUNG ĐẠI TẠNG KINH. Do đó, ta có thể tin chắc Kinh này đối với lịch sử đúng sự thật do Phạm văn dịch lại.

* .

* *

BÀI I

A. 證信分

如是我聞，一時佛在
 娑竭羅龍宮，與八千
 大比丘眾，三萬二千
 菩薩摩訶薩俱。

DỊCH NGHĨA

A. PHÂN CHỨNG TÍN

Tôi nghe như vậy, một thuở nọ Phật ở tại Long Cung Ta Kiệt La, cùng tám ngàn chúng Đại Tỷ-kheo, ba vạn hai ngàn các vị Đại Bồ Tát đồng tụ hội.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói sáu món chứng tín, để cho chúng sanh tin thọ. Sáu món chứng tín là:

1. Tín thành tựu : Như vậy
2. Văn thành tựu : Tôi nghe
3. Thời thành tựu : Một thuở

4. Chủ thành tựu : Phật
5. Xứ thành tựu : Long cung
6. Chúng thành tựu : 8 ngàn Tỳ-kheo,
3 vạn 2 ngàn Bồ Tát.

GIẢI THÍCH

Đoạn văn này là phần mở đầu, phần tựa, cũng gọi là phần Chứng Tín. Dẫn sáu bằng chứng để làm tin cho Kinh này: Ai nói? Ai nghe? Nói lúc nào? Nói tại đâu? Vì ai mà nói? Đây là lời Ngài A Nan khi kết tập kinh điển ghi để vào.

Như vậy : Chính là chỉ Kinh này.

Tôi nghe : Ngài A Nan tự xưng, nghĩa là chính Ngài được nghe Phật nói chớ không phải bịa đặt hay nghe người khác nói lại.

Một thuở : Thời gian thích hợp Phật cần để nói Kinh này, người nói và người nghe đều được ý hiệp. Ở đây sử dĩ không ghi năm, tháng, ngày, giờ là vì mỗi quốc độ niên lịch khác nhau nên không cần ghi rõ.

Long cung : Chính chỗ Phật nói Kinh này.

Phật : Chỉ Đức Thích Ca Mâu Ni. Ngài là Giáo chủ đời hiện tại, chính Ngài nói Kinh này.

Ta Kiệt La : Trung Hoa dịch là “Hàm hải”, ở dưới biển nước mặn có cung điện Long vương, chúa của loài rồng ở đó.

Trong Kinh Phật thường nói đến loài rồng cùng với loài rồng mà thông thường người ta nói có thể

làm mây làm mưa được có khác. Theo trong Kinh Phật nói, loài rồng có: Thiên long, Không long, Lục long, Hải long. Ở đây chính là loài Hải long.

Người ta cho rằng: Long là một loài động vật có đủ Thần thông biến hóa. Các nhà động vật học khảo cứu các loài động vật ở trên lục địa về thời cổ, cũng thừa nhận là có loài long. Người ta còn cho rằng: Có một thời kỳ loài long đã làm chủ nhân ông của loài người. Hiện nay ở Phi châu, thỉnh thoảng người ta còn tìm thấy một vài di tích của loài long ở trên cạn, nên chúng ta tin chắc có loài long. Nhưng chỉ vì loài long phần nhiều hoặc ở giữa hư không hoặc dưới đáy biển, toàn là những nơi mà năng lực loài người chưa đi đến, cho nên không thể nào trực tiếp biết được.

Đức Phật và chúng Thanh Văn đại đệ tử của Phật khi xưa có năng lực tùy loại thuyết pháp, nên chỗ thuyết pháp của Phật thường thường hoặc là Thiên cung, hoặc là Long cung, hoặc là Nhân gian, hoặc trong Thiên đình. Kinh này Đức Phật nói tại Long cung của Ta Kiệt La, đồng thời có tám ngàn chúng Đại Tỳ-kheo và ba vạn hai ngàn các vị Đại Bồ Tát ở khắp mười phương đều đến dự thỉnh.

Có pháp chúng đồng nghe đồng nhiều như thế, đủ để chúng ta tin thọ hành trì.

BÀI II

B) 正說分

I- 明世出世業果

1- 就因明果

爾時世尊告龍王言
 : 一切眾生心異故
 , 造業亦異, 由是故
 有諸趣輪轉。

2- 即果明因

龍王! 汝見此會及
 大海中, 形色是善業
 別不耶? 心造善業
 靡不, 語業, 意業
 所
 致
 。

DỊCH NGHĨA

B. PHẦN CHÁNH THUYẾT

I- NGHIỆP QUẢ THẾ GIAN XUẤT THẾ GIAN

1- TỪ NƠI NHÂN MÀ NÓI QUẢ

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Long Vương rằng: “Tất cả chúng sanh vì tâm tưởng khác nhau nên tạo nghiệp khác nhau, do đó nên có sự lưu chuyển các thú.

2- TỪ NƠI QUẢ MÀ NÓI RÕ NHÂN

“Này Long Vương! Nhà người có thấy ở trong hội này và các loài ở trong đại hải, hình sắc chủng loại, mỗi mỗi khác nhau không? Tất cả như thế ấy đều do tâm tạo thiện hay bất thiện nơi thân, ngữ và ý nghiệp mà gây ra”.

GIẢNG NGHĨA

Bấy giờ : Chỉ thời gian thuyết pháp.

Thế Tôn : Chỉ Đức Phật (một trong 10 hiệu: 1. Như Lai, 2. Ứng Cúng, 3. Chánh Biến Tri, 4. Minh Hạnh Túc, 5. Thiện Thệ, 6. Thế Gian Giải, 7. Vô Thượng Sĩ, 8. Điều Ngự Trượng Phu, 9. Thiên Nhân Sư, 10. Phật Thế Tôn. Nếu khai Phật và Thế Tôn ra thì thành 11 hiệu; ở trong Luận Thành Thật lại hiệp Vô Thượng Sĩ và Điều Ngự Trượng Phu làm một thì

dúng là mười hiệu). Vì ở đời ai cũng tôn xưng nên gọi là Thế Tôn.

Long Vương : Chỉ cho vị chúa tể ở Long cung.

ĐẠI Ý

Văn trên Phật nói nghiệp quả thế và xuất thế gian. Gồm có năm đoạn. Bài này có hai đoạn:

1. Căn cứ vào nhân mà nói đến kết quả.
2. Ngay nơi quả mà Phật chỉ rõ nguyên nhân.

GIẢI THÍCH

Tâm là Tâm vương, Tướng là 51 món Tâm sở. Tâm vương, Tâm sở của chúng sanh trong Tam giới, Cửu địa, Ngũ thú, Tứ sanh không đồng nhau, nên hành vi có sai biệt, do đó mà quả báo cũng không đồng. Vì thế mà trên khuôn mặt của mỗi người không ai giống ai cả.

Ta nên biết rằng : Thân hành động, miệng nói năng, ý suy nghĩ đều do Tâm làm chủ; nên người ta thường bảo: “Hễ trong tâm thế nào thì hiện ra hành vi thế nấy”. Nếu hành động mà không dụng công của tâm thì không thành thiện ác. Hiện nay các nhà Luân lý học cũng đều thừa nhận như thế. Do vì tâm tướng không đồng nên hành vi tạo tác cũng không đồng, thành ra có nghiệp quả lưu chuyển trong năm thú khác nhau. Đoạn này là căn cứ nơi nhân mà nói rõ quả.

Qua đoạn thứ nhì, Phật bảo Long Vương hãy chăm chú nghe: Các loài tôm cá ở trong biển, hình sắc, chủng loại không đồng, quả báo cũng không đồng đều do tâm tưởng và hành vi không đồng gây ra. Chỗ xuất hiện của hành vi là thân, khẩu và ý đều có thiện và ác, nên sanh ra sự sai biệt. Đoạn này là đem quả báo để chỉ rõ nguyên nhân.

*

* *

BÀI III

3. 舉因相明

取起。同者議善界者
 見集所不作思修處見
 可法我現有不應蘊，
 不諸我所無皆。生正
 色妄無業中法幻已所端
 無虛主隨於切如知是悉
 心是無各實一性者以皆。
 而但竟雖而故自智，厭
 畢，，，業等無

DỊCH NGHĨA

3- NÓI RÕ VỀ TƯỚNG CỦA NHÂN

Tâm không hình sắc, không thể thấy được, chỉ do các pháp hư vọng hiệp lại mà khởi, rốt ráo không có chủ thể, không có ngã và ngã sở.

Tuy đều theo nghiệp hiện ra không đồng, mà thật trong ấy không có ai là tác giả, nên tất cả các Pháp tự tánh như huyễn đều không thể nghĩ bàn.

Kẻ trí biết thế rồi, nên tu Thiện nghiệp, nhờ vậy sanh ra uẩn, xứ, giới v.v... đều được đoan chánh, người trông không chán.

GIẢNG NGHĨA

Uẩn : Ngũ uẩn : Sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Xứ : Thập nhị xứ : Sáu căn : Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn, và Sáu trần : Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần.

Giới : Thập bát giới : Sáu căn, sáu trần và sáu thức.

Ba món trên này là yếu tố tạo thành thân căn và thế giới.

ĐẠI Ý

Đoạn này Đức Phật nói rõ tướng trạng của nhân. Gồm có ba phần:

1. Phải quán tâm là vô sanh.

2. Quán các pháp như huyễn.
3. Khuyên nên tu học.

GIẢI THÍCH

Đoạn thứ nhất : Đức Phật nói tâm chỉ có danh từ mà không có hình sắc. Mắt không thể thấy được, tay không nắm được, chỉ vì vô thủy đến giờ gom góp các pháp hư huyễn mà sanh khởi ra sự phân biệt, huân thành chủng tử rồi khởi ra hiện hành. Ba cõi này đều do phân biệt giả dối mà hiện khởi ra, rốt ráo không có chủ thể, cũng không thể chỉ cái nào là Ngã và Ngã sở. Nếu ai chấp tâm ấy có chủ thể tức là thuộc về tà kiến (đoạn kiến và thường kiến) của ngoại đạo.

Đoạn thứ hai : Phật nói phải biết rằng, các pháp giả dối tức là chỉ cho các pháp tạo thành thân căn, thế giới như năm uẩn và bốn đại v.v... các pháp ấy như định không ai tạo thành, chỉ do nghiệp lực hiện khởi mà thôi. Nghiệp lại do tâm tạo, tâm lại do các pháp mà sanh khởi, lần lượt nương nhau như huyễn, như hóa, sanh diệt, vô thường không có gì là chắc chắn trường tồn. Vì không thể luận bàn và suy cứu nên gọi là “Bất tư nghì”.

Ngày xưa có ngoại đạo chấp rằng: Vạn vật do vị Đại Tự Tại Thiên tạo thành, ngày nay thì Gia Tô giáo cũng cho rằng: Tất cả đều do Thượng Đế tạo ra và làm chúa tể. Đối với Phật giáo, nếu nói như thế đều là vọng chấp sai lầm. Theo Đạo Phật thì tất cả quả báo khổ hay vui đều do 10 nghiệp thiện hay bất

thiện mà thôi, nhưng phải biết tự tánh của nghiệp quả là hư huyễn, vì do nhân duyên cấu hợp, sanh diệt vô thường. Như trong Kinh Bát Nhã nói về Chơn không; Pháp tướng Duy thức nói về giả hữu, thật là bao trùm không sót vậy.

Đoạn thứ ba : Đã biết nghiệp tánh không phải nhứt định, thế giới cũng không phải là vật chết hẳn một bề. Các pháp đều là hư huyễn, không chủ tử, cho nên cần phải chuyên tu Thiện nghiệp, dứt trừ ác nghiệp để tạo nên thế giới và thân tướng trang nghiêm, khiến chúng sanh trông thấy thì sanh lòng hoan hỷ ngưỡng mộ.

*

* *

BÀI IV

4-舉果相證

龍王！汝觀佛身，
 從百千億福德所生，
 諸相莊嚴；光顯曜
 蔽在梵王，設悉不復
 自，其有瞻目眩。如來
 汝又觀此諸大菩薩
 妙色習嚴善淨業，福
 修習善淨業，福
 由。

又 諸 天 龍 八 部 眾 等
 , 大 威 勢 者 , 亦 因 善
 業 福 德 所 生 。

今 大 海 中 所 有 眾 生
 , 形 色 , 麤 鄙 , 或 大
 或 小 , 皆 由 自 心 種 種
 想 念 作 身 語 意 諸 不 善
 業 , 是 故 隨 業 , 各 自
 受 報 。

DỊCH NGHĨA

4- ĐEM TƯỚNG CỦA NGHIỆP QUẢ ĐỂ CHỨNG MINH

Này Long Vương ! Người xem thân Phật do trăm ngàn ức phước đức mà sanh ra, các tướng trang nghiêm, ánh quang sáng chói che cả đại chúng, dù vô lượng ức các vị Tự Tại, Phạm Vương đều không thể hiển hiện được. Những ai chiêm ngưỡng thân của Như Lai, không ai là chẳng chóa mắt.

Người lại xem các vị Đại Bồ Tát đây, diệu sắc trang nghiêm, tất cả đều do tu tập phước đức thiện

nghiệp mà sanh ra.

Lại nữa, các hàng Thiên Long Bát bộ, thấy có oai thế lớn lao, cũng nhân phúc đức của Thiện nghiệp mà sanh.

Nay đây, các chúng sanh ở trong đại hải, hình sắc thô xấu, hoặc lớn hoặc nhỏ đều do hết thấy tướng niệm của tự tâm gây ra bởi thân, ngữ, ý các nghiệp bất thiện, nên tùy theo chỗ gây nghiệp mà thọ quả báo.

ĐẠI Ý

Đoạn này Đức Phật đem tướng nghiệp quả của Phật, Bồ Tát, hàng Thiên Long, Bát bộ và các loài thủy tộc để chứng minh.

GIẢI THÍCH

Thân Phật là do trăm ngàn muôn ức phúc đức, trí huệ sanh ra, cho nên có 32 tướng tốt, trăm phước trang nghiêm, hào quang chói rạng; hàng chư Thiên, Long vương tuy cũng đều có hào quang sáng suốt, nhưng một khi trông thấy hào quang của Phật không thể nào hiện ra được. Ở trong các cảnh Trời, hào quang sáng như là cảnh Đại Tự Tại Thiên và Phạm Vương Thiên, nhưng đều không sánh kịp với hào quang của Phật.

Sắc tướng tốt đẹp, hào quang sáng suốt của hàng Bồ Tát cũng đều do tu tập phúc đức Thiện nghiệp mà thành.

Thiên Long, Bát bộ và A-tu-la. Các loài ấy sở dĩ có oai thế cũng đều do nhân tu tập một ít phúc đức Thiện nghiệp. Cho nên muốn được hưởng cảnh giới an vui tốt đẹp, cần nhất chúng ta phải vun trồng phúc đức Thiện nghiệp.

Còn như các loài cá, trạch, tôm, hến ở biển hoặc lớn, hoặc nhỏ, hình sắc thô xấu, tanh hôi đều bởi tướng niệm không đồng của tự tâm, phát ra nơi thân, ngũ, ý những nghiệp không lành cho nên phải chịu báo thân xấu xa như vậy.

Ba đoạn trên căn cứ vào quả báo các nghiệp lành mà nói, còn đoạn dưới là đem các quả báo ác nghiệp để chứng minh.

*

* *

BÀI V

5- 結 勸 修 學

汝 今 常 應 如 是 修 學
 , 亦 令 眾 生 了 達 因 果
 , 修 習 善 業 。 汝 當 因
 此 正 見 不 動 , 勿 復 墮
 在 斷 常 見 中 ! 於 諸 福
 田 歡 喜 敬 養 , 是 故 汝
 等 亦 得 人 天 尊 敬 供 養
 。

DỊCH NGHĨA

5- KHUYẾN TU HỌC

Người nay thường nên như thế mà tu học, cũng khiến cho chúng sanh rõ thấu nhân quả, tu tập Thiện nghiệp. Người nên y đây chánh kiến bất động, lại chớ dựa vào trong tà kiến đoạn thường. Đối với những bậc phước điền hoan hỷ cung kính

cúng dường, như thế các người cũng được Nhơn, Thiên tôn trọng cung kính cúng dường.

GIẢNG NGHĨA

Phước điền : Những đám ruộng có thể gieo trồng phước đức (lời dụ). Có 3 thứ:

- 1) Kinh điền: Đối với Phật và Bồ Tát nên cung kính cúng dường sẽ được phước.
- 2) Ân điền: Đối với những bậc như cha mẹ, thầy bạn rất có ân với mình, nếu hiếu thuận cúng dường sẽ được phước lớn.
- 3) Bi điền: Đối với chúng sanh khổ não, thương xót cứu giúp thì sẽ được phước đức.

ĐẠI Ý

Đoạn này Phật khuyên chúng sanh nên y theo Chánh pháp mà tu tập.

GIẢI THÍCH

Người tu hành cốt yếu là dùng chánh kiến, rõ thấu luật nhân quả mà tu tập Thiện nghiệp, không bị tà kiến rối loạn. Tà kiến tức là chấp đoạn, chấp thường.

Chấp đoạn : Chấp rằng ở đời chẳng qua may rủi, thế giới chúng sanh chỉ do vật chất cấu tạo, khi chết là hết, nên không tin nhân quả, buông lung làm ác, chẳng sợ nghiệp báo về sau.

Chấp thường : Chấp sự vật đều là thường còn như định. Như chấp rằng : hễ người thì đời đời kiếp kiếp

là người; trâu, ngựa thì đời đời kiếp kiếp là trâu, ngựa; gây nghiệp lành dữ chẳng có can hệ gì đến sự khổ vui của thân này hay thân khác. Vì tà kiến ấy mà không tin nhân quả, tha hồ làm điều tội ác.

Nay muốn chuyên tu Thiện nghiệp chẳng lạc vào tà kiến thì cần phải quan sát: thân là vô thường, tâm không chủ tử, các pháp đều như huyễn như hóa. Tùy tâm tạo nghiệp gì thì theo nghiệp ấy mà thọ quả báo. Có thể mới gọi là hiểu rõ được chơn tướng của nhân quả. Và đối với ba thứ phúc điền nên vui vẻ cúng dường thì sẽ được những lạc quả, Nhân Thiên tôn kính cúng dường.

*

* *

BÀI VI

II. 正明十善業道

1. 顯善法用

薩一切為念令，雜永常及
 菩一等常，長間惡，薩
 ！斷何夜法增善諸滿菩
 知能。晝善念不令圓佛
 當，苦於察念分能法諸。
 王法道謂觀法毫即善近眾
 龍一惡？惟善容是，親聖
 有諸一思諸不，斷得餘

2) 釋善法名

言善法者：謂人天
身，聲聞菩提，獨覺
菩提，無上菩提，皆得
依此法以為根本而得
成就，故名善法。

DỊCH NGHĨA

II. CHÁNH THUYẾT MINH THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO

1. HIỂN BÀY CÔNG DỤNG CỦA THIÊN PHÁP

Long Vương nên biết ! Bồ Tát có một pháp có thể dứt tất cả các khổ ác đạo. Thế nào là một? - Nghĩa là ngày đêm thường nhớ, suy nghĩ quán sát pháp lành, làm cho các pháp lành mỗi niệm mỗi tăng trưởng, không để một mảy may bất thiện xen lẫn vào, tức là hay khiến cho các ác pháp hằng dứt, thiện pháp viên mãn, thường được gần gũi chư Phật, Bồ Tát và các Thánh chúng.

2. GIẢI THÍCH TÊN THIÊN PHÁP

Thiền Pháp là gì ? – Là thân của Người và Trời, Thanh Văn Bồ-đề, Độc Giác Bồ-đề, Vô-thượng Bồ-đề đều y pháp này làm căn bản mà được thành tựu, nên gọi là Thiền Pháp.

GIẢNG NGHĨA

Thanh Văn : Những vị ra đời gặp Phật, nghe Phật giảng pháp Tứ đế mà được ngộ Đạo (nghe tiếng tám thuyết pháp). Thanh Văn có chia làm 4 bậc :

1) *Tu Đà Hoàn* (Srotàpanna-phala, Baly: Stotàpanna-phala) : Trung Hoa dịch là : Nhập lưu, Dự lưu, Nghịch lưu. Quả này đã đoạn 88 món sử phiền não thuộc về kiến hoặc, được dự vào dòng chơn tánh của Thánh nhân, nên gọi là: “Nghịch dòng sanh tử thuận bờ Niết-bàn”, vị này còn phải 7 phen sanh tử nữa (mới chứng được quả A-la-hán) nên cũng gọi là Thất lai.

2) *Tu Đà Hàm* (Sakrdàgàmi) : Trung Hoa dịch là Nhứt lai. Đối trong 9 phẩm Tư hoặc ở cõi Dục đã đoạn 6 phẩm trước, còn lại 3 phẩm sau nên phải còn một phen sanh tử ở cõi Dục nữa mới dứt hết được.

3) *A Na Hàm* (Angàmi) : Dịch là Bất hoàn. Quả này đã đoạn được 9 phẩm Tư hoặc ở Dục giới nên không còn thọ sanh ở Dục giới nữa, nhưng còn 72 phẩm Tư hoặc trong tám địa của Sắc giới và Vô Sắc giới (tám địa tức là tám địa sau cùng trong cửu địa).

Cửu địa cũng là cửu hữu). Quả vị này chưa lìa hai cõi, còn phải tu định mới dứt được.

4) *A-la-hán* (Arahat): Dịch là Sát tặc, Vô sanh, Ứng cúng. Nghĩa là quả vị này đã giết hết giặc phiền não, không bao giờ còn thọ khổ sanh tử trong Tam giới nữa, đáng thọ sự cúng dường của Nhân, Thiên.

Độc Giác : Cũng gọi là Duyên Giác tức là Bích Chi Phật (Pratyekabuddha): cựu dịch là Bích Chi Phật hay Bích Chi Ca La; tân dịch là Bát Thích Ế Già Phật Đà (cựu dịch: Duyên Giác; tân dịch: Độc Giác). Duyên Giác: ra đời gặp Phật, theo lời Phật dạy quán 12 nhân duyên mà được ngộ Đạo. Độc Giác: Ra đời không gặp Phật, hoặc quán 12 nhân duyên, hoặc quán hoa rơi, lá rụng mà tự ngộ Đạo.

ĐẠI Ý

Đoạn này có chia làm hai phần :

- 1) Hiến bày công dụng của 10 món Thiện pháp.
- 2) Giải thích vì sao gọi 10 món này được tên là Thiện pháp.

GIẢI THÍCH

Thường thường nhớ nghĩ quán sát Thiện pháp thì tâm được thiện, tức là ác nghiệp không sanh; không gây ác nghiệp tức là không chịu quả báo. Như thế chuyên tâm quán sát chớ để cho một mảy may ác nghiệp chen vào, lần lần thiện pháp viên mãn. Thiện

pháp viên mãn thì được thân cận các hàng Đại Bồ Tát, bậc bạn với các bậc Thánh Hiền, sẽ cùng nhau chung ở cảnh giới trang nghiêm Cực Lạc.

Sở dĩ được tên Thiên pháp là vì thân của Nhơn đạo, Thiên đạo, năm phần Pháp thân của Thanh Văn Tiểu thừa (giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến), Pháp thân Bồ-đề của hàng Độc Giác Trung thừa và Pháp thân Vô Thượng Bồ-đề của Đại thừa, tất cả quả báo tốt đẹp an lạc của thế và xuất thế gian đều lấy 10 Pháp này làm căn bản, nên gọi là Thiên pháp.

*

* *

BÀI VII

3- 出善法相

此法即是十善業道
 ○ 何等為十？謂能永
 離殺生，偷盜，邪行
 ，妄語，兩舌，惡口
 ，綺語，貪欲，瞋恚
 ，邪見○

DỊCH NGHĨA

3- TRÌNH BÀY HÀNH TƯỚNG THIÊN PHÁP

Thiên Pháp đây tức là con đường mười Thiện nghiệp. Những gì là mười ? - Là hằng lià sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, vọng ngữ, hai lưỡi, ác khẩu, ý ngữ, tham dục, sân nhuế và tà kiến.

ĐẠI Ý

Đoạn này Đức Phật trình bày cho chúng ta biết qua hành tướng của 10 Thiên nghiệp.

GIẢI THÍCH

Căn bản thiện pháp thế và xuất thế gian tức là Thập Thiện Nghiệp Đạo, Thập Thiện nghiệp đạo chính là ở nơi thân mình chớ không phải tìm đâu xa. Nhờ con đường rộng rãi, sáng suốt này mà đến được lạc quả thế và xuất thế. Từ sát sanh cho đến tà kiến là mười ác nghiệp. Sở dĩ gọi là Thập thiện là căn cứ vào hai chữ “hằng lià”. Hai chữ “hằng lià” đây là cả một công phu chẳng dễ. Nếu như trong nhút thời lià sự sát sanh, sau vẫn làm việc sát; đời nay tuy có thể không sát, đến đời sau hoặc lại sát, như thế chẳng thể gọi là “hằng lià”. Cần yếu là từ đời này kiếp nọ đến tận vị lai kiếp cũng không còn mong nghĩ sự giết hại. Như thế chỉ có đến quả vị A-la-hán mới được gọi là “hằng lià”.

Sát sanh : Giết hại chúng sanh là dứt ngang mạng sống của kẻ khác. Tự mình cầm khí giới hoặc miệng mình sai bảo, hoặc thấy sự giết hại mà ý mình sanh hoan hỷ, cũng đều là nghiệp sát sanh cả. Mười nghiệp ác này căn cứ vào nội tâm ngoại cảnh và thời gian để phân biệt sự nặng nhẹ khác nhau. Nay đơn cử một nghiệp sát làm thí dụ. Từ trên động cơ nội tâm có thể chia làm ba hạng:

1. Vì tâm sân hận, biết mà cố sát thì tội rất nặng.
2. Tuy có sự sân hận khích động mà nội tâm ám muội, hoặc nội tâm tuy rõ ràng mà không sân hận là bậc trung.

3. Tâm không sân hận, không hiểu biết, giết lầm là tội rất nhẹ.

Đối với ngoại cảnh cũng có 3 hạng nặng nhẹ không đồng:

1. Như phá hủy thân Phật, giết hại các bậc Thánh nhân, A-la-hán, giết cha, mẹ và các người ân nhân là tội nặng nhưt.

2. Giết những người ngang hàng là bậc trung.

3. Giết các loài chúng sanh khác là tội nhẹ.

Đối với thời gian móng tâm giết hại cũng có nặng nhẹ khác nhau:

1. Như trước khi chưa giết có ý ưa vui với sự giết, sau khi giết vui vẻ không hối hận là nặng nhưt.

2. Nếu trước khi không móng ý giết, khi giết rồi sanh lòng hối hận là bậc trung.

3. Còn không có lòng sân hận giết lầm và sau khi giết ăn năn là tội nhẹ.

Muốn tránh xa nghiệp sát, cần phải y theo Giới, Định và Huệ thứ lớp mà tu tập, trước nương theo giới mà dứt nghiệp sát thô trọng ở nơi thân không làm sự giết hại, rồi tu thiền định làm tâm không móng khởi giết hại, nhưng chưa thể dứt hết được, nên cần phải tu huệ để dứt sạch chủng tử tập khí từ vô thủy đến nay. Như thế bao giờ đến Phật quả mới hoàn toàn dứt hẳn nghiệp sát.

Trộm cắp : Lấy sức mạnh cướp bóc của người, hoặc trộm lén lấy của người, hoặc bày phương kế xảo trá lừa gạt mà lấy của người, cho đến vô công ngồi hưởng, đều thuộc về trộm cắp cả. Nghiệp trộm cắp này tội nặng nhẹ cũng như nghiệp sát sanh trên kia. Tám nghiệp sau đây cũng có thể căn cứ vào lý mà phán đoán nặng nhẹ.

Tà hạnh : Tà hạnh tức chỉ sự dâm dục. Theo thế gian, việc vợ chồng chính thức phối hợp gọi là chánh hạnh, ngoài ra là tà. Đó chỉ nói về phần thô thiển. Nếu sâu hơn nữa thì tất cả chúng sanh trong Dục giới đều do dâm dục mà có tánh mạng, cho nên đối với cảnh ngũ dục sanh lòng say đắm đều thuộc về tà hạnh cả. Người tu hành thoát ly được Dục giới mới chế ngự được dâm dục và khi chứng được A-la-hán quả mới là cứu cánh ly dục.

Ba nghiệp trên thuộc về Thân nghiệp.

Vọng ngữ : Tức là lời nói dối trá, thấy nói không thấy, không thấy nói thấy, biết nói không biết, không biết nói biết, xấu nói tốt, tốt nói xấu cho đến có nói không, phải nói quấy v.v... dối trá không thật. Ở trong Phật pháp rất kỵ là đại vọng ngữ, nghĩa là tu hành chưa được mà tự xưng là được, chưa chứng mà tự nói là chứng. Nếu ai phạm đại vọng ngữ, quyết định sa về tà đạo, đọa lạc tam đồ, rất là nguy hiểm.

Bồ Tát tu hạnh lợi tha, gặp trường hợp đặc biệt có thể phương tiện nói dối như trong Kinh Bồ Tát Giới

đã chỉ rõ. Xa lánh vọng ngữ tức là phải chơn tu thật ngữ vậy.

Lưỡng thiệt : Tức là nói lời chia rẽ phản gián, đến người này nói xấu người kia, đến người kia nói xấu người này, xúi giục bà con bất hòa, thân tình thù oán. Xưa nay các nhà du thuyết đều thuộc về loại này cả. Thật là tai hại! Muốn xa lánh “lời nói ly gián” tức phải tu “lời nói hòa hiệp”.

Ác khẩu : Tức là lời nói thô tục, mắng nhiếc trù rửa... do chữ mắng mà đi đến đánh đập giết hại, nhỏ từ cá nhân, rộng đến gia đình, xã hội, cho đến quốc tế chiến tranh, sự tai hại cũng không phải nhỏ. Muốn xa lìa lời nói thô tục phải tu lời nói “nhu hòa”.

Ý ngữ : Tức là lời nói vô nghĩa lý, nghĩa là trau chuốt lời nói khiến cho người ta tán gia bại sản, là lời nói khiến người ta đi đến hầm tội lỗi. Xa lìa tánh ý ngữ tức là lời nói đúng nghĩa lý.

Bốn nghiệp trên là lời nói thuộc về ngữ nghiệp. Thông thường người ta bảo là khẩu nghiệp, nhưng khẩu nghiệp không hết nghĩa, vì miệng chỉ là một khí cụ của lời nói mà thôi, cho nên phải nói ngữ nghiệp mới hết ý.

Tham dục : Dục tức là những cảnh dục lạc ở đời, đối cảnh sanh lòng tham muốn nên gọi là tham dục. Tham dục là nhân cốt yếu của đường sanh tử nên phải đoạn tuyệt. Nhưng lòng tham dục không phải là xấu xa tội lỗi, nếu đối với thiện pháp mà sanh lòng tham muốn thực hành thì lại là một điều đáng quý.

Sân hận : Đối với cảnh vừa ý thì sanh lòng ưa thích, đối với cảnh trái ý thì lại sanh tâm giận tức. Lỗi của lòng sân hận không phải nhỏ. Kinh nói: *“Nhứt niệm sân tâm khởi, bách vạn chương môn khai”* (Tâm sân một niệm nổi lên, thì trăm ngàn cửa nghiệp chướng đều mở). Tuy nhiên, nghiệp sân này chỉ ở Dục giới, nếu tu tập Thiên định và Tứ vô lượng tâm thì sẽ tiêu dứt, nên cõi Sắc và Vô Sắc không còn sân hận.

Tà kiến : Thông thường gọi là ngu si, nhưng chữ ngu si không đủ nghĩa. Vì chữ ngu si là không hiểu lý lẽ. Đàng này có hiểu biết mà không hợp với chơn lý, không đúng với lẽ phải của Trung đạo, chỉ chấp chặt một bên mà cho đó là phải, nên nói là “tà kiến” mới sát nghĩa. Nay muốn xa lìa sự nhận thức sai lầm cần phải tu Thiên định, nhờ đó mà phát sanh trí huệ, tăng trưởng chánh kiến, đi đến quả Thiện viên mãn.

Ba nghiệp trên thuộc về Ý nghiệp.

*

* *

BÀI VIII

III- 明十善業功德

1- 明離殺生功德

龍王！若離殺生，
 即得成就十無起一切常遠所夢滅除，
 何等為普眾生永四壽命人無八自
 何眾常三氣五恒七快，眾
 諸，二心恚病六護，覺
 習。病。護。結
 無。怨。無

惡道怖。十，命終生
 天。是為十。若能迴
 向阿耨多羅三藐三菩
 提者，後成佛時，得
 佛隨心自在壽命

DỊCH NGHĨA

III- CÔNG ĐỨC CỦA MƯỜI THIÊN NGHIỆP

1- CÔNG ĐỨC XA LÌA NGHIỆP SÁT

Long Vương ! Nếu xa lìa sát sanh thời được thành tựu 10 pháp không còn bức nào. Những gì là mười ?

1. Đối với chúng sanh cùng khắp bố thí đức Vô úy.
2. Thường khởi lòng Đại từ đối với các chúng sanh.
3. Dứt sạch tất cả tập khí giận hờn.
4. Thân thường không bệnh.
5. Mệnh sống lâu dài.
6. Thường được phi nhơn (quỷ thần) ủng hộ.
7. Thường không ác mộng, thức ngủ an vui.
8. Diệt trừ oán nghiệp, oán thù tự giải.
9. Không sợ sa đường dữ.

10. Khi chết sanh lên cõi trời.

Ấy là mười công đức.

Nếu hồi hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sau khi thành Phật, được tùy tâm Phật, thọ mạng tự tại.

GIẢNG NGHĨA

Tập khí : Thói quen, cũng gọi là “chủng tử”: Tất cả những hành vi thiện ác từ vô thủy đến giờ luân chuyển phát khởi cũng như hạt giống gieo đi gặt lại không bao giờ dứt.

Phi nhân : Những loài hình dáng như người mà không phải người. Như loài quỷ thần.

Ác mộng : Chiêm bao thấy những điều dữ.

ĐẠI Ý

Đoạn này Phật dạy nếu ai xa lìa nghiệp sát sẽ được mười điều công đức.

GIẢI THÍCH

Muốn cứu cánh mười Thiện nghiệp, cần phải xa lìa hẳn mười ác nghiệp. Lìa được một ác nghiệp, tức là trừ bỏ được bao nhiêu phiền não, lại thành tựu được bao nhiêu công đức. Như xa lìa nghiệp sát sanh tức trừ bỏ tất cả các pháp hung ác, được đến cảnh giới an vui cõi Người cõi Trời, thường sanh khởi lòng Đại từ, dứt bỏ lòng sân hận, làm cho tất cả chúng sanh trông

thấy không sanh lòng sợ hãi; chính là đức bố thí Đại Vô úy. Như thế, sanh tiền sẽ được không bệnh, trường thọ, đêm ngày an vui, lại được hàng Phi nhơn: Thiên, Long, quỷ thần ủng hộ; khi chết không kinh sợ đọa lạc vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Xa lìa nghiệp sát sanh tức là tu hạnh Vô úy, lại được sanh về các cõi Trời. Nếu ai đem công đức này hồi hướng về quả Phật, thì sau khi thành Phật thọ mạng bao lâu tùy theo ý muốn của Phật. Nói đến Chơn thân của Phật thì bình đẳng như hư không, cùng khắp cả pháp giới, thọ mạng vô cùng tận, còn ở đây chỉ là nói Ứng thân ở đời hoặc dài hoặc ngắn bất định, theo cơ cảm của chúng sanh mà ở đời hay nhập diệt, đều từ Tâm tự tại, chứ không bị hoàn cảnh nghiệp lực bắt buộc. Như Đức Phật A Di Đà và Đức Phật Thích Ca vậy.

*

* *

BÀI IX

2-離偷盜功德

復次龍王！若離偷盜，
 盜法資及二人讚，命足意
 ，何盈愛多欺，不美六處無
 ○財非，不美六處無
 ○，眾力缺十
 得等積子人負五善無安
 龍得等積子人負五善無安
 十為積子人負五善無安
 王為積子人負五善無安
 ！十為積子人負五善無安
 若可？賊散○，憂布八辯常生
 離保一水滅三十損○，才懷天
 偷信，火○，方害七財具施○

是為十。若能迴向阿
耨多羅三藐三菩提者
，後成佛時得證清淨
大菩提智。

DỊCH NGHĨA

2- CÔNG ĐỨC XA LÌA TRỘM CẤP

Lại nữa Long Vương ! Nếu xa lìa trộm cắp thời được mười Pháp bảo tín. Những gì là mười ?

1. Giàu có của cải: Vua, giặc, nước, lửa và con hư không thể phá diệt.
2. Nhiều người thương mến.
3. Người không phụ gạt.
4. Mười phương khen ngợi.
5. Không lo tổn hại.
6. Tiếng tốt đồn khắp.
7. Ở trong đại chúng không hề sợ hãi.
8. Của cải, tánh mạng, hình sắc, sức lực, an vui, biện tài đầy đủ không thiếu.
9. Thường sẵn lòng bố thí.
10. Mạng chết sanh lên cõi trời. Ấy là mười.

Nếu ai hồi hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sau khi thành Phật, được chứng Trí thanh tịnh Đại Bồ-đề.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói nếu ai xa lìa trộm cướp chẳng những được mười Pháp bảo tín mà còn được Trí Đại Bồ-đề thanh tịnh, nếu chúng ta biết hồi hướng về quả vị Phật.

GIẢI THÍCH

Cửa cải ở đời có năm việc làm tiêu tan nghèo khổ: vua dữ, giặc cướp, nước trôi, lửa cháy và con hư phá tán. Nếu ai xa tránh được trộm cắp tức là thường được quả báo tốt: cửa cải giàu có, không bị năm việc trên phá hại, lại được tiếng tốt đồn khắp, biện tài vô ngại, được mọi người thương mến khen ngợi, không bị ai dối lừa, khi chết được sanh lên cõi Trời. Nếu phát tâm đem công đức ấy hướng về quả Phật, sau khi thành Phật chúng được Trí thanh tịnh Đại Bồ-đề.

*

* *

BÀI X

3) 明離邪行功德

復次龍王！若離邪
 行，即得四種智所讚
 法。何等為四？一，
 諸根調順。二，永離
 諠掉。三，世所稱讚
 。四，妻莫能侵。是
 為四。若莫能迴向阿
 多羅三藐三得佛丈
 後成佛時得佛丈夫
 密藏相。

DỊCH NGHĨA

3- CÔNG ĐỨC XA LÌA TÀ HẠNH (TÀ DÂM)

Lại nữa Long Vương ! Nếu xa lìa tà hạnh thì được bốn Pháp kể trí ngợi khen. Những gì là bốn ?

1. Các căn điều thuận.
2. Xa lìa rộn ràng.
3. Được đời khen ngợi.
4. Vợ (hay chồng) không ai xâm phạm. Ấy là bốn.

Nếu ai hồi hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sau khi thành Phật, được tướng Trượng phu ẩn mật tàng của Phật.

GIẢNG NGHĨA

Các căn : chỉ cho sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Điều thuận : Hòa thuận, không trái nghịch nhau.

Rộn ràng : Không yên tĩnh trong tâm.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Nếu xa lìa tà hạnh chẳng những được bốn pháp kể trí ngợi khen mà còn được tướng Trượng phu ẩn mật tàng của Phật, nếu ta đem công đức ấy hướng về Phật quả.

GIẢI THÍCH

Nếu người tu hành xa lìa tà hạnh là được thân tâm thanh tịnh, vợ chồng trinh bạch, không bị người ngoài xâm phạm. Nếu hồi hướng về quả Phật, tức được tướng Phật ẩn mật Đại Trượng phu (một trong ba mươi hai tướng, tức là tướng mã âm tàng).

*

* *

BÀI XI

4) 明離妄語功德

復次龍王！若離妄
 語，即得八種天所讚
 法。○常何等淨優鉢
 口，為諸世發言成，
 二，三敬愛慰樂言。
 伏○天語勝六歡
 人愛得。○常
 愛得。○常
 以，淨心尊
 信，以，淨心尊
 證常五清，言
 常五清，言
 業失發
 生三誤，
 眾，無七
 愛慰樂言。

重，人天奉行。八，
 智慧殊勝無能制伏。
 是為八。若能迴向阿
 耨多羅三藐三菩提者
 ，後成佛時，即得如
 來真實語。

DỊCH NGHĨA

4. CÔNG ĐỨC XA LÌA VỌNG NGŨ

Lại nữa Long Vương ! Nếu xa lìa vọng ngữ thì được tám Pháp trời khen ngợi. Những gì là tám?

1. Miệng thường thanh tịnh, thơm mùi hoa ưu bát.

2. Được người đời tín phục.

3. Mở lời thành chứng, Như Thiên kính mến.

4. Thường đem lời êm dịu an ủi chúng sanh.

5. Được ý vui thù thắng, ba nghiệp thanh tịnh.

6. Nói không sai lầm, lòng thường hoan hỷ.

7. Mở lời tôn trọng, Như Thiên vâng làm.

8. Trí huệ thù thắng, không ai chế phục.

Ấy là tám công đức về hạnh không nói dối. Nếu ai hồi hướng về đạo Vô Thượng Bồ-đề, sau khi thành Phật được chơn thật ngữ của Như Lai.

GIẢNG NGHĨA

Hoa Ưu Bát : Tức là hoa sen xanh, một thứ hoa có hương vị thanh cao, dịu dàng. Hoa này cũng gọi hoa Ưu Bát La (Utpala) hay nói đủ hơn là Ni-la Ưu-bát-la (Nila-Utpala).

ĐẠI Ý

Đoạn này nói, ai xa lìa được vọng ngữ chẳng những được tám Pháp công đức mà còn được chơn thật ngữ của Như Lai, nếu biết đem công đức này hồi hướng về Phật quả.

GIẢI THÍCH

Nếu chúng sanh xa lìa được lời dối trá, thời được quả báo trong miệng thường thơm mùi hoa sen xanh. Nói lời chắc thật, không sai lầm. Ai nghe cũng khởi lòng tin, lại hay đem lời dịu ngọt an ủi chúng sanh khiến cho tôn trọng vâng làm, được Trời và Người kính mến, trí huệ thường sáng suốt, được Vô ngại biện tài. Nếu ai đem công đức này hồi hướng về quả Phật, thì khi thành Phật, được quả “Như Lai chơn thật ngữ”.

*

* *

BÀI XII

5. 明離兩舌功德

復次龍王！若離兩舌，即得五種不可壞法。○何等為五？一、無能害屬，故不修壞。○二、破得，不四修壞。○三、順本業行，所不故。○四、堅固，故不故。○五、不若，能迴向阿

耨多羅三藐三菩提者
 ， 後成佛時，得正眷
 屬，諸魔外道不能沮
 壞。○

DỊCH NGHĨA

5- CÔNG ĐỨC XA LÌA NGHIỆP HAI LƯỠI

Lại nữa Long Vương ! Nếu xa lìa nghiệp hai lưỡi, thì được năm Pháp không thể phá hoại. Những gì là năm ?

1. Được thân bất hoại, không ai hại được.
2. Được bà con bất hoại, không ai phá hại.
3. Được lòng tin bất hoại, thuận theo bản nghiệp.
4. Được Pháp hạnh bất hoại, chỗ tu kiên cố.
5. Được Thiện tri thức bất hoại, không dối lừa nhau.

Ấy là năm Pháp bất hoại.

Nếu ai hồi hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, sau khi thành Phật, được quyến thuộc chơn chánh, các ma ngoại đạo không thể phá hoại.

GIẢNG NGHĨA

Bản nghiệp : Việc làm theo chí nguyện của mình.

Pháp hạnh : Hạnh nghiệp trong Phật pháp.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Người xa lìa nghiệp hai lối chẳng những được năm Pháp bất hoại mà còn được quyển thuộc chơn chánh trong quả vị Phật sau này.

GIẢI THÍCH

Hai lối rất dễ phá hoại công việc của người khác. Nếu ai giữ gìn không phạm nghiệp hai lối, không nói lời chia rẽ, thì sẽ được quả tốt: tự thân, bà con, lòng tin pháp tu hành, Thiện tri thức, năm món công đức ấy không ai có thể phá hoại được. Nếu ta đem công đức ấy hồi hướng quả vị Vô Thượng Bồ-đề, thì sau khi thành Phật, được các hàng Bồ Tát làm quyển thuộc, chúng ma vương ngoại đạo không thể phá hoại được.

*

* *

BÀI XIII

6) 明離惡口功德

惡業言利。則譏是耨，來
 離淨，皆理。五言可。阿者如
 若種一言契。六言無樂向提足
 ！八？必妙。言愛迴菩具
 王就八二言美。七言若藐時相
 龍成為。詞領。言若藐時相
 次得等度三言承。三佛聲
 復即何乖。三言承。三佛聲
 口。不益四言信。為多後梵

DỊCH NGHĨA**6- CÔNG ĐỨC XA LÌA NGHIỆP ÁC KHẨU**

Lại nữa Long Vương ! Nếu xa lìa ác khẩu thì được thành tựu tám món tịnh nghiệp. Những gì là tám ?

1. Lời nói không trái pháp độ.
2. Lời nói có ích lợi.
3. Lời nói quyết hợp lý.
4. Lời nói đẹp đẽ.
5. Lời nói thừa lãnh được.
6. Lời nói được tín dụng.
7. Lời nói không thể chê.
8. Lời nói được ưa thích.

Ấy là tám món tịnh nghiệp. Nếu ai hồi hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sau khi thành Phật, đầy đủ Phạm âm thanh tướng của Như Lai.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Người xa lìa ác khẩu sẽ được tám món tịnh nghiệp, và nếu biết hướng về quả Phật thì sẽ được Phạm âm thanh tướng của Như Lai.

GIẢI THÍCH

Nếu xa lìa lời nói thô ác, tức thời thành tựu tám món tịnh nghiệp: Lời nói không trái pháp độ, khi nào

cũng nói lời có lợi ích, không nói thì thôi, hễ nói thì hợp lý. Lời nói nghe rất đẹp đẽ. Nói lời gì cũng được người lãnh thọ. Lời nói ai cũng tín dụng. Lời nói không bị chê bai. Nói ra thì người ưa thích vui vẻ. Nếu đem công đức này hồi hướng về đạo Vô Thượng Bồ-đề, sau khi thành Phật sẽ đầy đủ Phạm âm thanh tướng (Phạm âm là tiếng nói trong diệu, lạnh lạnh, ấy là một trong ba mươi hai tướng tốt của Phật).

*

* *

BÀI XIV

7. 明離綺語功德

復次龍王！若離綺語，即得成就三種決定。何等為三？一，定為智人所愛。二，定能以智如實答問。三，定於人天威德最為勝，無有虛妄。是為多三。○若能有迴向阿耨羅三藐三菩提者，後成佛時，得如來所授記。皆不唐捐。

DỊCH NGHĨA**7- CÔNG ĐỨC XA LÌA Ỡ NGŨ (NÓI THÊU DỆT)**

Lại nữa Long Vương ! Nếu xa lìa ỡ ngữ, thì thành tựu được ba món quyết định. Những gì là ba ?

1) Quyết định được người trí ưa thích.

2) Quyết định có thể dùng trí như thật, đáp các lời hỏi.

3) Quyết định có oai đức tối thắng đối với nhân thiên, không hư vọng.

Ấy là ba món quyết định. Nếu đem hồi hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sau khi thành Phật, được Như Lai thọ ký chẳng có luống dối.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Nếu xa lìa ỡ ngữ sẽ được ba món quyết định và nếu biết đem công đức này hồi hướng về quả Phật, thì sẽ được Phật thọ ký.

GIẢI THÍCH

Nếu xa lìa sự trau chuốt lời nói, câu văn, thêu dệt xảo trá thì được ba món quyết định:

1) Được người trí yêu mến. Vì ỡ ngữ là lời nói thêu dệt, vô nghĩa lý, chỉ có thể lừa dối người ngu si, chứ người trí nghe lừa dối phải nhàm chán. Nay xa lìa nghiệp ỡ ngữ, cố nhiên được người trí yêu mến.

2) Hay đem trí như thật mà đáp lời các người hỏi, lời đáp ấy phải như sự thật, mới giải được sự ngờ vực.

3) Quyết định ở cõi Nhơn Thiên nào, oai đức cũng thù thắng hơn người không hư vọng. Nghĩa là nói đúng với sự thật, tức là đại hùng biện hơn hết. Nói năng muốn tránh nghiệp ỷ ngữ bao giờ cũng căn cứ vào chơn lý thành thật mà nói, nên ai nghe đến cũng phải cảm phục oai đức. Nếu đem công đức ấy hồi hướng về quả Vô Thượng Bồ-đề, thì khi thành Phật được công đức Như Lai thọ ký, đều đúng như lời, không giả dối. Thọ ký là một công đức của Phật thường đối với hàng đệ tử dạy những lời thọ ký: bao giờ sẽ thành Phật, hoặc bao giờ sẽ đọa địa ngục và những sự kiết hung họa phước v.v... đều đúng như lời nói, không sai lầm. Nhưng đó là do sự hiểu biết đúng thật, như sự thật ấy mà nói ra, chứ không phải chủ thể thưởng phạt như người tin vào Thượng Đế. Chẳng lường dối, nghĩa là không phải nói suông.

*

* *

BÀI XV

8. 明 離 貪 欲 功 德

貪在三故一，欲王皆之殊
 離自，足，三所，物獲倍
 若種一具在。心四妙所百
 ！五？根自故隨。奇，求
 王就五諸物奪，故珍五所
 龍成為，財不在備，。本
 次得等在，賊自皆在故過
 復即何自二怨德物自獻，
 欲。業。切福，位奉物，

勝，由於昔時不慳嫉
 故。是為五。若能迴
 向阿耨多羅三藐三菩
 提者，後成佛時，三
 界特尊，皆共敬養。

DỊCH NGHĨA

8- CÔNG ĐỨC XA LÌA THAM DỤC

Lại nữa Long Vương ! Nếu xa lìa tham dục thời được thành tựu năm món tự tại. Những gì là năm ?

1. Ba nghiệp tự tại, các căn đầy đủ.
2. Cửa cải tự tại, oán tặc không cướp đoạt.
3. Phước đức tự tại, tùy lòng ưa muốn vật dụng đều đủ.
4. Vương vị tự tại, đồ vật quý lạ, đều được dâng hiến.
5. Những vật đã được thù thắng gấp trăm lần lòng mong cầu, vì thưở xưa không bỏn sẻn ganh ghét.

Ấy là năm món tự tại. Nếu đem hồi hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sau khi thành Phật, đặc biệt được ba cõi thủy đều cung kính cúng dường.

GIẢNG NGHĨA

Tự tại : Tùy theo ý mình muốn, không bị sự gì làm trở ngại.

Bỏn sẻn : Keo kiệt, chẳng chịu thí cho một chút tài vật nào mà còn ganh ghét khi thấy người ta có những điều kiện bằng mình hoặc hơn mình.

Ba cõi : Cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc.

Ba nghiệp : Chỉ cho thân, khẩu, ý.

Các căn : Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Người xa lìa tham dục, chẳng những thành tựu được năm món tự tại mà còn được chúng sanh trong ba cõi thấy đều hết lòng cung kính cúng dường khi chứng được Phật quả.

GIẢI THÍCH

Cửa cải có hai loại: Sáu căn và ba nghiệp là “nội tài” (cửa cải ở trong thân) còn bao nhiêu tài vật quý báu khác thuộc về “ngoại tài” (cửa cải ở ngoài thân).

Nếu không tham dục thời sẽ được quả báo là: Nội tài và ngoại tài đều được đầy đủ, tùy tâm mà thọ dụng không có sức mạnh nào chiếm đoạt được, mong cầu vật gì khi được thời gấp mười, gấp trăm lần hơn chỗ mình muốn. Nếu như ta đem công đức ấy hồi hướng về quả Vô Thượng Bồ-đề thì sau khi thành Phật tức là được ba cõi đặc biệt tôn trọng và cúng dường.

BÀI XVI

9- 明離瞋恚功德

復次龍王！若離瞋心，
 恚，即得八種喜悅，
 法。何等為八？一、瞋心
 無損惱心。二、無諍訟心。
 恚心。四、得作利身。八、
 五，常七尊，故八。
 六、心眾忍為多。
 七、敬速若。
 八、生能。

羅 三 藐 三 菩 提 者 ， 後
 成 佛 時 ， 得 佛 無 礙 心
 ， 觀 者 無 厭 。

DỊCH NGHĨA

9) CÔNG ĐỨC XA LÌA SÂN KHUẾ

Lại nữa Long Vương ! Nếu xa lìa sân hận, thời được tám món Tâm Pháp hỷ duyệt. Những gì là tám?

1. Không lòng tổn não.
2. Không còn sân hận.
3. Không lòng kiện tụng.
4. Lòng nhu hòa, ngay thật.
5. Được từ tâm của bậc Thánh.
6. Sẵn lòng làm lợi ích an lạc cho chúng sanh.
7. Thân tướng đẹp dễ, chúng đều tôn kính.
8. Do sự hòa nhẫn mau sanh về cõi Phạm Thiên.

Ấy là tám món Tâm Pháp hỷ duyệt. Nếu ai hồi hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sau khi thành Phật, được tâm vô ngại của Phật, người xem không chán.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Người xa lìa tâm sân hận, thời sẽ được tám Pháp hỷ duyệt và sau khi thành Phật, được tâm không quá ngại.

GIẢI THÍCH

Nếu xa lìa lòng sân hận thì hưởng được các thứ công đức vui vẻ, trong lòng luôn luôn nhu hòa hiền dịu, không còn có lòng sân hận, gây việc tranh tụng và tổn hại ai, lại thường sẵn lòng giúp ích cho tất cả chúng sanh. Khi sanh ra được thân tướng đẹp đẽ, mọi người cung kính. Bởi vì con người lúc lòng sân nổi dậy, mặt đỏ sặc, tay chân run rẩy, hiện ra thân tướng xấu xa hung tợn, nhân đã vậy thì quả phải xấu, ấy là định luật của nghiệp quả báo ứng.

Cõi Trời Phạm Thiên là cõi của người hết nghiệp sân hận vì các vị Thánh nhân đều được thiên định. Nếu đem công đức này hồi hướng về quả Phật, thì sau khi thành Phật sẽ được tâm Phật, không điều gì chướng ngại, ai trông thấy cũng đều ngưỡng mộ không chán.

*

* *

BÀI XVII

10- 明離邪見功德

邪法得侶寧三天永五道轉道
 離德，等，餘見。惡轉邪
 若功一善果惡非正網更慧離
 ！十？真因作，心疑不福永
 王就十，信不佛，直凶天量，
 龍成為樂深終依，吉人無七
 次得等意，命歸四切生，
 復即何善二身惟。一常六勝
 見。真。殞，等離，。增

行 於 聖 道 。 八 ， 不 起
 身 見 捨 諸 惡 業 。 九 ，
 住 無 礙 見 。 十 ， 不 墮
 諸 難 。 是 為 十 。 若 能
 迴 向 阿 耨 多 羅 三 藐 三
 菩 提 者 ， 後 成 佛 時 ，
 速 證 一 切 佛 法 ， 成 就
 自 在 神 通 。

DỊCH NGHĨA

10- THUYẾT MINH CÔNG ĐỨC XA LÌA TÀ KIẾN

Lại nữa Long Vương ! Nếu xa lìa tà kiến thời sẽ được tành tựu mười Pháp công đức. Những gì là mười ?

1. Được ý vui chơn thiện, bậu bạn chơn thiện.
2. Thâm tín nhân quả, thà bỏ thân mạng trọn chẳng làm ác.
3. Chỉ quy y Phật, không quy y các thiên thần.
4. Trục tâm chánh kiến, xa hẳn các sự ngờ vực kiết hung.
5. Thường sanh nhưn thiên, không sa vào đường dữ.

6. Vô lượng phước huệ, lần lựa thêm nhiều.
7. Xa hẳn đường tà, tu hành Chánh đạo.
8. Chẳng khởi thân kiến, bỏ các ác nghiệp.
9. Kiến giải vô ngại.
10. Chẳng bị các tai nạn.

Ấy là mười. Nếu ai hồi hướng về quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sau khi thành Phật, mau chứng tất cả Phật pháp, thành tựu Thần thông tự tại”.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói : Nếu ai xa lìa tà kiến thì sẽ được mười điều lợi ích, và nếu hồi hướng về quả Bồ-đề thì chẳng những mau chứng Đạo quả mà còn được Thần thông tự tại.

GIẢI THÍCH

Nếu xa hẳn ngu si tà kiến thì được các món công đức chơn thiện: tâm ý chất trực, thấy biết chơn chánh, hiểu rõ nhân quả, không còn ngờ vực, thường gặp bạn tốt, thường được quy y Phật, Pháp, Tăng; đời kiếp kiếp được sanh về cõi Trời và cõi Người, không bao giờ khởi tâm tà kiến, không mắc các tai nạn, phước đức trí huệ ngày một tăng trưởng, tu hành chơn chánh không lạc tà đạo, không khởi thân kiến (chấp thân này thật có của ta), cũng không vì thân mà khởi ác nghiệp, không bị một kiến chấp gì làm chướng ngại chỗ hiểu biết chơn lý.

Nếu ai phát lòng sâu xa rộng lớn, đem các công đức ấy hồi hướng về quả Phật, sau khi thành Phật, chúng được tất cả các pháp Thần thông tự tại của chư Phật.

*

* *

BÀI XVIII

IV. 明十善業勝行

1. 明六度

a. 廣明布施度

爾時世尊復告龍王
 言。若於修行無，不離常最
 業，害財無損施侵
 殺富壽賊行能
 離常長怨而無
 能。故奪一切取寶比
 侵，不離常最
 能。故奪一切取寶比

悉離常，子者故侵持所而，睦乖
 能非富其，○，奪正作行無，爭
 備梵財家無離常，法必施能同○
 集行寶貞有虛富離，果故侵一
 諸而，順能誑財眾如○，奪志
 佛行無，以語寶毀其離常，樂
 法施能母欲而，謗誓離富眷，
 藏故侵及心行無，願間財屬恒
 ○。奪妻視施能攝，語寶和無

DỊCH NGHĨA

IV. THẮNG HẠNH CỦA MUỖI THIỆN NGHIỆP

1) NÓI VỀ LỤC ĐỘ

a) Nói rộng về Bồ thí độ

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Long Vương rằng:

“Nếu có Bồ Tát y Thiện nghiệp này, trong khi hành đạo: vì lìa nghiệp giết mà làm bố thí, nên thường giàu có của báu, không ai xâm đoạt, trường thọ không yếu, chẳng bị tất cả oán tặc làm hại. Vì lìa nghiệp chẳng cho cố lấy mà làm bố thí, nên thường giàu có của báu, không ai xâm đoạt, không ai sánh kịp, và đều thâu thập được đầy đủ những kho tàng Phật pháp. Vì lìa lỗi tà hạnh mà làm bố thí, nên thường giàu có của báu, không ai xâm đoạt, trong nhà trinh thuận (vợ có tiết tháo và phục tùng chồng), mẹ và vợ, con không bị ai đem lòng dục mà xâm phạm. Vì lìa lời nói dối mà làm bố thí, nên thường giàu có của báu, không ai xâm đoạt, khỏi các sự nhục mạ, giữ gìn Chánh pháp như lời thệ nguyện, nhứt định sẽ có kết quả. Vì lìa lời nói ly gián mà làm bố thí, nên thường giàu có của báu không ai xâm đoạt, bà con hòa thuận, đồng một chí vui, hằng không trái nghịch.

BÀI XIX

廣明布施度(續前)

故奪依者故奪敬疑施侵惠大行
 施侵歸拒施侵皆諸行能以具而
 行能喜違行能人斷而無悉，心
 而無歡無而無，便心寶有固怒
 語寶會受語寶設方求財所堅忿
 惡財眾信義財虛善貪富切解離
 粗富一切皆無富不能離常一信。
 離常，一言離常言，受惑故奪捨威

施故，常富財寶無能
 侵奪，速自成就無礙
 心智，諸根嚴好，見
 皆敬愛。離邪倒心
 而行施故，常富財寶
 無能侵奪。恒生正見
 敬信之家，見佛聞法
 供養眾僧，常不忘失
 大菩薩心。是為大士
 修菩薩道時，行十善
 業，以施莊嚴所獲大
 利。

DỊCH NGHĨA

NÓI RỘNG VỀ BỐ THÍ ĐỘ (tiếp theo)

Vì lia lời nói thô ác mà làm bố thí, nên thường giàu có của báu, không ai có thể xâm đoạt; tất cả chúng hội đều vui vẻ theo về, lời nói đều được người tín thọ, không chống trái. Vì lia lời nói vô

nghĩa (ỷ ngữ) mà làm bố thí, nên thường giàu có của báu, không ai có thể xâm đoạt, nói chẳng uổng lời, người đều kính chịu, hay dùng phương tiện khéo dứt các sự nghi ngờ. Vì lia lòng tham cầu mà làm bố thí, nên thường giàu có của báu, không ai có thể xâm đoạt, có được vật gì đều đem ban cấp, tín giải kiên cố, đủ oai lực lớn. Vì bỏ lòng giận hờn mà làm bố thí, nên thường được của báu không ai xâm đoạt, tự mình mau thành tựu được tâm trí vô ngại, các căn tốt đẹp, người thấy kính ưa. Vì xa lia lòng tà đảo mà làm bố thí, nên thường giàu có của báu, không ai xâm đoạt, thường sanh vào nhà kính tin chánh kiến, thấy Phật nghe Pháp, cúng dường chúng Tăng, thường chẳng quên mất tâm Đại Bồ-đề. Ấy là những bậc Đại Sĩ khi tu Bồ Tát đạo làm mười Thiện nghiệp, do bố thí trang nghiêm mà được lợi ích.

GIẢNG NGHĨA

Chúng hội : Những người trong một cuộc hội họp.

Phương tiện : Những phương pháp tiện lợi trong một trường hợp. Nó chỉ có tánh cách nhứt thời, không phải vĩnh viễn, không phải cứu cánh.

Tín giải : Tin có sự hiểu biết, không phải chỉ một mặt tin suông, nghĩa là khi nghe Phật thuyết pháp bắt đầu tin, về sau có sự hiểu biết gọi đó là “tín giải”. Lại có nghĩa là: Người độn căn thì chỉ thuần

“tin” còn người lợi căn thì lại thêm phần hiểu biết rõ ràng lời Phật thuyết nữa, gọi là “tín giải”.

Lại có nghĩa nữa là: “Tín” thì phá được tà kiến, còn “giải” thì phá được vô minh, gọi là “tín giải”.

Tà đảo : Hiểu biết không chơn chánh và trái sự thật.

ĐẠI Ý

Bài trước và bài này Đức Phật nói thắng hạnh của Thập Thiện nghiệp qua Bồ thí độ.

GIẢI THÍCH

Bồ thí là để diệt trừ lòng tham lam, sẽ được hưởng quả báo giàu có, của cải không còn nghèo thiếu; nhưng nếu lòng bồ thí không thanh tịnh, hoặc hành vi ác chưa dứt sạch hẳn, thì tuy có nhiều của báu, cũng không hưởng thọ được lâu bền và tự tại. Nếu phát tâm Bồ Tát, y theo mười Thiện nghiệp mà tu hành bồ thí, thì dung nghi đẹp đẽ, thọ mạng lâu dài, bà con hòa thuận, có nhiều quả báo không ai sánh kịp; mà cũng không có người dám dùng thế lực để chiếm đoạt. Ta lại được mọi người kính mến, quy thuận, ủng hộ. Đó là nhờ công đức tu hành Thập thiện mà bồ thí, mới được viên mãn trang nghiêm, lợi ích rất rộng lớn như vậy. Trái lại, vì lòng sân hận, khinh khi, mua danh mà làm bồ thí, hoặc vì ngu si tà kiến, người đáng cho thì không cho, người không

đáng cho lại cho, hoặc thiên vị cho người này không cho người khác, như thế gọi là điên đảo, sai lầm làm việc bố thí, không thể nào viên mãn được. Dù rằng ta vẫn được quả báo tốt, về sau cũng không cứu cánh.

*

* *

BÀI XX

b- 略明餘五度

言戒佛。圓進，故安一
 要，以一切願佛精怨嚴輕斷
 舉，一大得。魔莊愧能
 ！道生足。好破定慚，
 王善能滿故相能。慧故見
 龍十，嚴眾，藏念嚴妄
 是行故利莊具故法生莊別
 如，嚴義辱，嚴佛能慧分
 之莊法忍音莊入，。切

DỊCH NGHĨA

b) Lược nói năm độ sau

Như vậy Long Vương ! Tóm lại mà nói, tu mười Thiện Đạo, vì dùng Trì giới trang nghiêm nên hay sanh Phật pháp nghĩa lợi, đầy đủ nguyện lớn. Vì dùng Nhẫn nhục trang nghiêm nên được viên âm của Phật, đủ các tướng tốt. Vì dùng Tinh tấn trang nghiêm nên hay phá được ma oán, vào Pháp tạng của Phật. Vì dùng Thiên định trang nghiêm nên hay sanh niệm, huệ, tầm quý, khinh an. Vì dùng Trí huệ trang nghiêm nên hay dứt tất cả phân biệt vọng kiến.

GIẢNG NGHĨA

Nghĩa lợi : Lợi ích chơn thật, hay lợi ích thật nghĩa.

Pháp tạng : Chính là Phật pháp tạng, cũng chính là Như Lai tạng, là chỉ cho lý của Pháp tánh, vì Pháp tánh nó hàm chứa vô lượng tánh đức nên gọi là “Pháp tạng”.

Vọng kiến : Sự thấy biết hư vọng không đúng sự thật, tức là: thân, biên, tà kiến...

ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Trì giới Nhẫn nhục, Tinh tấn v.v... có tu hành Thập thiện thì mới trang nghiêm được.

GIẢI THÍCH

Trong Phật pháp, có sự ích lợi chỉ ở hiện tại, có sự ích lợi chỉ ở tương lai và có sự ích lợi cứu cánh khác nhau. Bồ Tát tu hành Lục độ tức là được tất cả nghĩa lợi, nhưng nếu dùng Thập Thiện nghiệp đạo làm căn bản, thời nghĩa lợi mới hoàn toàn viên mãn.

*

* *

BÀI XXI

2- 明眾行

慈莊嚴故，於諸眾
 生不起惱害。悲莊嚴
 故，愍諸眾生常不厭
 捨。喜莊嚴故，見修
 善者心無嫌嫉。捨莊
 嚴故，於順違境無愛
 恚心。四攝莊嚴故，
 常勤化一切眾生。

DỊCH NGHĨA

2- CÁC HÀNH KHÁC

Vì lấy lòng Từ trang nghiêm, nên đối với các chúng sanh không khởi tâm não hại. Vì lấy lòng Bi trang nghiêm nên thương các chúng sanh thường không chán bỏ. Vì lấy lòng Hỷ trang nghiêm, nên

thấy người tu thiện lòng không ganh ghét (hiềm tật). Vì lấy lòng Xả trang nghiêm, nên đối với cảnh thuận nghịch lòng không thương giận.

Vì dùng Tứ Nhiếp Pháp trang nghiêm, nên thường siêng năng nhiếp hóa tất cả chúng sanh.

GIẢNG NGHĨA

Tứ Nhiếp Pháp : Bốn phương pháp thu nhiếp, hóa độ chúng sanh. Bốn pháp ấy là: Bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

ĐẠI Ý

Đoạn này có hai phần:

1. Tu Tứ Vô Lượng Tâm phải căn cứ 10 Thiện nghiệp mới được viên mãn.

2. Tu Tứ Nhiếp Pháp cũng phải lấy Thập Thiện nghiệp làm nền tảng mới cứu cánh được.

GIẢI THÍCH

Từ, Bi, Hỷ, Xả là bốn đức Vô Lượng Tâm của chư Phật và Bồ Tát. Từ là cho vui, Bi là cứu khổ, Hỷ là đối với tất cả những lợi ích, an vui của kẻ khác, sẵn lòng hoan hỷ, tán trợ. Xả là oán thân bình đẳng, không khởi phân biệt, một lòng thân nhiên, không còn trụ trước. Như Kinh Kim Cang nói: “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (nên sanh lòng không chỗ trụ trước). Suy rộng ra, bốn tâm ấy cùng khắp vô lượng,

nên gọi là Vô Lượng Tâm. Căn cứ vào Thập Thiện nghiệp mà tu khiến cho bốn tâm ấy được viên mãn trang nghiêm thì công đức vô lượng.

Bồ Tát tùy mỗi loài hiện thân đem bốn nhiếp pháp mà thâm nhiếp tất cả chúng sanh, làm cho mỗi loài đều được lãnh thọ Chánh pháp, đều hiểu sự lợi ích. Ở đây căn cứ 10 Thiện nghiệp mà tu Tứ Nhiếp Pháp thì mới được hoàn toàn cứu cánh.

*

* *

BÀI XXII

能勤一善恒五固迷煩怨覺悟嚴現
 善正除一切，堅無諸眾。覺莊常
 ，斷一故樂信常斷，者善道，
 故觀能成嚴快深，順故壞常正慧
 嚴處悉，莊安，懈調嚴能，。智
 莊念，法足輕故匪然莊無故法正
 處四故善神心嚴勤寂力，嚴諸得
 念習嚴不。身莊精，。滅莊切，
 修莊切法令根，妄惱盡支一故

在 前 。 止 莊 嚴 故 ， 悉
 能 滌 除 一 切 結 使 。 觀
 莊 嚴 故 ， 能 如 實 知 諸
 法 自 性 。 方 便 莊 嚴 故
 ， 速 得 成 滿 為 無 為 樂
 。

3- 廣 結

龍 王 當 知 ！ 此 十 善
 業 ， 乃 至 能 令 十 力 ，
 無 畏 ， 十 八 不 共 一 切
 佛 法 ， 皆 得 圓 滿 。 是
 故 汝 等 應 勤 修 學 。

DỊCH NGHĨA

Vì dùng Niệm Xứ trang nghiêm nên khéo tu
 tập Tứ Niệm Xứ Quán. Vì dùng Chánh Cần trang
 nghiêm nên trừ tất cả các pháp bất thiện, thành
 tất cả pháp thiện. Vì dùng Thân Túc trang nghiêm

nên khiến thân tâm nhẹ nhàng vui vẻ. Vì dùng Ngũ Căn trang nghiêm nên thâm tín kiên cố, siêng năng không biếng nhác, thường không mê vọng, vắng lặng, điều hòa dứt các phiền não. Vì dùng Ngũ Lực trang nghiêm nên các oán đều diệt, không gì phá hoại. Vì dùng Giác Chi trang nghiêm nên thường khéo giác ngộ tất cả các Pháp. Vì dùng Chánh Đạo trang nghiêm nên được trí huệ chơn chánh thường hiện ở trước. Vì dùng Chỉ trang nghiêm nên dứt sạch được tất cả kiết sử. Vì dùng Quán trang nghiêm nên như thật biết được tự tánh các Pháp. Vì dùng Phương Tiện trang nghiêm nên chóng được thành tựu viên mãn cái vui Vô vi (Niết-bàn).

3- TỔNG KẾT

Long Vương nên biết! Mười Thiện nghiệp này, hay khiến cho Thập Lực, Tứ Vô Úy và 18 Pháp Bất Cộng, tất cả Phật Pháp, đều được viên mãn. Vậy nên các ông phải siêng tu học.

GIẢNG NGHĨA

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo : Cũng gọi là 37 phần Bồ-đề.

1) *Tứ Niệm Xứ* : Bốn món quán sát nhớ nghĩ :

- a) Quán thân bất tịnh. c) Quán tâm vô thường.
- b) Quán thọ thị khổ. d) Quán pháp vô ngã.

2) *Tứ Chánh Cần*: Bốn món siêng năng chơn chánh

- a) Những điều ác đã sanh, phải mau trừ bỏ.
- b) Những điều ác chưa sanh, giữ không cho sanh.
- c) Những điều thiện chưa sanh, phải mau làm cho sanh.
- d) Những điều thiện sanh rồi, phải làm cho tăng trưởng.

3) *Tứ Như Ý Túc* : Bốn món Thần thông như ý :

- a) Niệm: Nghĩ nhớ. c) Tấn: Tinh tấn.
- b) Dục: Ưa muốn. d) Huệ: Trí huệ.

Chúng bốn món này tức là được sự mong muốn như ý, lại hay khởi ra các Pháp Thần thông, nên gọi là Thần túc thông.

4) *Ngũ Căn* : Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ.

5) *Ngũ Lực* : Tức là Ngũ căn, nhưng đứng về phương diện “tu hành đối trị”.

6) *Thất Giác Chi* : Bảy món giác ngộ:

- a) Trạch pháp : Lựa chọn các pháp chơn ngụy.
- b) Tinh tấn : Siêng năng.
- c) Hỷ : Vui mừng.
- d) Khinh an : Nhẹ nhàng, an tĩnh.
- đ) Niệm : Nhớ nghĩ.
- e) Định : Thiên định.
- f) Hành xả : Lòng tu hành bình đẳng, không vướng mắc.

7) *Bát Chánh Đạo* : Tám con đường chơn chánh, cũng gọi là Bát Thánh Đạo.

- a) Chánh kiến : Kiến giác chơn chánh.
- b) Chánh tư duy : Suy nghĩ chơn chánh.
- c) Chánh ngữ : Lời nói chơn chánh.
- d) Chánh nghiệp : Hành vi chơn chánh.
- đ) Chánh mạng : Sinh hoạt chơn chánh.
- e) Chánh tinh tấn : Siêng năng việc chơn chánh.
- f) Chánh niệm : Nhớ chơn chánh.
- g) Chánh định : Thiền định chơn chánh.

Tu theo tám pháp này tránh được tà vạy, nên gọi là Chánh. Nhờ tám pháp này mà đến được cảnh giới Niết-bàn nên gọi là Đạo.

Thập Lực : Cũng gọi là Phật thập trí lực: Mười món trí lực của Phật.

1) *Thị xứ phi xứ* : Trí lực biết được nhân duyên quả báo của chúng sanh, như: làm Thiện nghiệp thì được an vui, gọi là Thị xứ, còn nếu làm ác nghiệp mà mong cầu quả vui, ấy là Phi xứ.

2) *Nghiệp* : Trí lực biết vô lượng các nghiệp của chúng sanh.

3) *Định* : Trí lực biết tất cả các Thiền định tam muội.

4) *Căn* : Trí lực biết tất cả căn tánh cao, thấp của tất cả chúng sanh.

5) *Dục* : Trí lực biết mỗi mỗi sự ưa muốn của tất cả chúng sanh.

6) *Giới* : Trí lực biết mỗi mỗi phần của chúng sanh trong thế giới.

7) *Chí xứ* : Trí lực biết tương nơi đến của tất cả đạo, như : biết hành Thập Thiện nghiệp đạo thời đến cõi Nhân thiên, còn tu Bồ Tát Thánh đạo thời đến quả Niết-bàn.

8) *Túc mạng* : Trí lực biết được kiếp trước (mạng sống nhiều kiếp trước) của tất cả chúng sanh, như : khổ, vui, thọ, yếu v.v...

9) *Thiên nhãn* : Trí lực dùng Thiên nhãn thấy chúng sanh qua lại trong sanh tử, và thiện ác nghiệp duyên một cách rõ ràng.

10) *Lậu tận* : Trí lực tự biết rằng : ta sanh ra đời này đã hết, không còn phải thọ thân sau nữa.

Tứ vô sở úy : Tứ vô sở úy có hai : một của Phật, một của Bồ Tát. Đây là Tứ vô sở úy của Phật.

1) *Nhứt thiết trí Vô sở úy* : Đức Thế Tôn ở trong đại chúng, Ngài là bậc Nhứt thiết chánh trí, đối với các pháp thấy biết tường tận, nên lời lẽ trầm hùng như tiếng sư tử không chút sợ sệt.

2) *Lậu tận Vô sở úy* : Đức Thế Tôn vì đã dứt tất cả phiền não, nên ở trong đại chúng nói năng hùng hồn như tiếng sư tử, không hề có lòng sợ sệt.

3) *Thuyết chướng đạo Vô sở úy* : (Nói những điều có thể làm chướng ngại đạo không sợ sệt) : Đức Thế

Tôn nói những pháp có thể làm chướng ngại Phật Đạo ở giữa đại chúng mà lời lẽ vẫn hùng hồn như tiếng sư tử, lòng không e ngại.

4) *Thuyết tận khổ đạo Vô sở úy* : Đức Thế Tôn ở trong đại chúng lời lẽ hùng hồn như tiếng sư tử, nói cái đạo hết khổ lòng không sợ sệt.

Mười tám pháp bất cộng : Mười tám món công đức này chỉ hạn cuộc trong vòng Phật vị, vì chỉ có trong quả vị Phật, không cùng chung với hàng Nhị thừa, Bồ Tát nên gọi là Pháp bất cộng.

1) *Thân vô thất* : Vì Đức Phật từ vô lượng kiếp đến nay, thường dùng giới, định, huệ và từ bi để tu cái thân tướng của Ngài, công đức ấy được đầy đủ : tất cả phiền não đều hết, nên gọi là “Thân vô thất”.

2) *Khẩu vô thất* : Phật đủ vô lượng trí huệ biện tài nên pháp của Ngài nói ra đều theo cơ nghi của chúng sanh mà làm cho được chúng ngộ ấy gọi là “Khẩu vô thất”.

3) *Niệm vô thất* : Đức Phật tu các pháp thiền định đến chỗ vi diệu, đối với các pháp, tâm không còn nhiệm trước, được sự an ổn Đệ nhất nghĩa, nên gọi là “Niệm vô thất”.

4) *Vô dị tướng* : Đức Phật đối với tất cả chúng sanh bình đẳng độ hết, tâm không lựa chọn, nên gọi là “không có ý tướng khác”.

5) *Vô bất định tâm* : Trong khi đi, đứng, nằm, ngồi bốn uy nghi... Đức Phật không hề rời bỏ Thắng định

nhệm mầu, nên gọi là “Vô bất định tâm”.

6) *Vô bất tri dĩ xả* : Đức Phật đối với tất cả pháp đều hiểu một cách tường tận, rồi sau liền xả, không có hiểu rõ một pháp nào mà chẳng xả.

7) *Dục vô giảm* : Đức Phật đầy đủ các Thiện pháp, thường muốn độ các chúng sanh, mà lòng không bao giờ cho là đủ, ấy là lòng muốn không bị kém giảm.

8) *Tinh tấn vô giảm* : Thân tâm của Đức Phật siêng năng có thừa, thường độ tất cả chúng sanh không lúc nào ngừng nghỉ, nên gọi là “Tinh tấn vô giảm”.

9) *Niệm vô giảm* : Đối với Giáo pháp và tất cả trí huệ của ba đời chư Phật, Đức Phật tương ưng đầy đủ không hề thối chuyển, nên gọi là “Niệm vô giảm”.

10) *Huệ vô giảm* : Đức Phật đủ tất cả trí huệ, vô lượng vô biên không thể cùng tận, nên gọi là “Huệ vô giảm”.

11) *Giải thoát vô giảm* : Đức Phật xa lìa tất cả chấp trước, đủ ba món giải thoát : 1) Hữu vi giải thoát : sự giải thoát tương ưng với Vô lậu trí huệ. 2) Vô vi giải thoát : Tất cả phiền não sạch hết, không còn một tí nào, nên gọi là “Giải thoát vô giảm”.

12) *Giải thoát tri vô giảm* : Phật đối trong tất cả pháp giải thoát, thấy biết rõ ràng gọi là “Giải thoát tri kiến vô giảm”.

13) *Nhứt thiết thân nghiệp tùy trí huệ hành* : Đức Phật hiện ra các tướng thù thắng để hàng phục

chúng sanh, xứng với trí huệ mà diễn nói tất cả pháp, khiến cho ai nấy đều được giải thoát chứng nhập, gọi là “Nhứt thiết thân nghiệp tùy trí huệ hành”.

14) *Nhứt thiết khẩu nghiệp tùy trí huệ hành* : Đức Phật dùng lời lẽ vi diệu thanh tịnh tùy trí huệ mà vận chuyển để hóa đạo, lợi ích cho tất cả chúng sanh, ấy gọi là “Nhứt thiết khẩu nghiệp tùy trí huệ hành”.

15) *Nhứt thiết ý nghiệp tùy trí huệ hành* : Đức Phật dùng ý nghiệp thanh tịnh tùy trí huệ vận chuyển vào trong tâm của chúng sanh, vì họ mà nói pháp trừ diệt màn vô minh. Ấy gọi là “Ý nghiệp tùy trí huệ hành”.

16) *Trí huệ tri quá khứ thế vô ngại* : Đức Phật dùng trí huệ chiếu biết tất cả bao nhiêu pháp chúng sanh hoặc pháp phi chúng sanh, cùng khắp không bị ngăn ngại.

17) *Trí huệ tri vị lai thế vô ngại*.

18) *Trí huệ tri hiện tại thế vô ngại* : Pháp thứ 17 và 18, nghĩa y như pháp thứ 16.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói : 37 phẩm trợ đạo cũng phải dùng thập Thiện nghiệp làm căn bản mà tu, thì mới mau được viên mãn và cho đến Thập lực, Tứ vô sở úy, Thập bát bất cộng pháp của Phật cũng vậy.

GIẢI THÍCH

Nếu Bồ Tát dùng Thập Thiện nghiệp làm căn bản mà tu 37 phẩm trợ đạo thì mau chứng quả an vui vĩnh viễn.

Còn Thập lục, Tứ vô úy và 18 pháp bất cộng là pháp đặc biệt của quả vị Phật, cũng cần phải căn cứ vào pháp Thập thiện mà tu thì tất cả hạnh mới được thù thắng và khi đến quả vị Phật mới được trang nghiêm viên mãn. Vậy thì tất cả chúng sanh phải siêng năng tu học mười Thiện nghiệp.

*

* *

BÀI XXIII

V. 明十善業殊勝

龍王！譬如一切城
 邑聚落，皆依大地而得
 安住，一切藥草卉木
 叢林，亦依地而生長如
 此：一切人道，亦復如
 是：一切人聲聞，獨覺
 立，一切諸菩薩，行一
 菩提法，咸依此十
 切佛地而得成就。

C. 流通分

佛說此經已，娑竭
 羅龍王及諸大眾，一
 切世間天人阿修羅等
 ，皆大歡喜信受奉行
 。

DỊCH NGHĨA

V. THUYẾT MINH SỰ THÙ THẮNG CỦA THẬP THIÊN NGHIỆP

Long Vương ! Ví như tất cả thành, ấp, xóm, làng đều y đại địa mà được an trụ, tất cả trăm hoa, cây cỏ bụi rừng cũng nương đại địa ấy mà được sanh trưởng. Thập Thiên nghiệp đạo cũng lại như thế. Tất cả Nhơn Thiên cũng y vào đó mà được an lập, tất cả Thanh Văn, Độc Giác Bồ-đề, các hạnh Bồ Tát, tất cả Phật pháp đều chung y vào đại địa Thập thiện này mà được thành tựu.

C) PHẦN LƯU THÔNG

Phật dạy Kinh này rồi, Ta Kiệt La Long Vương và toàn thể đại chúng, tất cả thế gian, Thiên, Nhơn, A-tu-la thấy đều hoan hỷ tín, thọ, vâng làm.

ĐẠI Ý

Đoạn văn trên có hai phần :

1) Từ “Long Vương “đến” được thành tựu” là nói sự thù thắng của mười Thiện nghiệp: tất cả muôn công đức lành đều từ đó phát sanh, chẳng khác nào đại địa vậy.

2) Từ “Phật dạy... phụng hành” là phần lưu thông : tất cả chúng hội nghe Phật nói rồi đều hoan hỷ vâng làm.

GIẢI THÍCH

1) Đoạn văn đầu nói rõ công đức thù thắng của Thập Thiện Nghiệp Đạo, nó làm căn bản cho tất cả Thiện pháp, không thể nào một giây lát có thể rời bỏ được, nên đem đại địa làm thí dụ. Nếu rời bỏ Thập Thiện mà muốn tu hành chứng quả, cũng như xây cát lâu đài hoặc trồng cây ở giữa hư không, thì kết quả không sao có được.

2) Đoạn văn dưới là phần lưu thông của người kết tập chép lại. Ta Kiệt La Long Vương là người chủ

duyên khởi Kinh này ; A-tu-la, Trung Hoa dịch là “Phi Thiên” (giống như Trời mà không phải Trời) Câu: “Đều hoan hỷ, tín, thọ phụng hành”, theo lời Phật dạy, tất cả các Kinh phải kết thành như thế, để tiêu biểu Pháp Phật không như lời lý luận của phàm phu, nói rồi là rồi, mà cần phải vâng theo lời nói ấy thiết thực tu hành. Nhưng người nghe Pháp cần phải phát tâm hoan hỷ mới sanh lòng tin; có lòng tin mới có thể lãnh thọ; có ý lãnh thọ mới vâng theo Pháp mà thực hành được. Cho nên, câu “hoan hỷ tín, thọ, phụng hành” chúng ta cần phải lưu ý.

PHẬT HỌC VIỆN PHƯỚC HÒA

Vĩnh Bình, ngày 14-3-1962

(mồng 9 tháng Hai năm Nhâm Dần)

PHẦN DỊCH ÂM

BÀI THỨ NHẤT

A. CHÚNG TÍN PHẦN

Như thị ngã văn : Nhứt thời Phật tại Ta- kiệt-la Long cung, dĩ bát thiên đại Tỳ-kheo chúng, tam vạn nhị thiên Bồ Tát Ma-ha-tát câu.

BÀI THỨ HAI

B. CHÁNH THUYẾT PHẦN

I- MINH THẾ XUẤT THẾ NGHIỆP QUẢ

1- TỰU NHÂN MINH QUẢ

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Long vương ngôn: Nhứt thiết chúng sanh tâm tưởng dị cố, tạo nghiệp diệc dị, do thị cố hữu chư thú luân chuyển.

2- TỨC QUẢ MINH NHÂN

Long vương! Nhữ kiến thử hội cập đại hải trung, hình sắc chủng loại các biệt phủ da? Như thị nhứt thiết, mị bất do tâm, tạo thiện bất thiện, thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp sở trí.

BÀI THỨ BA

3- CỬ NHÂN TƯỚNG MINH

Nhi tâm vô sắc, bất khả kiến thủ, dẫn thị hư vọng, chư pháp tập khởi, tất cánh vô chủ, vô ngã ngã sở.

Tuy các tùy nghiệp sở hiện bất đồng, nhi thật ư trung vô hữu tác giả. Cố nhứt thiết pháp giai bất tư nghi, tự tánh như huyễn.

Trí giả tri dĩ, ưng tu Thiện nghiệp, dĩ thị sở sanh, uẩn, xứ, giới đẳng, giai tất đoan chánh, kiến giả vô yểm.

BÀI THỨ TƯ

4- CỬ QUẢ TƯỚNG CHỨNG

Long vương! Nhữ quán Phật thân, từng bá thiên ức phước đức sở sanh, chư tướng trang nghiêm, quang minh hiển diệu, tế chư đại chúng, thiết vô lượng ức tự tại Phạm vương, tất bất phục hiện, kỳ hữu chiêm ngưỡng Như Lai thân giả, khởi bất mục huyễn.

Nhữ hựu quán thử chư Đại Bồ Tát, diệu sắc nghiêm tịnh, nhứt thiết giai do tu tập Thiện nghiệp phước đức nhi sanh.

Hựu chư Thiên Long, Bát bộ chúng đẳng, đại oai thế giả, diệc nhân Thiện nghiệp phước đức sở sanh.

Kim đại hải trung, sở hữu chúng sanh, hình sắc thô bỉ, hoặc đại hoặc tiểu, giai do tự tâm chủng chủng tướng niệm tác thân ngữ ý chư bất Thiện nghiệp, thị cố tùy nghiệp, các tự thọ báo.

BÀI THỨ NĂM

5- KẾT KHUYẾN TU HỌC

Nhữ kim thường ưng như thị tu học, diệc linh

chúng sanh liễu đạt nhân quả, tu tập Thiện nghiệp. Nhữ đương nhân thử chánh kiến bất động, vật phục đọa tại đoạn thường kiến trung! Ư chư phước điền hoan hỷ kính dưỡng, thị cố nhữ đẳng diệc đắc nhân thiên tôn kính cúng dường.

BÀI THỨ SÁU

II- CHÁNH MINH THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO

1- HIỂN THIÊN PHÁP DỤNG

Long vương đương tri: Bồ Tát hữu nhứt pháp, năng đoạn nhứt thiết chư ác đạo khổ. Hà đẳng vi nhứt? Vị ư trú dạ thường niệm tư duy quán sát Thiện pháp, linh chư thiện pháp niệm niệm tăng trưởng, bất dung hào phân bất thiện gián tạp, thị tức năng linh chư ác vĩnh đoạn, Thiện pháp viên mãn, thường đắc thân cận chư Phật, Bồ Tát cập dư Thánh chúng.

2) THÍCH THIÊN PHÁP DANH

Ngôn thiện pháp giả, vị nhân thiên thân, Thanh văn Bồ-đề, Độc giác Bồ-đề, Vô thượng Bồ-đề, giai y thử pháp, dĩ vi căn bản, nhi đắc thành tựu, cố danh thiện pháp.

BÀI THỨ BẢY

3- XUẤT THIÊN PHÁP TƯỚNG

Thử pháp tức thị Thập Thiên Nghiệp Đạo. Hà đẳng vi thập? Vị năng vĩnh ly sát sanh, thâu đạo, tà

hạnh, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham dục, sân nhuế, tà kiến.

BÀI THỨ TÁM

III. MINH THẬP THIÊN NGHIỆP CÔNG ĐỨC

1- MINH LY SÁT SANH CÔNG ĐỨC

Long vương! Nhược ly sát sanh, tức đắc thành tựu thập ly não pháp. Hà đẳng vi thập ?

Nhứt : Ư chư chúng sanh phổ thí vô úy.

Nhị : Thường ư chúng sanh khởi Đại Từ tâm.

Tam : Vĩnh đoạn nhứt thiết sân nhuế tập khí.

Tứ : Thân thường vô bệnh.

Ngũ : Thọ mạng trường viễn.

Lục : Hằng vi phi nhân chi sở thủ hộ.

Thất : Thường vô ác mộng, tâm giác khoái lạc.

Bát : Diệt trừ oán kết, chúng oán tự giải.

Cửu : Vô ác đạo bố.

Thập : Mạng chung sanh thiên.

Thị vi thập. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc Phật tùy tâm tự tại thọ mạng.

BÀI THỨ CHÍN

2- LÝ THẬU ĐẠO CÔNG ĐỨC

Phục thứ Long vương ! Nhược ly thâu đạo, tức đắc thập chủng khả bảo Tín pháp. Hà đẳng vi thập ?

Nhút : Tư tài doanh tích, vương tặc, thủy hỏa, cập phi ái tử bất năng tán diệt.

Nhị : Đa nhân ái niệm.

Tam : Nhân bất khi phụ.

Tứ : Thập phương tán mỹ.

Ngũ : Bất ưu tổn hại.

Lục : Thiện danh lưu bố.

Thất : Xử chúng vô úy.

Bát : Tài, mạng, sắc, lực an lạc, biện tài cụ túc vô khuyết.

Cửu : Thường hoài thí ý.

Thập : Mạng chung sanh thiên.

Thị vi thập. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc chứng thanh tịnh đại Bồ-đề Trí.

BÀI THỨ MƯỜI

3- MINH LY TÀ HẠNH CÔNG ĐỨC

Phục thứ Long vương! Nhược ly tà hạnh, tức đắc tứ chủng trí sở tán pháp. Hà đẳng vi tứ?

Nhút : Chư căn điều thuận

Nhị : Vĩnh ly huyền trạo.

Tam : Thế sở xưng tán.

Tứ : Thê mạc năng xâm.

Thị vi tứ. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc Phật Trượng phu ẩn mật tàng tướng.

BÀI THỨ MƯỜI MỘT

4- MINH LY VỌNG NGŨ CÔNG ĐỨC

Phục thứ Long vương ! Nhược ly vọng ngữ, tức đắc bát chủng thiên sở tán pháp. Hà đẳng vi bát ?

Nhút : Khẩu thường thanh tịnh Ưu-bát hoa hương.

Nhi : Vi chư thế gian chi sở tín phục.

Tam : Phát ngôn thành chứng, nhân thiên kính ái.

Tứ : Thường dĩ ái ngữ an ủy chúng sanh.

Ngũ : Đắc thắng ý lạc, tam nghiệp thanh tịnh.

Lục : Ngôn vô ngộ thất, tâm thường hoan hỷ.

Thất : Phát ngôn tôn trọng, nhân thiên phụng hành.

Bát : Trí tuệ thù thắng vô năng chế phục.

Thị vi bát. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, tức đắc Như Lai chơn thật ngữ.

BÀI THỨ MƯỜI HAI

5- MINH LY LƯƠNG THIỆT CÔNG ĐỨC

Phục thứ Long vương ! Nhược ly lương thiệt, tức đắc ngũ chủng bất khả hoại pháp. Hà đẳng vi ngũ ?

Nhút : Đắc bất hoại thân, vô năng hại cố.

Nhi : Đắc bất hoại quyền thuộc, vô năng phá cố.

- Tam : Đắc bất hoại tín, thuận bốn nghiệp cố.
 Tứ : Đắc bất hoại pháp hạnh, sở tu kiên cố cố.
 Ngũ : Đắc bất hoại Thiện tri thức, bất cưỡng hoặc cố.

Thị vi ngũ. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc chánh quyền thuộc, chư ma ngoại đạo bất năng trở hoại.

BÀI THỨ MƯỜI BA

6- MINH LY ÁC KHẨU CÔNG ĐỨC

Phục thứ Long vương ! Nhược ly ác khẩu, tức đắc thành tựu bát chủng tịnh nghiệp. Hà đẳng vi bát ?

- Nhút : Ngôn bất quai độ.
 Nhị : Ngôn giai lợi ích.
 Tam : Ngôn tất Khế lý.
 Tứ : Ngôn từ mỹ diệu.
 Ngũ : Ngôn khả thừa lãnh.
 Lục : Ngôn tắc tín dụng.
 Thất : Ngôn vô khả ky.
 Bát : Ngôn tận ái lạc.

Thị vi bát. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, cụ túc Như Lai Phạm âm thanh tướng.

BÀI THỨ MƯỜI BỐN

7- MINH LY Ý NGŨ CÔNG ĐỨC

Phục thứ Long vương ! Nhược ly ý ngũ tức đắc thành tựu tam chủng quyết định. Hà đẳng vi tam?

Nhứt : Định vi trí nhân sở ái.

Nhị : Định năng dĩ trí như thật đáp vấn.

Tam : Định ưu nhân thiên oai đức tối thắng, vô hữu hư vọng.

Thị vi tam. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời đắc Như Lai sở thọ ký giai bất đường quyen.

BÀI THỨ MƯỜI LĂM

8- MINH LY THAM DỤC CÔNG ĐỨC

Phục thứ Long vương ! Nhược ly tham dục tức đắc thành tựu ngũ chủng tự tại. Hà đẳng vi ngũ ?

Nhứt : Tam nghiệp tự tại, chư căn cụ túc cố.

Nhị : Tài vật tự tại, nhứt thiết oán tặc bất đoạt cố.

Tam : Phước đức tự tại, tùy tâm sở dục vật giai bị cố.

Tứ : Vương vị tự tại, trân kỳ diệu vật giai phụng hiến cố.

Ngũ : Sở hoạch chi vật, quá bốn sở cầu, bá bội thù thắng. Do ưu tích thời, bất xan tận cố.

Thị vi ngũ. Nhược năng hồi hương A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, tam giới đặc tôn, giai cộng kính dưỡng.

BÀI THỨ MƯỜI SÁU

9- MINH LY SÂN NHUẾ CÔNG ĐỨC

Phục thứ Long vương ! Nhược ly sân nhuế tức đặc bát chủng hỷ duyệt tâm pháp. Hà đẳng vi bát ?

Nhút : Vô tổn não tâm.

Nhị : Vô sân nhuế tâm.

Tam : Vô tranh tụng tâm.

Tứ : Nhu hòa chất trực tâm.

Ngũ : Đắc Thánh giả từ tâm.

Lục : Thường tác lợi ích an chúng sanh tâm.

Thất : Thân tướng đoan nghiêm chúng cộng tôn kính.

Bát : Dĩ hòa nhĩ cố, tốc sanh Phạm thế.

Thị vi bát. Nhược năng hồi hương A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đặc Phật vô ngại tâm, quán giả vô yểm.

BÀI THỨ MƯỜI BẢY

10- MINH LY TÀ KIẾN CÔNG ĐỨC

Phục thứ Long vương ! Nhược ly tà kiến, tức đặc thành tựu thập công đức pháp. Hà đẳng vi thập ?

- Nhút : Đắc chơn thiện ý lạc, chơn thiện đấng lữ.
 Nhị : Thâm tín nhân quả, ninh quyền thân mạng, chung bất tác ác.
 Tam : Duy quy y Phật, phi dư thiên đấng.
 Tứ : Trực tâm chánh kiến, vĩnh ly nhứt thiết kiết hung nghi vông.
 Ngũ : Thường sanh nhân thiên bất cánh ác đạo.
 Lục : Vô lượng phước tuệ, chuyển chuyển tăng thắng.
 Thất : Vĩnh ly tà đạo, hành ư Thánh đạo.
 Bát : Bất khởi thân kiến, xả chư ác nghiệp.
 Cửu : Trụ vô ngại kiến.
 Thập : Bất đọa chư nạn.

Thị vi thập. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, tốc chứng nhứt thiết Phật Pháp, thành tựu tự tại Thần thông.

BÀI THỨ MƯỜI TÁM

IV- MINH THẬP THIỆN NGHIỆP THẮNG HẠNH.

1- MINH LỤC ĐỘ

a) Quảng Minh Bố Thí Độ

Nhĩ thời Thế Tôn! Phục cáo Long vương ngôn: Nhược hữu Bồ Tát ý thử Thiện nghiệp, ư tu đạo thời, năng ly sát hại nhi hành bố thí cố. Thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, trường thọ vô yếu, bất vi nhứt

thiết oán tặc tổn hại. Ly bất dữ thủ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, tối thắng vô tỷ, tất năng bị tập chư Phật pháp tạng. Ly phi phạm hạnh nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, kỳ gia trình thuận, mẫu cập thê tử, vô hữu năng dĩ dục tâm thị giả.... Ly hư cưỡng ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, ly chúng hủy báng, nhiếp trì Chánh pháp, như kỳ thệ nguyện, sở tác tất quả. Ly ly gián ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, quyến thuộc hòa mục, đồng nhứt chí lạc, hằng vô quai tránh.

BÀI THỨ MƯỜI CHÍN

QUẢNG MINH BỐ THÍ ĐỘ (TỤC TIỀN)

Ly thô ác ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, nhứt thiết chúng hội hoan hỷ quy y, ngôn giai tín thọ, vô vi cự giả. Ly vô nghĩa ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo vô năng xâm đoạt, ngôn bất hư thiết, nhân giai kính thọ, năng thiện phương tiện, đoạn chư nghi hoặc. Ly tham cầu tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, nhứt thiết sở hữu, tất dĩ huệ xả, tín giải kiên cố, cụ đại oai lực. Ly phần nộ tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, tốc tự thành tựu vô ngại tâm trí, chư căn nghiêm hảo kiến giai kính ái. Ly tà đảo tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, hằng sanh chánh kiến, kính tín chi

gia, kiến Phật, văn Pháp, cúng dường chúng Tăng, thường bất vong thất Đại Bồ-đề tâm.

Thị vi Đại sĩ tu Bồ Tát đạo thời, hành Thập Thiện nghiệp, dĩ thí trang nghiêm sở hoạch đại lợi.

BÀI THỨ HAI MƯỜI

b) Lược Minh Dư Ngũ Độ

Như thị Long vương ! Cử yếu ngôn chi, hành Thập thiện đạo, dĩ Giới trang nghiêm cố, năng sanh nhứt thiết Phật pháp nghĩa lợi, mãn túc đại nguyện. Nhẫn nhục trang nghiêm cố, đắc Phật viên âm, cụ chúng tướng hảo. Tinh tấn trang nghiêm cố, năng phá ma oán, nhập Phật pháp tạng. Định trang nghiêm cố, năng sanh niệm, tuệ, tầm, quý, khinh an. Tuệ trang nghiêm cố, năng đoạn nhứt thiết phân biệt vọng kiến.

BÀI THỨ HAI MƯỜI MỐT

2- MINH CHÚNG HẠNH

Từ trang nghiêm cố, ư chư chúng sanh bất khởi não hại. Bi trang nghiêm cố, mãn chư chúng sanh thường bất yếm xả. Hỷ trang nghiêm cố, kiến tu thiện giả tâm vô hiềm tặc. Xả trang nghiêm cố, ư thuận vi cảnh vô ái nhuế tâm. Tứ nhiếp trang nghiêm cố, thường cần hóa nhứt thiết chúng sanh.

BÀI THỨ HAI MƯỜI HAI

Niệm xứ trang nghiêm cố, thiện năng tu tập Tứ Niệm Xứ quán. Chánh cần trang nghiêm cố, tất năng đoạn trừ nhứt thiết bất thiện pháp, thành nhứt thiết thiện pháp. Thần túc trang nghiêm cố, hằng linh thân tâm khinh an khoái lạc. Ngũ căn trang nghiêm cố, thâm tín kiên cố, tinh cần phỉ giải, thường vô mê vọng, tịch nhiên điều thuận đoạn chư phiền não. Lục trang nghiêm cố, chúng oán tận diệt, vô năng hoại giả. Giác chi trang nghiêm cố, thường thiện giác ngộ nhứt thiết chư pháp. Chánh đạo trang nghiêm cố, đắc chánh trí tuệ, thường hiện tại tiền. Chỉ trang nghiêm cố, tất năng địch trừ nhứt thiết kiết sử. Quán trang nghiêm cố, năng như thật tri chư pháp tự tánh. Phương tiện trang nghiêm cố, tốc đắc thành mãn vi vô vi lạc.

3- QUẢNG KẾT

Long vương đương tri ! Thử Thập Thiện Nghiệp, nãi chí năng linh Thập lực Tứ vô úy, Thập bát bát cộng nhứt thiết Phật pháp, giai đắc viên mãn. Thị cố nhữ đẳng ưng cần tu học.

BÀI THỨ HAI MƯỜI BA

V- MINH THẬP THIÊN NGHIỆP THÙ THẮNG

Long vương ! Thí như nhứt thiết thành ấp tụ lạc giai y đại địa nhi đắc an trụ, nhứt thiết được thảo hủy

mộc tùng lâm, diệc y địa nhi đắc sanh trưởng. Thử Thập Thiện Đạo, diệc phục như thị. Nhứt thiết nhân thiên y chi nhi lập, nhứt thiết Thanh Văn, Độc Giác Bồ-đề, chư Bồ Tát hạnh, nhứt thiết Phật pháp, hàm cộng y thử Thập Thiện đại địa nhi đắc thành tựu.

C) LƯU THÔNG PHẦN

Phật thuyết thử Kinh dĩ, Ta-kiệt-la Long vương cập chư đại chúng nhứt thiết thế gian, thiên, nhân, A-tu-la đấng, giai đại hoan hỷ tín thọ phụng hành.

*

* *

KINH
TỬ THẬP NHI CHƯƠNG
(GIẢI THÍCH)

BỨC THƯ

THAY LỜI TỰA

Đạo Phật được truyền bá sang Việt Nam có lẽ trước cả ở Trung Quốc, vì tiền đường giao thông với Thiên Trúc. Đến đời nhà Lý, Phật giáo tuy không gọi là quốc giáo, nhưng thật sự đã chiếm một vị trí độc tôn ở nước ta. Chùa chiền được vua, quan xây dựng từ đế đô đến các làng mạc xa xôi, hiện nay còn để lại nhiều đền chùa cổ kính, như chùa Một Cột, đền Trấn Vũ tục gọi là đền Quan Thánh v.v... ở Hà Nội.

Ngày nay tuy có nhiều Tôn giáo khác cũng được du nhập, nhưng khối Phật tử vẫn còn chiếm một tỷ lệ rất cao, có lẽ 6, 70 phần trăm dân số.

Vì tấm lòng tôn sùng giáo lý của Đức Phật trong tinh thần của người dân Việt thấm nhuần một cách sâu xa từ mấy mươi thế kỷ trước, nên từ triết lý, văn chương đến những câu nói thông thường trong dân chúng như luân hồi, quả báo... đều chịu ảnh hưởng của Đạo Phật.

Trước kia, ở nước ta, Hán văn được phổ biến khắp trong hang cùng ngõ hẻm, nên chữ Hán đã được gọi là chữ "An Nam", thành ra kinh sách của Đạo Phật đều viết bằng Hán tự. Ngày nay chữ Việt đã được thay thế chữ Hán, người biết Hán tự càng ngày càng hiếm, những

kinh sách viết bằng chữ Hán chỉ dịch ra quốc ngữ mới được vài phần, còn bao nhiêu Kinh tạng quý báu chưa được phiên dịch, như bị chìm lặn vào quá khứ, lãng quên. Trong khi đó có nhiều vị am tường Hán học, sốt sắng phiên dịch, nhưng vì tài chánh eo hẹp, dịch xong rồi một bộ Kinh, không có tiền để in thành sách. Có khi cố gắng đem xuất bản, lại không đủ tiền thanh toán cho nhà in, như trường hợp Sư Hoàn Quan đã in quyển Kinh Thập Thiện từ năm 1965 đến năm nay (1967) vẫn còn thiếu nhà in bốn ngàn đồng.

Để góp sức phần nào cùng Sư Hoàn Quan trong việc truyền bá Phật pháp, tôi đã lãnh việc ấn tống quyển Kinh TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG này, mong rằng quý vị Phật tử bốn phương sẽ hoan hỷ phụ lực góp phần công đức.

Để tiếp tục ấn tống những bộ Kinh khác do Sư Hoàn Quan đã dịch và đang dịch hiện nay, quý Phật tử nào sẵn lòng, tùy khả năng nhiều ít, cúng dường Pháp Bảo ngay bây giờ, xin liên lạc với Sư Hoàn Quan tại chùa KHÁNH VÂN, Bình Thới - Chợ Lớn hay là cùng tôi tại 545 đường Nguyễn Trãi, Chợ Lớn, để lập thành một "Ban Ấn tống" những thứ kinh sách đã được phiên dịch ra Việt văn, hầu góp phần công đức vào việc truyền bá giáo lý, lợi lạc quần sanh.

Nam mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma-ha-tát.

Sài Gòn, ngày 12-10-1967

(mùng 9 tháng 9 năm Đinh Mùi)

Bác sĩ **Cao Văn Trí**

LỜI NÓI ĐẦU

Tứ Thập Nhị Chương là một bộ Kinh được phiên dịch đầu tiên ở Trung Quốc.

Nguyên vào đời Hậu Hán (Đông Hán) niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ 3 (TL. 60), một hôm, Vua Minh Đế nằm mộng “thấy một người mình vàng, cao một trượng sáu, trên đỉnh có hào quang chiếu sáng như mặt nhật, bay đến trước sân điện của nhà vua”. Sáng ra, nhà vua bèn đem điềm mộng ấy hỏi trong quần thần. Khi ấy, có ông Thái sư Phó Nghị tâu rằng “Thần nghe bên Tây Vực có vị Thánh lấy hiệu là Phật Đà, toàn thân một màu vàng kim sắc. Có khi Bệ hạ đã thấy Ngài đó chăng?”

Nghe xong, nhà vua liền sai ông Thái Hâm và Vương Tuân cùng phái đoàn cả thầy 18 người qua nước Đại Nhục Chi thuộc về Ấn Độ, để thỉnh Kinh tượng. Đi nửa đường, phái đoàn gặp hai vị Pháp sư Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan dùng bạch mã chở kinh điển từ Thiên Trúc qua Trung Quốc. Mãi đến năm thứ mười niên hiệu Vĩnh Bình (TL. 67), phái

đoàn mới về tới Lạc Dương. Bấy giờ, vua Minh Đế liền sắc chỉ cho xây cất chùa Bạch Mã để thờ Phật và Kinh, đồng thời cũng cung thỉnh hai vị Pháp sư ở đó lo việc phiên dịch, truyền bá, và bộ Kinh “Tứ Thập Nhị Chương” được hai Ngài phiên dịch trước nhất.

Tứ Thập Nhị Chương là một bộ Kinh hàm chứa được sự lý rất tinh diệu và phong phú.

Về sự, thì ngay trong chương đầu đã ghi được thành tích trước sau của Đức Thế Tôn thành đạo và nói pháp, nên Kinh này có thể làm những bài học quý báu để ghi nhớ bốn hạnh của Đức Thích Ca Từ Phụ vậy.

Về lý, thì Tứ Thập Nhị Chương bao quát tất cả giáo nghĩa Đại thừa và Tiểu thừa. Ngay nơi đó, người đọc, có thể biết được pháp yếu của Phật pháp, không cần tìm tòi đâu nữa. Để chứng minh điều đó, chúng ta hãy tìm ý chỉ của mỗi chương như sau:

1) Trong 42 chương, ba chương đầu là lời dạy chung về Hạnh Quả cho cả Tam thừa, vì họ đều lấy liễu thoát sanh tử làm căn bản (Tam thừa tức là Thỉnh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát). Chỗ thông nhau của họ đều lấy sự xuất gia làm NHÂN, liễu thoát sanh tử làm QUẢ. Đó là Cộng Giáo Hạnh Quả của Tam thừa vậy.

2) Từ chương 4 đến chương 8 là thuyết minh nghĩa nhân quả thiện ác của thế và xuất thế. Đây là nghĩa thiện ác thông cả Ngũ thừa. Ý trên hai nghĩa này, ta thấy tất cả pháp thế gian và xuất thế gian đều được thấu tóm không sót.

3) Từ chương 9 đến chương 38 là đặc biệt thuyết minh về Thắng hạnh của Đại thừa bất cộng. Lục độ, Vạn hạnh đều được hàm chứa trong đó. Vì thế mà trong Kinh này, giản lược nghĩa lý Tiểu thừa, thuyết minh rõ về nghĩa lý Đại thừa để đem tất cả Phật pháp về một mối.

4) Từ chương 39 đến chương 41 là nói tổng quát về Giáo, Lý và Hạnh. Giáo phải tin thọ, Lý phải thông hiểu, Hạnh phải tu trì.

5) Chương cuối cùng là tổng kết: Phải đem Phật tri mà quán sát khắp tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian.

Y cứ trên những lý lẽ đã trình bày, thì dù cho sau này, các vị Cổ đức có phương tiện diễn nói bao nhiêu nghĩa lý trong ba tạng mười hai bộ Kinh chẳng nữa, cũng không thể vượt ra ngoài bộ Kinh Tử Thập Nhị Chương này được.

Ấy là chỗ tinh diệu, phong phú của Kinh Tử Thập Nhị Chương vậy.

*

* *

BÀI I

後漢迦葉摩藤竺法蘭同譯

A. 總起分

世尊成道已，作是最是
 思惟：離欲大寂靜，是最
 為勝；住於鹿野度橋中，諸
 魔道諦五人而所說世尊，轉
 四等比丘止悟，如復求一
 等有佛進開尊，救一而
 一順尊救。

DỊCH NGHĨA**Đời Hậu Hán Ngài CA DIẾP MA ĐĂNG
và TRÚC PHÁP LAN đồng dịch****A- PHẦN TỔNG KHỞI**

Sau khi thành đạo, Đức Thế Tôn khởi niệm suy nghĩ “Rời bỏ tham dục được sự tịch tịnh thật là hơn hết”. Rồi Ngài an trụ đại Thiên định, hàng phục các ma đạo. Sau đó, Ngài đến vườn Lộc Uyển, chuyển pháp luân Tứ Đế độ năm anh em ông Kiều Trần Như, đều chứng được đạo quả. Lại có thầy Tỳ-kheo nào trình bày các sự nghi ngờ của mình cầu Phật giải quyết, thì Đức Thế Tôn dạy về rõ ràng, ai nấy đều được khai ngộ, chấp tay cung kính mà vâng lời Phật dạy.

GIẢNG NGHĨA

Thế Tôn : Tiếng Phạm gọi là Bạc Già Phạm (薄伽梵 = Bhagavat), cũng gọi là Lộ Ca Na Tha (路迦那他 = Lokannatha), cũng gọi là Bà Già Bà (婆伽婆 = Bhagavat). Ấy là danh xưng của Phật (Thế : Hữu tình thế gian). Vì Phật đầy đủ phước đức trí huệ, nên đều được mọi người tôn kính. Chữ Thế Tôn là thông danh của tất cả các Đức Phật chứ không

riêng chỉ một vị Phật nào, nhưng vì thế giới Ta-bà do Đức Thích Ca làm giáo chủ, nên chữ Thế Tôn ở đây chính là chỉ cho Đức Thích Ca vậy.

Đại định: Tức là Phật định, đây là một đức trong ba đức của Phật. Ba đức của Phật: Đại định, Đại trí và Đại bi. Tâm Phật vắng lặng sáng suốt gọi là Đại định. Dùng tâm vắng lặng sáng suốt chiếu soi tất cả pháp giới ấy là Đại trí, vì chiếu tất cả pháp giới nên đối với chúng sanh đau khổ sanh lòng cứu giúp ấy là Đại bi. Ba đức còn gọi là Trí đức, Đoạn đức và Ân đức. Dùng Đại định đoạn tất cả vọng hoặc ấy là Đoạn đức, Đại trí tức là Trí đức, Đại bi tức là Ân đức. Trí đức và Đoạn đức thuộc về tự lợi, còn Ân đức thuộc về lợi tha.

Tứ đế : Cũng gọi là Tứ Chơn đế hay Tứ Thánh đế (chữ “Thánh” nghĩa là thấy được chơn lý). Chữ “đế” có nghĩa chắc thật, Tứ đế là bốn điều chắc thật không ai chối cãi được. Bốn đế lý ấy là:

1) Khổ đế:

Khổ có nghĩa là đau đớn. Theo trong Đại Luận thì: Vô lượng chúng sanh có bốn điều khổ về thân là sanh, lão, bệnh, tử; ba điều khổ về tâm là tham, sân, si. Ba món trên là cái nhân đời sau phải chịu khổ địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Nói một cách tổng quát thì khổ có tam khổ và bát khổ, đều là cái khố sanh tử trong tam giới. Xét cho kỹ thì sanh tử thật là khổ, nên gọi là Khổ đế.

2) Tập đế:

Tập có nghĩa là nhóm góp, huân tập. Nếu tâm tương ưng với kiết nghiệp (Kiết nghiệp: Kiết tức là hoặc, do hoặc mà khởi ra các việc làm thiện ác gọi đó là nghiệp) thì vị lai quyết định bì huân tập nhóm góp khổ sanh tử, nên gọi là tập. Xét kỹ thì tất cả hoặc nghiệp phiền não đã gây tạo chắc chắn nó sẽ đưa đến cái khổ sanh tử trong tam giới, nên gọi là Tập đế.

3) Diệt đế:

Diệt tức là Tịch diệt hay là Niết-bàn. Kiết nghiệp đã hết không còn khổ lụy sanh tử nữa, nên gọi là Diệt. Vì các kiết sử phiền não diệt, nên những nghiệp trong tam giới cũng diệt, nếu các nghiệp phiền não trong tam giới đã diệt thì liền được Diệt đế Hữu dư Niết-bàn. Khi xả báo thân này, cái khổ quả đời sau không còn tương tục nữa, bấy giờ gọi là nhập Vô dư Niết-bàn. Xét cho kỹ thì Niết-bàn thật là vắng lặng, nên gọi là Diệt đế.

4) Đạo đế :

Đạo có nghĩa là “Năng thông”. Chánh đạo và trợ đạo giúp nhau có thể đi đến cảnh giới Niết-bàn. Xét kỹ thì Chánh đạo và trợ đạo nương nhau chắc chắn có thể đưa chúng sanh suốt đến cảnh giới Niết-bàn không hư dối, nên gọi là Đạo đế.

Chánh đạo : Là thật quán 37 phẩm trợ đạo và Tam giải thoát môn (Tam giải thoát môn chính là “Tam Tam muội hay Tam Tam ma địa”: 1) Không

tam muội. 2) Vô tướng tam muội. 3) Vô nguyện tam muội) duyên nơi Lý huệ. (Lý: Đạo lý sở quán, Huệ: Trí huệ năng quán) vận hành gọi là Chánh đạo.

Trợ đạo : Là thấu suốt được mỗi mỗi pháp đối trị và các thiên định trong khi quán gọi là Trợ đạo.

ĐẠI Ý

Đoạn này là phần duyên khởi, nói: Đức Thế Tôn sau khi thành đạo, Ngài liền nhập Đại định, độ năm vị Tỳ-kheo và giải quyết các điều nghi ngờ cho họ.

GIẢI THÍCH

Thông thường Kinh Phật chia làm 3 phần chính: 1) Tự phần, 2) Chánh tôn phần, 3) Lưu thông phần. Phần tổng khởi này chính là phần tự.

SAU KHI THÀNH ĐẠO

Rời bỏ tham dục (ly dục) tức nhiên không còn tham muốn một điều gì, dầu cho điều tham muốn đó hết sức nhỏ nhiệm. Khi còn ở quả vị Bồ Tát công hạnh chưa viên mãn; vẫn chưa khởi có sự mong cầu ước muốn, đã có sự mong cầu ước muốn thì tâm có khuynh hướng, mà tâm có khuynh hướng thì phải bị dao động, đến khi thành Phật rồi thì tâm lượng viên mãn, lòng mong muốn không còn nữa. Ở đây, cái tinh thần giới vắng lặng an ổn đến chỗ cùng cực, là nghĩa

viên tịch Niết-bàn, nhưng nó là “Đại viên tịch”, là “Đại cứu cánh” nên gọi là Tối thắng.

Thiền : Nói đủ là Thiền-na (Dhyàna) có nghĩa là tịnh lự, tức là vắng lặng tư duy. Hai chữ “Tịnh lự” đây đồng nghĩa với hai chữ “Định huệ”. Tịnh tức là Định; lự tức là Huệ. Định và Huệ tương ưng nên tâm được vắng lặng sáng suốt và phát ra năng lực mạnh mẽ: Thần thông, biện tài không có thứ nào là không đầy đủ, nên có thể hàng phục hết thảy các ma đạo.

Ở đây nói “ma” là y theo nghĩa “sát hại” vì nó hay làm hại những kẻ tu hành. Nói một cách tổng quát: Những cái gì quỷ quái có thể làm hại đạo đức của người chơn chánh tu hành đều gọi là ma cả. Theo trong Kinh Phật thì gọi những gì làm hư hoại Định Huệ là ma, như : Thất tình, lục dục và các bạn ác v.v...

Khi Đức Phật thành đạo, tâm Ngài vắng lặng chiếu soi, bao nhiêu ma sự ngăn ngại đạo đức đều không còn hiện trong tâm cảnh nữa, nên gọi là hàng phục các ma đạo.

Ở chánh văn: Từ “Thế Tôn... đến... hàng phục các ma đạo” là trình bày cái chơn tướng tinh thần giới về nội tâm của Đức Phật.

THUYẾT PHÁP ĐỘ SANH

Buổi thuyết pháp đầu tiên tại Lộc Dã Uyển: Ở trong nước Ba La Nại thuộc xứ Ấn Độ, Đức Phật nói pháp Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo gọi là “Sơ chuyển

pháp luân”. Chữ “luân” có nghĩa là chuyển vận. Những lời thuyết pháp của Đức Phật đều đem Thắng nghĩa Tứ đế do tự tâm chứng ngộ mà chuyển vận vào trong tâm thức của tất cả chúng sanh và khiến người nghe rồi, lại chuyển vận vào tâm thức của người chưa nghe; cứ thế, như bánh xe chuyển vận không ngừng, nên gọi là “Chuyển pháp luân”.

Theo trong các Kinh chép thì: Khi mới thành đạo hoặc bảy ngày, hoặc 21 ngày, hoặc 49 ngày, Đức Phật trụ trong thiền định sâu nhiệm là thời kỳ thọ dụng pháp lạc Vô thượng Chánh Biến Giác, tức là đoạn này nói: “Rời bỏ tham dục... an trụ Đại thiên định v.v...”. Mười phương chư Phật và Bồ Tát đồng ở trong diệu định này mà thọ pháp lạc, nhóm đại pháp hội để nói các kinh điển thâm thâm gọi là “Đạo tràng tịch diệt”. Nhưng phàm phu không hề hay biết, vì Đức Phật chỉ nhập Đại thiên định mà thôi. Xét ra, Kinh giáo Đại thừa, như “Hoa Nghiêm, Đại Tỳ Lô v.v...” đều nói ở trong định này. Còn tại Lộc Dã Uyển, Đức Phật nói pháp Tứ đế là bốn bộ A Hàm v.v... Khi thuyết pháp, Đức Phật vì các vị Tỳ-kheo giải quyết những điều nghi ngờ khiến cho họ mỗi mỗi đều được khai ngộ. Đây là thời thuyết pháp các bộ Phương Đẳng Đại thừa, Bát Nhã, Pháp Hoa và Niết Bàn v.v... ấy là một đời thuyết pháp của Đức Phật vậy.

Trong đoạn văn này: Từ câu “Khởi niệm suy nghĩ... hàng phục các ma đạo”, là nói về Quả tự lợi được đầy đủ, từ “Ở Lộc Dã Uyển...” là nói Quả lợi tha đầy đủ, thế là tự lợi và lợi tha đều viên mãn vậy.

Đoạn văn này còn nói đến sự thành tựu ba đức và viên mãn bốn thân của Phật:

Ba đức : Rời bỏ tham dục được sự tịch tịnh là “Đoạn đức”; an trụ Đại thiên định là “Trí đức”; nói pháp độ sanh là “Ân đức”.

Bốn thân : Rời bỏ tham dục được sự tịch tịnh là “Pháp thân”; an trụ Đại thiên định là “Tự thọ dụng thân”; nói pháp độ sanh là “Tha thọ dụng và Ứng hóa thân”.

*

* *

BÀI II

B- 正說分

I- 三乘共教行果

1- 證出世果

第一章。佛言：辭
 第一家，識心達本，
 為法，名曰沙門，
 行二，百五十四，
 淨，為十四，道
 阿羅漢，阿羅
 能飛，變動，地
 命，住含，阿那
 阿壽，那終靈，上
 為壽，阿壽，神，十
 者，壽為阿壽，神，十
 者，劫次者，含

親解。進行漢曠。含

九 天 ， 證 阿 羅 漢 。 次
 為 斯 陀 含 ， 斯 陀 含 者
 : 一 上 一 還 即 得 阿 羅
 漢 。 次 為 須 陀 洹 ， 須
 陀 洹 者 : 七 死 七 生 便 者
 證 阿 羅 漢 。 愛 欲 斷 者
 如 四 肢 斷 不 復 用 之 。

DỊCH NGHĨA

B. PHẦN CHÁNH THUYẾT

I- HẠNH QUẢ CỦA TAM THỪA CỘNG GIÁO

1- CHÚNG QUẢ XUẤT THẾ

CHƯƠNG I

Phật dạy : Những người từ già cha mẹ đi xuất gia, nhận biết tự tâm rõ suốt bản tánh, ngộ pháp Vô vi, gọi là bậc Sa-môn, thường giữ gìn 250 giới, sống đời thanh tịnh, tu hành bốn món Chơn đạo, thành bậc A-la-hán. A-la-hán là những vị có thể phi hành biến hóa, mạng sống lâu dài, an trụ ở đời động cả trời đất. Kế là A-na-hàm, những vị A-na-

hàm, khi mạng chung Linh thần sẽ sanh lên cõi trời thứ 19 thì chứng được quả A-la-hán. Kế đó là Tư-dà-hàm, những vị Tư-dà-hàm này còn một phen sanh lên cõi trời và một phen sanh xuống cõi người thì chứng được quả A-la-hán. Kế đó nữa là Tu-dà-hoàn, những vị Tu-dà-hoàn còn phải bảy lần sanh và bảy lần tử mới chứng được quả A-la-hán. Những vị này đoạn ái dục như đoạn tứ chi không còn dùng nữa được.

GIẢNG NGHĨA

Xuất gia : Đi tu, có 3 nghĩa: Xuất tĩ ế tục gia, Xuất phiền não gia và Xuất tam giới gia.

Sa-môn : Chỉ cho những người xuất gia. Bên Ấn Độ, danh từ này không phải riêng chỉ cho Phật giáo đồ mà chỉ chung cho tất cả bậc tu hành bất luận ở đạo nào.

Tu bốn món Chơn đạo : Tức quán Tứ Đế hay quán Tứ Niệm Xứ.

Linh thần : Thần thức linh diệu, chủ trị thể xác con người, chính là Đệ bát thức.

Pháp Vô vi : Pháp không tạo tác, không bị sự chi phối của bốn tướng: sanh, trụ, dị, diệt gọi là Vô vi. Vô vi cũng chính là tên khác của chơn lý. Pháp Vô vi gồm có sáu thứ:

1) *Hư không Vô vi* : Pháp tánh xưa nay xa lìa các chướng, vắng lặng như hư không.

2) *Trạch diệt Vô vi* : Trạch diệt Vô vi còn gọi là Số diệt Vô vi (Số tức là pháp số, vì pháp hữu vi số lượng rất nhiều, nên dùng chữ số để chỉ chung, nó đồng nghĩa với chữ trạch). Dùng sức trí huệ để giản trạch lý của sự vật. Vì nhờ sức trí huệ giản trạch mà dứt được phiền não, hiển bày được Diệt đế gọi đó là Trạch diệt. Thật thể của Diệt đế chính là Niết-bàn. Trong cái thể của Niết-bàn không có các tướng hữu vi, nên đối với hữu vi gọi nó là Vô vi.

3) *Phi trạch diệt Vô vi* : Phi trạch diệt Vô vi cũng gọi là Phi số diệt Vô vi. Vì thật thể của Diệt đế (Pháp tánh) xưa nay vắng bật các chướng xa hẵn phiền não không phải nhờ đến sức của trí huệ giản trạch mà được, nên gọi là Phi trạch diệt.

4) *Bất động Vô vi* : Khi sanh lên cõi Tứ thiên, Pháp tánh xa lìa khổ thọ và lạc thọ, vì xa được sự thô động của hai thọ, nên gọi là Bất động.

5) *Tướng thọ diệt Vô vi* : Khi vào Thánh vị, thì Diệt tận định thuộc về cõi Phi phi tướng đã diệt được tâm tướng của sáu Thức và hai món thọ mà được hiển bày, nên gọi là Tướng thọ diệt.

6) *Chơn như Vô vi* : Vì Pháp tánh xưa nay chơn thật thường NHƯ nên gọi là Chơn như.

Trong năm món Vô vi trước, chỉ là từ Pháp tánh hiển thị sự sai biệt giả lập. Năm món trước là nói đến giả danh về phần tướng của Pháp tánh, còn một

món sau là nói đến giả danh về phần thể của Pháp tánh.

ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Người xuất gia làm Sa-môn giữ giới thanh tịnh và tu theo bốn món Chơn đạo, tùy chỗ dụng công cao thấp mà chúng được một trong bốn quả xuất thế.

GIẢI THÍCH

Kinh này, trước tiên là nói về Tam thừa Cộng giáo. Chữ “CỘNG” đây có nghĩa là “THÔNG”. Theo Thiên Thai tôn thì CỘNG GIÁO chính là Thông giáo trong Tứ giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên). Tam thừa là Thịnh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát. Điều nên biết là trong Bồ Tát thừa bao giờ cũng gồm có nghĩa lý của hai thừa kia, còn hai thừa kia không thể bao quát được nghĩa lý của Bồ Tát thừa.

Về Cộng giáo, người ta còn nhận thấy cái Hạnh để tu cái Quả để chứng, nên gọi là “Hạnh Quả của Tam thừa Cộng giáo”.

Trong đây, Sa-môn chính là chỉ những vị xuất gia tu hành theo Phật giáo. Những vị này siêng năng tu giới, định, huệ và cố gắng dứt các phiền não: tham, sân, si, nên Sa-môn cũng dịch là Cần Tức. Nếu như tham, sân, si phiền não dứt hết rồi thì đã được thoát khỏi sanh tử. Nhưng ở đây, cần phải tu giới, định,

huệ; mà muốn tu Giới, Định, Huệ thì trước tiên phải từ thân xuất gia. “Từ thân” có hai ý nghĩa:

1) Vâng theo lời cha mẹ, hoặc được cha mẹ cho phép.

2) Từ bỏ thân thuộc để đoạn các sự triền phược. Chữ “gia” là chỉ cả gia tộc và tài sản, xuất gia chính là từ biệt gia tộc xả bỏ tài sản.

Nhưng cao hơn một tầng nữa, hai chữ “xuất gia” còn có nghĩa “ra khỏi nhà Tam giới”. Chúng sanh từ hồi nào đến giờ lưu chuyển trong các thú, nhận Tam giới là nhà nên thường thọ các nghiệp báo hữu lậu. Trong Kinh Pháp Hoa, ví ba cõi như lao ngục hay như nhà lửa, cần phải ra khỏi, nên thâm nghĩa của hai chữ “xuất gia” chính phải ra khỏi Tam giới mới là cứu cánh. Vì lẽ đó nên muốn được quả Sa-môn cần phải tập hạnh xuất gia, muốn tập hạnh xuất gia thì phải “Thức tâm, Đạt bốn và Hiểu rõ Pháp Vô vi”. Nếu như không thể “Thức tâm, Đạt bốn” thì dù có xuất gia cũng không thể gọi là “Sa-môn” được.

Thức tâm là nhận biết nguồn tâm của mình, đạt bốn là hiểu rõ cái lẽ nhiệm mầu của Phật. Ở đây nói “Thức tâm, Đạt bốn” chính ở chỗ khác gọi là “Minh tâm Kiến tánh” vậy. Tâm là vua của muôn pháp, chúng sanh bị sanh tử luân hồi đều do tâm tạo ra, nên tâm hay biến hóa tất cả, tạo tác tất cả, lãnh thọ tất cả. Nếu như tâm bất giác thì tâm không thể làm chủ được mà phải tùy nghiệp lưu chuyển nên nhưt

định phải “Thức tâm Đạt bốn” mới có thể chuyển tất cả nghiệp và tự làm chủ lấy.

Tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian đều do nhân duyên sanh ra và các nhân duyên đó đều do tâm hoạt động tạo tác mà thành. Vì tâm hàm chứa muôn pháp mà muôn pháp lại làm duyên tăng thượng cho tâm; nên “Thức tâm” chính là biết rõ “*Tam giới Duy tâm, muôn Pháp Duy thức*”. Vì lẽ đó mà người tu Phật cần phải biết được tự tâm. Còn “Đạt bốn” cũng chính là hiểu suốt cái “Bản lai diện mục”. Bản lai diện mục tức là cái tướng chơn thật của muôn sự muôn vật xưa nay bình đẳng. Ở đây người ta thường nói là Thật tướng của các pháp.

Các pháp đều từ nhân duyên mà sanh, không có thật thể. Chẳng khác nào một đoàn thể, sự hoạt động của đoàn thể ấy đều không có một tự thể, nên thể tánh của nó chỉ là không. Các pháp cũng thế, tánh của nó là không. Cái Tánh KHÔNG đó chính là Thật tướng của các pháp. Thật tướng của các pháp xưa nay là như thế. Nếu ai có thể đạt đến chỗ ấy, gọi là “Đạt bốn”.

Tóm lại “Thức tâm” tức là hiểu được cái nghĩa duyên sanh Tục đế, còn Đạt bốn là hiểu được cái nghĩa Tánh không Chơn đế. Chẳng những Bồ Tát phải ngộ được nghĩa này mà ngay nơi hàng Nhị thừa cũng phải thấu suốt.

Vô vi pháp là Pháp không tạo tác, gồm có hai nghĩa:

1) Tất cả Nhân duyên sanh pháp, Tánh nó vốn không, cái tánh không này, nó không sanh không diệt, không như không sạch, không thêm không bớt, xa lìa sự tạo tác. Ấy là nghĩa của Vô vi pháp (Niết-bàn).

2) Vì Thức tánh không, nên tất cả phiền não sanh tử đều có thể giải thoát. Nhưng muốn được giải thoát, phải y cứ trên trí huệ sanh ra do “Thức tâm Đạt bốn” để diệt trừ phiền não. Vì phiền não diệt, nên nghiệp diệt, nghiệp diệt tức nhiên giải thoát sanh tử và được thường an trụ Niết-bàn, là Vô vi pháp. Đây là nghĩa của Quả Vô vi pháp chứng được. Nếu ai thông đạt được các nghĩa trên, gọi là bậc Sa-môn, còn như ai do công tu hành là được quả thù thắng, thì gọi là Sa-môn quả. Vì lẽ đó mà bốn quả Thanh Văn cũng gọi là bốn quả Sa-môn vậy.

*

* *

BÀI III

2. 修出家行

第 二 章 。 佛 言 ：
 出 家 沙 門 者 ， 斷 欲
 去 愛 ， 深 理 ， 為
 達 佛 內 無 所 得 ， 外
 法 所 求 ， 心 不 繫
 無 亦 不 結 業 ， 念
 作 非 修 非 證 ， 不
 諸 位 而 自 崇 最 歷
 之 為 道 自 崇 最 名
 第 三 章 。 佛 言 ：
 剃 除 三 鬚 而 為 沙 門
 ， 受 道 法 者 ， 去 世

資財，乞求取足，日
中一食，樹下一宿，
慎勿再矣！使人愚蔽
者，愛與欲也。

DỊCH NGHĨA

2) TU HẠNH XUẤT GIA

CHƯƠNG II

Phật dạy rằng : Những bậc xuất gia làm Sa môn, dứt bỏ ái dục, nhận biết nguồn tâm của mình, hiểu rõ lý mâu của Phật, ngộ Pháp Vô vi, trong không sở đắc, ngoài không sở cầu; tâm không ràng buộc nơi Đạo, cũng chẳng còn kiết nghiệp, dứt sự suy nghĩ, dứt sự tạo tác, chẳng phải do tu, cũng chẳng phải chứng được; chẳng cần trải qua các vị mà tự nó cao tột, gọi đó là Đạo.

CHƯƠNG III

Phật dạy rằng : Cạo bỏ râu tóc làm bậc Sa môn, là người thọ lãnh Đạo pháp, phải xa bỏ của cải ở đời, mong cầu vừa đủ, giữa ngày ăn một bữa, dưới gốc cây ngủ một đêm, cẩn thận không trở lại. Phải biết rằng: Những điều khiến cho người tu ngu tệ là ái và dục.

GIẢNG NGHĨA

Nguồn tâm : Tâm là căn nguyên của muôn pháp, gọi là nguồn tâm. Trong Luận Bồ Đề Tâm nói rằng: Nếu vọng tâm nổi dậy, phải biết mà chớ theo vọng; khi vọng dứt rồi, thì nguồn tâm vắng lặng, muôn đức đầy đủ, diệu dụng vô cùng.

Sở đắc : Những điều do mình chứng được nhờ sự nghiên cứu và tu tập.

Sở cầu : Những điều mong cầu của mình như người tu hành mong được các pháp Thần thông diệu dụng.

Kiết nghiệp : Kiết là phiền não, Nghiệp là động lực thúc đẩy. Kiết nghiệp tức là nghiệp phiền não. Chúng sanh có sanh tử luân hồi đều do sự thúc đẩy (nghiệp) của phiền não gây ra.

ĐẠI Ý

Bài này nói về Hạnh xuất gia: Chương thứ hai là nói phải như thế nào mới được gọi là Đạo. Chương thứ ba là nói: người xuất gia cần phải đoạn ái và dục.

GIẢI THÍCH

Trong ba chương đầu đều nói về việc xuất gia, nhưng chương I chuyên nói về Quả xuất gia, còn 2 chương này thì chỉ nói về Hạnh xuất gia.

Trong câu: “Dứt bỏ ái dục”, Dục ở đây chính là một trong 51 món Tâm sở, tức là món Tâm sở thứ

nhứt trong năm món Biệt cảnh. Hiện nay theo Tâm lý học, Tâm sở hữu pháp, người ta thường gọi là tác dụng của tâm. Trong Phật pháp thường chia tác dụng của tâm ra làm 51 thứ. Gọi là 51 món Tâm sở.

“Dục” có nghĩa là mong muốn. Tâm sở DỤC vốn thông cả ba tánh là thiện, ác và vô ký, như phát tâm Bồ-đề muốn liễu thoát sanh tử và muốn dứt ác làm lành, ấy là thiện tánh; do lòng tham lam muốn giết người lấy của v.v... ấy là ác tánh; còn như tùy nghiệp thọ báo, nhậm vận phát sanh, ấy là vô ký tánh. Trong đây nói đoạn dục chính là chỉ đoạn ác dục và vô ký dục mà thôi.

Dục có 5 thứ, vì Dục giới có 5 thứ cảnh trần, nên chúng sanh có 5 thứ dục, như: Mắt thì muốn nhìn sắc đẹp, Tai thì muốn nghe tiếng hay, Mũi thì muốn ngửi mùi thơm, Lưỡi thì muốn nếm vị lạ, Thân thì muốn sự xúc chạm. Các món ái dục này bình thường nó là vô ký, nhưng kèm theo sự yêu, ghét, tà kiến mà thành ra dục bất thiện.

Ngay nơi mỗi người cũng có 5 thứ dục:

- | | |
|-------------|--------------|
| 1) Tài sản. | 4) Ăn uống. |
| 2) Sắc đẹp. | 5) Ngủ nghỉ. |
| 3) Danh dự. | |

Năm món này người ta gọi là: Tài, sắc, danh, thực, thù.

Hai món ngũ dục trên là chỉ những thứ dục bất thiện, vô ký của chúng sanh trong Dục giới, các dục này không trừ, chẳng những không thể tu thiền định được, mà còn luôn luôn bị tù hãm trong Dục giới. Theo lời Đức Phật, thì Dục giới do những thứ dục này mà đặt tên.

Người được ra khỏi Dục giới sanh lên Sắc giới và Vô sắc giới đều nhờ thiền định mà thành tựu. Nhưng chúng sanh muốn ra khỏi Dục giới nếu không đoạn dục thì không bao giờ được. Vì thế mà đây nói “đoạn dục”. Khử ái tức là trừ khử lòng ái trước. Lòng ái trước này bao quát cả nghiệp quả trong Tam giới. Từ Sắc giới trở lên, các dục ngũ trần tuy đã đoạn, nhưng đối với cảnh giới thiền định vẫn còn ái trước, nên tâm thiền định này tức thời hòa hợp với tham si, không thể thoát khỏi được phiền não. Như đã được Sơ thiền mà sanh lòng ái trước thì liền sanh lên cõi Sơ thiền thiên. Như thế, suy rộng ra thẳng đến các cõi: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ và Phi phi tưởng xứ cũng đều như thế cả. Ái là phiền não thông cả Tam giới, nên muốn ra khỏi Tam giới cần phải “khử ái”. Tóm lại, dục thì chỉ hạn cuộc trong Dục giới, còn “ái” thì cả Tam giới đều có. “Dục” là một trong năm món Tâm sở biệt cảnh, còn “ái” là tham Tâm sở trong căn bản phiền não.

Trong bốn Quả Sa-môn, hai quả đầu vẫn chưa đoạn dục, đến quả thứ ba mới đoạn được dục, nên gọi là quả vị Ly dục.

Về Đại thừa bát cộng giáo là lấy Từ bi làm gốc. Nhưng Từ bi của Đại thừa cần phải do sự “Đoạn dục khử ái” mới được thành tựu. Bởi vì chẳng “đoạn dục khử ái”, thì “Từ bi” của họ cũng chỉ là do ngã ái phát sanh. Nếu chẳng được vô ngã thì tất nhiên không thể thành tựu được Hạnh Từ bi bình đẳng. Vì lẽ đó, nên việc làm của bậc Sa-môn là phải “Đoạn dục khử ái”.

Câu “Nhận biết nguồn tâm của mình, hiểu rõ lý mầu của Phật”. Chữ “nguồn tâm” ở đây chính là chỉ 12 món duyên khởi. Mười hai món duyên khởi là: 1) Vô minh, 2) Hành, 3) Thức, 4) Danh sắc 5) Lục nhập, 6) Xúc, 7) Thọ, 8) Ái, 9) Thủ, 10) Hữu, 11) Sanh, 12) Lão tử. Sự sanh tử lưu chuyển xoay vần không dứt và bao nhiêu nghiệp báo của chúng sanh đều duyên nơi vô minh tự tâm mà sanh ra. Hành tướng của tâm vô minh khởi diệt vô thường, sát-na biến đổi. Trong sự lưu hành biến động tức có cái hiểu biết phân biệt huân Thức chủng (chủng tử của Thức). Thức chủng này là cái nhen sē thọ nghiệp báo về sau. Thức chủng bao gồm cả: Ngũ uẩn, Lục nhập, Xúc và Thọ. Ở trong cái Hiện thức hễ gặp cảnh thuận thì sanh “ái”, gặp cảnh nghịch thì sanh “sân”, phát ra ba nghiệp, lại tươi nhuận thêm cho Thức chủng ở trước, tức là tươi dưỡng chủng tử nghiệp báo để thọ thân sau, khi báo thân hết mạng chung thì lại theo nghiệp mà thọ sanh, cứ như thế tuần hoàn chẳng dứt và không bao giờ cùng tận.

Như trên, để quan sát nguồn tâm, chúng ta có thể biết rằng: Sự sanh tử tiếp nối đều do nghiệp lực chiêu cảm, mà cái nghiệp này lại y trên Thức chủng, Thức chủng lại do vô minh lưu hành dẫn sanh ra. Vì bản nguyên đều do vô minh nên liền đó phải giác ngộ tâm vô minh này để tự cầu giải thoát. Vì thế nên nói “Nhận biết nguồn tâm của mình” cũng chính là nói “Minh tâm” vậy.

Nhưng làm sao mới có thể tự biết được nguồn tâm?

- Nhứt định phải có Đại trí huệ, nên phải “hiểu rõ lý mâu của Phật”.

Nên biết rằng: vô minh, sanh tử chẳng phải do Thần tạo, chẳng phải do Hư không sanh ra, cũng chẳng phải tự nhiên có. Bao nhiêu lý thuyết của thế gian và các Tôn giáo nói đều là sai lầm, phải đả phá mới có thể hiểu được các Pháp đều do nhân duyên sanh. Vì “duyên sanh” nên các duyên lẫn nhau hòa hợp mà tâm chính là tất cả Pháp, tất cả Pháp chẳng rời nhứt tâm. Thế nên, ngay trong một niệm, Tâm chính là Pháp giới Vô ngại.

Phàm phu, vì tự mê tâm tánh, chấp có ngã pháp, kỳ thật chỉ là mộng huyễn, không có thật thể, nên phải “hiểu rõ lý mâu của Phật”. Khi lý Phật đã rõ rồi thì phải quán chiếu mới có thể lần lần phá trừ được vô minh. Ấy là do “duyên sanh như huyễn” mà rõ được “Tự tánh bốn không”, chẳng phải trừ khử cái pháp “Duyên sanh như huyễn” mới có thể chứng

được. Vì “Duyên sanh như huyễn” nên biết được “Tự tánh bản không”. Cũng do “tự tánh bản không” nên mới biết “Duyên sanh như huyễn”. Hiểu được cái Lý Trung đạo chơn tực chẳng hai này, gọi là “hiểu rõ lý mâu của Phật”, cũng gọi là “Kiến tánh” vậy.

Câu “Ngộ pháp Vô vi” là các pháp Tự tánh vốn không, chẳng cần phải chứng minh rồi sau mới thấy như thế, mà lúc chưa ngộ, xưa nay cũng như thế. Đó vì pháp Vô vi chẳng phải mới có, chỉ cần thân chứng mà thôi, nên gọi là “ngộ Pháp Vô vi”.

Câu “Trong không sở đắc, ngoài không sở cầu” là “Pháp Vô vi” phải từ Vô phân biệt trí thân chứng. Nếu vừa có chút phân biệt thì liền trở thành Pháp định tánh, chẳng hợp với Pháp tánh vô tánh chơn không. Bởi vì tất cả Pháp phân biệt đều do đối đãi mà thành; hễ có đối đãi thì tức là chẳng phải thường Pháp, phổ biến, đó là hư vọng. Tất cả sự vật trên thế gian này đều do đối đãi mà được an bày. Như “không” thì đối với “có”, “ra” thì đối với “vào”, “lên” thì đối với “xuống” v.v... phải không phân biệt mới hợp với Pháp tánh Vô vi, nên nói là “trong không sở đắc, ngoài không sở cầu”. Vì trong, ngoài đều vắng lặng, nên “sở đắc” và “sở cầu” đều chẳng thành lập.

Câu “Tâm không ràng buộc nơi Đạo, cũng chẳng còn kiết nghiệp” là khi chưa chứng Pháp tánh về trước, trong tâm không lúc nào rời đạo. Nói “không

rời Đạo thì đủ chứng tỏ, chưa ngộ được Pháp tánh Vô vi". Như đã chứng Đạo rồi thì ngoài tâm còn cái Đạo gì phải gìn giữ.

Thành Duy Thức Luận có bài tụng rằng:

**Hiện tiền lập thiếu vật,
Vị thị Duy Thức tánh,
Dĩ hữu sở đắc cố,
Phi thật trụ Duy Thức.**

Dịch nghĩa:

*Hiện tiền còn chút vật,
Gọi là Tánh Duy Thức,
Vì còn có sở đắc,
Chẳng thật trụ Duy Thức.*

Khi thân chứng thì tâm chẳng ràng thuộc nơi Đạo, cũng chẳng còn kiết nghiệp, (kiết tức là phiền não kiết).

Quả Tu-đà-hoàn là bậc Kiến đạo, về việc đối trị phiền não, tuy chưa diệt hết, nhưng nghiệp sanh tử do phiền não chiêu cảm không còn khởi nữa. Đến quả A-la-hán, đối với các nghiệp phiền não mới đoạn hết, nên nói là "cũng chẳng còn kiết nghiệp".

Bốn câu trước đều chỉ những bậc ngộ Pháp Vô vi, phàm phu chưa được chứng nhập, mặc dầu phàm phu vẫn có Thiên định, Thần thông, nhưng chỉ là Thiên định, Thần thông của thiên nhơn, quỷ thần mà thôi.

Câu “Dứt sự suy nghĩ, dứt sự tạo tác, chẳng phải do tu, cũng chẳng phải chứng được” là nói “pháp tánh Vô vi” cần phải thân chứng. “Dứt sự suy nghĩ” là không có sự suy nghĩ, dối đời. Vì “Pháp tánh chơn không” thường hằng bình đẳng. “Dứt sự tạo tác” là Pháp tánh chơn không chẳng phải do tạo tác mà thành tựu. Vì bản lai vẫn một màu như thế, chẳng phải do Phật và Bồ Tát tu hành mới hiển phát, nên nói là “chẳng phải do tu”. Chẳng phải do công tu hành mà chứng được đạo quả như thế, nên nói là “chẳng phải chứng được”. Chẳng trải qua các vị, từ vị Phật đến vị phàm phu đều lấy “Chơn không pháp tánh” làm Chơn thật tánh, ấy gọi là Đạo thể. Nên cái Đạo thể này cần phải chứng ngộ.

Nói “cạo bỏ râu tóc” là nói về hình tướng Sa-môn. Còn từ câu “thọ đạo pháp” là nói về Hạnh Sa-môn.

Bỏ của cải ở đời, vì của cải là đầu mối ngũ dục. Giữa ngày ăn một bữa, tức là trừ bỏ “thực dục”. Mong cầu vừa đủ tức là trừ bỏ “danh dục”. Dưới gốc cây nghỉ một đêm, tức là trừ bỏ “thùy dục”.

Y theo Phật pháp thì thân này không có giá trị tồn tại, nhưng phải mượn nó để làm chỗ nương chứng Đạo, nên giữa ngày chỉ ăn một bữa, dưới gốc cây nghỉ một đêm, tạm thời đủ sống mà thôi.

Nhơn vì ái dục nó hay sai khiến con người si mê, nên phải trừ bỏ ái và dục. Người chuyên tâm tinh tấn thực hành theo nếp sống này gọi là Hạnh Tỳ-kheo, cũng gọi là Hạnh Đầu-đà.

Hai chương trước là nói về lý do của hạnh xuất gia và chứng bốn quả, còn chương này nói về Pháp liễu sanh thoát tử của Tam thừa. Bởi vì Nhân Thiên thừa không thể siêu thoát sanh tử, chỉ có Thanh Văn, Bích Chi và Bồ Tát mới đạt đến cảnh giới ấy mà thôi.

*

* *

BÀI IV

II. 五乘善惡通義

第四章。佛言：眾
 生以十事為三，口四殺，意盜，
 淫惡。口，妄言，綺語。癡道若
 意。如名十惡十善行。耳。

DỊCH NGHĨA

II- THÔNG NGHĨA THIỆN ÁC CỦA NGŨ THỪA

CHƯƠNG IV

Phật dạy rằng: Chúng sanh lấy mười việc làm điều thiện, cũng lấy mười việc làm điều ác.

Những gì là mười?

- Thân có ba, khẩu có bốn, ý có ba. Thân có ba là: Sát, Đạo và Dâm; Khẩu có bốn là: Nói hai lưỡi, Nói hung ác, Nói hư dối và Nói thêu dệt; Ý có ba là: Tật đố, Sân hận và Ngu si. Mười việc như thế không thuận Thánh đạo, gọi là mười hành vi ác, mười hành vi ác này nếu dứt, thì gọi mười hành vi thiện mà thôi.

GIẢI NGHĨA

Chúng sanh : Có ba nghĩa:

1. Chúng pháp sanh nghĩa
(nghĩa là nhiều pháp hợp lại mà sanh).
2. Chúng loại sanh nghĩa
(nghĩa là nhiều loại hợp lại mà sanh).
3. Thọ chúng đa sanh tử nghĩa
(nghĩa là chịu nhiều sự sanh tử).

ĐẠI Ý

Chương này Đức Phật nói Thập thiện và thập ác, ấy là thiện ác thông cả 5 thừa, thiện ác không

phải cách biệt, chỉ dứt mười điều ác chính là 10 điều thiện.

GIẢI THÍCH

Ở đây nói về thập ác, văn nghĩa rất rõ ràng còn Thập thiện chính là do dứt trừ thập ác, nhưng sâu cạn có hai nghĩa khác nhau: nghĩa cạn, hàng phạm phu muốn hoàn thành nhân cách: còn nghĩa sâu, thì đến Bồ Tát đệ Nhị địa vẫn còn có vi tế bất thiện, chỉ đến quả vị Phật mới có thể tu hành Thập thiện hoàn toàn (muốn hiểu rõ đoạn này, xin đọc thêm bộ Kinh Thập Thiện cùng một dịch giả, bài số 7).

*

* *

BÀI V

第 五 章 。 佛 言 ː 人
 有 眾 過 而 不 自 悔 ， 頓
 息 其 心 ， 罪 來 赴 身 ， 廣
 如 水 歸 海 ， 漸 成 深 非
 。 若 人 有 過 自 解 知 消
 ， 改 惡 行 善 ， 罪 自 漸 得
 滅 ； 如 病 得 汗 ， 漸 得
 痊 損 耳 。 第 六 章 。 佛 言 ː 惡
 人 聞 善 故 來 擾 亂 者 ， 責
 汝 自 禁 息 惡 ， 當 而 自 惡 之
 。

DỊCH NGHĨA

CHƯƠNG V

Phật dạy rằng : Người có những điều lỗi mà chẳng tự hối, mau dứt lòng quấy, thì tội lại dần vào thân như nước trở về biển, dần thành sâu rộng. Nếu người có lỗi mà tự nhận biết lỗi, cải ác làm lành, thì tội tự tiêu diệt, như bệnh được xuất hạn lần lần thuyên giảm.

CHƯƠNG VI

Phật dạy rằng : Người ác nghe ai làm điều lành quyết đến phá đó, vậy các ông nên tự ngăn dứt chớ không nên giận trách. Kẻ mang điều ác đến thì họ sẽ chịu điều ác đó.

GIẢNG NGHĨA

Tự hối : Tự mình hối hận, ăn năn mà sửa lỗi, không đợi ai nhắc.

Cải ác : Đổi những điều ác ra thành những điều thiện, tức là đổi mười ác nghiệp trở thành mười thiện nghiệp.

Tiêu diệt : Trừ mất hẳn đi.

Xuất hạn : Ra mồ hôi.

Thuyên giảm : Bớt bệnh.

ĐẠI Ý

Người có lỗi phải mau sám hối để cải tiến và khi làm điều lành gặp người ác phá hoại, không nên giận tức, thì điều quấy sẽ về họ.

GIẢI THÍCH

Người có tội lỗi mà không biết sám hối để sửa chữa thì tội lỗi mỗi ngày một thêm, quyết phải đọa vào tam đồ. Theo Đạo Phật thì lúc nào cũng tự do, nên tội lỗi kia chỉ do tâm sanh, rồi cũng do tâm diệt. Ấy là chỉ y cứ nơi tự tâm chớ chẳng phải như các Tôn giáo bảo quyết là do nơi kẻ khác.

Thường thường, người ta không thích làm việc thiện, vì thế mà người làm điều thiện dễ bị người khinh miệt, ganh ghét nên chẳng muốn làm. Phật rất rõ tâm lý ấy mới khuyên chúng đệ tử cố nhẫn nhục mà làm, không nên giận trách, vì người gây điều ác sẽ chịu lấy quả ác.

*

* *

BÀI VI

有仁默：不曰子子猶，惡
 大佛曰：人對今，！形為
 言，佛，問其？：納矣隨勿
 佛，佛，乎言不身之慎
 。道，罵止人子佛今子影，
 章守致罵從歸！我歸，離
 七吾故。禮禮矣，禍聲免
 第聞，對以，歸我持應無
 人慈，不子納：罵自響終！
 惡唾已
 ：而從
 言天還
 佛仰，
 。猶天
 章者至
 八賢不
 第害唾
 人，

墮 ; 逆風揚塵 , 塵不
至彼 , 還全己身 , 賢
不可毀 , 禍必滅己 。

DỊCH NGHĨA

CHƯƠNG VII

Phật dạy rằng: Có người nghe Ta giữ đạo, thực hành lòng Đại nhân từ, nên đến mắng Ta, Ta làm thinh không đáp. Người kia thôi mắng. Ta hỏi rằng: Ông đem lễ vật cho người, người kia không nhận, lễ ấy có về ông chăng ?

Đáp rằng: Về chứ !

Phật nói rằng: Nay ông mắng Ta, giờ Ta không nhận thì ông tự chuốc lấy họa về thân ông rồi, cũng như “vang theo tiếng, bóng theo hình” hẳn không hề rời nhau. Vậy thì cẩn thận chớ có làm ác.

CHƯƠNG VIII

Phật dạy rằng : Kẻ ác hại người Hiền chẳng khác nào ngược lên trời phun nước miếng, nước miếng chẳng đến trời mà trở lại rơi nhằm mình; ngược gió giê bụi, bụi chẳng đến người, trở lại dính vào thân. Người Hiền không thể hại mà họa ắt diệt mình.

GIẢNG NGHĨA

Thực hành : Làm thành ra sự thật, làm một cách cụ thể.

Đại nhân từ : Lòng thương yêu rất rộng rãi của Đức Phật.

Lễ vật : Vật phẩm cúng tế, hay tặng biếu.

ĐẠI Ý

Hai chương này tiếp ý chương trước, Đức Phật khuyên chúng ta không nên làm ác, và hại người Hiền, vì người Hiền không thể hại được mà họa lại đến thân.

GIẢI THÍCH

Đức Phật dạy: Mọi người chớ làm điều ác, vì làm ác họa sẽ vướng vào thân như bóng với hình, như vang theo tiếng, không rời ra được. Thế nên, chúng ta biết Đức Phật không phải như quỷ thần tác oai, tác phước cho mọi người, chẳng qua là Ngài phát minh ra Lý nhân quả và bảo người chớ gây nhân ác mà thôi. Vì lẽ đó, chúng ta khi làm lành không cần phải cầu Phật giúp, mà khi làm điều ác cũng chẳng có thể kêu Đức Phật cứu được. Trong sách Nho có câu: *“Trời gây tai họa còn có thể tránh được, chớ tự mình gây tai họa không thể tránh được”* cũng chính là ý đây vậy.

BÀI VII

III-大乘不共勝行

1) 立信願

第九章。佛言：博
聞愛道，道必難會；
守愛志奉道，其道甚大
。

2) 修六度

a) 布施度

第十章。佛言：賭
人得施福甚大。助之歡喜，曰：
：此福盡乎？佛言：
譬如一炬之火，數千

百人各以炬來分取，
熱食除冥，此炬如故
，福亦如之。

DỊCH NGHĨA

III. THẮNG HẠNH BẤT CỘNG CỦA ĐẠI THỪA

1. LẬP TÍN NGUYỆN

CHƯƠNG IX

Phật dạy rằng : Những kẻ học rộng mền Đạo, thì Đạo ắt khó gặp, còn những kẻ thủ chí hành Đạo, thì Đạo kia rất lớn.

2. TU LỤC ĐỘ

a) Bồ thí độ

CHƯƠNG X

Phật dạy rằng : Thấy người làm Đạo bồ thí vui vẻ giúp đỡ thì được phước rất lớn.

- Có thầy Sa-môn hỏi rằng: Phước ấy có hết không?

Phật dạy : Thí như lửa của một cây đuốc, vài trăm ngàn người đều dùng đuốc đến chia nhau mà lấy để nấu ăn hay thắp sáng, nhưng cây đuốc kia vẫn như cũ. Phước người bồ thí cũng như thế.

GIẢNG NGHĨA

Thủ chí : Giữ vững chí nguyện của mình, luôn luôn mong cầu quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hành đạo : Thực hành theo đạo nghiệp.

ĐẠI Ý

Phật dạy: Muốn được đạo phải lập Tín Nguyện cho vững chắc và người tu hạnh bố thí được công đức rất lớn.

GIẢI THÍCH

Những người học rộng mên đạo tức là chỉ những vị bác học thông suốt các môn học vấn trên thế giới. Họ bước chân vào con đường tìm đạo, nhưng đa số những người này, hoặc lòng mong muốn mệnh mông, không chỗ quy hướng, hoặc do chỗ sở học của mình mà có tâm mên đạo Vô thượng vi diệu, họ không thể đem sức tự thân ra hành Đạo, nên đối với họ, đạo tất nhiên là khó đạt được. Còn những người thủ chí nơi Đạo mà hành Đạo, mới là cái đạo Vô thượng Đại giác

“Chí” là “chí nguyện”, tức là chánh tín chắc chắn biến thành chí nguyện kiên cố. Chúng ta như nghe pháp mà hiểu biết được Phật pháp cùng với tất cả pháp thế gian không đồng. Bởi vì Giáo pháp của Phật chính từ trong vô lậu Đại giác lưu xuất, để giáo hóa người đời, chẳng phải các học thuyết hữu lậu trên thế giới có nhiều mối tẻ mà có thể so sánh được. Nếu

muốn liễu ngộ được pháp ấy, trước hết phải dùng Tín tâm lãnh thọ, hơn vì Phật pháp rộng lớn quá, dù là bậc bác học thâm cầu, nhưng lúc chưa đạt đến Phật quả, thì không thể nào hiểu biết hoàn toàn, nên trước phải tự tin rằng mình sẵn có bản tâm Vô thượng Đại giác để làm cơ sở cầu thành quả Phật. Rồi do tâm tự tín này mà tin có bậc Vô thượng Đại giác đã giác ngộ tất cả chơn lý. Chẳng như vậy, thì dầu cho chúng ta nghiên cứu tất cả học vấn cũng chỉ là vô nghĩa mà thôi.

Tin có bậc Vô thượng Đại giác, nên chúng ta cũng có thể thành Vô thượng Đại giác, do đây mà phát tâm Bồ-đề, thực hành tứ hồng thệ nguyện. Tứ hồng thệ nguyện là:

- 1) Chúng sanh không số lượng, thệ nguyện đều độ hết.
- 2) Phiền não không cùng tận, thệ nguyện đều dứt sạch.
- 3) Pháp môn không kể xiết, thệ nguyện đều tu học.
- 4) Phật Đạo không gì hơn, thệ nguyện đều viên thành.

Do Tín mà thành Nguyện, ấy gọi là “THỬ CHÍ”; rộng tu phước huệ của Phật, ấy gọi là “PHỤNG ĐẠO”. Như thế mới có thể thành được Nhưất thiết trí, nên nói rằng “đạo kia rất lớn”.

Tự mình ra làm việc bố thí được phước rất lớn mà vui vẻ giúp người làm việc bố thí cũng được phước rất lớn.

Giúp người làm việc bố thí, chẳng khác nào tự mình có một cây đuốc đem phân ra vô số cây đuốc khác, mà cây đuốc của chính mình vẫn không suy giảm, không mất chút lửa nào, còn người bố thí được sự giúp đỡ, phước báu nơi bản thân chẳng những không mất mà còn thêm được sự tốt đẹp hơn lên.

*

* *

BÀI VIII

善飯戒洎如萬那，不十一支佛不修
 言一如五陀不千阿舍，飯飯辟諸佛無
 佛飯不飯須洎飯一那；如億世諸住
 。如千。一陀，飯阿漢不百三世無
 章不人者飯須舍如億羅，飯一三念。
 一百善戒如萬陀不一阿漢；飯億無者
 十人飯五不百斯舍飯一羅佛如千一之
 第惡，持萬飯一陀，飯阿支不飯飯證
 飯人一者，飯斯舍如億辟佛；如無

DỊCH NGHĨA

Bố thí độ (*tiếp theo*)

CHƯƠNG XI

Phật dạy rằng: Cho một trăm người ác ăn, không bằng cho một người lành ăn; cho một ngàn người lành ăn, không bằng cho một người trì ngũ giới ăn; cho một muôn (10.000) người trì ngũ giới ăn, không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn ăn; cúng dường cho một trăm muôn (1.000.000) vị Tu-đà-hoàn ăn, không bằng cúng dường cho một vị Tư-đà-hàm ăn; cúng dường cho một ngàn muôn (10.000.000) vị Tư-đà-hàm ăn, không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm ăn; cúng dường cho một ức (100.000) vị A-na-hàm ăn, không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán ăn; cúng dường cho mười ức (1.000.000) vị A-la-hán ăn không bằng cúng dường cho một vị Bích Chi Phật ăn; cúng dường cho một trăm ức (10.000.000) vị Bích Chi Phật ăn không bằng cúng dường cho một Tam Thế chư Phật ăn; cúng dường cho một ngàn ức (100.000.000) Tam Thế chư Phật ăn, không bằng cúng dường cho một vị Vô Niệm Vô Trụ Vô Tu Vô Chứng ăn.

GIẢNG NGHĨA

Bích Chi Phật : (Pratyekabuddha): Còn gọi là Độc Giác hay Duyên Giác. Những vị ra đời gặp Phật y theo lời nói pháp của Phật quán 12 nhân duyên mà được ngộ đạo, thì gọi là Duyên Giác; còn những vị ra đời không gặp Phật, tự quán sát Lý sanh diệt của sự vật mà ngộ Đạo thì gọi là Độc Giác.

Tứ quả Thanh Văn : Tức là Tứ quả A-la-hán. Xin xem Thập Thiện, bài 6, phần giảng nghĩa của cùng soạn giả đã phát hành.

ĐẠI Ý

Chương này tiếp chương mười, nói về công đức hơn kém trong việc bố thí.

GIẢI THÍCH

Ngũ giới là giới thông cả tại gia và xuất gia. Tu-đà-hoàn chẳng những đã chuyên tu giới hạnh mà còn chúng được Thánh quả nên thắng Tư-đà-hàm đoạn được chút ít Tu sở đoạn hoặc, nên so với Tu-đà-hoàn cúng dường sẽ được công đức hơn. A-na-hàm đoạn được nhiều phần phiền não, nên cúng dường sẽ được phước hơn Tư-đà-hàm. A-la-hán đối với phiền não đã đoạn hết, nên hơn các bậc trước. Còn Bích Chi Phật vẫn được liễu thoát sanh tử trong ba cõi đồng với quả vị A-la-hán, nhưng A-la-hán đợi nghe Phật thuyết pháp mới được giác ngộ, còn Bích Chi Phật tự mình

cũng có thể ngộ, nên trí huệ lại hơn bậc A-la-hán. Nhưng Bích Chi Phật chỉ có thể độc giác mà không thể giác tha, còn Tam thế chư Phật mới thật có thể đem tâm Đại bi, bình đẳng độ khắp chúng sanh, nên chư Phật lại hơn hết, cúng dường sẽ được phước hơn cả.

Vô-niệm Vô-trụ Vô-tu Vô-chúng hơn chư Phật là vì tam thế chư Phật ứng hóa trong chúng sanh giới⁽¹⁾ cũng chỉ từ nơi Pháp thân chơn thật tức là “Vô vi chơn như tánh”. Vô vi chơn thật Pháp tánh là căn bản của chư Phật. Tất cả chư Phật đều dùng vô phân biệt trí mà chứng Pháp Vô vi bình đẳng. Pháp thân Vô vi không thể dùng trí suy nghĩ đến được, nó không trụ chỗ nào, không cần công tu mới có, cũng không cần chứng ngộ mới được. Trí vô lậu vô phân biệt lại cũng không bị sanh diệt, không dời đổi. Ấy là Chơn thân của Phật, tự tha bình đẳng, tức vô niệm vô trụ vô tu vô chúng, chính là Vô phân biệt trí, thân chúng Chơn như tánh rốt ráo thành Phật. Cúng dường như thế mới gọi là cứu cánh. Do đây chúng ta có thể biết trong Phật pháp, bất cứ pháp nào cũng đều phải đạt đến chỗ cứu cánh.

*

* *

⁽¹⁾ Ứng hoá thân ở trong chúng sanh giới gọi là Tam thế chư Phật.

BÀI IX

第 十 二 章 ○ 佛 言 :
 人 有 十 二 難 貴 難 學 貧 窮 難 布
 施 難 豪 死 生 欲 被 臨 廣 慢 心 非 見 人 善
 棄 命 難 色 難 勢 難 減 難 說 難 化 難
 經 忍 求 有 心 除 學 不 識 隨 動
 賭 難 好 難 事 難 輕 難 善 難 境 難
 佛 得 世 見 嗔 觸 究 不 等 會 道 賭 便
 不 無 未 知 不
 。

DỊCH NGHĨA**CHƯƠNG XII**

Phật dạy rằng : Người ta có 20 điều khó:

- 1) Nghèo hèn Bồ thí là khó.
- 2) Giàu sang học Đạo là khó.
- 3) Bỏ thân mạng quyết chết là khó.
- 4) Thấy được Kinh Phật là khó.
- 5) Sanh nhằm đời có Phật là khó.
- 6) Nhịn sắc, nhịn dục là khó.
- 7) Thấy tốt không ham cầu là khó.
- 8) Bị nhục không giận tức là khó.
- 9) Có thể lực không ỷ là khó.
- 10) Gặp việc vô tâm là khó.
- 11) Học rộng nghiên cứu nhiều là khó.
- 12) Trừ diệt ngã mạn là khó.
- 13) Chẳng khinh người chưa học là khó.
- 14) Thực hành tâm bình đẳng là khó.
- 15) Chẳng nói sự phải quấy là khó.
- 16) Gặp được Thiện tri thức là khó.
- 17) Thấy tánh học đạo là khó.
- 18) Tùy duyên hóa độ người là khó.
- 19) Thấy cảnh không động tâm là khó.
- 20) Khéo biết phương tiện là khó.

GIẢNG NGHĨA

Nghiên cứu : Tìm tòi cho cùng nguyên lý.

Bình đẳng : Đối với sự sai biệt mà nói. Không có cao thấp, sâu cạn khác nhau, gọi là bình đẳng.

Thiện tri thức : Bạt tốt. Tri thức: Tri là biết được lòng ta; Thức là biết được tánh ta. Ở đây không phải chỉ những người học rộng hiểu nhiều, mà là những người làm cho ta được lợi ích, dẫn ta trên đường đạo. Thiện tri thức có ba:

1. NGOẠI HỘ THIỆN TRI THỨC

Những người giúp đỡ ta khỏi sợ thiếu thốn để được yên tâm tu học.

2. ĐỒNG HÀNH THIỆN TRI THỨC

Những bạn đồng tu, tha thiết nhắc nhở nhau trên đường đạo.

3. GIÁO THỌ THIỆN TRI THỨC

Những bậc đem lời giáo huấn của Đức Phật truyền dạy cho chúng ta bỏ dữ làm lành. Lại còn có 10 bậc Thiện tri thức:

- Thiện tri thức khiến chúng ta an trụ Tâm Bồ-đề.
- Thiện tri thức khiến chúng ta sanh trưởng Thiện căn.
- Thiện tri thức khiến chúng ta tu hành các Pháp Ba-la-mật.
- Thiện tri thức khiến chúng ta hiểu và nói tất cả Pháp.

- Thiệ tri thức khiến chúng ta thành thực tất cả chúng sanh.
- Thiệ tri thức khiến chúng ta được quyết định Biệ tài.
- Thiệ tri thức khiến chúng ta không nhiễm trước pháp thế gian.
- Thiệ tri thức khiến chúng ta ở trong mọi kiếp tu hành không biết mỏi chán.
- Thiệ tri thức khiến chúng ta an trụ nơi Hạnh của Đức Phổ Hiền.
- Thiệ tri thức khiến chúng ta vào được tất cả trí Phật đã vào.

Phương tiện : (Upàya): Phương là phương pháp, tiện là tiện dụng. Tiện dụng phương pháp đối với căn cơ tất cả chúng sanh. Lại “phương” là cái “Lý” vuông ngay, “tiện” là lời lẽ khéo léo. Lại “phương” là phương vực của chúng sanh, “tiện” là tiện pháp giáo hóa. Hiệp với phương vực của các căn cơ mà dùng tiện pháp giáo hóa gọi đó là phương tiện (nghĩa này đều thông cả đại thể Phật giáo). Đây đứng trên hai phương diện mà giải thích: 1) Đối với Bát-nhã. 2) Đối với chơn thật.

ĐỐI VỚI BÁT NHÃ : Thì Trí đạt được lý Chơn như là “Bát-nhã”, còn Trí thông được quyền đạo là “phương tiện”. Quyền đạo chính là cái phương pháp khôn khéo làm lợi ích mọi người, (đây là thông cả nghĩa Đại thừa và Tiểu thừa).

ĐỐI VỚI CHƠN THẬT : Thì chỉ thú sở quy rốt ráo là “chơn thật”, còn giả thiết tạm bợ là “phương tiện”. Do nghĩa này mà phương tiện còn gọi là “Thiện xảo” hay “Thiện quyền” tức là pháp vào nơi chơn thật định thông suốt vậy. Nghĩa là lợi vật có quy tắc là “phương”, tùy thời mà thi thiết là “tiện”. Theo sự giải thích này, thì là cái cửa ngõ của Tiểu thừa vào Đại thừa, gọi đó là “Phương tiện giáo”. Tam thừa đều từ nơi Nhứt thừa mà lập nên cũng gọi đó (Tam thừa) là “Phương tiện giáo”. Nhưn đây mà người ta chia ra làm hai “phương tiện” và “chơn thật”.

ĐẠI Ý

Đoạn này Đức Phật đưa ra những điều khó để khuyên cố gắng tu hành.

GIẢI THÍCH

Người thường cho điều khó là chướng việc tu hành, chẳng biết rằng: vì khó mới tu, chẳng tu thì không có điều nào là không khó, nên nói con người có hai mươi điều khó để khuyên tu. Làm được việc khó làm, thì tất cả sự khó về tu Giới, Định, Huệ và Đạo Bồ Tát đều chẳng có gì khó khăn vậy.

*

* *

BÀI X

b) 持戒度

第	十	三	章	。	沙	門	問
佛	以	何	因	緣	得	知	宿
命	？	其	至	道	？	佛	言
：	淨	心	守	，	可	會	至
道	。	譬	如	磨	鏡	垢	去
明	存	，	斷	欲	無	，	當
得	宿	命	。				
第	十	四	章	。	沙	門	問
佛	何	者	為	善	？	何	者
最	大	？	佛	：	行	道	守
真	者	善	；	與	道	合	者
大	。						

DỊCH NGHĨA

b) Trì giới độ

CHƯƠNG XIII

Có vị Sa-môn hỏi Phật : Do nhân duyên gì biết được túc mạng ? Đến được chỗ chí Đạo?

Phật dạy rằng: “Lóng sạch tâm mình, giữ vững ý chí” đến được chí đạo. Thí như lau gương, trừ bụi còn lại ánh sáng. Dứt lòng tham dục không sự mong cầu sẽ được túc mạng.

CHƯƠNG XIV

Có vị Sa-môn hỏi Phật : Điều gì là lành? Thứ gì rất lớn? Phật dạy rằng: Thực hành theo Đạo, giữ điều chơn thật là “lành”, chí hiệp với Đạo là “lớn”.

GIẢNG NGHĨA

Túc mạng : Mạng sống nhiều kiếp về trước. Biết được mạng ấy từ vô thủy đến giờ theo nghiệp lưu chuyển gọi là “Tri túc mạng”. Tri túc mạng này còn được gọi là Túc mạng minh hay Túc mạng thông, tức là một trong Tam minh và Lục thông.

Chí đạo : Phật quả, do Trí huệ vô lậu chứng chơn thật Pháp tánh mà được.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật nói về Trì giới độ trong sáu độ, gồm có 2 phần:

1) Người cố gắng Trì giới pháp sẽ được đến chỗ “Chí đạo” và biết được “Túc mạng”.

2) Người Trì giới sẽ được gọi là “Thiện” và hiệp với “Đại đạo”.

GIẢI THÍCH

Hai chương này nói về Trì giới độ. Trì có hai nghĩa:

1) *Chỉ trì* : Người trì giới phải ngăn dứt tất cả các việc ác.

2) *Tác trì* : Chẳng những dứt các điều ác mà còn cần phải nỗ lực làm các điều lành.

Giới là Tín điều của tất cả Đức Hạnh, nếu ai có thể giữ tín điều này, làm những việc nên làm, dứt những việc nên dứt, gọi đó là Trì giới.

Giới pháp của Đại thừa có chia làm ba thứ gọi là Tam tụ giới:

1) *Nhiếp luật nghi giới* : Ngăn dứt các ác nghiệp.

2) *Nhiếp thiện pháp giới* : Tinh tấn tu hành tất cả Thiện pháp.

3) *Nhiều ích hữu tình giới* : Làm lợi ích cho chúng sanh trong mọi trường hợp, gọi đó là “Giới”. Vì bản ý của Giới Bồ Tát là ở chỗ y cứ Đồng thể Đại bi lợi lạc cho chúng sanh. Chẳng khác nào bàn đến sự lợi ích cho công chúng để làm quy tắc nhứt định.

Giới cũng gọi là “Biệt giải thoát”, nghĩa là sự giải thoát khác nhau, có riêng biệt. Vì đệ tử của Phật có chia làm nhiều hạng, sự giữ giới cũng chẳng đồng và được giải thoát cũng chẳng đồng, nên gọi là Biệt. Đối với Giới pháp, nếu ai giữ được giới nào thì được giải thoát về phần đó, cũng gọi là Biệt.

Ban sơ, người giữ giới in tuồng như miễn cưỡng, nhưng về sau do Giới sanh Định tự nhiên có thể dùng định lực ngăn dứt tất cả điều ác, tu các phúc lành, ấy gọi là “Định cộng giới”. Nếu lại y đó tu hành tiến tới để được đạo thì gọi là “Đạo cộng giới”. Vì “Đạo” vốn từ nơi Thánh trí Vô lậu, do giải thoát phiền não mà trí thanh tịnh được viên mãn, gọi đó là “Đạo”. Vì chúng ngộ được tất cả Pháp Vô vi Chơn như pháp tánh, nên gọi là “Bồ-đề”. Y nơi Thánh đạo Vô lậu này tự nhiên ngăn đón được tất cả ác hạnh, làm các Thiện hạnh, nên gọi là “Đạo cộng giới”.

Nói “lóng sạch tâm mình” tức là do Trì giới để dứt Nghiệp thất chi nơi thân và khẩu (thân có 3, khẩu có 4), thuần là do dứt ác làm lành mà tâm lóng sạch. Nhưng, người đời có làm lành mà không dứt ác, nên điều lành kia trở thành bất tịnh, vì các Nghiệp thất chi đều do tâm phát khởi, Bồ Tát ra làm y cứ nơi tâm mà làm. Phạm phu ra làm thì thứ lớp có ba giai đoạn: 1) Suy nghĩ, 2) Quyết định, 3) Phát động. Vì thế mà phạm phu ra làm đều do Ý phát sanh, còn Bồ Tát ra làm đều do Tâm làm chủ. Nên bề ngoài hình

như là phạm giới, mà bên trong, tâm vẫn Trì giới. Trái lại, tâm chẳng Trì giới tuy bề ngoài trì giới cũng không phải là trì giới. Giới của Đại thừa lấy tâm làm chủ nên gọi là “Tâm địa giới”. Thuận theo đây mà hành đạo có thể đến được “Chí đạo”.

Trong đây, gương là dụ cho bản tâm, bụi là dụ cho phiền não, lau là dụ cho Trì giới. Do trì giới pháp mà tẩy trừ được bụi phiền não, sạch được bản thân, mới biết tâm này bản lai sáng suốt, chẳng qua khi chưa khử trừ được trần cấu, nên bị che lấp không phát hiện, khi trần cấu được khử trừ thì thể sáng hiện ra. Đây là dụ cho Trí vô lậu Vô phân biệt của Bồ Tát hiện tiền. Cái Thể tịnh của gương tức bản tâm hiển hiện.

Câu: “Dứt lòng tham dục không sự mong cầu”: Trong đây, dục và tham ái hiệp nhau là bất thiện Vô ký tánh. Không mong tức là Vô nguyện giải thoát trong ba món giải thoát. (Ba món giải thoát: 1/ Không giải thoát. 2/ Vô tướng giải thoát. 3/ Vô nguyện giải thoát). Cũng gọi là Vô tác giải thoát, do giải thoát này mà được tức mạng gọi là “Đạo thông”, nghĩa là đạo cùng với thần thông hòa hiệp với nhau. Thông được tức mạng tức là đầy đủ sáu món Thần thông.

Nếu y theo ba món Vô lậu học, thì đây là Giới học tăng thượng, y giới này mà tinh tấn tu hành, tức là Định học tăng thượng. Định tăng thượng chính là

“Định cộng giới”. Huệ tăng thượng chính “Đạo cộng giới”.

Trong chương 14 nói “LỚN” chính là biệt danh của “Đạo” cũng tức là biệt danh của “Pháp tánh”, cũng tức là Chơn như vô thể của các pháp, vì thế mà “LỚN” đây dứt các sự đối đãi, tự nó có thể được Đại trí và Đại lực vô cùng tận.

Câu: “Thực hành theo Đạo, giữ điều chơn thật” tức là chỉ cho sự Hành trì Định cộng giới. Khi giới lực chưa đầy đủ, theo lời Phật nói thì sức hành trì chỉ là miễn cưỡng, vẫn chưa phải là “Chơn thiện”, khi được đến chỗ định lực kiên cố, không thối chuyển, ấy tức Định cộng giới, gọi đó là “Thực hành theo Đạo giữ điều chơn thật”.

Câu: “Chí hiệp với đạo” là: Tuy có “chí” rồi, nhưng vẫn chưa có Đại đức, Đại trí và Đại lực, giờ cần phải tương ưng với “Vô lậu Thánh đạo”, nên gọi là “rất lớn”. Ấy tức là “Đạo cộng giới” vậy.

*

* *

BÀI XI

c) 忍辱度

第十五章。沙門問
 佛：何者多力？何者
 最明？佛言：忍辱多
 力，不懷惡故，兼加必
 安，健；忍者無惡，盡
 為淨。無未十方無得
 。未十方無得一切智
 。

DỊCH NGHĨA

c) Nhẫn nhục độ

CHƯƠNG XV

Sa-môn hỏi Phật : Những gì rất mạnh ? Những gì rất sáng? Phật dạy: Nhẫn nhục là rất mạnh, vì chẳng ôm lòng ác, lại thêm an kiện. Kẻ nhẫn nhục không làm ác, tất được người tôn quý. Tâm cấu diệt hết, sạch không còn vết nhơ, ấy là rất sáng. Bao nhiêu sự vật trong mười phương, từ khi chưa có trời đất cho đến ngày nay, không có vật nào là không thấy, không có điều gì là không biết, không có việc gì là không nghe, được Nhứt thiết trí có thể gọi là rất sáng vậy.

GIẢNG NGHĨA

Nhứt thiết trí : Trí của Thanh Văn, Duyên Giác, biết được tổng tướng (pháp tánh) của tất cả pháp. Tổng tướng tức là tướng “Không”.

Nhẫn nhục (Ksanti) : Chịu đựng trước những cảnh ngang trái do kẻ khác đưa đến. Người tu Nhẫn nhục, suy nghĩ được đẹp đẽ. Ba mươi hai tướng của Đức Phật cũng do tu hạnh Nhẫn nhục mà thành tựu.

ĐẠI Ý

Đoạn này Phật nói người tu Nhẫn nhục tâm sẽ được định lực và Nhứt thiết trí.

GIẢI THÍCH

“Rất mạnh” thì có thể lay chuyển được ngoại cảnh mà không bị ngoại cảnh làm lay chuyển. Đức Phật mới là Người mạnh đủ 10 lực tôn quý. Trong đây nói “rất sáng” chính là chỉ cho Tam minh, tức là “Tam đạt trí”. (Ở quả vị Phật thì gọi là Tam đạt, còn quả vị La hán thì gọi là Tam minh: 1) Túc mạng minh, 2) Thiên nhãn minh, 3) Lộ tận minh).

Người Nhẫn nhục đối với việc trái ngược không đem lòng giận tức mà đối lại. Ở đây nói không phải gặp nghịch cảnh thân không làm, miệng không nói là đủ, nghĩa là phải luôn luôn thể theo lòng từ mẫn mà hành động, không bị nghịch cảnh lay chuyển thì các ác tự tiêu. Chẳng khác nào lửa cháy trong không khí, khi củi hết, lửa tự tắt, hư không không bị hủy hoại. Thế nên, người Nhẫn nhục có thể cảm hóa được mọi người ác.

Xưa Phật tu Bồ Tát hạnh, bị Vua Ca Lợi chặt đứt thân thể của Ngài, thế mà vì lòng Từ mẫn, Bồ Tát vẫn vui vẻ, lại phát nguyện độ cho bọn ông ta trước nhứt. Ấy chính là bọn ông Kiều Trần Như sau này vậy.

Nếu ai giữ vững được Tâm nhẫn nhục, tức nhiên không còn bị mọi vật xâm phạm. Bình thường, tâm tham dục cùng với ngoại cảnh hiệp nhau, vì có tâm tham dục mà giận hờn tranh chấp nổi lên, rồi xúc phạm tiêu diệt lẫn nhau. Khí lực vì thế mà hao mòn.

Chẳng khác nào người vẫn sẵn có sức lực làm nên đại sự, nhưng vì lo đối địch với nghịch đảng, mỗi ngày mỗi tận dụng nên lần lần bị tiêu hao, rốt cuộc, hai bên chẳng làm được điều gì. Người nhần nhục khí lực của mình sẽ được ngày một tăng trưởng, có thể làm cho tâm cảnh dung nhau bình đẳng. Khi tâm cấu diệt hết rồi, ấy là “rất sáng”.

Khi phiền não dứt hết, bấy giờ tâm tánh chẳng khác nào như gương sáng, như nước trong, như trăng thanh có thể chiếu soi tất cả sự vật. Nên trong văn Kinh nói “Không có vật nào là không thấy, không có điều gì là không biết...”.

Câu: “Từ khi chưa có trời đất cho đến ngày nay”, thông thường trong Kinh Phật gọi là ba đời. Nhưng vì ban sơ Phật giáo mới truyền vào Trung Quốc, theo văn pháp của Trung Quốc, không nói là “ba đời” mà lại nói là “từ khi chưa có trời đất”.

Khi được Như thiết trí, thì đối với tất cả pháp đều thấy biết rõ ràng, có thể chứng đến quả vị Phật tức là được Vô thượng Như thiết trí vậy.

*

* *

BÀI XII

d) 禪定度

第十章。佛言：
 第六欲不。見道者。○
 十愛澄水。致無手攪。○
 人懷如人。共臨以興。○
 譬眾者；中汝等。○
 者心。○愛欲垢盡。○
 ，愛欲。○
 矣。○

DỊCH NGHĨA

d) Thiên định độ

CHƯƠNG XVI

Phật dạy: Người ôm giữ lòng ái dục chẳng thấy được Đạo. Thí như nước được lóng trong lại lấy tay quấy nó, mọi người cùng đến xem không thấy

được bóng mình. Người vì ái dục thay nhau không dứt mà cấu trọc trong tâm nổi dậy, nên chẳng thấy Đạo.

Sa-môn! Các ông phải dứt bỏ ái dục, cấu trọc ái dục hết rồi mới thấy được Đạo.

GIẢNG NGHĨA

Cấu trọc : Cấu là phiền não; trọc là vẩn đục. Phiền não vẩn đục tâm tánh làm cho trí huệ không phát sanh, chẳng khác nào nước bị cặn làm ngầu đục không thể hiện ra ánh sáng chiếu soi muôn vật.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật dạy: muốn thấy được Đạo cần phải tu thiền định để đoạn trừ ái dục.

GIẢI THÍCH

Chương này nói về Thiền định độ trong sáu độ. Ở trong Phật pháp dù là Tiểu thừa hay Đại thừa, đều lấy việc tu thiền định làm chỗ chí yếu, nên bao nhiêu cách thức phương pháp tu hành đều có thể gọi là Tu Tam muội (định). Như: do niệm Phật được định thì gọi là “Niệm Phật tam muội”, do tụng Kinh Pháp Hoa hay Kim Cang được định, thì gọi là “Pháp Hoa tam muội” hay “Kim Cang tam muội”.

Người tu thiền định là phải đem tâm mình chuyên chú vào một pháp nào đó, lâu ngày công dụng của nội

tâm được tập trung lại. Người thường, tâm lý họ bị tán loạn nên không được thiền định và thần thông, do đó tâm mất sự công dụng của nó, mà không thể dứt được điều hại, làm nên điều lợi.

Thiền định có thể phân làm hai loại: chánh định và tà định.

Tà định : Tà định cũng do tinh tọ chuyên chú vào một cảnh. Thường là chuyên chú ở đan điền (dưới rún 3 tấc), chót mũi v.v... và cho đó là "tánh đạo", nên vừa được phát minh đôi chút, liền tưởng là đã được "đạo thể". Từ đó lại khởi ra tà kiến phân biệt và mong cầu các thứ thần thông. Khi được định này, người ta cũng biết được quá khứ, vị lai và ý nghĩ của kẻ khác (Tha tâm thông) v.v... Trong các Kinh, Luận đã có nói Thần thông và tà định... một cách rõ ràng, nhưng chỉ vì người thường không am hiểu Phật pháp, nên chẳng thể phân biệt được tà chánh, nhận lầm tà định là đạo.

Người đời trọn ngày chìm đắm trong biển lợi danh, ân ái, may mắn được phát tâm theo Phật, lại thường bị lạc vào ngoại đạo tà định, thật hết sức đáng thương! Người mới tu hành, trước phải phân biệt thế nào là tà, thế nào là chánh để khỏi phí uổng công phu và hối hận sau này. Vì tu theo tà định rồi, thì mắc phải bệnh thiên kiến rất khó dẫn dụ hơn là những người chưa được định lực. Ấy là điều vô cùng tai hại!

Những người không có đạo đức chơn thật, chỉ có tài xảo trá họ cũng đánh lừa được một số rất đông quần chúng để làm điều bất chánh, cái kết quả đó chẳng qua sẽ làm hại mình và hại người.

Nên khi chưa trừ dẹp được căn bản vô minh phiền não thì những thứ thiền định đã được cũng chỉ là tà định mà thôi. Vì thế, người tu thiền định, tất nhiên trước phải thành tựu Chánh kiến, nghĩa là bình thường tham thiền chẳng chú trọng đến chỗ được định mà chỉ cần làm sao cho đầy đủ Chánh kiến mới là điều quan trọng. Nếu không như thế, chẳng khác nào những người đi trên con đường đầy sự nguy hiểm!

Chánh định : Chánh định có chia làm hai: Phàm phu định và Thánh nhưn định.

Phàm phu định : Tức là định không đo tà kiến. Các tà định nếu ly khai tà kiến cũng đồng với chánh định. Phàm phu chánh định thông cả Tứ thiền và Tứ không, nhưng chưa được phù hợp với Thánh huệ, nên chẳng phải là Thánh định.

Thứ chánh định này cũng do trì Thập thiện giới, chẳng còn tà kiến. từ nơi nghiệp quả Chánh tín, tu được Thiền định. Ở đây, không có tà kiến mà chỉ có Thiện hạnh nên được gọi là chánh định, định này còn được gọi là đạo quả của Thiên thừa.

Khi thành tựu được định này, tuy chưa thể ra ngoài Sắc giới, người ta cũng đã thoát ly được Dục

giới, nhưng còn chút nhiễm trước định này một cách sâu kín, nên trong định tâm vẫn không dứt được tham si. Từ Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên cho đến Phi phi tướng xứ đều do thứ thiên định này mà được. Ở trong quá trình ấy, mặc dầu đã chế phục được phiền não ở Dục giới, nhưng phiền não ở cõi Sắc và Vô sắc vẫn còn, nên chỉ là Phạm phu định.

Trong đây, cõi Tứ thiên đã vượt ngoài Dục giới, thì sự suy tư ở Dục giới không thể nào đến được. Do đó, các vị thiên thần của các Tôn giáo, chẳng những đối với Thánh định không thể bì kịp mà ngay nơi phạm định ở cõi Tứ thiên cũng còn e không đến được.

Ở Tứ thiên, Tứ định không phải hạn cuộc trong phạm vi phạm định, như: khi thêm vào tà kiến thì gọi là tà định, y theo Thiện hạnh (thập thiện) mà vào Thiên thiên thì gọi là phạm định, còn như cộng thêm Thánh huệ xuất thế thì liền trở thành Thánh định.

Thánh nhơn định : Về Thánh nhơn định thì, người ta lại quán từ Sơ thiên, Nhị thiên v.v... cho đến Phi phi tướng thiên đều là “khổ”, chẳng tham trước, chẳng si mê, vì nhờ quán như vậy mà được thiên định, hiện ra bao nhiêu cảnh giới thắng diệu, nhưng chưa đoạn được nghiệp phiền não hữu lậu, bấy giờ mới dùng trí huệ giản trạch mà đoạn nó, ấy chính là Thắng định của Phật giáo vậy.

Nếu y cứ bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo mà

quán, người ta sẽ thấy rằng: tất cả đều là khổ, nên tất cả đều là không, mới chẳng đọa lạc vào nơi sanh tử luân hồi. Thế nên khi tu thiền định, người ta phải dùng gươm huệ Tứ đế để chặt đứt các dây nghiệp phiền não, để được Thánh định. Thánh định tất nhiên không còn tất cả các lậu Tam giới, còn phàm định chẳng được thế, vì vẫn còn hữu lậu, nhưng thứ hữu lậu này cũng rất là thắng diệu. Vì thế mà người ta cho cảnh giới của Ngọc Hoàng Thiên Đế là cảnh giới vô thượng cao diệu, nhưng đứng trên lãnh vực Phật giáo thì cảnh giới kia chẳng qua là của những vị Thiên thần còn ở trong Dục giới, nếu đem sánh với những cõi Tứ thiên, Tứ không thì hãy còn cách nhau xa lắm.

Vị Đại Phạm Thiên ở cõi Sơ thiên, nếu là Thượng đế của Cơ Đốc giáo, mạng sống rất lâu dài, giả sử đem tính số năm thì Đại Phạm Thiên đã có trước quả địa cầu và chết sau quả địa cầu hoại diệt. Do đó, người thường hễ nghe nói đến trời Đại Phạm, liền cho là vô thử vô chung, bất sanh bất diệt. Thật ra, cõi Sơ thiên nếu đem so sánh với tiểu thế giới, chẳng qua sự thọ mạng có lâu hơn và cảnh giới có lớn hơn mà thôi.

Tuy người đời đã tín ngưỡng ái mộ, cho là cảnh giới cao tột không thể luận bàn suy nghĩ, nhưng đem so với thiền định ở cõi trời còn không thể sánh kịp huống gì là Thiên định xuất thế gian ư !

Ở đây người nào bị các lối chấp ngăn che, không dễ gì đạt đến Thánh định. Trong Thánh định lại còn có Đại thừa và Tiểu thừa khác nhau. Trong Đại thừa Thánh định cũng còn có Bồ Tát định và Như Lai định.

Ở đây chỉ tóm tắt giải thích và phân loại các thiền định một cách tổng lược mà thôi. Điều nên chú ý là: Các thứ thiền định tuy có khu biệt mà vẫn đồng nhứt, vì tất cả thiền định đều lấy Vô tánh chơn không làm căn bản, nếu ai triệt ngộ được Vô tánh chơn không tức là đồng với Trí huệ bình đẳng không hai của Phật, ấy là được Thiền định của Phật vậy.

Trong văn trên, “nước” là dụ cho Tâm thể chẳng động, như nước được lóng lạng, dùng tay phiền não khuấy lên, làm bùn nhơ nổi dậy thì ánh sáng trong mất đi, nếu có người đến nhìn xuống nước đục, không thấy được bóng mình, nên những điều lợi hại hiển nhiên mà không thể biết được.

Tham ái phiền não là đầu của tất cả phiền não: hoặc tham ái ở cõi người, hoặc tham ái ở cõi trời, nếu có tham ái thì tâm bị dao động, như nước bị khuấy lên thì bùn nhơ nổi dậy. Tâm trí vì thế không được vô lậu, không thể đến chỗ Chí đạo.

Nếu ái dục không dứt thì tâm bị rối loạn, nên dứt bỏ ái dục là yếu nghĩa của pháp tu Thiền định vậy.

*

* *

BÀI XIII

e) 般若度

1/ 根本智

第十七章。佛言：
夫見道者，譬如持炬
入冥室中，其冥即滅
而明獨存，學道見諦
，無明即滅而明常存
矣。

2/ 後得智

第十八章。佛言：
吾法念無念念，行無

行行，言無言言，修
 無修修，會者近爾，
 迷者遠乎！言語道斷
 ，非物所拘，差之毫
 釐，失之須臾。

DỊCH NGHĨA

e) Bát-nhã độ

1- CĂN BẢN TRÍ

CHƯƠNG XVII

Phật dạy: Luận đến bậc Kiến đạo, thí như cầm đuốc vào nhà tối, bóng tối kia liền hết mà chỉ còn lại ánh sáng. Người học đạo thấy được chơn lý, thì vô minh liền dứt mà ánh sáng trí huệ thường còn.

2) HẬU ĐẮC TRÍ

CHƯƠNG XVIII

Phật dạy : Pháp của Ta, niệm mà không còn niệm và đối tượng niệm, làm mà không còn làm và đối tượng làm, nói mà không còn nói và đối tượng nói, tu mà không còn tu và đối tượng tu. Kẻ biết rất gần, người mê rất xa, dứt đường ngôn ngữ,

chẳng bị vật gì ràng buộc, sai đi hào ly, mất trong giây lát.

GIẢNG NGHĨA

Chơn lý : Lý chơn thật. Về Hiển giáo, đối với sự tướng hữu vi mà gọi Chơn như vô vi là Chơn lý, còn Mật giáo thì lấy nghĩa Nhiếp trì là lý. Sự tướng hữu vi đều tự nhiếp trì cái thể của nó không bị loạn tạp, gọi đó là LÝ, chỉ cái không sanh của Pháp tánh là CHƠN tức là Thập giới mạn trà la của Thai tạng giới. Trong đây nói thấy được Chơn lý (kiến đế) tức là chỉ cho các bậc Thánh. Về hàng Thanh Văn thì từ Dự lưu quả trở lên, còn Bồ Tát thì từ Sơ địa trở lên.

Căn bản trí : Cũng gọi là Chánh trí Chơn trí, Như Lý trí, Vô phân biệt trí. Căn bản trí là đối với Hậu đắc mà nói. Chính lúc mà chơn trí một niệm thâm lặng phù hợp với chơn lý không có sự sai biệt giữa năng duyên sở duyên. Trí này là căn bản sanh ra tất cả pháp lạc và bao nhiêu công đức đại bi, nên gọi là Căn bản trí.

Hậu đắc trí : Cũng gọi là Tục trí, Quyền trí, Như lượng trí v.v... Trí sau khi phân biệt tất cả các tướng sai biệt gọi là Phân biệt trí. Lại, Hậu đắc trí là chúng được sau Căn bản trí, nên gọi là Hậu đắc trí. Đức Phật khởi lòng Đại bi cứu độ chúng sanh cũng do Trí này.

Theo trong Nhiếp Đại Thừa Luận Thích do Ngài Chơn Đế dịch nói: “Bản thức của Như Lai hàng ly

khai tất cả, giải thoát chướng và trí chướng. Thức này gọi là Vô phân biệt trí, hoặc gọi là Vô phân biệt hậu trí. Nếu đối với chúng sanh, một phần phát khởi làm việc lợi ích, gọi đó là Tục trí, còn một phần khởi duyên tất cả Pháp vô tánh, gọi là Chơn như trí. Hiệp cả hai phần này gọi là “Ứng thân”.

Kiến đạo : Thấy được Chơn lý.

ĐẠI Ý

Bài này nói đến hai thứ trí huệ tuyệt đối: Căn bản trí và Hậu đắc trí, tức là Bát-nhã độ trong sáu độ của Bồ Tát.

GIẢI THÍCH

Bát-nhã (Prajñā) tức là trí huệ, vì ý nghĩa khác nhau nên có chia làm 3 thứ:

1) *Thật tướng Bát-nhã* : Không có các tướng, không tướng gọi là Thật tướng. Nghĩa là không có sanh tử, Niết-bàn và những tướng của các pháp, đến cái Không tướng cũng không.

2) *Quán chiếu Bát-nhã* : Dùng tâm trí huệ chiếu rõ Lý thật tướng, vì trí tỏ lý bày, phá trừ mê hoặc mà hiển tam đức diệu tâm, nên gọi là quán chiếu.

3) *Văn tự Bát-nhã* : Cũng gọi là “Phương tiện Bát-nhã”. Vì “lý” không hình tướng lại dứt cả ngôn tự, nên quyết phải nhờ văn tự để giải nghĩa, do nghĩa mà rõ được “lý”, lần lần nghĩa giải đều quên, văn tự tánh không, bấy giờ chỉ còn Tướng chơn thật. Chẳng

khác nào khi được cá, thả rồi thì nôm bầy đều quảng (bỏ). Bởi vì, người sơ học, nếu chẳng nhờ phương tiện thì khó mà nhập môn vậy. Nghĩa thú văn tự là Cảnh phương tiện; Giải là Trí phương tiện, bỏ nó không thể nào được Thật tướng, nên phải có “Văn tự Bát-nhã”.

Trí Thể Bát-nhã do ly ái mà được. Những bậc sơ học Bồ Tát, y theo giáo pháp Bát-nhã tu hành, vô lậu tịnh huệ do đó được phát sanh, gọi là Văn tự Bát-nhã. Những vị Thất hiền ở Tiểu thừa và Tam hiền của Đại thừa đều y Giáo pháp Văn tự Bát-nhã, tư duy quán sát và dùng tâm Trì giới, Thiền định mà tu tập (tức từ Tư huệ mà tiến đến Tu huệ), đúng như: Tín, Giới, Định mà quán sát, là Quán chiếu Bát-nhã. Quán chiếu cho đến khi Thanh tịnh vô lậu thân chứng chơn như, ấy là Thật tướng Bát-nhã.

Các bậc Bồ Tát được Căn bản Bát-nhã mới có thể khởi ra Hậu dắc Bát-nhã để thượng cầu hạ hóa. Từ khi chưa được Căn bản trí về trước là Quán chiếu Bát-nhã, lúc ấy chỉ tin có Bản thể trí và được đại dụng trí, đến khi được Căn bản trí (Chơn Bát-nhã) gọi là Kiến đạo.

Kiến đạo vị của Tiểu thừa là thấy chúng sanh đều không, còn Kiến đạo ở bên Đại thừa thì chúng được Nhị không (*sanh không và pháp không*).

Trong chương 17 nói: Tối là dụ cho vô minh, sáng là cho Vô lậu Thánh trí, còn cầm đuốc vào nhà tối là

dụ cho: “Đem ánh sáng Vô lậu trí” phá trừ vô minh mờ ám. Khi tối hết sáng còn, hai việc đó không có trước sau. Chúng ta không thể tức thời liền được Bản giác hiện tiền, nên chỉ có thể nhờ Giáo pháp giới định Bát-nhã tu trì, chắc chắn lần lần trí quang phát hiện, mờ ám tiêu đi, cho đến lúc vô minh hằng dứt chứng quả Vô thượng Đại giác.

Trong chương 18 là nói về Hậu đắc trí. Như ta đã biết, Hậu đắc trí từ Căn bản trí mà chứng được. Khi đã chứng được Hậu đắc trí thì đại dụng vô cùng, đại dụng ấy vi diệu không thể nghĩ bàn, nên gọi là Trí bất khả tư nghì. Trí này dung thông rộng lớn, không bị mọi sự ngăn ngại, tiêu dứt các phân biệt, hợp với Pháp tánh. Những ngã chấp, pháp chấp do hai chướng khởi ra cũng từ đây lần lần hết.

Các vị Bồ Tát tuy chưa có thể đoạn dứt được hai chấp, nhưng đã trừ bớt được quá nửa, từ đấy tinh tấn đến Phật vị thì sẽ đoạn xong, nên Hậu đắc trí cũng là cơ sở chứng thành quả Phật.

Ngã chấp phát hiện, tức là phiền não chướng, pháp chấp phát hiện, tức là sở tri chướng. Những bậc Bồ Tát Địa tiền, phiền não của sáu thức có lúc nhiếp phục, nhưng phiền não của Đệ thất thức vẫn hiện hành, phải chờ đến khi Căn bản trí phát hiện mới có thể dứt sạch được phiền não chướng do phân biệt sanh ra, bấy giờ mới có được “Đại dụng bất khả tư nghì”. Ấy là Hậu đắc trí.

Chúng ta cũng cần nên biết đến cái Thể của Hậu đắc trí. Nếu đứng về phương diện tâm pháp phân tách, thì nó chính là Huệ Tâm sở trong năm món Biệt cảnh Tâm sở. Bình thường, chúng ta vốn đầy đủ Huệ này, nhưng vì nó bị phiền não chi phối nên không được thanh tịnh, đến khi chứng được Căn bản trí thì nó mới trở thành thanh tịnh. Nhưng Huệ tâm này, bấy giờ nó còn phải nương nhờ các tâm Tâm sở khác.

Những bậc Địa thượng Bồ Tát, các Tâm vương tương ưng là thanh tịnh Ý thức và thanh tịnh Mạt-na thức, cùng với những tâm Tâm sở tương ưng là 5 món Biến hành, 5 món Biệt cảnh và 11 món Thiện.

- Đã cùng với tâm Tâm sở tương ưng tại sao không gọi là Tâm mà gọi là Trí ?

- Vì trong tâm Tâm sở thanh tịnh lấy Trí làm chủ, còn trong tâm Tâm sở hữu lậu lấy Thức làm chủ, nên gọi nó là "Trí" mà không gọi là "Tâm". Khi đến quả vị Phật thì Tám thức và các Tâm sở tương ưng đều thanh tịnh, tất cả những tâm pháp thanh tịnh đều cùng với trí này tương ưng, nên Thể của Hậu đắc trí là Huệ.

Căn bản trí lấy Chơn như tánh làm cảnh sở hiện, còn Hậu đắc trí thì lấy các Pháp tướng làm cảnh sở hiện. Nên Thật báo trang nghiêm Thân và Thật báo trang nghiêm Độ của chư Phật và Bồ Tát, đều là cảnh sở hiện của Hậu đắc trí. Do đó, chúng ta biết

rằng trí ở đây nói không như trí bình thường mà người ta nói, vì nó bao quát tất cả Thanh tịnh thân và Thanh tịnh độ vậy.

Pháp ở trong chương này nói, là thứ pháp phi Đức Phật không thể nào thành tựu. Hàng Sơ địa Bồ Tát trở lên chỉ thành tựu được phần nào thôi. Đây thuộc về Pháp Đại thừa bất cộng, duy có Phật và Bồ Tát mới có thể thành tựu, nên gọi là “pháp của Ta”. Pháp này không thể dùng suy nghĩ, luận bàn, cũng không phải do làm hay tu chứng. Tự nhiên, không nghĩ mà chưa từng không có điều nào là không nghĩ; không luận bàn mà chưa từng không có điều nào là không luận bàn; không làm mà chưa từng không có điều nào là không làm; không tu mà chưa từng không có pháp nào là không tu.

Nói thế, mới nghe hình như mâu thuẫn, nhưng ở đây không thể đem một học lý nào để định lệ. Vì pháp ấy dùng tư tưởng không thể thông được, đem luận bàn không thể đến được, nên gọi là “Bất khả tư nghĩ”.

Niệm là một món Tâm pháp trong năm món Biệt cảnh: Dục, Thắng giải, Niệm, Định, Huệ. Niệm tức là ghi nhớ một cách rõ ràng. Bình thường, chúng ta niệm Phật, tưởng là dùng khẩu niệm mà niệm mãi, đó là Niệm. Như thế, chúng ta đã hiểu một cách sai lầm, vì bốn nghĩa của chữ Niệm là ghi nhớ rõ ràng không hề quên mất. Tâm trong sát-na sanh diệt lúc

nào cũng ghi nhớ đến Đức Phật. Tâm không hề xen lộn một cảnh nào khác, mà chỉ lấy Phật làm cảnh. Do đó, tất cả tâm Tâm sở đối với cảnh Phật luôn luôn ghi nhớ rõ ràng, ấy là Phật trí.

Tâm sở trong năm món Biệt cảnh: Niệm từ Dục và Thắng giải mà ra. Do Niệm sanh Định, nhờ Định mà phát Huệ. Nên Tâm sở trong Biệt cảnh lấy Niệm làm then chốt, đây là bản ý của chữ *Niệm* vậy.

Lại người ta thường nói: “Tâm tâm niệm niệm”, hoặc nói “Mỗi niệm, mỗi niệm”, đây là chỉ một lần khởi diệt của tâm. Cứ một lần khởi diệt gọi là “Niệm Niệm” ấy là nghĩa riêng của chữ Niệm.

Trong Hậu đắc trí, chẳng phải là không Niệm. Vì Niệm trong Hậu đắc trí là ghi nhớ rõ ràng không hề quên mất. Nhưng Niệm ở đây chẳng đồng với thứ Niệm khi chưa được Căn bản Vô phân biệt trí, tức chẳng đồng với thứ niệm có ngã chấp, pháp chấp và phân biệt chấp, nên nói rằng: “*Niệm mà không niệm và đối tượng niệm*”. Tuy không có các thứ niệm ngã chấp, pháp chấp mà chưa từng không có thứ niệm ghi nhớ rõ ràng, nên lại nói: “Không niệm mà vẫn niệm”.

Trí hậu đắc cũng chưa từng có niệm niệm tương tục sanh diệt, nhưng lại có thể biết rõ chính cái sanh diệt ấy là “Không”, mà ngay cái không ấy cũng không có cái “Không sanh diệt” nên nói rằng; “không cái Niệm và cái không Niệm”.

Làm mà không làm và đối tượng làm : Chữ *làm* trong Kinh Phật là chỉ cho pháp hữu vi sanh diệt. Như nói: “Các hạnh vô thường”, tức là nghĩa của sanh diệt pháp cũng là nghĩa tạo tác. Những pháp hữu vi chính là những pháp có thi vi tạo tác và những pháp sanh diệt.

Bậc Sơ địa Bồ Tát gồm tu vạn hạnh, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, trong nhứt tâm gồm tu vạn hạnh, tinh tấn đến quả Phật, vì Tâm Bồ-đê là lợi giúp chúng sanh mà khởi hạnh, dầu khi đến công viên quả mãn mà hạnh lợi tha cũng vẫn còn. Trong đây, phàm tất cả hạnh đã làm đều gọi đó là *Hạnh*, vì *Hạnh* do các duyên mà khởi, tất cả đều là bổn không, không có tự tánh, nên làm mà không làm, không làm mà vạn hạnh đầy đủ, nên “*Không làm mà làm*”.

Nói mà không nói và đối tượng nói : “Phật, Bồ Tát hóa độ chúng sanh, dùng lời nói làm chủ, bao nhiêu danh tự ngôn thuyết đều vì tư tưởng của chúng sanh mà lập để phá trừ những tư tưởng lầm lẫn của chúng sanh, nhưng không thể do đó mà chúng được Vô phân biệt trí của chư Phật và Bồ Tát. Vì thật tướng của các pháp xa lìa “ngôn thuyết”. Nhưng Đức Phật vì độ sanh không thể không nói, nên phải có ngôn thuyết, mà trong ngôn thuyết đều không có thật tướng các pháp. Chỉ có danh ngôn chứ không có thật nghĩa, nên “*nói mà không nói*”. Song khi phá vọng chấp của chúng sanh vẫn phải dùng đến phương tiện ngôn thuyết, nên: *không nói mà nói*.”

Tu mà không tu và đối tượng tu : Tu đây là tu tập, chính là cái nghĩa: học tập hay luyện tập. Những hàng Sơ địa Bồ Tát gọi là Tu tập vị, vì tuy đã thông suốt Phật pháp mà chưa luyện tập cho thành thực.

Phật quả, tự vị đã không có điều gì phải tu, nhưng còn phải dạy người tu, mà sự tu kia không có gì gọi là được, nên gọi là “Trí vô đắc bất khả tư nghì”. Tuy không có thật thể chứng được, nhưng cũng không phải không có các duyên phát khởi các thứ tu tập, nên không tu mà *phải tu*.

Trong Kinh Hoa Nghiêm: Phẩm Nhập Pháp Giới cũng gọi là Phẩm Nhập Bất Khả Tư Nghì nói: “Vì đã xa lìa phiền não và giải thoát chướng, Trí bất khả tư nghì trên tư tưởng, ngôn thuyết trong tâm chúng sanh ở nơi hai chướng, đều không thể lập. Tuy ở trong tâm chúng sanh không thể thành lập mà ở trong tâm Bồ Tát trí sạch hai chướng thật là có cảnh ấy, nên nói rằng; “Bất khả tư nghì”. Thật ra, cảnh ấy cũng chẳng phải chỉ riêng có với chư Phật, Bồ Tát, vì “Các pháp thật tướng bản lai bình đẳng”, chỉ vì chúng ta chưa trừ sạch hai chướng, nên không thể nhận biết được, cần phải nhờ Thánh giáo quán sát mà thể hội, liền được dần dần liễu ngộ, nên nói “người biết thì rất gần”, nhưng vì trong tâm chúng sanh mê muội không nhận biết, nên không thể thấu suốt được các Pháp thật tướng này, cho là rất xa, mà

kỳ thật không xa, vì tâm của chúng sanh bản lai tức là các Pháp thật tướng. Như người trong mộng, tuy riêng thành cảnh mộng, mà chẳng lìa tâm này (các Pháp thật tướng) thí như người mê, nên nói rằng “người mê thời rất xa”.

*

* *

BÀI XIV

3) 加 行 位

a) 無 常 即 常 觀

第 十 九 章 。 佛 言 ：
 觀 天 地 念 非 常 ， 觀 世
 界 念 非 常 ， 觀 靈 覺 即
 菩 提 ， 如 是 知 識 得 道
 疾 矣 。

b) 無 我 如 幻 觀

第 二 十 章 。 佛 言 ：
 當 念 身 中 四 大 各 自 有
 名 ， 都 無 我 者 ， 我 既
 都 無 ， 其 如 幻 耳 。

DỊCH NGHĨA

3) GIA HẠNH TRÍ

a) Quán Vô thường là thường

CHƯƠNG XIX

Phật dạy rằng : Quán Trời đất, nghĩ là chẳng phải thường, quán thế giới nghĩ là chẳng phải thường, quán Linh giác tức Bồ-đề, hiểu biết như thế được mau đắc đạo.

b) Quán Vô Ngã như huyền

CHƯƠNG XX

Phật dạy rằng : Phải quán bốn đại, trong thân, mỗi đại tự nó có tên, đều không có cái gì là ngã, ngã đã không có thì chúng chỉ như huyền mà thôi.

GIẢNG NGHĨA

Linh giác : Giác tánh linh diệu.

Bồ-đề (Bodhi) : Cựu dịch: Đạo; tân dịch : Giác đạo, có nghĩa là thông giác, có nghĩa là giác ngộ. Cái cảnh sở thông, sở giác, có cả hai phần: sự và lý: “Lý” tức Niết-bàn, là Nhứt thiết trí đoạn Phiền não chướng chúng được Niết-bàn. Đây là Bồ-đề thông cả Tam thừa. “Sự” tức là tất cả các pháp hữu vi do Nhứt thiết chủng trí đoạn Sở tri chướng mà biết được các pháp. Đây chỉ là Bồ-đề của Phật. Bồ-đề của Phật thông cả hai phần trên, gọi là Đại Bồ-đề.

Bốn đại : Đất, nước, gió và lửa.

ĐẠI Ý

Bài này, Phật dạy: “Quán vô thường là thường”, vì trong cái vô thường sẵn có cái thường là quán thân tứ đại này giả dối như huyễn, không nên mê luyến.

GIẢI THÍCH

Từ chương 19 đến chương 26 là nói về Gia Hạnh Bát-nhã. Gia hạnh là khi chưa được Căn bản trí về trước gia công tấn hạnh.

Các hạnh đã làm hằng ngày chứa thành các thứ thiện căn, bấy giờ có thể tăng tiến tu Gia Hạnh Bát-nhã. Công việc khai thị giáo hóa chúng sanh của Phật là : y nơi “Giáo” tỏ “Lý”, y nơi “Lý” mà khởi “Hạnh”.

Quán chiếu Bát-nhã trong ba thứ Bát-nhã, tức là do Văn tự Bát-nhã mà tu. Ở trong quá trình này, gia dĩ tu hành mạnh mẽ, tức là Gia Hạnh.

Chúng sanh từ vô thủy đến giờ, do nghiệp tham ái mà thành, cố kết khó trừ. Do đó, hàng Bồ Tát tu hành, đối trị tập khí thâm trọng từ vô thủy đến nay phải dùng hạnh lực gia tăng để khiến nó đoạn dứt, chúng được Thánh quả không lui sụt, không phải chỉ

dụng công khắc khổ, dũng mãnh tinh tấn trong nhưt thời mà được.

Trong Phật pháp, nếu ta không chứng được Thánh quả vẫn phải đọa lạc luân hồi, chỉ có người chứng được Thánh quả mới được hằng không lui sụt. Vì lẽ ấy, người đã sanh lên cõi trời, nếu chưa được Thánh quả, vẫn phải đọa lạc; nên biết chỉ có người chứng được Thánh quả mới là tiến hóa chơn thật. Đến như Bồ Tát vì Y báo, Chánh báo trong mỗi địa đều được trang nghiêm tăng tiến nên không có một mảy may luân chuyển. Vì thế mà người tu hành, muốn chứng được Thánh quả bất thối, nếu chẳng phải gia hạnh thì không thể nào thành công được. Gia Hạnh luôn luôn dùng trí huệ làm chủ, nên còn gọi là *Trí*.

Gia hạnh có hai nghĩa rộng, hẹp khác nhau:

Theo nghĩa rộng: Khi chưa chứng được Thánh quả về trước, bao nhiêu công hạnh đều là Gia Hạnh tức là từ Bồ Tát vị, muốn tiến đến Phật vị, gọi là Gia hạnh vị.

Theo nghĩa hẹp: Cái công việc sẽ khởi hành sau Tư lương vị là Gia hạnh vị. Tư lương vị tức là thời kỳ tích tập phước đức, trí huệ để làm món lương phạn dự bị cho gia hạnh, như: Chúng ta xem Kinh, Trì giới, Tu định... luyện tập chuẩn bị cho Gia Hạnh, ấy là Tư lương hạnh.

Trong Đại thừa và Tiểu thừa, trước khi được Căn bản trí, có bốn vị Gia Hạnh, đều dùng: Định, Huệ,

Quán chiếu làm căn bản. Trước Gia Hạnh, Tư lương hạnh, trước Tư lương hạnh còn Chứng tánh hạnh, nhưng chỉ vì tín tâm chưa thuần thực, nên không thể khởi hạnh Tư lương.

Chữ “Trời đất” (Thiên địa) trong đây nói, thông thường gọi là “thế giới”, nhưng nếu dùng liên tiếp: thiên địa thế giới, thì ra cái nghĩa: “thế giới vạn vật” cũng như nói “thiên địa nhân vật”.

Câu “chẳng phải thường” trong đây có hai nghĩa : 1) Biến hoại. 2) Đoạn diệt. Trong Phật pháp nói: “Chẳng phải thường” không phải theo nghĩa đoạn diệt mà là theo nghĩa biến hoại. Nói một cách khác là “thiên lưu chuyển biến”, có nghĩa là thành hoại.

Ý nói: Quán chiếu cái rộng lớn lâu xa như Trời đất còn có lúc biến hoại, thì những thứ khác không cần nói đến.

Thế giới tức là vũ trụ. Vũ là bốn phương, trên dưới; Trụ là xưa qua nay lại. Nếu theo danh từ nhà Phật thì: ba đời là thế, mười phương là giới; một là chỉ về thời gian; một là chỉ về phương vị. Hoặc lấy một mức độ vận hành của mặt nhật làm một ngày, hoặc dùng sự lưu động của nội tâm làm sát-na; “thời” thuộc về tinh thần, “phương” duy là vật chất.

Đã quán “Trời đất” là vô thường, thì thế giới đương nhiên cũng là vô thường. Nhưng Vô thường quán có “thô” có “tế”; Tế là sát-na sanh diệt, tức là vô thường, thô thì trời đất cũng là vật bị biến hoại. Lại Tế quán thân người biến đổi từng giờ, từng khắc,

ta ngày nay chẳng phải là ta ngày hôm qua, chỉ vì sự biến đổi đó in tưởng như tương tục, trước sau phưởng phát như nhau nên trước khi bị phá diệt, chúng ta không hề biết nó đã thay đổi. Như nước của một giòng sông, không lúc nào là chẳng biến dịch, nhưng mà lòng sông vẫn đứng yên, nên chúng ta không biết nó thay đổi, khi đến cửa sông, nước đổi chiều chảy mạnh, người ta mới biết nó biến dịch. Pháp quán vô thường thông cả Đại thừa và Tiểu thừa.

Về Đại thừa Quán vô thường có Căn thân hữu tình và Thế giới vô tình đều từ vô thủy lưu hành sanh diệt tương tục, chúng chỉ là tướng phần của A-lại-da biến khởi, mà A-lại-da đã chuyển biến không ngừng, thì những cảnh do Tướng phần sanh ra, dĩ nhiên cũng là Sát-na sanh diệt, như: Mộng là do Sát-na sanh diệt; thì tướng trong mộng cũng là Sát-na sanh diệt. Những thứ tương tục sanh diệt này đều y nơi thế lực nghiệp chủng trước, kỳ hạn chưa dứt: A-lại-da ở ngay trong phạm vi nghiệp lực sanh diệt tương tục. Kỳ hạn của nghiệp chủng này ở sách Nho gọi là *mạng*. Thế nên, chúng ta cho người chết không còn hay biết, kỳ thật A-lại-da thức chưa đoạn diệt, nên y theo nghiệp lực lại tìm một đời sống khác. Vì lẽ ấy, trạng thái mà người ta gọi là chết đó chẳng qua là trạng thái biến hoại thông thường mà thôi.

Nếu quán sát như thế thì tướng vô thường thô, tế đều rõ ràng là Duy thức. Ấy là phương pháp quán tướng của Đại thừa.

Linh giác tức Bồ-đề: Cũng chính là Quán tâm tức Phật vậy. Nếu Thọ quán vô thường thì đối với thế giới không còn tham ái, nếu Tế quán vô thường đến cùng cực thì chứng được Phật quả, nên nói rằng được mau đắc đạo.

Nói: “Liễu thoát sanh tử”. Sanh đây chẳng phải là không còn sanh nữa, chẳng qua là đem cái sanh diệt tương tục hữu hạn mà thay vào cái tương tục vô hạn đầy thôi, nên trong Kinh Phật gọi đó là “vô sanh”, nghĩa là không phải khử bỏ cái *sanh* mà thật là mở mang cái *sanh* này khiến nó lớn thêm lên. Vì cái sanh có hạn, đều do ngã pháp chấp tiếp nối sanh khởi. Nếu không được hai chấp này thì nghiệp lực hữu hạn biến làm hạnh bình đẳng mà trở thành Đại giải thoát do A-lại-da thức được thanh tịnh để trở thành Yêm-ma-la thức, tức là Tự thọ dụng thân của Phật. Vì thế, cực điểm vô thường chính là cái thường tương tục cùng tột điểm vị lai, nó cũng chính là cái *thường* của Thường, Lạc, Ngã, Tịnh trong Phật pháp. Nhưng kỳ thật Yêm-ma-la thức cũng là sanh diệt tương tục, chẳng qua là nó sanh diệt vô cùng hạn, và luôn luôn yên lặng tương tục, nên gọi là “thường”. Đây là Quán linh giác tức Bồ-đề vậy.

Chương 19 nói Quán “vô thường là thường” còn chương 20 thì nói rõ Quán “vô ngã như huyễn”.

Các pháp vô ngã có hai nghĩa: Sâu và Cận.

Cạn là quán thân này do tứ đại hiệp thành, trong tứ đại, mỗi đại đều có tên riêng, nếu chấp ta là ngã, thì ngã ấy do tứ đại hiệp thành; còn như cho rằng tứ đại là ngã, thì không có chỗ nào là không có tứ đại, vậy cái ngã mà ta chấp đó, nó phải cùng khắp, ngã đã cùng khắp, thì ngã và chẳng phải ngã cũng không thể thành lập. Đây chỉ là thiên về cái nghĩa “Sanh không quán” mà nói.

Sâu thì đã bao quát cả cái nghĩa Pháp không trong đó. Bởi vì, pháp tức là vật, không luận là vật gì cũng đều không có tự tánh, chúng chỉ nương nơi Y tha khởi, mượn các duyên mà sanh, y nơi Duy thức mà hiện, cho đến : Địa, thủy, hỏa, phong cũng thế. Vậy thì, cái ngã do tứ đại giả hiệp kia, quyết không thật có, mà tứ đại mượn các duyên sanh cũng không tự thể, vì không tự thể nên tánh nó cũng không. Lại các pháp đều nương những Thức sai biệt mà được phát khởi. Các Thức này do tích tập vô thủy đến nay mà được thành tựu cũng chỉ là Y tha khởi tánh, rốt ráo không thật thể. Đây là quán các pháp vô ngã, tức là: “Pháp không quán” vậy.

Do những nghĩa trên, ta thấy lời thuyết pháp của Đức Phật, chỉ đưa ra một khía cạnh nào đó cũng đã có cả ba khía cạnh kia, khiến chúng ta có thể từ chỗ gần mà suy đến chỗ xa. Các hàng Tiểu thừa trí huệ thấp kém, chỉ có thể Quán thân vô ngã mà không thể Quán các pháp tứ đại là vô ngã, nên pháp chấp vẫn

còn. Có thể nói một cách tổng quát, tất cả các pháp đều vô ngã, là pháp quán của Đại thừa. Như quán: đất là do các duyên hợp lại, nó không có tự thể, ấy là: “Địa không quán” v.v...

Từ trước đã giảng pháp Quán các hạnh vô thường, các pháp vô ngã. Khi pháp quán này thành lập thì hai chấp đều không, nhân sanh và thế giới tất cả đều như huyễn. Theo Đại thừa Duy thức giải thích: Các pháp Duy thức đều như huyễn, các pháp như huyễn đều là Duy thức. Ở trên nói: “Quán vô thường tức Tâm” chính là “Quán vô thường tức Thức”; còn “Quán các pháp vô ngã” chính là “Quán vô ngã như huyễn”.

Từ trong pháp “Quán vô thường tức Thức”, ta có thể biết: “vô thường tức là thường”, trong pháp “Quán vô ngã như huyễn” thì sẽ ngộ được “vô ngã tức ngã”. Vì ngã có nghĩa là tự do, nghĩa là theo tâm vận chuyển không bị chướng ngại. Nếu ai đến chỗ không chướng ngại thì trong một pháp có thể nhiếp được tất cả pháp, một pháp vào tất cả pháp và chúng lẫn nhiếp lẫn nhập, lẫn hiệp lẫn biến. Vì các pháp chỉ là Tâm thức hiện ra nên không chướng ngại.

Ở đây vô thường tức thường sẽ thành “Thường lạc”, vô ngã tức ngã sẽ thành “Ngã tịnh”. Ấy là Đại tự tại. Pháp quán tối thâm chính là pháp Quán vô ngã đến chỗ tự tại vô ngại. Đây là diệu quán thông thường của hàng sơ phát tâm cầu đến quả Phật.

BÀI XV

c) 通觀五欲

第二章。佛言：佛聲名故學如香，
 一欲求於身而不譬，香之，
 十情顯著，名形聞身。○第二章。佛之蜜小患。
 二隨名貪枉，矣其後十於人刀之割
 ：聲！矣道燒之而第財，捨不舐
 矣，香燼在，第財，足之

DỊCH NGHĨA

c) Quán ngũ dục

CHƯƠNG XXI

Phật dạy : Người theo tình dục cầu được thanh danh, khi thanh danh vừa hiển lộ thì thân đã chết rồi! Nếu người tham thứ thường danh ở đời mà chẳng học đạo, thì chỉ uống công mệt xác, thí như: đốt hương, người ta vừa nghe được mùi hương thì hương kia đã cháy hết, mà thứ lửa hại thân lại theo liền sau đó.

CHƯƠNG XXII

Phật dạy : Tài sắc đối với người, người không bỏ được, chẳng khác nào trên lưỡi dao có dính chút mật, không đủ một bữa ăn ngon, thế mà dứa bé liếm vào quyết sẽ bị cái hại đứt lưỡi.

GIẢNG NGHĨA

- Tình dục : Mối ham muốn ở trong lòng người, tức là thất tình và lục dục.
 Thanh danh : Tiếng tăm, danh dự do người đời truyền tụng.
 Tài sắc : Tiền của và sắc đẹp.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật khuyên chúng ta không nên theo đuổi ngũ dục mà bỏ học đạo, vì tài sắc sẽ gây

cho kẻ tu hành nhiều điều tai hại, nếu ta theo đuổi nó chẳng khác nào đứa bé liếm mật trên lưỡi dao bén.

GIẢI THÍCH

Thông quán ngũ dục : Tài, sắc, danh, thực và thù để phá lòng ham muốn cầu danh. Muốn lưu danh hậu thế, ở đời có người làm các điều thiện để lưu danh tốt; trái lại, có kẻ làm những điều cực ác để lưu tiếng xấu muôn đời, khác nào người đốt hương mong được nghe mùi, nhưng có biết đâu khi được nghe mùi hương thì cây hương đã cháy hết.

Chương 22 chuyên nói về tài, sắc. Vì tài sắc là thứ mà người đời rất thèm khát và nó là căn bản của ngũ dục, nên tiếp đưa ra thí dụ đứa bé liếm mật để chúng ta suy gẫm đến tai hại của tài và sắc.

*

* *

BÀI XVI

d) 別 訶 色 欲

第 二 十 三 章 。 佛 言
 人 繫 於 妻 子 舍 宅 甚
 牢 獄 ， 牢 獄 有 散 釋
 期 ， 妻 子 無 遠 離 之
 念 。 情 愛 於 色 ， 豈 憚
 馳 ！ 雖 有 虎 口 投 泥 患
 心 存 甘 伏 ！ 夫 ； 透 自
 溺 ， 故 曰 凡 夫 羅 漢 。 得
 門 ， 出 塵 羅 漢 。 佛 言
 第 二 十 四 章 。 佛 言 色
 愛 欲 莫 甚 於 色 ， 外
 之 為 欲 ， 其 大 無 外 。

同 道 二 為 使 能 若 無 人 矣 一 之 有 普 矣 賴 者 。

佛 言 炬 手 如 有 燒 手 猶 必 有 行 必 有 患 。

神 佛 穢 不 問 即 天 壞 眾 吾 因 說 欲 囊 ！ 革 去 敬 解 。

第 二 十 六 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 二 十 五 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 二 十 四 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 二 十 三 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 二 十 二 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 二 十 一 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 二 十 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 十 九 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 十 八 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 十 七 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 十 六 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 十 五 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 十 四 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 十 三 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 十 二 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 十 一 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 十 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 九 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 八 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 七 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 六 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 五 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 四 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 三 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 二 章 佛 言 為 神 佛 洹 第 一 章 佛 言 為 神 佛 洹 。

DỊCH NGHĨA

d) Trách về sắc dục

CHƯƠNG XXIII

Phật dạy rằng : Người bị ràng buộc bởi vợ con, nhà cửa còn quá hơn lao ngục, lao ngục còn có thời kỳ phóng thích, vợ con không một ý niệm xa lìa. Một khi tâm thích về sắc đẹp thì đâu còn sợ gì đến sự gian nguy. Dẫu cho có sự hoạn họa nơi miệng hùm, lòng cũng đành chịu. Vì tự đắm mình nơi lấy lợi, gọi là phạm phu, nếu hiểu được lẽ ấy, chính là bậc xuất trần La-hán.

CHƯƠNG XXIV

Phật dạy : Sự thèm muốn không gì hơn sắc đẹp. Sự thèm muốn sắc đẹp, ngoài nó không gì lớn bằng. Cũng may, chỉ có một mình nó mà thôi, chứ nếu có cái thứ hai bằng nó, thì người khắp trong thiên hạ không ai có thể hành đạo được vậy.

CHƯƠNG XXV

Phật dạy : Người ái dục cũng như kẻ cầm đuốc nghịch gió mà đi, tất không tránh khỏi cái nạn cháy tay.

CHƯƠNG XXVI

Thiên thần dâng Ngọc nữ cho Phật, toan phá ý niệm của Phật. Phật bảo rằng : “Cái, dây da chứa những ô uế, người đến đây làm gì? Đi ! Ta chẳng dùng đâu”. Thiên thần thấy vậy càng thêm kính

nể và nhờn đó mới hỏi về ý đạo. Phật vì ông giảng nói, liền chứng được đạo quả Tu-đà-hoàn.

GIẢNG NGHĨA

- Phóng thích** : Thả ra.
Gian nguy : Khốn khổ nguy hiểm.
Xuất trần : Ra khỏi trần lụy.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật nói: Con người bị ràng buộc vì vợ con nặng hơn sự ràng buộc chốn lao ngục. Trong tất cả sự thèm muốn không có sự thèm muốn nào hơn sắc dục.

Nếu kẻ học đạo đam mê sắc dục sẽ bị điều tai hại không tránh khỏi, như người cầm đuốc đi ngược gió. Vì biết thế, nên khi sắp thành đạo, có vị Thiên thần dùng nữ sắc để phá Phật, Phật cương quyết đuổi đi.

GIẢI THÍCH

Chương 21 trách chung về sự ham mê ngũ dục, còn từ chương 23 đến chương 26 riêng nói về tai hại ham mê sắc dục, đây chính là Sắc dục quán.

Muốn đạt được Vô ngã quán, trước phải xa bỏ sắc dục, rồi mới có thể xuất gia và chứng được đạo quả. Thông thường, xuất gia có hai nghĩa: một là gia tài, hai là thân thuộc. Trong đây nói “thê tử” đã bao

quát cả nghĩa gia thuộc; “nhà cửa” đã bao hàm cả nghĩa gia tài (tài sản). Thê tử là nguyên lai khởi ra sắc dục. Vì gốc của sắc dục quá sâu, nên đối với thê tử không có ý niệm nào muốn xa lìa.

Câu: “Tự đắm mình nơi lầy lội” là dụ về cái khổ của sắc dục. Như vì khi Phật thuyết pháp, có con voi điên tự nhảy vào bùn để trắm mình và càng vùng vẫy, càng bị lún sâu, nên Phật lấy đó làm thí dụ.

Câu: “Hiểu được lẽ ấy” là nói: mãn Đệ tam quả chúng được Đệ tứ quả. Bởi vì hai quả trước chưa ly khai Dục giới, vẫn còn sắc dục. Ở cõi Sắc giới đều là Hóa thân, nên mới được thoát ly sắc dục. Ấy là Đệ tam quả. Dầu rằng, ở Dục giới tuy chưa đoạn được sắc dục, nhưng lúc nào cũng có ý niệm xa lìa, tức là đã có chủng tử A-la-hán, rồi sẽ có ngày ra khỏi.

Thông thường nói “sắc” ở cõi Sắc, không phải là cái nghĩa “sắc dục”, mà là cái nghĩa có hình sắc. Đến cõi Vô sắc, con người mới hoàn toàn không có hình thể, nhưng vẫn y nơi Nghiệp thức lưu hành không gián đoạn lại do tâm định chấp trì làm cảnh, nên Sắc giới đã thoát ly được hai tánh âm dương (tánh nam nữ), chẳng như ở Dục giới. Nhưng chúng sanh ở cõi này nếu chẳng y Phật pháp để ly khai Dục giới, chúng quả A-na-hàm, thì vẫn phải chuyển sanh trở lại làm người.

Những người tại gia, giữ gìn năm giới cho đến khi chúng được quả xuất thế hoặc giữ gìn Tỳ-kheo giới, tiến đến chỗ ly dục, gọi đó là “Xuất trần La-hán”.

Chương 24 nói: Trong các thứ dục, chỉ có sắc dục là tai hại và mãnh liệt hơn cả, nên nói là: “ngoài nó không có gì lớn bằng”. Nhưng cũng may, chỉ có sắc dục, chớ nếu còn có một thứ dục nào khác mãnh liệt như sắc dục, thì chắc chắn không ai có thể tu hành cầu thoát ly sanh tử được. Ngày nay những kẻ học đạo giải thoát rất khó, cũng chỉ vì sắc dục mà thôi. Vì thế mà hành giả y theo Phật pháp cầu được xuất thế, không thể không để tâm trách cứ về sắc dục được.

Chương 26 là thuật theo sự tích Ứng hóa của Đức Phật Thích Ca. Khi Phật sắp thành đạo có Thiên ma ở Dục giới thuộc về cõi trời thứ sáu (tức là Tha Hóa Tự Tại Thiên) tìm cách quấy nhiễu Phật. Cõi trời này sự thọ dụng về ngũ dục lạc rất là vi tế thắng diệu. Vị Thiên chủ tên là Ba Tuần cũng là vị chủ trì năm thứ dục của Dục giới. Tất cả chúng sanh ở Dục giới muốn cầu được ngũ dục tối thắng đều phải sùng phụng vị này. Nhưng trong Phật pháp lại luôn luôn muốn xuất ly Dục giới, nên bị bọn Thiên ma ghét, vì thế chúng mới đem Ngọc nữ hiến cho Phật. Việc hiến Ngọc nữ không hẳn là khi Phật sắp thành đạo, mà có thể sau khi thành đạo cũng không chừng, như lời Phật quở trách bọn ma ở chánh văn ta có thể biết.

Trong Kinh Phật có chép rằng; “Có một người đã chứng được Đề nhị Tư-đà-hàm quả vẫn chưa bỏ được lòng thương vợ, sau chứng lên Đề tam quả A-na-hàm, bấy giờ mới dứt được sắc dục. Khi ấy, người vợ muốn

điều ân ái, vị này mới rút một cành hoa đẹp nhứt trong bình đầy hoa hôi rữa, rồi bảo vợ rằng: “Nếu nàng có thể cầm giữ được cái bình hoa này thì ta mới có thể cùng nàng ân ái”. Kế đó cái bình hoa ấy bị bể, những thứ ô uế văng ra, người vợ lật đật tránh đi. Chùng ấy, người vợ mới hiểu là thân người bất tịnh.

Đoạn văn này nói: “Đấy da đựng những đồ ô uế” là dụ cho thân người bất tịnh vậy.

Hỏi về ý đạo, tức là hỏi về ý nghĩa thành đạo. Theo câu chuyện trên, cho ta biết quả Tu-đà-hoàn chưa ắt đã dứt được sắc dục, vì chưa ra khỏi Dục giới.

*

* *

BÀI XVII

f) 精進度

1/ 披甲精進

a) 披甲精進行

第 二 十 七 章 。 佛 言
 : 夫 為 道 者 猶 木 在 水
 , 尋 流 而 行 不 觸 岸 鬼
 。 不 為 人 取 不 洄 為 流 所
 神 所 遮 亦 決 不 腐 敗 吾 學
 住 木 人 不 為 邪 情 所 惑 精
 此 之 眾 為 吾 保 此 人 必
 不 無 道 矣 。

DỊCH NGHĨA

f) *Tinh tấn độ*

1) MẶC GIÁP TINH TẤN

a) *HẠNH MẶC GIÁP TINH TẤN*

CHƯƠNG XXVII

Phật dạy : Xét ra, người hành đạo cũng như gỗ trôi mặt nước, theo giòng mà đi, chẳng tấp vào hai bên bờ, chẳng bị người vớt, chẳng bị quý thân ngăn trở, chẳng bị nước xoáy làm đứng lại, cũng chẳng bị mục nát. Ta cam đoan rằng khúc gỗ đó quyết định sẽ ra đến biển. Còn người học đạo, nếu chẳng bị tình dục làm mê hoặc, chẳng bị các thứ tà ngoại làm nhiễu loạn, tinh tấn tu Pháp vô vi, Ta cam đoan rằng người đó tất sẽ được Đạo.

GIẢNG NGHĨA

Mê hoặc : Tâm thần rối loạn, sai lầm.

Tà ngoại : Ngoại đạo tà kiến, Bọn ngoại đạo thường chấp một cách sai lầm: chấp thường, chấp đoạn, chấp hữu, chấp vô v.v...

Nhiều loạn : Quấy rối.

ĐẠI Ý

Bài này nói người tu Hạnh tinh tấn đừng để mình lầm lạc vào các lối chấp... nhưt định sẽ được chúng quả giải thoát.

GIẢI THÍCH

Thứ tự của Lục độ, nhiều thuyết không đồng nhau, trong pháp Đại thừa thì có hai nghĩa: một là Bát-nhã ở sau, hai là Tinh tấn ở sau.

Theo trong Kinh Hoa Nghiêm thì: đem Ngài Văn Thù Bồ Tát tiêu biểu cho Đại thừa Bát-nhã trí, Ngài Phổ Hiền Bồ Tát tiêu biểu cho Đại thừa Tinh tấn hạnh, Đức Phật Tỳ Lô Giá Na tiêu biểu cho Đại thừa Viên mãn quả. Do đây mà toàn bộ Đại thừa: Cảnh, Hạnh, Quả biểu hiện được viên mãn. Nhưng Đại thừa viên mãn quả đều do trí và hạnh mà được thành tựu. Vì thế nên trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật Tỳ Lô Giá Na không hề thuyết pháp... mà chỉ có Ngài Văn Thù và Ngài Phổ Hiền nói pháp và hiện Thần thông.

Trong Lục độ, Bát-nhã ở sau là để tiêu biểu cho Trí Văn Thù, còn Tinh tấn ở sau là để tiêu biểu cho Hạnh Phổ Hiền, nên trong đây (Tứ Thập Nhị Chương) dùng Bát-nhã kế Tinh tấn để ở rốt sau, tức là theo ý nghĩa của Kinh Hoa Nghiêm, nghĩa là năm độ trước đều phải nhờ Tinh tấn mới được thành tựu. Như các học giả do tụng Kinh nghe pháp mà rõ được thật tướng của các Pháp tánh tướng tức là được Văn tự Bát-nhã, rồi do đây Tinh tấn mới có thể được vạn hạnh của Đức Phổ Hiền. Đã biết được ý nghĩa này, những người học Phật phải lấy Tinh tấn làm chủ, chẳng nên tham luyến những cảnh an nhàn, cần nên so sánh trách nhiệm với những hạng người nào cho

lòng thêm hăng hái. Ở chính mình phải diệt trừ phiền não, ở những kẻ khác phải khắp độ thoát ly. Nhờ vậy Tâm đồng thể Đại bi muốn độ thoát chúng sanh của ta ngày một tăng tiến. Ấy mới là Thắng hạnh của Đức Phổ Hiền.

Vì lẽ trên, mà ở đây đều quy kết về Tinh tấn độ vậy.

Tinh tấn có phân làm ba, trước tiên là: Mặc giáp tinh tấn. Đây là dụ cho tinh thần học Phật cũng như đến chỗ bộn đại cừ địch. Nên trong Kinh Pháp Hoa nói rằng: “Phật cùng với chúng ma chiến đấu, nhờ đó mà vô minh phiền não đều được phá trừ”. Nên nói: Mặc giáp Tinh tấn chính là dùng tinh thần Đại vô úy mà làm sự nghiệp đại dũng mãnh. Tu tập các hạnh không phải là trốn tránh phiền não, mà chính là vào chỗ phiền não để công phá nên gọi là “mặc giáp Tinh tấn”.

Trong đây có bảy chương, nay đây mới nói về Chánh thể của Hạnh Tinh tấn.

Nói: “Người hành đạo” (vi đạo giả), là chỉ cho kẻ đã phát Tâm Bồ-đề muốn vào biển Viên mãn giác. “GỖ” là dụ cho báo thể ngũ uẩn. “NƯỚC” là dụ cho ở trong giòng nước pháp Lục độ, giữ thân ngũ ấm này theo đạo mà đi, nên nói là: “Theo giòng mà đi” (tâm lưu nhi hành). “Hai bên bờ” là dụ cho hai điều trọng chướng: Một, phàm phu ái vật; hai, ngoại đạo tà kiến. Phàm phu vì vướng mắc nơi vật nên không thể thoát

ly trần tục, nhưng trong đó cũng có người muốn thoát trần hành đạo mà ngặt nỗi Phật pháp khó được nghe, mới chuyển sanh ra ngoại đạo tà kiến. Chúng sanh nếu chẳng tấp bờ bên này, thì cũng tấp bờ bên kia, ấy là đoạn kiến và thường kiến; Phàm phu thì chấp đoạn, ngoại đạo lại chấp thường. Ở đây còn có thể chỉ cho hai lối chấp: CÓ và KHÔNG. Phàm phu vì mê nơi tình ái nên chấp CÓ; Ngoại đạo vì ngã về hư vô nên chấp KHÔNG. Bởi vậy, phải y theo Trung đạo của Phật pháp mà đi thì không bị tấp vào hai bên bờ vậy. “Chẳng bị người vớt” là dụ cho người tu hành chẳng lạc vào Nhơn đạo và Thiên đạo. “Chẳng bị quỷ thần ngăn trở”, là nói không lạc vào quỷ thần giới. “Chẳng bị nước xoáy làm đứng lại”, tức là chẳng bị đọa lạc luân hồi. “Chẳng bị mục nát” là dụ cho Tinh tấn không lui sụt. “Biển” là dụ cho biển Đại viên giác Vô thượng Bồ-đề.

Bồ Tát y nơi Bát-nhã trí mà thực hành Tinh tấn, nên trong Kinh Hoa Nghiêm dụ Đức Văn Thù là đồng tử, Đức Phổ Hiền là tráng niên mà Đức Tỳ Lô là cha, còn ở đây thì nói: Y theo Trung đạo của Phật pháp mà đi, chẳng lạc vào kiến chấp: Đoạn, Thường, Hữu, Vô, thì mới chứng được đạo quả.

*

* *

BÀI XVIII

第十八章。佛言：不
 慎勿信汝意，汝意不
 可信；慎勿生，會，羅
 色會即禍生；得阿意。
 漢已，乃可信汝意。

第十九章。佛言：共
 慎勿視女色，亦莫正
 言語。若與語者，門處
 心思念：我當如其姊如
 於濁泥，者稚者，生
 為母，長，者，少者生
 如妹，心，即滅惡念。

第三十章。佛言：
夫為道者，如被乾草
，火來須避；道人見
欲必當遠之。

DỊCH NGHĨA

CHƯƠNG XXVIII

Phật dạy: Phải dè dặt chớ tin ý ông, ý ông không thể tin được; cũng phải dè dặt chớ gắn với sắc đẹp, gần sắc đẹp thì họa sanh. Chừng nào chứng được A-la-hán rồi mới có thể tin được ý ông.

CHƯƠNG XXIX

Phật dạy : Phải dè dặt chớ nhìn ngó nữ sắc, cũng chớ cùng nói chuyện. Nếu phải cùng người nữ nói chuyện, thì nên chánh tâm suy nghĩ: Ta là bậc Sa-môn ở trong đời ác, phải như hoa sen chẳng bị bùn làm ô uest. Tưởng người già như mẹ, người lớn như chị, kẻ nhỏ như em, đứa bé như con, mà sanh lòng độ thoát, thì diệt được niệm xấu.

CHƯƠNG XXX

Phật dạy: Xét đến người hành đạo, như kẻ mang cỏ khô, lửa đến phải tránh. Người học đạo thấy sự dục lạc tất phải xa nó.

GIẢNG NGHĨA

Chánh tâm: Lòng chánh trực, trái với tà tâm. Giữ lòng mình cho chơn chánh. Theo sách Đại học thì trau dồi sửa trị cái tâm của mình khiến cho đúng vào mục Trung chánh.

Dục lạc : Các thú vui khiến người ta ham muốn.

ĐẠI Ý

Bài này Phật dạy chúng ta không được buông lung tâm ý, và nhứt là phải tránh ngoại duyên.

GIẢNG THÍCH

A-la-hán trong chương 28 nói, nguyên ý là chỉ cho những bậc đã xa bỏ phiền não, ấy là thông chỉ cả Đại thừa và Tiểu thừa. Và “ý” ở trong đây nói là chỉ chung cả Đệ Lục và Đệ Thất, vì tánh của hai Thức này là chấp ngã pháp, do đó phiền não chưa đoạn, nên không thể tin được.

- Nếu không thể tin nơi ý mình thì phải tin vào đâu?

- Phải tin nơi giáo pháp của các bậc Thánh Hiền đã nói. Người học Phật cần phải y theo Trung đạo mà đi. Nếu chúng ta tin nơi ý mình là thối đạo chứ không phải tinh tấn, cũng chính là lạc vào tri kiến của ngoại đạo, ấy là đã tấp vào bờ tri kiến ngoại đạo rồi. Nếu gần cùng sắc đẹp, thì lại tấp vào bờ tình ái phàm phu, đều làm chướng ngại Đạo thể. Thế nên,

Nho gia có nói: “*Phải thành thật ý mình*”, tức là bảo rằng: phải xa lìa tất cả vọng chấp. Chúng ta y theo đây mà tu hành thì sẽ chứng được quả vị A-la-hán.

Chương 28 nói rằng: “*Dè dặt chớ gần cùng sắc đẹp*”; chương 29 là tiếp theo ý trên. Người tu hạnh Bồ Tát, cốt phải xa lìa ái dục, nên cần có sự nghĩ tưởng khi bắt buộc tiếp xúc cùng nữ giới, mới mong chuyển xấu thành tốt. Vì vậy mà, người tu hạnh Tinh tấn khi: ác đã sanh, phải khiến trừ diệt; ác chưa sanh, phải ngăn chướng cho sanh; thiện đã sanh, làm cho tăng trưởng; thiện chưa sanh, phải khiến cho sanh trưởng. Đây là chánh hạnh của Tinh tấn.

Riêng chương 30, Phật dạy: Người tu hành phải tránh các ngoại cảnh, như người mang cỏ khô tránh lửa vậy.

*

* *

DỊCH NGHĨA**CHƯƠNG XXXI**

Phật dạy : Có người lo lòng dâm dục chẳng dứt được, muốn tự đoạn âm, Phật bảo người ấy rằng : Đoạn âm không bằng đoạn tâm; tâm như vị Công tào, Công tào nếu nghỉ, thì kẻ tùng sự đều nghỉ. Tà tâm chẳng dứt, đoạn âm ích gì? Phật vì đó mới nói bài kệ:

“Dục sanh từ ý ông,
Ý do tư tưởng sanh
Cả hai tâm vắng lặng
Phi sắc cũng phi hành”.

Và Phật dạy : Bài kệ trên là của Phật Ca Diếp nói.

CHƯƠNG XXXII

Phật dạy : Người từ ái dục sanh lo, từ lo sanh sợ, nếu xa được ái dục thì có gì phải lo sợ!

GIẢNG NGHĨA

- Đoạn âm** : Chặt đứt dương vật.
Công tào : Vị Pháp quan, tức là quan tư pháp, quan tòa án (juge).
Kẻ tùng sự : Người theo giúp việc.

ĐẠI Ý

Bài này Phật dạy: Người tu hành muốn dứt dâm dục phải căn cứ nơi tâm, vì tâm là chủ động,

và nếu chúng ta lìa được ái dục thì tâm được yên định, sẽ không còn điều gì lo sợ.

GIẢI THÍCH

Trong chương 31 nói ba nghiệp thân, khẩu, ý đều do tâm tạo, nên phải từ trong tâm ngăn dứt chứ không thể từ trên thân mà cưỡng chế được. Cũng như vị quan tòa ngăn dứt sự kiện tụng thì sự kiện tụng không còn phát sanh.

“Ý” ở trong bài kệ nói tức là cái “ý” có ngã chấp tương ưng, có so do, xét nét, là cái “ý” không thể tin được. Cái “ý” đây cũng do tư tưởng sanh. “Tu” là Tư tâm sở trong năm Biến hành, “Tưởng” tức là thành phần của “Tu”, nên trong ấy có giới hạn phân biệt là do Tưởng Tâm sở sanh ra. Như thành phần ấy, nên tưởng đây là pháp này mà chẳng phải là pháp kia; nọ là pháp kia chớ chẳng phải pháp này. Vì do sự hoạt động tạo tác trong Tư Tâm sở mà thành ra cái “ý”. Do đó, có sự xét nét ngã chấp, pháp chấp, nên mới nói rằng:

“Dục sanh từ ý ông
“Ý do tư tưởng sanh”.

Câu: “Cả hai tâm vắng lặng” là: Tư tâm và Tưởng tâm đã trừ được ngã chấp, pháp chấp, còn ở trong tướng ngã chấp, pháp chấp, cũng chẳng do nơi hai chấp ngã pháp tạo tất cả nghiệp.

Câu: “Phi sắc cũng phi hành” là chẳng do Tướng tâm tướng tượng, nên nói là “phi sắc” (chẳng phải sắc); chẳng do nơi Tư tâm sở tạo tác, nên nói là “phi hành”, tức là không phải sắc cũng không phải hành.

Phật Ca Diếp là một vị Phật trước Đức Phật Thích Ca, niên đại cách nhau rất xa. Bài kệ trên người thường vốn không thể biết được, Đức Thích Ca đã chứng được Tam đạt Trí nên vì chúng sanh nói lại bài kệ này.

Chương 32 nói : “Dục” là thông chỉ tất cả thứ dục; “ái” tức là ngã ái, Mạt-na thức thường có ái này. Ví như căn bản ái dục không có ái thì tự nhiên không có lòng lo, nếu có thứ ngã ái này thì trước tiên là lo sanh mạng chẳng thể bảo tồn, rồi do đó, năm thứ dục: tài, sắc, danh, thực, thùi vin đầy mà nổi dậy. Cho nên khi chưa được ta lo cho được; khi được rồi, ta lại lo sợ mất đi.

*

* *

BÀI XX

b) 披甲精進相

第三十三章。佛言：夫為道者，譬如一人與萬人戰，挂鎧出門，意或怯弱，或半死路而退，或格鬪而死，或得勝而還；沙門學道應當堅持其心，精進勇銳不畏前境，破滅眾魔而得道果。

DỊCH NGHĨA*b) TƯỚNG MẶC GIÁP TINH TẤN***CHƯƠNG XXXIII**

Phật dạy : Xét ra người hành đạo thí như một người chiến đấu cùng muôn người, mang giáp ra cửa, ý hoặc khiếp nhược, hoặc nửa đường rồi lui, hoặc chống cự đến chết, hoặc đắc thắng mà về. Sa-môn học đạo phải nên giữ chắc tâm mình, tinh tấn lướt tới chẳng sợ cảnh trước, phá diệt bọn ma chứng được đạo quả.

GIẢNG NGHĨA

Khiếp nhược : Hèn nhát, sợ sệt.

Đắc thắng : Hơn được, thắng trận.

ĐẠI Ý

Bài này nói: Người xuất gia cũng như kẻ ra trận, phải quyết tiến mới mong thu được kết quả.

GIẢI THÍCH

Chính chương này mới nói đến Sự mặc giáp Tinh tấn. Từ chương 27 đến chương 32 là nói Hạnh mặc giáp tinh tấn, còn chương này nói cái Tướng mặc giáp tinh tấn.

Tâm Chánh giác học đạo của chúng ta cốt chiến thắng tâm vô minh phiền não, thì cái dụng lực đồng

mãnh kia cũng phải như một người chiến đấu cùng muôn người. Nếu như tín tâm không kiên cố thì việc bảo trì không chắc, dễ bị ý xấu làm lay chuyển, nên đưa ra những thí dụ cho dễ nhận: “Nửa đường rồi lui” là dụ cho người nửa chừng đổi ý. “Chống cự đến chết” là dụ cho người tu hành không thể gắng sức, bị giặc phiền não đánh bại, mất Tâm Bồ-đề. Được “đắc thắng mà về” là dụ cho người chứng được đạo quả. Vì lẽ đó mà bậc Sa môn học đạo phải giữ chắc tâm mình. Nghĩa là phải phát nguyện lực rộng lớn để kiên trì Tâm Bồ-đề của mình vậy.

*

* *

BÀI XXI

2) 攝善精進

第 三 十 四 章 。 沙 門
 夜 誦 迦 葉 佛 遺 教 經 ，
 其 聲 悲 緊 ， 思 悔 若 退
 。 佛 問 之 曰 ； 汝 昔 在
 家 曾 彈 琴 何 業 佛 言 ；
 愛 如 何 ？ 對 曰 ； 不 弦 緩
 如 ； 弦 急 如 何 ？ 對 曰 ；
 ； 聲 絕 矣 對 曰 ； 急 諸 門
 如 矣 佛 言 ； 沙 門 適
 亦 然 ， 心 若 調 適 ， 道

可 得 矣 。 於 道 若 暴 ，
 暴 即 身 疲 ； 其 身 若 疲
 ， 意 即 生 惱 ； 意 若 生
 惱 ， 行 即 退 矣 ； 其 行
 既 退 ， 罪 必 加 矣 。 但
 清 淨 安 樂 ， 道 不 失 矣
 。

第 三 十 五 章 。 佛 言
 ： 如 人 鍛 鐵 ， 去 滓 成
 器 器 即 精 好 ； 學 道 之
 人 ， 去 心 垢 染 行 即 清
 淨 矣 。

DỊCH NGHĨA

2) NHIẾP THIỆN TINH TẤN

CHƯƠNG XXXIV

Thầy Sa-môn ban đêm tụng Kinh Di Giáo của
 Phật Ca Diếp, tiếng ông buồn thảm, lo ngại muốn

sự lùi. Phật hỏi ông rằng : Trước kia ở nhà ông đã từng làm nghề gì ?

- Thưa rằng: Ưa khảy đờn cầm.
- Phật hỏi: Dây đờn dùn thì sao ?
- Thưa rằng: Không kêu được.
- Dây thẳng thì sao?
- Thưa rằng: Tiếng kêu cụt ngắn.
- Dùn thẳng vừa chừng thì sao ?
- Thưa rằng: Đủ các âm thanh.

Phật dạy: Bậc Sa-môn học đạo cũng thế, tâm nếu giữ chừng mực thì đạo có thể chứng được. Đối với “Đạo” nếu gấp quá thì thân mỗi mệt, thân nếu mỗi mệt, thì ý liền sanh phiền não; ý nếu sanh phiền não thì hạnh liền sụt lùi đi; hạnh đã sụt lùi, thì tội ắt thêm lên. Chỉ có thanh tịnh an lạc đạo mới không mất được.

CHƯƠNG XXXV

Phật dạy : Như người luyện sắt, bỏ quặng thành đồ dùng, đồ dùng liền được tinh hảo. Người học đạo bỏ tâm cấu nhiễm, thì hạnh liền thanh tịnh.

GIẢNG NGHĨA

Ca Diếp (Kâsyapa) : Dịch là Âm Quang, vì hào quang sáng chói lướt mất cả ánh sáng của mặt nhật mặt nguyệt. Phật Ca Diếp là một trong bảy Đức Phật thuộc về quá khứ, Ngài đã thị hiện ở thế giới này lúc

mà loài người còn sống đến hai ngàn tuổi. Khi bấy giờ, Đức Thích Ca còn là Hộ Minh Bồ Tát, đến Phật Ca Diếp diệt độ Đức Thích Ca thành Phật, nên Kinh Di Giáo của Phật Ca Diếp, Đức Thích Ca có thể truyền lại.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật dạy: Người tu hành phải nên giữ mức trung bình, không quá gấp cũng không quá huân, và phải gạn lọc những nhiệm ô trong tâm mình.

GIẢI THÍCH

Hai chương này đều nói Nhiếp thiện tinh tấn. Trước nói về mặc giáp tinh tấn chỉ có thể trừ bỏ các điều ác, ở đây chuyên nói về các Hạnh tinh tấn để trở thành thiện pháp. Người học đạo phải dùng sự điều hòa chừng mực làm chủ, gấp quá cũng không được, mà huân quá cũng không được. Như nấu cơm, lửa củi phải vừa chừng; như cây cỏ được tốt tươi, mưa gió phải điều hòa. Cũng thế, việc học đạo phải điều hòa chừng mực mới mong đến kết quả.

Kinh Ca Diếp Phật Di Giáo trong đây nói, xưa nay không có truyền lại. Ý theo Phật pháp, thì mỗi Đức Phật ra đời đều có chia làm ba thời kỳ : Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp. Mạt trong thời kỳ mạt pháp kinh điển hoàn toàn bị tiêu diệt, nhưng Đức Thích Ca Mâu Ni vì có Đại trí, có thể biết rõ được,

nên đem Kinh Di Giáo này dạy các vị Sa-môn, cũng như bài kệ ở trước kia vậy.

Sa-môn tụng Kinh ban đêm, là theo pháp của Sa-môn: Đầu giờ Ngọ khát thực, giữa giờ Ngọ thọ trai, cuối giờ Ngọ nghe pháp, đầu hôm đọc tụng kinh điển, giữa đêm nghỉ ngơi, khuya tu thiền định, y theo lịch trình này nên nói: ban đêm tụng Kinh.

Tiếng ông buồn thảm, là vì Phật pháp khó tu, hạnh Sa-môn phiền phức, sợ e không thành tựu được, vì thế mà lo buồn. Phật sẵn có Tha tâm thông, nên hơn buổi tụng Kinh của ông mà hỏi. Việc hỏi này cũng không hẳn là ngay trong đêm tụng Kinh, có thể là ngày sau, khi họp chúng thuyết pháp, khiến ông tự thuật lại ý nghĩ trong tâm mình cho dễ lãnh hội.

Y theo Phật pháp, việc xuất gia tu hành không khác gì những học sinh bỏ nhà vào trường, đương khi cầu học, không chắc đã nghĩ đến việc nhà hơn sự sinh hoạt tại Học Đường. Người xuất gia tu hành cũng thế. Mục đích của lời hỏi cũng chỉ nhắm vào yếu điểm là chứng được Thánh quả.

Trong một đời nếu ta chưa chứng được Thánh quả thì chẳng nên ngừng nghỉ, đến khi chứng được Thánh quả thì phải nhập thế độ sanh, như 32 Ứng thân của Đức Quán Thế Âm không chỗ nào là không đến, không điều lợi lạc nào mà không làm. Công việc lợi sanh truyền bá Đạo pháp không phải như định chỉ

đổ trút hết cho những kẻ xuất gia. Vì hiện đã có phân ra làm hai chúng: Xuất gia và tại gia, mà sự nghiệp cầu chứng Thánh quả rất lớn lao, nên người xuất gia lấy đó làm chung thân sự nghiệp. Ở đây, hàng xuất gia tử như khóa sinh chính thức; còn cư sĩ cũng như khóa sinh bàng thính (dự thính). Khóa sinh chính thức nhứt định phải tuân giữ quy luật của Học Đường, còn khóa sinh bàng thính không cần hoàn toàn tuân giữ quy luật như khóa sinh chính thức.

Người chúng được Sơ quả như đã tốt nghiệp Tiểu học, người chúng được Nhị quả như tốt nghiệp Trung học, người chúng được A-la-hán quả như tốt nghiệp Đại học. Kinh này chuyên vì bậc Sa-môn mà nói, nên thường gọi là Sa-môn.

Câu: “Hạnh đã sụt lùi thì tội ắt thêm lên” nghĩa là vì do tự mình sụt lùi nên đối với Phật pháp sanh ra hủy báng, làm cho những người khác thấy việc báng pháp của mình họ không tinh tấn, do lỗi đó mà mình mắc tội.

Nếu thân tránh được sự lao nhọc thì ý khỏi sự buồn phiền, tức nhiên tâm được điều hòa. Hễ gấp quá thì do phản động mà sụt lùi; còn huốn quá thì do giải đãi cũng thối chuyển, vì vậy cần phải giữ mức trung bình...

Chương 35 nói: “quặng” là dụ cho ngũ ấm, từ phạm phu đến Bồ Tát vị đều là các pháp ngũ ấm, các pháp ngũ ấm của chúng sanh là cấu nhiễm, các pháp

của chư Phật, Bồ Tát là thanh tịnh, như chất tinh tế và chất thô trọng của sắt không đồng nhau, nên lấy đó làm thí dụ.

Người học Phật lấy sự hiểu biết Phật pháp làm chủ yếu, từ hiểu biết khởi quán, từ quán khởi hành, gọi là Tâm giải hạnh. Cái Tâm giải hạnh có thể đem cái tâm ngũ ấm cấu nhiễm của chúng sanh đào luyện khiến cho trở thành cái Tâm ngũ ấm thanh tịnh, chính cũng như nhà kỹ sư luyện khoáng, có thể đào luyện chất sắt trở thành đồ dùng vậy.

*

* *

BÀI XXII

3) 利樂精進

第三十六章。佛言
 ；人離惡道得為人女即
 ；既得為人，去女，六
 男難；既得為男，既具
 根具完難；六根既生中
 ，生中國難；既生既中
 國，值佛世道難；既值
 佛世遇道，興信，難；既
 得遇興信，心發，難；心
 既興；既證，難。

DỊCH NGHĨA**3) LỢI LẠC TINH TẤN****CHƯƠNG XXXVI**

Phật dạy: Người ra khỏi ác đạo được làm thân người là khó, đã được làm người bỏ thân nữ được thân nam là khó, đã được thân nam sáu căn đầy đủ là khó, sáu căn đã đủ sanh vào trung quốc là khó, đã sanh vào trung quốc gặp Phật ra đời là khó, đã gặp được Phật ra đời mà gặp được đạo là khó, đã gặp được đạo phát khởi tín tâm là khó, đã khởi tín tâm mà phát Tâm Bồ-đề là khó, đã phát Tâm Bồ-đề mà đến chỗ Vô tu Vô chứng là khó.

GIẢNG NGHĨA

Trung quốc : Theo trong bài này, nghĩa của hai chữ trung quốc là giữa nước, tức là trung tâm của một quốc gia. Nói một cách khác là nơi kinh đô thị tứ, chỗ mà nhiều bậc Tri thức văn vật tụ họp.

Tín tâm : Lòng tin chắc chắn. Tín có sáu: Tín tự, Tín tha, Tín nhân, Tín quả, Tín sự và Tín lý.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật nói người có chín việc khó, cần phải siêng năng tinh tấn mới được lợi lạc.

GIẢI THÍCH

Chúng sanh trong ba cõi có rất nhiều chủng loại, đem số nhân loại mà so với số chúng sanh vẫn là số ít, nếu kể luôn ba ác thú thì nhân loại còn ít hơn nữa; vì thế, xa lìa ác đạo được làm thân người là một điều khó. Đồng sanh làm người, còn phải y theo sự quan hệ của nghiệp báo phân ra có nam có nữ, người nam thì có thể làm mỗi mỗi việc, còn người nữ thì không thể được, nên bỏ thân nữ để được thân nam là một điều khó. Khi đã được thân nam rồi mà mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý đều được hoàn toàn, ấy là phước báu thù thắng.

Trong đây nói trung quốc là biểu thị cho những nơi có giáo pháp của Thánh Hiền, nhưng không cứ là phải có đủ cả pháp thế và xuất thế gian. Còn gặp được đời Phật cũng không cứ là khi Đức Phật Thích Ca còn trụ thế. Phàm Phật pháp được lưu thông có chia làm ba thời kỳ Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp. Sanh một trong ba thời kỳ đó đều gọi là: gặp được đời Phật.

“Đạo” trong đây nói là chỉ cho sự chứng đạo của chư Phật và Bồ Tát. “Phát khởi tín tâm là khó”, vì người chưa sanh khởi tín tâm, đem Phật pháp nói cho họ nghe chẳng khác nào nước đổ trên đá; còn người sanh tín tâm rồi cũng như nước gặp đất khô, nên nói: phát khởi tín tâm là khó. Những người phát

khởi tín tâm lấy Tam quy, Ngũ giới làm chủ yếu, ấy cũng tức là biểu thị được sự xác định tín tâm. Những người phát Tâm Bồ-đề tức là phát tâm độ vô lượng chúng sanh, đoạn vô lượng phiền não, học vô lượng pháp môn, chứng Bồ-đề Vô thượng, khi ấy đã vào được Bồ Tát địa, và đến khi chứng Phật quả hiện tiền, thì lại không còn gì phải tu, cũng không còn gì để chứng, tức là Viên mãn Niết-bàn, nên nói rằng: Vô tu Vô chứng là khó.

*

* *

BÀI XXIII

3) 明 急 戒 乘

第 三 十 七 章 。 佛 言 ：
 佛 子 離 吾 數 千 里 ， 憶
 念 吾 戒 必 得 道 果 。 在
 吾 左 右 雖 常 見 吾 ， 不
 順 吾 戒 ， 終 不 得 道 。

第 三 十 八 章 。 佛 問
 沙 門 ：
 對 曰 ：
 ： 子 未 知 道 ！ 復 問 一 ？
 沙 門 ， 人 命 在 幾 間 ？
 對 曰 ：
 ： 飯 食 間 。

：子未知道！復問一
 沙門，人命在幾間？
 對曰：呼吸間。佛言
 ：善哉！子知道矣。

DỊCH NGHĨA

3) GIỚI THỪA LÀ CẦN KÍP

CHƯƠNG XXXVII

Phật dạy : Phật tử xa Ta vài ngàn dặm, mà luôn nhớ nghĩ Giới pháp của Ta, thì nhứt định sẽ chứng được đạo quả; còn ở hai bên Ta, tuy thường được thấy Ta, mà chẳng y theo Giới pháp của Ta, cũng vẫn không chứng được đạo.

CHƯƠNG XXXVIII

Phật hỏi vị Sa-môn rằng :

- Mạng người sống chừng bao nhiêu lâu ?
- Thưa rằng: Trong vài ngày.
- Phật bảo: Ông chưa hiểu đạo.

Lại hỏi một vị Sa-môn khác :

- Mạng người sống chừng bao lâu ?
- Thưa rằng : Trong một bữa ăn.
- Phật bảo : Ông cũng chưa hiểu đạo.

Lại hỏi một vị Sa-môn khác nữa:

- Mạng người sống chừng bao lâu?
- Thừa rằng: Trong một hơi thở.
- Phật khen: Hay lắm! Ông mới là hiểu đạo.

GIẢNG NGHĨA

Giới pháp : Phép tắc Phật chế ra Giới luật. Giới có chia ra làm bốn khoa: Giới pháp, Giới thể, Giới hạnh và Giới tướng.

Đạo quả : Đạo là Bồ-đề. Quả là Niết-bàn. Niết-bàn do đạo Bồ-đề mà chúng được Niết-bàn gọi là quả.

ĐẠI Ý

Bài này nói: Giới, Định, Huệ đối với sự giải thoát rất là quan trọng và mạng sống của con người là vô thường không có gì bảo đảm.

GIẢI THÍCH

Trong đây nói: “Giới” là chỉ cho Giới hạnh. “Thừa” là chỉ cho Định, Huệ. Nương nơi Giới mà tu tiến, thì Đại thừa hạnh mới có thể thành tựu. Thường thường những người có bản chất thông minh họ cho sự Trì giới pháp là việc của bọn ngu phu, ngu phụ; kỳ thật, nếu không Trì giới thì ác nghiệp thất chi không thể nào trừ hết được, nên sự Trì giới là chủ yếu của kẻ tu hành.

Giới chính là Pháp thân của Phật; những người giữ gìn được Giới pháp, thì tự thân họ chính là Phật rồi, nên nói rằng “Luôn luôn nhớ nghĩ Giới pháp của Ta nhưt định sẽ chứng được đạo quả”.

Trước kia đã nói về vô thường và vô ngã quán, trong hai pháp quán đó, vô thường quán rất là quan thiết, nên ở đây Phật đem ra để hỏi các vị Sa-môn. Vì người đáp đã nghe Phật nói Pháp vô thường rồi, nên có vị đáp rằng: Chỉ trong vài ngày. Nhưng cũng do đó mà biết được vị Sa-môn nọ chưa thật rõ về Pháp quán vô thường. Còn vị kia đáp là: Chùng trong bữa ăn. Như thế, vị này đã tiến hơn một bước, thế mà Phật đều phủ nhận.

Hơi thở ra gọi là “hô”, hơi thở vào gọi là “hấp”. Nếu một hơi thở ra rồi không lấy lại được, thì đã ra người thiên cổ (*nhứt tức bất hồi thiên thu vĩnh biệt*). Điều đó đủ chứng minh đời người là vô thường cần phải luôn luôn quán sát, có quán sát mới có thể hợp với đạo. Đức Khổng Phu Tử có nói: “*Sớm mai nghe đạo, chiều chết cũng vui*”, là ý đây vậy.

*

* *

BÀI XXIV

IV- 信教解理修行

1- 信教

第九章。佛言：佛所如食經
 十道者，順皆甜，吾
 三佛應中。○
 第三學皆，爾
 ：說蜜亦

2- 理解

第十章。佛言：佛磨道何
 十道無，心，何
 四行道若行，何
 第四行行道若行，何
 第門雖心道！
 沙身；道

3- 修行

第四十一章。佛言：
夫為道者，如牛負
重行深泥中，疲極不
敢左右顧視，出離淤
泥乃可蘇息；沙門當
觀情欲甚於淤泥，直
心念道，可免苦矣。

DỊCH NGHĨA

IV- TÍN GIÁO, HIỂU LÝ VÀ TU HẠNH

1- TÍN GIÁO

CHƯƠNG XXXIX

Phật dạy: Người học theo Đạo Phật, những lời Phật nói ra đều phải tin theo. Thí như ăn mật, ở giữa bát hay chung quanh đều ngọt, giáo điển Ta cũng vậy.

2- HIỂU LÝ

CHƯƠNG XXXX

Phật dạy : Bậc Sa-môn hành đạo không như con trâu kéo che, thân tuy hành đạo, mà tâm đạo chẳng hành; tâm đạo nếu hành, đâu cần hành đạo.

3- TU HẠNH

CHƯƠNG XXXXI

Xét ra, người làm đạo, như con trâu chở nặng đi trong bùn sâu, dầu mỗi lăm cũng chẳng dám ngó hai bên, ra khỏi bùn lầy mới được thư thả. Bậc Sa-môn phải quán tình dục rất hơn là bùn lầy. Phải trực tâm niệm đạo thì có thể khỏi được sự khổ.

GIẢNG NGHĨA

Trực tâm : Tâm chơn trực, thẳng thắn, không để tâm tà vạy xen vào.

Niệm đạo : Luôn luôn nghĩ đến đạo, không lúc nào để cho xao lãng.

ĐẠI Ý

Bài này nói : Người tu hành điều quan trọng là phải tin giáo pháp tức là lời Phật dạy, nhưng tin sông chưa đủ mà cần phải tìm hiểu nghĩa lý và thực hành để đi đến kết quả.

GIẢI THÍCH

Từ trước chỉ nói riêng biệt về : Cộng Giáo Hạnh Quả của Tam thừa, nghĩa thiện ác chung của Ngũ thừa và Thắng hạnh bất cộng của Đại thừa; còn ba chương này nói về pháp chứng quả là: ai tin giáo pháp này, hiểu nghĩa lý này và tu công hạnh này, thì có thể chứng được quả A-la-hán, rồi tiến đến quả Phật. Nếu chẳng vậy thì không được phần lợi ích nào. Chương 39 chính là nói đến Giáo pháp đã được khai thị. Những lời Phật dạy trong đây đều nên tín thuận. Vì người học Phật đối với lời Phật dạy tất phải tin là chắc thật, có tin chịu là chắc thật, mới thuận theo mà hành trì.

- Lời Phật nói, tại sao phải nên tín thuận ?

- Vì lời Phật dạy đều từ Trí vô thượng viên mãn, biết rõ tướng chơn thật của tất cả pháp. Hơn nữa, Đức Phật không mong cầu một điều gì trên thế gian này: Đức Phật thuyết pháp không phải muốn được sự tôn kính của thế gian, cũng không phải vì điều danh lợi, chỉ vì lòng đại bi thương xót chúng sanh mà nói pháp, nên có thể tin theo được. Nếu ai y theo giáo pháp này thực hành trì mở tỏ được Đại trí huệ, thành tựu được Đại phúc đức.

Câu: “Ẩn mật ở giữa bát hay chung quanh đều ngọt” là dụ cho diệu nghĩa: Không thô không tế, không cạn không sâu, không cao không thấp, không rộng không hẹp, nếu ai y đó tu hành, đều có thể

chúng được Vô thượng Phật quả. Như mật đựng trong một cái bát, ở giữa bát hay bên mé bát đều là vị ngọt. Ý nói rằng: Ngay trong một câu, một chương trong bốn mươi hai chương này, nếu có thể tin chịu hành trì thì được sự thọ dụng vô cùng, đấy mới là thật nghĩa của lời Phật đã dạy.

Chương 40 nói: Người tu hành cần nhứt là phải hiểu nghĩa lý, vì chính có lý giải rồi sau khởi sự tu hành mới là Chánh hạnh.

Chữ “THÂN” trong chương này nói là bao hàm cả thân và khẩu. Hiện nay, người tu hành hoặc lễ bái, hoặc tọa thiền, ấy là thân hành đạo, còn niệm Phật hoặc tụng Kinh, ấy là khẩu hành đạo. Như nếu thân, khẩu hành động mà tâm chẳng tương ưng cũng chỉ là hư thiết, nên chương này nói rằng việc tu hành phải lấy Tâm làm chủ yếu. Chẳng vậy thì việc làm không khác nào con trâu kéo che, bị người ta lấy vải bịt mắt, tuy đi đường mà mờ mịt chẳng biết là đi đâu. Và như thế, thân lễ bái, chẳng khác nào động tác lên xuống của người giã gạo, miệng đọc Kinh, chỉ đồng với những tiếng vi vu của gió rừng, không đem lại sự ích lợi gì cho việc tu chứng. Nên khi lễ bái phải quán tưởng, lúc tụng Kinh cũng theo văn mà nhập quán. Ngay đến khi ra làm việc bố thí cũng phải phá sạch cái kiến chấp như ngã, quán chiếu tự tha đều do các pháp duyên sanh, Duy thức biến hiện. Hiểu đúng lý giải này, hành theo quán chiếu này, thì việc hành đạo, chỗ y cứ đều được rõ ràng. Đến lúc thật rõ được

lý trên, thực hành theo tâm đạo thì dấu cho an nhiên ngồi không cử động cũng đã là hành đạo rồi. Nhưng phải biết: Việc giải lý, quán chiếu kia chẳng phải do ngoại cầu, mà chỉ y cứ nơi “Tín giáo” ở trước, vì là Phật lý không ngoài Thánh giáo. Trong Phật giáo, không cứ là Tông nào cũng đều lấy việc minh lý làm chủ yếu. Rất đôi như bên Thiên tông, cũng không lấy việc được định làm căn bản mà chỉ lấy việc khai ngộ làm sở quy, như thế đủ biết: muốn được chánh kiến cần phải nhờ diệu ngộ.

Chương 41 nói: “Người làm đạo”, tức là chỉ cho người làm đạo xuất thế. “Như trâu chở nặng”, là dụ cho ba nghĩa mà người tu hành còn mang nặng: 1) Người hành đạo, từ trước chưa được giải thoát phiền não sanh tử, ấy là phiền não phải mang nặng. 2) Đã phát tâm mà chưa có thể độ hết chúng sanh, ấy là chúng sanh phải mang nặng. 3) Chưa ngộ được Thánh lý, chưa chứng được Thánh hạnh, ấy là Thánh giáo phải mang nặng.

“Bùn lầy”, là dụ cho biển phiền não sanh tử, trước khi chưa đoạn được phiền não, chưa độ chúng sanh, chưa chứng được Thánh trí, thì dấu có nhọc mệt cách mấy cũng chẳng dám tìm nơi an nghỉ. Đã “ra khỏi bùn lầy” là dụ cho khi đã được độ thoát, vì lúc bấy giờ trí lực tự thân đã đủ có thể dẹp trừ được vô minh phiền não. “Thư thả” là dụ cho sự an vui. Ý nói rằng: “Người học Phật tin được giáo pháp, rõ được chơn lý

và tinh tấn tu hành, thì có thể được Đại giác ngộ, chứng Đại Niết-bàn”. Nhưng cái tâm làm hại cho đại giác này chỉ là ái và dục, nên bậc Sa-môn phải quán ái dục còn hơn là bùn lầy.

Trực tâm, thì không còn dám nhìn ngó hai bên, chỉ một lòng niệm đạo. Như thế có thể khỏi được sự khổ não. Cái khổ trong đây nói là chỉ cho sự nhọc mệt mà chẳng được yên.

Mỗi khi người ta làm một công việc gì nhọc mệt luôn luôn có ý tưởng muốn được nghỉ ngơi, nhưng không thể được, vì thế mà khiến tạo phước sanh Thiên để tạm được yên vui, nhưng khi phước báu hết rồi vẫn phải sa vào đường khổ. Khổ ở đây có hai nghĩa: 1) Khổ phần đoạn sanh tử trong Tam giới. 2) Khổ biến dịch sanh tử của hàng Tam thừa. Vì hai nghĩa này, nên khi người tu chưa chứng được Phật quả đều phải nhắm thẳng nơi đạo mà đi, chùng nào tánh Viên giác được hiện tiền mới thoát được khổ mà thôi.

*

* *

BÀI XXV

C. 總結分

第 四 十 二 章 。 佛 言
 : 吾 視 王 侯 之 位 如 過
 隙 塵 ， 視 金 玉 之 寶 如
 瓦 礫 ， 視 紈 素 之 服 如
 弊 帛 ， 視 大 千 界 池 水
 訶 子 ， 視 阿 耨 方 便 門
 塗 足 油 ； 視 無 上 乘 如
 化 寶 聚 帛 ， 視 佛 道 如
 夢 金 華 ， 視 禪 定 如 須
 前 華 柱 ， 視 涅 槃 如 晝
 山 柱 ， 視 涅 槃 如 晝

寤，視倒正如六龍舞
 ，視平等如一真地，
 視興化如四時木。

DỊCH NGHĨA

C. PHẦN TỔNG KẾT

CHƯƠNG XXXXII

Phật dạy : Ta xem vị vương hầu như bụi qua kẽ hở, xem những vàng ngọc quý báu như ngói gạch, xem y phục lụa là như đồ giả rách, xem Đại Thiên thế giới như một hạt cải, xem nước ao A-nậu như dầu thoa chân, xem các môn phương tiện như những thứ báu hóa hiện, xem pháp Vô thượng thừa như mộng thấy vàng lụa, xem Phật đạo như hoa đốm trước mặt, xem thiên định như núi Tu Di, xem Niết-bàn như ngày đêm đều thức, xem sự thuận nghịch như sáu con rồng múa, xem pháp bình đẳng như Nhứt chơn địa, xem sự hưng hóa như cây cỏ bốn mùa.

GIẢNG NGHĨA

Ao A-nậu : (Anavatapta): Ao này ở trung tâm châu Nam Thiện Bộ, ở về phía Nam của Hương Sơn, và phía Bắc của Tuyết Sơn, chu vi đến 800 dặm (chùng 460.800m). Theo trong Tây Vực Ký thì ao này hai bên

bờ toàn bằng : vàng, bạc, lưu ly, pha lê... dưới đáy toàn là cát vàng, mặt nước như gương. Đây là một cái ao lớn thuộc xứ Ấn Độ, cũng là nguồn của nhiều giòng nước.

Vô thượng thừa: Bạc này không bạc nào hơn. Đây là lời khen ngợi cực điểm của giáo pháp, tức là đệ danh của Đại thừa. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “Vuốt khỏi hai thừa” (Nhị thừa) gọi là: Đại thừa, Đệ nhưt thừa, Thắng thừa, Tối thắng thừa, Thượng thừa. Vô thượng thừa là bạc làm lợi ích tất cả chúng sanh.

Nhứt chơn địa : Chỉ cho vị đã ngộ được lý Nhứt chơn pháp giới. **NHỨT CHƠN PHÁP GIỚI :** Thể nó dứt sự đối đãi gọi là NHỨT, Chơn thật gọi là CHƠN. Theo trong Tam tạng Pháp số thì: Không hai gọi là NHỨT, không vọng gọi là CHƠN. Thông suốt, dung nhiếp gọi là PHÁP GIỚI. Tức là chỉ cho Pháp thân bình đẳng của chư Phật. Xưa nay chẳng sanh, chẳng diệt; chẳng phải không, chẳng phải có; lìa danh, lìa tướng; không ở trong, không ở ngoài; chỉ là một Thể chơn thật, không còn luận bàn gọi là NHỨT CHƠN PHÁP GIỚI.

Hưng hóa : Hưng là nổi lên, hóa là biến đổi đi. Chỉ cho muôn pháp trong tạo hóa đều theo một định luật: sanh, trụ, dị, diệt. Xưa nay chuyển biến cũng như cây cỏ thay đổi theo bốn mùa.

ĐẠI Ý

Đây là bài tổng kết: Dùng Phật trí để quán sát pháp giới, có hai phần:

1) Từ “Phật dạy... đến... như dầu thoa chân” là dùng Phật trí quán pháp thế gian.

2) Từ “Xem môn phương tiện... đến... như cây cỏ bốn mùa” là dùng Phật trí quán pháp xuất thế gian.

GIẢI THÍCH

Trước tiên, đem Phật trí quán pháp thế gian: Vì Phật trí không có các tướng phân biệt, nên không có ái trước. Xem cõi Đại Thiên như một hạt cải, vì tất cả sự vật lớn, nhỏ chỉ là giả tướng.

“Dầu thoa chân”: Ngày xưa bên Ấn Độ có thứ độc xà sanh sôi nảy nở, thường làm hại người nên phải dùng một thứ dầu thoa chân để ngừa. Đây cũng là ý muốn nói rằng: sự vật lớn nhỏ vốn không thật tướng.

Sau là, dùng Phật trí để quán pháp xuất thế gian: Môn phương tiện chính là pháp môn lợi lạc quần sanh, pháp môn này tuy quý báu, nhưng vẫn là như huyền như hóa, đến cứu cánh của Niết-bàn mới là Chơn thật. Chỉ có Phật trí mới không luận là pháp huyền pháp chơn, tất cả đều viên mãn, hoàn toàn không có sở dụng, nên quán tất cả pháp trong thế gian đều như thế.

“Xem pháp Vô thượng thừa như mộng thấy vàng lụa”: Vì Đức Phật đã chứng được Đạo Vô-thượng, rốt ráo không còn sở đắc (đạo đã chứng được), như khi mộng đã thấy vàng lụa, lúc tỉnh giấc thì chỉ là không vô.

“Xem Phật đạo như hoa đốm trước mắt:” Vì Phật đạo vốn không thể nói năng, nay có sự nói năng, chẳng qua là giả mượn phương tiện. Nói mà không nói, nên có chỗ gọi là “độ chúng sanh trong mộng, làm Phật sự như không hoa” là ý nghĩa đây vậy.

Tu Di dịch là Diệu Cao, là một quả núi trung tâm của thế giới, không thể làm chuyển động được, nên dụ cho thiên định.

“Xem Niết-bàn như ngày đêm đều thức”. Ban đêm ngủ, ban ngày thức, chính là tối tăm chuyển hiện thành sáng suốt, nên Phật ngộ Niết-bàn như tỉnh được đại mộng vậy.

Sáu con rồng múa thì đầu đuôi lẫn lộn không thể phân biệt được: luôn luôn khi lên khi xuống, lúc qua lúc lại. Vì chúng sanh đem vọng tâm phân biệt so đo, nên thấy có lên có xuống, có thuận có nghịch, nhưng nếu đem Phật trí mà quan sát thì không thể chỉ ra được.

“Xem pháp bình đẳng như Nhứt chơn địa”: Bình đẳng cũng chỉ là do phân biệt sanh ra, nhưng nếu đem Phật pháp mà quán sát ngoại đạo, thì quyết định Phật pháp là chánh kiến, ngoại đạo là tà kiến. Chính đem pháp Đại thừa mà xét Tiểu thừa thì Tiểu thừa cũng chỉ là ngã kiến. Ngay những bậc đã đến quả vị Bồ Tát chưa chứng được Phật quả vẫn còn một ít ngã kiến. Nếu đem Phật trí quán sát, thì tất cả pháp vốn không tà chánh, nên dùng tâm bình đẳng trực nhận các pháp một màu vắng lặng.

“Xem sự hưng hóa như cây cỏ bốn mùa”: Cây cỏ bốn mùa là chỉ cho sự: tươi, héo, úa, tàn. Phật pháp vốn ứng theo tâm niệm của chúng sanh mà khởi, tùy duyên nhu cầu của thế gian mà hiện, như cây cỏ bốn mùa có lúc tươi tốt, có lúc héo tàn, xoay vần không dứt. Cũng như hôm nay giảng Kinh Tứ Thập Nhị Chương đã viên mãn mà trong sự viên mãn này đã gieo trồng được pháp duyên về sau vậy.

Mọi người trong đây, có thể dùng bộ Kinh Tứ Thập Nhị Chương làm chìa khóa để mở cửa ngõ Tam tạng mười hai bộ Kinh. Nghĩa là: do Tín sanh Giải, từ Giải mà khởi Hạnh, làm cho Phật pháp lưu truyền trong đời mãi mãi không dứt.

PHẬT HỌC ĐƯỜNG PHƯỚC HÒA

Ngày 20-07-1963

(ngày 30 tháng 5 năm Quý Mão)

PHÂN DỊCH ÂM

BÀI THỨ NHỨT

HẬU HÁN CA DIẾP MA ĐĂNG
TRÚC PHÁP LAN ĐỒNG DỊCH

A. TỔNG KHỞI PHẦN

Thế Tôn thành đạo dĩ, tác thị tư duy: Ly dục tịch tịnh thị tối vi thắng; trụ Đại thiên định hàng chư ma đạo. Ư Lộc Dã uyển trung chuyển Tứ đế pháp luân, độ Kiều Trần Như đẳng ngũ nhơn nhi chứng đạo quả. Phục hữu Tỳ-kheo sở thuyết chư nghi, cầu Phật tấn chỉ; Thế Tôn giáo sắc nhứt nhứt khai ngộ, hiệp chương kính nặc nhi thuận Tôn sắc.

BÀI THỨ HAI

B. CHÁNH THUYẾT PHẦN

I- TAM THỪA CỘNG GIÁO HẠNH QUẢ

1. CHỨNG XUẤT THẾ QUẢ

ĐỆ NHỨT CHƯƠNG. Phật ngôn : Từ thân xuất gia, thức tâm đạt bốn, giải vô vi pháp, danh viết Sa-môn. Thường hành nhị bách ngũ thập giới, tấn chỉ thanh tịnh, vi Tứ chơn đạo hạnh, thành A-la-hán. A-la-hán giả, năng phi hành biến hóa, khoáng kiếp thọ mạng, trụ động thiên địa. Thứ vi A-na-hàm, A-na-hàm giả, thọ chung Linh thần thượng thập cửu thiên, chứng A-

la-hán. Thứ vi Tư-đà-hàm, Tư-đà-hàm giả, nhứt thượng nhứt hoàn tức đắc A-la-hán. Thứ vi Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn giả, thất tử thất sanh tiện chứng A-la-hán. Ái dục đoạn giả, như tứ chi đoạn bất phục dụng chi.

BÀI THỨ BA

2. TU XUẤT GIA HẠNH

ĐỆ NHỊ CHƯƠNG - Phật ngôn: Xuất gia Sa-môn giả, đoạn dục khử ái thức tự tâm nguyên, đạt Phật thâm lý, ngộ vô vi pháp, nội vô sở đắc, ngoại vô sở cầu, tâm bất hệ đạo diệc bất kiết nghiệp, vô niệm vô tác, phi tu phi chứng, bất lịch chư vị nhi tự sùng tối, danh chi vi đạo.

ĐỆ TAM CHƯƠNG. Phật ngôn: Thế trừ tu phát nhi vi Sa-môn, thọ đạo pháp giả, khử thế tư tài, khát cầu thủ túc, nhật trung nhứt thực, thọ hạ nhứt túc, thận vật tái hỷ! Sử nhơn ngu tộ giả, ái dữ dục dã.

BÀI THỨ TƯ

II- NGŨ THỪA THIỆN ÁC THÔNG NGHĨA

ĐỆ TƯ CHƯƠNG. Phật ngôn: Chúng sanh dĩ thập sự vi thiện, diệc dĩ thập sự vi ác. Hà đẳng vi thập? Thân tam, khẩu tứ, ý tam. Thân tam giả: Sát, đạo, dâm; Khẩu tứ giả: Lương thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ; Ý tam giả: Tật, nhuế, si. Như nhị thập sự, bất thuận Thánh đạo, danh thập ác hạnh, thị 'ác nhược chỉ, danh Thập thiện hạnh nhĩ.

BÀI THỨ NĂM

ĐỆ NGŨ CHƯƠNG. Phật ngôn: Nhơn hữu chúng quá nhi bất tự hối, đốn tức kỳ tâm, tội lai phó thân, như thủy quy hải, tiệm thành thâm quảng. Nhược nhơn hữu quá, tự giải tri phi, cải ác hành thiện, tội tự tiêu diệt, như bình đắc hạn, tiệm đắc thuyên tổn nhĩ.

ĐỆ LỤC CHƯƠNG. Phật ngôn : Ác nhơn văn thiện, cố lai nhiều loạn giả, nhữ tự cấm tức, đương vô sân trách, bỉ lai ác giả nhi tự ác chi.

BÀI THỨ SÁU

ĐỆ THẤT CHƯƠNG. Phật ngôn: Hữu nhơn văn ngô thủ đạo, hành đại nhân từ, cố trí mạ Phật, Phật mặc bất đối, mạ chỉ. Vấn viết : Tử dĩ lễ tụng nhơn, kỳ nhơn bất nạp lễ quy tử hô? Đối viết: Quy hỹ ! Phật ngôn: Kim tử mạ ngã, ngã kim bất nạp, tử tự trì họa quy tử thân hỹ ! Du hưởng ứng thỉnh, ảnh chi tùy hình, chung vô viễn ly, thận vật vi ác.

ĐỆ BÁT CHƯƠNG. Phật ngôn: Ác nhơn hại hiền giả, du ngưỡng thiên nhi thóa, thóa bất chí thiên, hoàn tụng kỹ đạo; nghịch phong dương trần, trần bất chí bỉ, hoàn bộn kỹ thân, hiền bất khả hủy, họa tất diệt kỹ.

BÀI THỨ BẢY

III- ĐẠI THỪA BÁT CỘNG THẮNG HẠNH

1- LẬP TÍN NGUYỆN

ĐỆ CỨU CHƯƠNG. Phật ngôn: Bác văn ái đạo, đạo tất nan hội, thủ chí phụng đạo, kỳ đạo thậm đại.

2- TU LỤC ĐỘ

a) *Bố thí độ*

ĐỆ THẬP CHƯƠNG. Phật ngôn: Đồ nhơn thí đạo, trợ chi hoan hỷ, đắc phước thậm đại. Sa-môn văn viết: Thủ phước tận hồ? Phật ngôn: Thí như nhứt cự chi hỏa, sở thiên bách nhơn các dĩ cự lai phân thủ, thực thực trừ minh, thủ cự như cố, phước diệc như chi.

BÀI THỨ TÁM

ĐỆ THẬP NHỨT CHƯƠNG. Phật ngôn: Phạn ác nhơn bá bất như phạn nhứt thiện nhơn; phạn thiện nhơn thiên, bất như phạn nhứt trì ngũ giới giả ; phạn ngũ giới giả vạn, bất như phạn nhứt Tu-đà-hoàn; phạn bá vạn Tu-đà-hoàn, bất như phạn nhứt Tư-đà-hàm; phạn thiên vạn Tư-đà-hàm, bất như phạn nhứt A-na-hàm; phạn nhứt ức A-na-hàm, bất như phạn nhứt A-la-hán; phạn thập ức A-la-hán, bất như phạn nhứt Bích Chi Phật; phạn bá ức Bích Chi Phật, bất như phạn nhứt Tam thế chư Phật; phạn thiên ức Tam thế chư Phật, bất như phạn nhứt Vô niệm Vô trụ Vô tu Vô chúng chi giả.

BÀI THỨ CHÍN

ĐỆ THẬP NHỊ CHƯƠNG. Phật ngôn: Nhơn hữu nhị thập nan: Bần cùng bố thí nan, hào quý học đạo nan, khí mạng tất tử nan, đắc đồ Phật kinh nan, sanh trị Phật thế nan, nhần sắc nhần dục nan, kiến hảo bất cầu nan, bị nhục bất sân nan, hữu thế bất lâm nan, xúc sự vô tâm nan, quảng học bác cứu nan, trừ diệt ngã mạn nan, bất khinh vị học nan, tâm hành bình đẳng nan, bất thuyết thị phi nan, hội thiện tri thức nan, kiến tánh học đạo nan, tùy hóa độ nhơn nan, đồ cảnh bất động nan, thiện giải phương tiện nan.

BÀI THỨ MƯỜI

b) Trì giới độ

ĐỆ THẬP TAM CHƯƠNG. Sa-môn vấn Phật: Dĩ hà nhơn duyên đắc trì túc mạng? Hội kỳ chí đạo? Phật ngôn: Tịnh tâm thủ chí, khả hội chí đạo. Thí như ma cảnh, cấu khử minh tôn, đoạn dục vô cầu, đương đắc túc mạng.

ĐỆ THẬP TỨ CHƯƠNG. Sa-môn vấn Phật: Hà giả vi thiện? Hà giả tối đại? Phật ngôn: Hành đạo thủ chơn giả thiện; chí dữ đạo hiệp giả đại.

BÀI THỨ MƯỜI MỘT

c) Nhẫn nhục độ

ĐỆ THẬP NGŨ CHƯƠNG. Sa-môn vấn Phật: Hà giả đa lực? Hà giả tối minh? Phật ngôn: Nhẫn nhục đa

lục, bất hoài ác cố, kiêm gia an kiện; nhấn giả vô ác, tất vi nhờn tôn. Tâm cấu diệt tận, tịnh vô hà uế, thị vi tối minh. Vị hữu thiên địa đãi ư kim nhật, thập phương sở hữu, vô hữu bất kiến, vô hữu bất tri, vô hữu bất văn, đắc Nhứt thiết trí, khả vị minh hỷ.

BÀI THỨ MƯỜI HAI

d) Thiên định độ

ĐỆ THẬP LỤC CHƯƠNG. Phật ngôn: Nhon hoài ái dục bất kiến đạo giả. Thí như trũng thủy trí thủ giáo chi, chúng nhờn cộng lâm vô hữu đồ kỳ ảnh giả, nhờn dĩ ái dục giao thố; tâm trung trọc hung, cố bất kiến đạo. Nhữ đặng Sa-môn đương xả ái dục, ái dục cấu tận, đạo khả kiến hỷ.

BÀI THỨ MƯỜI BA

e) Bát-nhã độ

1- CĂN BẢN TRÍ

ĐỆ THẬP THẤT CHƯƠNG. Phật ngôn: Phù kiến đạo giả, thí như trì cự nhập minh thất trung, kỳ minh tức diệt nhi minh độc tồn, học đạo kiến đế, vô minh tức diệt nhi minh thường tồn hỷ.

2- HẬU ĐẮC TRÍ

ĐỆ THẬP BÁT CHƯƠNG. Phật ngôn : Ngô pháp niệm vô niệm niệm, hành vô hành hành, ngôn vô ngôn ngôn, tu vô tu tu; hội giả cận nhĩ, mê giả viễn hồ! Ngôn ngữ đạo đoạn, phi vật sở câu, sai chi hào ly, thất chi tu du.

BÀI THỨ MƯỜI BỐN

3. GIA HẠNH VI

a) Vô thường tức thường quán

ĐỆ THẬP CỬU CHƯƠNG. Phật ngôn : Quán thiên địa niệm phi thường, quán thế giới niệm phi thường, quán linh giác tức Bồ-đề, như thị tri thức đặc đạo tốc hỷ.

b) Vô ngã như huyễn quán

ĐỆ NHỊ THẬP CHƯƠNG. Phật ngôn : Đương niệm thân trung tứ đại các tự hữu danh, đô vô ngã giả, ngã ký đô vô, kỳ như huyễn nhĩ.

BÀI THỨ MƯỜI LĂM

c) Thông quán ngũ dục

ĐỆ NHỊ THẬP NHỨT CHƯƠNG. Phật ngôn : Nhon tùy tình dục cầu ư thịnh danh, thịnh danh hiển trước, thân dĩ cố hỷ! Tham thế thường danh nhi bất học đạo, uống công lao hình! Thí như thiêu hương, tuy nhon văn hương, hương chi tận hỷ, nguy thân chi hỏa, nhi tại kỳ hậu.

ĐỆ NHỊ THẬP NHỊ CHƯƠNG. Phật ngôn: Tài sắc ư nhon, nhon chi bất xả, thí như đao nhĩ hữu mật, bất tức nhưt san chi mỹ, tiểu nhi thử chi tắc hữu cát thiệt chi hoạn.

BÀI THỨ MƯỜI SÁU

d) Biệt ha sắc dục

ĐỆ NHỊ THẬP TAM CHƯƠNG. Phật ngôn: Nhơn hệ ư thê tử, xá trạch thậm ư lao ngục, lao ngục hữu tán thích chi kỳ, thê tử vô viễn ly chi niệm. Tình ái ư sắc, khởi đạn khu trì ! Tuy hữu hổ khẩu chi hoạn, tâm tôn cam phục! Đầu nê tự nịch cố viết phàm phu; thấu đắc thử môn xuất trần La-hán.

ĐỆ NHỊ THẬP TỨ CHƯƠNG. Phật ngôn: Ái dục mạc thậm ư sắc, sắc chi vi dục, kỳ đại vô ngoại. Lại hữu nhứt hỹ, nhược sử nhị đồng, phổ thiên chi nhơn, vô năng vi đạo giả hỹ.

ĐỆ NHỊ THẬP NGŨ CHƯƠNG. Phật ngôn: Ái dục chi nhơn, du như chấp cự nghịch phong nhi hành, tất hữu thiêu thủ chi hoạn.

ĐỆ NHỊ THẬP LỤC CHƯƠNG. Thiên thần hiến Ngọc nữ ư Phật, dục hoại Phật ý. Phật ngôn: Cách nang chúng uest, nhĩ lai hà vi? Khứ! Ngô bất dụng. Thiên thần du kính, nhơn vấn đạo ý; Phật vi giải thuyết, tức đắc Tu-đà-hoàn quả.

BÀI THỨ MƯỜI BẢY

f) Tinh tấn độ

1) PHI GIÁP TINH TẤN

a) Phi giáp tinh tấn hạnh

ĐỆ NHỊ THẬP THẤT CHƯƠNG. Phật ngôn: Phù vi đạo giả, du mộc tại thủy, tầm lưu nhi hành, bất xúc

lượng ngân. Bất vi nhơn thủ, bất vi quý thần sở giá, bất vi hồi lưu sở trụ, diệc bất hủ bại, ngô bảo thủ mộc quyết định nhập hải. Học đạo chi nhơn, bất vi tình dục sở hoặc, bất vi chúng tà sở nhiễu, tinh tấn vô vi, ngô bảo thủ nhơn tất đắc đạo hỹ.

BÀI THỨ MƯỜI TÁM

ĐỆ NHỊ THẬP BÁT CHƯƠNG. Phật ngôn: Thận vật tín nhữ ý, nhữ ý bất khả tín; thận vật dữ sắc hội, sắc hội tức họa sanh. Đắc A-la-hán dĩ, nãi khả tín nhữ ý.

ĐỆ NHỊ THẬP CỬU CHƯƠNG. Phật ngôn: Thận vật thị nữ sắc diệc mạc cộng ngôn ngữ. Nhược dữ ngữ giả, chánh tâm tư niệm: Ngã vi Sa-môn xử ư trọc thế, đương như liên hoa bất vi nê ô. Tướng kỳ lão giả như mẫu, trưởng giả như tử, thiếu giả như muội, trĩ giả như tử; sanh độ thoát tâm, tức diệt ác niệm.

ĐỆ TAM THẬP CHƯƠNG. Phật ngôn: Phù vi đạo giả, như bị càn thảo, hỏa lai tu tị, Đạo nhơn kiến dục tất đương viễn chi.

BÀI THỨ MƯỜI CHÍN

ĐỆ TAM THẬP NHỨT CHƯƠNG. Phật ngôn: Hữu nhơn hoạn dâm bất chỉ, dục tự đoạn âm, Phật vị chi viết: Nhược đoạn kỳ âm, bất như đoạn tâm, tâm như Công Tào, Công Tào nhược chỉ, từng giả đô tức; tà tâm bất chỉ, đoạn âm hà ích? Phật vị thuyết kệ: “Dục sanh

ư nữ ý, ý dĩ tư tưởng sanh, nhị tâm các tịch tịnh, phi sắc diệt phi hành". Phật ngôn: Thử kệ thị Ca Diếp Phật thuyết.

ĐỆ TAM THẬP NHỊ CHƯƠNG: Phật ngôn: Nhơn tùng ái dục sanh ưu, tùng ưu sanh bố, nhược ly ưu ái, hà ưu hà bố?

BÀI THỨ HAI MƯƠI

b) Phi giáp tinh tấn tướng

ĐỆ TAM THẬP TAM CHƯƠNG. Phật ngôn: Phù vi đạo giả, thí như nhứt nhơn dữ vạn nhơn chiến, quả khả xuất môn, ý hoặc khiếp nhược, hoặc bán lộ nhi thối, hoặc cánh đấu nhi tử, hoặc đắc thắng nhi hoàn. Sa-môn học đạo ưng đương kiên trì kỳ tâm, tinh tấn dũng nhuệ bất úy tiền cảnh, phá diệt chúng ma nhi đắc đạo quả.

BÀI THỨ HAI MƯƠI MỐT

2- NHIỆP THIỆN TINH TẤN

ĐỆ TAM THẬP TỨ CHƯƠNG. Sa-môn dạ tụng Ca Diếp Phật Di Giáo Kinh, kỳ thỉnh bi khẩn, tư hồi nhược thối. Phật vấn chi viết: Nữ tích tại gia tăng vi hà nghiệp? Đối viết: Ái đàn cầm. Phật ngôn: Huyền hoãn như hà? Đối viết: Bất minh hỹ. Huyền cấp như hà? Đối viết: Thịnh tuyệt hỹ. Cấp hoãn đắc trung như hà? Đối viết: Chư âm phổ hỹ. Phật ngôn: Sa-môn học

đạo diệc nhiên, tâm nhược điều thích, đạo khả đắc hỹ. Ư đạo nhược bạo, bạo tức thân bì; kỳ thân nhược bì, ý tức sanh nã; ý nhược sanh nã, hạnh tức thối hỹ; kỳ hạnh ký thối, tội tất gia hỹ. Dẫn thanh tịnh an lạc, đạo bất thất hỹ.

ĐỆ TAM THẬP NGŨ CHƯƠNG. Phật ngôn: Như nhơn đoàn thiết, khứ chỉ thành khí, khí tức tinh hảo; Học đạo chi nhơn, khứ tâm cấu nhiễm, hạnh tức thanh tịnh hỹ.

BÀI THỨ HAI MƯỜI HAI

3- LỢI LẠC TINH TẤN

ĐỆ TAM THẬP LỤC CHƯƠNG. Phật ngôn: Như ly ác đạo đắc vi nhơn nan; ký đắc vi nhơn, khứ nữ tức nam nan; ký đắc vi nam, lục căn hoàn cụ nan; lục căn ký cụ, sanh trung quốc nan; ký sanh trung quốc, trị Phật thế nan; ký trị Phật thế, ngộ đạo giả nan; ký đắc ngộ đạo, hưng tín tâm nan; ký hưng tín tâm, phát Bồ-đề tâm nan; ký phát Bồ-đề tâm, vô tu vô chứng nan.

BÀI THỨ HAI MƯỜI BA

3- MINH CẤP GIỚI THỪA

ĐỆ TAM THẬP THẤT CHƯƠNG. Phật ngôn: Phật tử ly ngô số thiên lý, ức niệm ngô giới tất đắc đạo quả. Tại ngô tả hữu, tuy thường kiến ngô, bất thuận ngô giới, chung bất đắc đạo.

ĐỆ TAM THẬP BÁT CHƯƠNG. Phật vấn Sa-môn: Nhơn mạng tại ky gian? Đối viết: Sở nhật gian. Phật ngôn: Tử vị tri đạo ! Phục vấn nhứt Sa-môn: Nhơn mạng tại ky gian? Đối viết: Phạn thực gian. Phật ngôn: Tử vị tri đạo! Phục vấn nhứt Sa-môn: Nhơn mạng tại ky gian? Đối viết: Hô hấp gian. Phật viết: Thiện tai ! Tử tri đạo hỹ.

BÀI THỨ HAI MƯỚI BỐN

IV- TÍN GIÁO, GIẢI LÝ, TU HẠNH

1- TÍN GIÁO

ĐỆ TAM THẬP CỬU CHƯƠNG. Phật ngôn: Học Phật đạo giả, Phật sở ngôn thuyết, giai ưng tín thuận, thí như thực mật, trung biên giai điềm, ngô kinh diệc nhĩ.

2- GIẢI LÝ

ĐỆ TỨ THẬP CHƯƠNG. Phật ngôn: Sa-môn hành đạo, vô như ma ngư, thân tuy hành đạo, tâm đạo bất hành; tâm đạo nhược hành, hà dụng hành đạo.

3- TU HẠNH

ĐỆ TỨ THẬP NHỨT CHƯƠNG. Phật ngôn: Phù vi Đạo giả như ngư phụ trọng hành thâm nê trung, bì cực bất cảm tả hữu cố thị, xuất ly ứ nê nãi khả tô tức. Sa-môn đương quán tình dục thậm ư ứ nê, trực tâm niệm đạo, khả miễn khổ hỹ.

BÀI THỨ HAI MƯƠI LĂM**C. TỔNG KẾT PHẦN**

ĐỀ TỬ THẬP NHỊ CHƯƠNG. Phật ngôn: Ngô thị vương hầu chi vị như quá khích trần, thị kim ngọc chi bảo như ngõa thuốc, thị hoàn tố chi phục như tộ bạch, thị Đại thiên giới như nhút ha tử, thị A Nậu trì thủy như đồ túc du; thị phương tiện môn như hóa bảo tụ, thị Vô thượng thừa như mộng kim bạch, thị Phật đạo như nhân tiền hoa, thị thiền định như Tu Di sơn trụ, thị Niết-bàn như trú tịch ngụ, thị đảo chánh như lục long vũ, thị bình đẳng như nhút chơn địa, thị hưng hóa như tứ thời mộc.

*

* *

KINH DI GIÁO

(GIẢI THÍCH)

LỜI NÓI ĐẦU

I. GIẢI THÍCH ĐỀ KINH

PHẬT là tiếng Phạn, nói tắt của chữ Phật-đà (Bouddha) các sách xưa còn gọi là Phù-đồ, nhưng hiện nay danh từ Phù-đồ ít được thông dụng. Chữ Phật, Trung Hoa dịch là Giác giả, có nghĩa là sáng suốt, hoàn toàn, tức là chỉ cho những bậc Đại Giác, Đại Ngộ. Những bậc này biết rõ tất cả sự lý trong vũ trụ một cách chơn chánh, cùng tột và không còn một chút mê lầm, điên đảo, do đó còn được gọi là **VÔ THƯỢNG BIẾN CHÁNH GIÁC**. Danh từ Vô Thượng Biến Chánh Giác cũng là để lựa khác với hàng ngoại đạo, Tiểu thừa và Bồ Tát.

Hàng Ngoại đạo có hiểu biết sự lý trong vũ trụ, nhưng hiểu biết một cách điên đảo sai lầm, để lựa khác với hàng ngoại đạo gọi là **CHÁNH GIÁC**.

Hàng Nhị thừa có hiểu biết được sự lý trong vũ trụ, nhưng hiểu biết một cách thiên lệch (chấp không), không được cùng khắp, để lựa khác với hàng Nhị thừa gọi là **BIẾN CHÁNH GIÁC**.

Hàng Bồ Tát tuy có hiểu biết tất cả sự lý trong vũ trụ, nhưng không được cùng tột, để lựa khác với hàng Bồ Tát gọi là **VÔ THƯỢNG**.

Những bậc Vô Thượng Biến Chánh Giác này chẳng những tự mình được Đại Giác, Đại Ngộ (tự giác) mà còn đem chỗ giác ngộ của mình giác ngộ cho kẻ khác (giác tha); hơn nữa không chỉ riêng giác ngộ cho mình và cho người mà thôi, lại còn khiến cho tất cả chúng sanh đều được giác ngộ đến chỗ Vô Thượng (giác hạnh viên mãn). Giác ngộ như thế, mới được gọi là **PHẬT ĐÀ**.

Phật-đà là một danh từ phổ thông chỉ chung cho các Đức Phật, riêng ở Kinh này là chỉ cho Đức Thích Ca Mâu Ni.

DI GIÁO là lời dặn dò, dạy bảo của Đức Phật để lại cho đệ tử. Thật ra những lời dạy bảo của Đức Phật để lại cho chúng ta có đến ba tạng Giáo điển: Kinh, Luật và Luận, nhưng bộ Kinh này là lời giáo huấn cuối cùng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi sắp nhập Niết-bàn để lại cho hàng đệ tử Tỳ-kheo làm quy tắc giữ gìn Phật pháp. Nên bộ Kinh này đặc biệt được gọi là **DI GIÁO**.

Lời Di Giáo này, chẳng khác nào lời di chúc của cha mẹ khi sắp lâm chung để lại dặn dò chỉ bảo con cái.

KINH là một danh từ phổ thông chung chỉ các thứ *Kinh*, gồm có 3 nghĩa:

1) *Thường*: Có nghĩa là Giáo lý của Đức Phật nói ra luôn luôn đúng Chơn lý, không vì thời gian mà thay đổi, không theo quốc độ mà sai khác. Nghĩa là đối trong ba thời: quá khứ các Đức Phật đã nói thế nào thì hiện tại Đức Thích Ca cũng nói thế ấy, mà cho đến vị lai, các Đức Phật khác cũng nói đúng như thế.

2) *Khế (Hợp)*: Có nghĩa là Hợp lý và Hợp cơ. Nghĩa là trên hợp với Chơn lý của chư Phật, dưới hợp với mọi căn cơ, mọi trình độ của tất cả chúng sanh.

3) *Tuyển (Đường canh)*: Tức là đường dọc của tám vải. Tám vải nhờ những đường dọc khâu kết, tổ hợp mà thành. Cũng thế, bao nhiêu Giáo lý của Đức Phật vì đại chúng diễn nói, về sau nhờ các vị Đại đệ tử như Ngài A Nan, Ưu Ba Ly v.v... khâu kết, kết tập lại mới thành.

Kinh Phật Di Giáo còn gọi là *Phật Thùy Bát Niết Bàn Lược Thuyết Giáo Giới*. *Thùy Bát Niết Bàn*, có nghĩa là: Sắp đến giờ vào Niết-bàn. *Lược Thuyết Giáo Giới*, có nghĩa là: Lược nói những lời dạy bảo cần yếu.

Giờ phút sắp vào Niết-bàn, Đức Phật còn để lời dặn dò căn kẽ cho các đệ tử được ghi lại trong *Kinh* này, nên gọi là *KINH PHẬT DI GIÁO* hay *KINH THÙY BÁT NIẾT BÀN LƯỢC THUYẾT GIÁO GIỚI*. Danh từ tuy khác, nhưng ý nghĩa vẫn đồng. Tuy nhiên danh từ: *Kinh Phật Di Giáo* gọn gàng, dễ đọc, nên được phổ thông hơn.

II. LƯỢC SỬ DỊCH GIẢ

Bốn Kinh này do Ngài Cưu Ma La Thập (Kumàrajiva) dịch ra văn Trung Hoa vào đời vua Diêu Tân. Ngài La Thập là người nước Quy Tư, một tiểu quốc thuộc xứ Ấn Độ thời bấy giờ. Ngài theo mẹ xuất gia vào lúc bảy tuổi, châu du khắp xứ Ấn Độ, thông suốt các sách vở, Ngài rất giỏi về Kinh điển Đại thừa. Nhân vua nhà Tân là Phù Kiên (năm thứ 19 tức là vào đầu thế kỷ thứ V) đem binh đánh nước Quy Tư và bắt Ngài về. Sau Ngài vào Trường An, được vua tôn làm Quốc sư và thỉnh Ngài ở Tây Minh Các và Tiêu Diêu Viện lo việc dịch Kinh. Ngài dịch được hơn 380 quyển.

Ngài là vị Pháp sư thông cả Ba tạng giáo điển. Sự nghiệp dịch thuật của Ngài ở Trung Hoa, trừ Ngài Trần Huyền Trang ra chưa có ai sánh kịp. Những bộ Kinh do Ngài dịch rất được phổ thông như: Pháp Hoa, Bát Nhã, Di Đà v.v...

Ngài viên tịch tại Trường An vào đời vua Tân Thỉ Hoàng năm thứ mười một.

*

* *

BÀI I

A. 敘 分

釋迦牟尼佛，初轉
 法輪度阿若憍陳如，
 最。後說應娑羅是，
 於槃無聲，為諸
 涅然說。槃無聲，為諸
 法。槃無聲，為諸
 說。槃無聲，為諸

DỊCH NGHĨA

A. PHẦN TỰA

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, trước hết chuyển Pháp luân độ anh em ông A Nhã Kiều Trần Như. Cuối cùng thuyết pháp độ ông Tu Bạt Đà La. Những người đủ duyên được độ đều đã độ hết, ở trong rừng Ta La Song Thọ, Phật sắp nhập Niết-bàn, khi ấy giữa đêm thanh vắng không một tiếng động, Ngài vì các đệ tử lược nói Pháp yếu.

GIẢNG NGHĨA

Chuyển pháp luân : Lăn bánh xe Pháp. Giáo pháp của Đức Phật gọi là PHÁP LUÂN. Luân là chỉ cho xe báu của Chuyển Luân Thánh Vương, gồm có hai nghĩa: Đi khắp và dẹp trừ, nghĩa là xe của Vua Chuyển Luân đi khắp trong bốn châu thiên hạ, dẹp trừ những bợn oán địch. Cũng thế, Giáo pháp của Đức Phật đi khắp trong các cõi chúng sanh và dẹp trừ bợn giặc phiền não, nên “Giáo pháp” dụ cho bánh xe, còn “Chuyển” (lăn) là dụ cho việc nói Giáo pháp. Nghĩa là chuyển vận Giáo pháp nơi tự tâm mình vào tâm của kẻ khác, y như chuyển bánh xe từ chỗ này đến chỗ kia vậy.

Niết-bàn (Nirvāna) : Có chỗ gọi là Nê Hoàn, Nê Bàn hay Niết-bàn-na, các nhà dịch có nhiều nghĩa khác nhau: Diệt, Diệt độ, Tịch diệt, Bất sanh, Vô vi.

An lạc, Giải thoát v.v... Niết-bàn còn một tên khác là: Ba Lị Nật Phục Nẫm (Parinirvāna) dịch là Viên Tịch: Đây đủ phước trí, hoàn toàn vắng lặng, sạch tất cả các thứ phiền não trần lao. Niết-bàn có bốn thứ khác nhau:

1) Bản Lai Tự Tánh Thanh Tịnh Niết-bàn : Mặc dù chúng ta bị khách trần phiền não mà Tự tánh vẫn thường thanh tịnh, rỗng rang như hư không, xa lìa các tướng phân biệt, bật sự nói năng, dứt đường suy nghĩ. Cái tánh ấy xưa nay vẫn một màu vắng lặng (Niết-bàn này thuộc về phàm phu).

2) Hữu Dư Y Niết-bàn : Hàng Nhị thừa do đoạn hết được Phiền não chướng (sự ngăn ngại do phiền não gây ra) mà hiển ra Chơn như. Hữu Dư Y là còn nương nơi thân hữu lậu. Nghĩa là đối với các phiền não đã đoạn hết mà vẫn còn thân hữu lậu, mặc dù còn thân hữu lậu mà các chướng phiền não hằng vắng bật.

3) Vô Dư Y Niết-bàn : Hàng Nhị thừa đã đoạn được Phiền não chướng và cũng đã đoạn được Báo thân hữu lậu rồi. Nghĩa là Chơn Như sau khi ra khỏi sanh tử mà được hiển bày.

4) Vô Trụ Xứ Niết-bàn : Chơn Như do đoạn Sở tri chướng (sự ngăn ngại Chơn trí do hiểu biết gây ra) mà được hiển bày. Đây là Niết-bàn của chư Phật. Hàng Nhị thừa vì chưa đoạn được Sở tri chướng, nên chẳng hiểu được lẽ: “Sanh tử chẳng khác Niết-bàn”. Do đó họ chấp có Sanh tử đáng chán, Niết-bàn đáng ưa; còn chư Phật đã đoạn Sở tri chướng được Chơn trí Bồ-đề

nên không còn thấy Sanh tử và Niết-bàn khác nhau. Nghĩa là; Chư Phật đầy đủ trí huệ nên không ở trong Sanh tử, nhưng vì lòng Đại bi, nên cũng không trụ Niết-bàn; không sanh diệt mà thị hiện sanh diệt để hóa độ chúng sanh.

A Nhã Kiều Trần Như : (*Ajnata Kaundiya*) : A Nhã là tên, dịch nghĩa là GIẢI (hiểu biết) cũng dịch là VÔ TRI (không có điều nào là không biết) Kiều Trần Như là họ, dịch là HỎA KHÍ.

Khi Phật mới thành đạo, liền thẳng đến vườn Lộc Giả nói Pháp Tứ Đế độ năm anh em ông Kiều Trần Như, trong số đó, ông Kiều Trần Như hiểu được lý “Vô Tri Diệt Tri” trước nhất, nên ông được gọi là A NHÃ.

Tu Bạt Đà La : (*Subhadra*) : Dịch là HẢO HIỀN, ông là người đệ tử cuối cùng của Phật. Khi ông Quy y Phật thì đã 120 tuổi rồi.

Nguyên trước kia ông là người ngoại đạo, sau nghe Phật sắp nhập Niết-bàn, ông hối hả đến chỗ Phật xin vào yết kiến và cầu pháp. Ông xin gặp Phật hai ba phen, nhưng Ngài A Nan sợ ông khuấy rầy Phật nên chẳng cho ông vào. Hai bên tranh chấp giằng co, Phật nghe thấy mới kêu cho vào và vì ông nói pháp Bát Chánh đạo, ông Tu Bạt Đà La liền chứng được Sở quả.

ĐẠI Ý

Đây là lời Dẫn khởi thuộc về Phần tựa của bộ Kinh Di Giáo. Đoạn này cũng có thể thay cho sáu món Thành Tựu. Sáu món Thành tựu là:

- 1) Pháp sư thành tựu.
- 2) Pháp môn thành tựu,
- 3) Đệ tử thành tựu,
- 4) Đại tổng tướng thành tựu,
- 5) Nhân quả tự tướng thành tựu,
- 6) Phân biệt tổng tướng thành tựu.

GIẢI THÍCH

Đại phàm đoạn mở đầu của các bộ Kinh đều nói đến sáu món Thành tựu, nhưng riêng sáu món Thành tựu của bộ Kinh Di Giáo này, không đồng với các bộ Kinh khác. Các bộ Kinh khác thường mở đầu bằng câu: “Pháp này tôi nghe, một thuở nọ v.v...”. Kinh này thì không thế, câu mở đầu lại là: “Phật Thích Ca Mâu Ni v.v...”.

Năm chữ “Phật Thích Ca Mâu Ni” là nói Pháp sư Thành tựu.

Thích Ca là họ của Phật, Trung Hoa dịch là “Năng Nhân”, có nghĩa là Tài năng và Đức hạnh. Nguyên nhân Phật lấy họ Thích Ca là vì trong dòng dõi của Ngài, ở các triều vua trước, ra đời đều là những vị vua thông minh, hơn từ, nên về sau đổi ra họ Thích Ca, có ý ca ngợi tài trí thông minh của dòng dõi.

Mâu Ni là danh xưng của Đức Phật, Trung Hoa dịch là Tịch Mặc. Trước kia Đức Phật tên là Tất Đạt Đa (Siddhāratha) chính âm là: Tát Ba Kịệt Thích

Tha Tất Đà (Sarvārtha'siddha), nhưng về sau do sự tôn trọng, khen ngợi Ngài, vì Ngài ở trong cảnh vắng lặng mà thành tựu được trí huệ phi thường, không gì khắc nào không ở trong Đại định, nên gọi là MÂU NI.

Trong câu : “Trước hết, Chuyển Pháp Luân độ anh em ông A Nhã Kiều Trần Như; cuối cùng, thuyết pháp độ ông Tu Bạt Đà La” gồm nói hai món thành tựu: Pháp môn thành tựu và Đệ tử thành tựu.

Câu : “Trước hết Chuyển Pháp Luân và cuối cùng thuyết pháp” là Pháp môn thành tựu. Câu: “Trước hết độ anh em ông A Nhã Kiều Trần Như, cuối cùng độ ông Tu Bạt Đà La” là Đệ tử thành tựu.

Câu : “Những người đủ duyên được độ Phật đã độ hết” là nói đến sự nghiệp của Đức Phật ra đời, độ sanh đã được viên mãn là Đại tổng tướng thành tựu.

Ta La Song Thọ: Ta la nghĩa là kiên cố; là cây bốn mặt. Mỗi mặt: trên hai nhánh hiệp nhau dưới hai gốc liền nhau, có một khô một tươi, tiêu biểu cho Tứ đức phá trừ Bát đảo của phàm phu và Nhị thừa.

Nhân quả tự tướng: “Trong rừng cây Song thọ” là Nhân tự tướng; “Sấp vào Niết-bàn” là Nhân và Quả tự tướng; “Khi ấy nửa đêm” là Tổng tự tướng. Gồm nói là Nhân quả tự tướng thành tựu.

Câu : “Vì các đệ tử lược nói Pháp yếu” là Phân biệt Tổng tướng thành tựu, “Các đệ tử” là tiêu biểu

cho nhân sai biệt; “Lược nói pháp yếu” là tiêu biểu cho Pháp thể và xuất thế gian sai biệt.

Mặc dù Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, vẫn vì chúng đệ tử chỉ dạy cặn kẽ những điều cần thiết. Ấy là biểu lộ lòng từ bi vô hạn, chẳng khác nào người cha đối với các con khi sắp lâm chung vậy.

*

* *

BÀI II

B- 正宗分

I- 共法要

1- 對治邪業

a) 根本淨

汝等比丘，於我滅
 後當尊重珍敬波羅提
 木叉，如闇遇明，貧
 人得寶；當知此則是
 汝等大師，若我住世
 無異此也。

b) 方便淨

賣畜一當不掘相推，食預術親。
 販；皆，土占，計時參咒，作
 得宅生寶坑墾，宿算身得，人應
 不田畜財火，藥星數節不命貴不
 ，置婢諸避木湯觀曆。使好皆
 者，安奴及如草合仰，應活致結，
 戒，民植，伐和。虛不自通，慢
 持易人種離斬。凶盈所淨事藥媿
 買養切遠得地吉步皆清世仙厚

當 自 端 心 正 念 求 度 ，
 不 得 包 藏 瑕 疵 顯 異 惑
 眾 ， 於 四 供 養 知 量 知
 足 ， 趣 得 供 事 不 應 畜
 積 ○

DỊCH NGHĨA

B. PHẦN CHÁNH TÔN

I- PHÁP YẾU CHUNG

1- ĐỐI TRỊ TÀ NGHIỆP

a) Căn bản thanh tịnh

Tỳ-kheo các ông ! Sau khi Ta nhập diệt, phải tôn trọng quý kính Ba La Đề Mộc Xoa (Giới Luật) như đêm tối gặp ánh sáng, như người nghèo gặp của báu. Phải biết pháp này là Thầy của các ông, dù Ta có trụ ở đời cũng không khác Pháp này vậy.

b) Phương tiện thanh tịnh

Người trì giới chẳng được mua bán đổi chác, tạo ruộng cát nhà, nuôi người mướn tớ, và chăn nuôi gia súc; tất cả mọi sự trồng trọt và các thứ của báu đều phải xa bỏ, như tránh hầm lửa ; chẳng được đốn chặt cây cỏ, đào xới đất đai; điều

ché thuốc thang, coi tướng kiết hung, trông xem tinh tú, tìm tòi suy thận, coi ngày đoán số đều không nên làm. Phải tiết chế nơi thân ăn uống đúng giờ, nếp sống trong sạch. Không được tham dự việc đời, đi sứ, thông tin, luyện bùa chú, nấu Tiên dược; giao hảo người quyền quý, thân hậu kẻ khinh mạn, đều không nên làm. Phải tự giữ tâm chánh niệm mong cầu giải thoát. Chẳng được che giấu tội lỗi, khoe bày dị tướng đối gạt mọi người. Đối với bốn món cúng dường phải biết lượng và biết đủ; được vật cúng dường không nên chứa cất.

GIẢNG NGHĨA

Ba La Đề Mộc Xoa (*Parttimoksa*) : Dịch là Biệt giải thoát. Nghĩa là người giữ được giới nào, phần nào thì sẽ giải thoát được giới đó, phần đó. Cũng có nghĩa là người giữ giới luật sẽ giải thoát được tội Thất chi ở thân khẩu, và gián biệt được Định cộng giới và Đạo cộng giới, gọi là Biệt giải thoát.

Khinh mạn : Khinh lờn kiêu mạn.

Dị tướng : Hình tướng khác lạ. Mặc dù bên trong không tu hành chơn chất, che giấu những điều bất chánh, nhưng bên ngoài làm ra vẻ con người chơn thật, ai nấy nhìn vào phải lầm; hay làm các điều chú thuật mê hoặc chúng sanh.

ĐẠI Ý

Đoạn này Phật dạy các đệ tử phải giữ gìn Giới luật, có hai phần:

- 1) Lấy giới luật làm căn bản và tôn trọng như bậc Thầy.
- 2) Tránh xa những điều có thể làm suy kém việc trì giới.

GIẢI THÍCH

Phàm là đệ tử xuất gia mong cầu giải thoát phiền não đều gọi là Tỳ-kheo. Tỳ-kheo có bốn nghĩa:

1) **Trừ căn** : ý khen ngợi Tỳ-kheo là bực phước điền.

2) **Bố Ma** : Vì người xuất gia mong cầu giải thoát, tiêu diệt tất cả vọng tưởng điên đảo do đó bọn Ma Vương thấy thì sanh lòng sợ sệt.

3) **Khất Sĩ** : Hàng Tỳ-kheo thọ 250 giới, bỏ tất cả tài sản chỉ còn một bình Bát và ba Y, lấy việc khất thực mà nuôi sống.

4) **Phá ác** : Hàng Tỳ-kheo đem ngày chuyên tâm tu Giới, Định, Huệ để phá trừ ác nghiệp, làm các thiện nghiệp, nên gọi là Phá ác.

Đức Phật khi sắp nhập Niết-bàn, Ngài dạy chúng đệ tử Tỳ-kheo phải nên tôn trọng gìn giữ Ba La Đề Mộc Xoa. Ba La Đề Mộc Xoa có nghĩa là Biệt giải thoát hay Xứ Xứ giải thoát.

Sở dĩ Đức Phật dạy chúng đệ tử phải tôn trọng Giới luật là vì Đức Phật đã nhờ nó mà tự mình được Đại Niết-bàn, nên Đức Phật muốn cho chúng Tỳ-kheo

đối với những “hành chi” có chỗ nào chưa quyết, thì trực tiếp hỏi Phật, nếu để khi Phật nhập Niết-bàn rồi thì không còn biết hỏi ai.

Vì thế khi chế định Giới luật, đối với chúng Tỳ-kheo, Ngài dạy rằng: “Sau khi Ta nhập Niết-bàn các ông phải tôn trọng Giới luật và y đó hành trì sẽ được giải thoát. Tôn trọng Giới luật, chính là tôn trọng Ta, Ta còn ở đời lãnh đạo các ông, sau khi Ta nhập Niết-bàn, người lãnh đạo các ông chính là Giới luật, có Giới luật chẳng khác nào đi trong đêm tối gặp được ngọn đèn sáng, quyết không bao giờ bị lạc đường. Các ông đã có Giới luật, phải nên vui mừng như được của báu. Phải biết rằng: Giới luật là vị Đạo sư sau này của các ông cũng như Ta còn ở đời không khác vậy”.

Đoạn thứ hai, nói đến các Phương tiện trì giới, có xa lìa chúng, giới thể mới được thanh tịnh, đoạn văn này gồm có ba phần:

– Từ câu: “Người trì giới... đến... đào xới đất đai”, là Phật răn dạy hàng Tỳ-kheo không được lo việc sanh sản sự nghiệp như người thế tục để gây thêm tội lỗi, có mười một việc:

- 1) Không được buôn bán,
- 2) Không được mua sắm,
- 3) Không được đổi chác,
- 4) Không được mua ruộng tậu nhà,
- 5) Không được nuôi chứa nhân dân,

- 6) Không được nuôi chứa tôi tớ,
- 7) Không được chăn nuôi súc vật,
- 8) Không được trồng trọt mọi thứ,
- 9) Không được chứa cất của báu,
- 10) Phải xa nơi thị tứ,
- 11) Không được đốn chặt cây cỏ, đào xới đất đai.

Mười một việc này đều khiến cho Tỳ-kheo có thể tăng trưởng tội lỗi, tiêu mất công đức, nên người xuất gia tất chẳng nên làm.

– Từ câu : “Điều chế thuốc thang... đến... coi ngày đoán số”, là Phật dạy hàng Tỳ-kheo chẳng nên đồng với Ngoại đạo làm các thứ kỹ thuật không chánh đáng để súc tích của cải mà thương tổn đến trí huệ, có 5 việc như sau:

- 1) Không được điều chế thuốc thang,
- 2) Không được coi tướng kiết hung,
- 3) Không được trông xem tinh tú,
- 4) Không được tìm tòi suy thành,
- 5) Không được coi ngày, đoán số.

Năm việc này là của hàng Ngoại đạo, đều có thể làm ngăn ngại chánh niệm.

– Từ câu : “Phải tiết chế nơi thân... đến... vật cúng dường không nên chứa cất” là Phật dạy hàng Tỳ-kheo phải gắng sức giữ gìn Tịnh giới chẳng được lo việc kinh doanh sanh sản sự nghiệp như kẻ phàm

phu thế tục, mà phải khát thực nuôi sống để cho chúng tử thiện căn được dẫn sanh. Chẳng vậy, các công đức lành không sao phát khởi được.

Phải biết, Giới là nguyên lưu của công đức lành, là nơi an trụ yên ổn nhất. Vì thế, hàng Tỳ-kheo phải tôn trọng Giới pháp, tiết chế nơi thân chẳng để buông lung, tiết chế việc ăn uống cho khỏi no chán; không tham dự việc đời để tránh điều phiền phức, tôn trọng tự tánh, cột lấy tâm mình, giữ gìn chánh niệm, chẳng nên che giấu tội lỗi làm ô Tịnh giới, chứa chất tâm nhơ. Đối với bốn món cúng dường phải tự biết lượng, và được sự cúng dường không nên cất giữ, vì nó sẽ làm mờ ám trí huệ.

Tóm lại; đoạn văn này nói: Trước phải xa lìa công việc của phàm phu thế tục, sau là xa lìa các tà thuật, giữ mình trong Tịnh giới để cầu chứng Pháp thân thanh tịnh của Như Lai.

*

* *

BÀI III

c) 明戒德

此則略說持戒之相
 ，戒是正順解脫之本
 ，故名波羅提木叉，
 因依此戒，得生諸禪
 定及滅苦智慧。

d) 顯戒益

是故比丘當持淨戒
 ，勿令毀缺。若能善
 持淨戒，是則能善
 法功德，若無不淨得
 生；是

當知戒為第一安隱功
德之所住處。

DỊCH NGHĨA

c) Công đức trì giới

Đây là lược nói về Tướng trì giới. Giới là căn bản chính, thuận dòng giải thoát, nên gọi là Ba La Đề Mộc Xoa; nhân y nơi giới này mà được sanh các thứ thiên định và trí huệ diệt khổ.

d) Lợi ích của giới

Thế nên Tỳ-kheo phải giữ Tịnh giới, chớ khiến hư kém. Nếu người nào hay giữ gìn Tịnh giới thì người ấy có được Thiện pháp, nếu không Tịnh giới, các công đức lành đều không sanh được. Do đây phải biết Giới là chỗ ở công đức an ổn nhất.

GIẢNG NGHĨA

Giải thoát (2431) : Tiếng Phạn gọi là Mộc Đề (Muti) hay Mộc Xoa (Moksa). Nghĩa là lia sự ràng buộc mà được tự tại, tức là giải được sự trói buộc của hoặc nghiệp, thoát khỏi khổ quả Tam giới. Giải thoát còn là biệt danh của Niết-bàn, vì Thế của Niết-bàn lia tất cả sự trói buộc; lại cũng là biệt danh của Thiên định, như Tam giải thoát và Bát giải thoát.

Thiền định (2775) : Thiền là Thiên-na (Dhyàna), dịch là Tư duy tu, cũng gọi là Tịnh lự. Tư duy tu nghĩa

là tư duy cảnh sở đối mà nghiên tập. Tịnh lự nghĩa là Tâm thể vắng lặng mà hay nghiệm xét. Định là dịch chữ Tam muội của Phạn ngữ, có nghĩa là Tâm định chỉ ở một cảnh mà xa lìa mọi sự tán động. Nghĩa là Tâm khảo sát nơi vật là Thiền, đối với một cảnh tịnh niệm là Định. Vì thế danh từ ĐỊNH thì rộng, chỉ cho tất cả việc dứt Tưởng ngưng Tâm; danh từ THIỀN thì hẹp, chỉ là một phần của Định. Bởi vì sự suy nghĩ xét nét của Thiền na tự nó có nghĩa: “Định chỉ tịch tịnh”, nên được gọi là Định; còn Tam muội không có nghĩa suy nghĩ xét nét, nên được gọi là Thiền. Hiệp chung cả Tổng và Biệt gọi là Thiền Định.

Trí huệ (2203) : Tiếng Phạn gọi là Nhā-na (Jnāna) Trung Hoa dịch là TRÍ; Bát-nhā (Prajnā) Trung Hoa dịch là HUỆ. Quyết đoán là TRÍ, giản trách là HUỆ; lại biết được Tục đế là TRÍ, rõ lý Chơn đế là HUỆ.

Trong Đại Thừa Nghĩa Chương quyển chín nói: “Thấy rõ gọi là Trí, hiểu rõ gọi là Huệ, hai Pháp đều riêng khác: Biết Tục đế là Trí, hiểu Đệ Nhất Nghĩa đế là Huệ, hiệp chung lại thì nghĩa đồng”.

Trong Pháp Hoa Sớ quyển hai nói: “Huệ thì quán Không, còn Trí thì quán Hữu”.

Công đức (925): Công là công năng của Phước lợi, công năng này là Đức của Thiện hạnh, nên gọi là Công Đức. Lại Đức có nghĩa là Được, do tu Công mà có được những sở đắc, gọi là Công đức. Theo sự giải thích của Ngài Thiên Thai trong Kinh Nhân Vương thì: Thí cho người là Công, quy về mình là Đức.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật dạy: Hàng Tỳ-kheo phải cố gắng giữ gìn Tịnh giới không cho yếu kém để gieo trồng công đức và sẽ được nhiều sự lợi ích.

GIẢI THÍCH

Đoạn thứ nhất nói: Giới có công năng tăng trưởng công đức thiện căn, vì thế Giới chính là căn bản thuận dòng giải thoát. Nếu Tỳ-kheo có thể Trì Giới sanh Định thì giải thoát được khổ phiền não. Ấy là do Giới sanh Định như Định phát Huệ. Do đó biết rằng Chơn Trí Huệ không thể xa lìa Giới Định mà sanh ra được.

Đoạn thứ hai nói về sự lợi ích của Giới để khuyên tu Giới. Nghĩa là Tỳ-kheo phải nên trụ trong Tịnh Giới, chớ để cho Giới Thể bị thương tổn và Giới Tướng bị yếu kém. Ấy là Phật khuyên Tỳ-kheo không nên xa lìa Giới Hạnh.

Mặc dầu có Thiện pháp mà không trì giới, thì Thiện pháp sẽ lần lần tan mất. Vì thế Tỳ-kheo phải an trụ trong Tịnh Giới tinh tấn siêng tu.

*

* *

BÀI IV

2- 對治妄苦

a) 根欲放逸苦

1/ 根放逸苦

汝等比丘，已能住戒，當制五根，勿令放逸入於五欲。譬如牧牛之人，執杖視之，不令縱逸犯人苗稼。

若縱五根，非唯五欲，將無涯畔，不可制也！亦如惡馬，不以轡制，將當牽人墜於

坑陷 ○ 如被劫賊，苦
 止一世 ○ 五根賊禍殃
 及累世，為害甚重，
 不可不慎！是故智者
 制而不隨，持之如賊
 ，不令縱逸，假令縱
 之，皆亦不久見其磨
 滅 ○

DỊCH NGHĨA

2) ĐỐI TRỊ KHỔ VỌNG

a) Khổ do Căn và Dục buông lung

1/ KHỔ DO CĂN BUÔNG LUNG

Tỳ-kheo các ông ! Đã có thể an trụ trong Giới rồi, phải kiềm chế ngũ căn chớ để buông lung vào trong ngũ dục. Thí như người chăn trâu, cầm roi nhìn nó, chẳng cho tuông rông phạm nhằm lúa mạ người.

Nếu thả lỏng ngũ căn, chẳng những chạy theo ngũ dục không bờ mé, không thể kiềm chế được, mà còn gây hại rất nặng, cũng như ngựa chững,

chẳng dùng dây cương chế ngự, chính nó sẽ đưa người sa vào hầm hố. Giả như bị giặc cướp khổ chỉ một đời, còn họa ương của giặc ngũ căn phải đến nhiều kiếp, không thể không cẩn thận!

Thế nên người Trí chế phục ngũ căn mà không theo, giữ chúng như giặc, chẳng thể buông lung, dẫn cho chúng có buông lung, chẳng bao lâu cũng phải làm cho chúng đều tiêu diệt.

GIẢNG NGHĨA

Ngũ căn : Nhãn căn, Nhĩ căn, Tỷ căn, Thiệt căn và Thân căn. Căn có nghĩa là sanh trưởng và tăng thượng. Căn của cây cỏ có sức tăng thượng sanh ra nhánh lá; căn của Mắt có sức mạnh phát sanh ra Nhãn thức. Căn có hai thứ: Phù trần căn và Thắng nghĩa căn.

Ngũ dục : Ngũ dục là năm thứ khiến cho người ta sanh tâm ham muốn. Năm thứ Dục ấy là: Sắc, Thanh, Hương, Vị và Xúc. Năm thứ này làm ô Chơn lý, nên cũng gọi là Ngũ trần. Theo trong Kinh Hoa Nghiêm Sớ Sao quyển 27 Ngũ dục còn chỉ cho: Tài dục, Sắc dục, Ấm thực dục, Danh dục và Thù miên dục.

Chế ngự : Ngăn ngừa, bắt phải theo.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật dạy hàng Tỳ-kheo phải giữ gìn ngũ căn chớ cho chạy theo trần cảnh.

GIẢI THÍCH

Ngũ căn còn được gọi là Ngũ quan. Phật dạy hàng xuất gia phải giữ Căn môn của mình, đừng để cho chúng chạy theo trần cảnh. Nếu để chúng chạy theo trần cảnh thì sẽ gây ra bao nhiêu sự tai hại, thống khổ, như: Tà dâm, vọng ngữ v.v... cũng do đó mà phát sanh.

Vì thế, hàng Tỳ-kheo cần nhứt phải giữ gìn năm căn. Nghĩa là: Tai đừng nghe tiếng tà, mắt đừng nhìn ngó điều bất chánh. Mũi đừng ham thích những mùi thơm, miệng đừng để cho thèm khát vị ngon, thân chẳng nên ăn mặc xa hoa; có như vậy, sau mới chuyên tâm tu niệm được. Bằng không, năm căn sẽ tha hồ chạy theo năm trần, để rồi dẫn sanh ra các thứ phiền não: Tham, sân, si...

Vì thế hàng Tỳ-kheo phải cột giữ căn môn chớ để chúng buông lung mà gây ra các khổ. Cũng như người giữ trâu cầm roi đứng nhìn, chẳng để cho nó xâm phạm lúa mạ của người, mà phải bị chủ nhơn bắt thường làm khổ.

Bị trâu làm hại lúa mà gây khổ, khổ ấy vẫn nhẹ, còn buông thả ngũ căn chẳng những ngũ dục thêm nhiều không kiềm chế được mà nó còn làm mất luôn cả Pháp thân, huệ mạng, vĩnh kiếp trầm luân trong biển sanh tử, không biết chừng nào ra khỏi; bị con ngựa chứng làm hại rớt xuống hầm sâu, khổ cũng chỉ một đời, còn bị ngũ căn làm hại, tai họa có thể muôn kiếp và lan tràn cho cả thế giới chúng sanh !

BÀI V

2/ 欲放逸苦

其制於，也器於如樹禁令
 為好甚賊，喻蜜觀，譬得可無
 心當，怨足執，但，譬，猴難，
 者，等畏，獸，逸，人，躁，深，擲，挫
 根故之，惡，越，有，輕，見，鉤，蹕，急
 五。是心，蛇，火，喻，動，不，無，躍，當
 此。！蛇，火，喻，動，不，無，躍，當
 主心毒大！，蜜狂，制

喪，處比心。者一故汝心之是伏此制。折縱；辨進。逸事不精。放人無當。

b) 多求飲食苦

飲於支採損受無。力分諸好得蜂不，心牛過受於趣如，爾惱善量令丘藥減渴其丘自壞，力比服增饑取比趣，者少其等如生除但；養求智多竭汝當勿以，香供多如堪以食惡身華色人得譬所，

DỊCH NGHĨA

2/ KHỔ DO DỤC BUÔNG LUNG

Năm căn này tâm là chủ tể, thế nên các ông phải khéo chế phục tâm mình. Tâm rất đáng sợ còn hơn là độc xà, ác thú, giặc cướp, lửa dữ. Ngoài những thứ dụ như trên chưa đủ lấy gì để so sánh. Thí như người tay bưng chén mật, bước đi hóp tốp, chỉ nhìn chén mật mà không thấy hầm sâu. Lại như voi điên không móc sắt; khi vượn gặp được cây, nhảy nhót, ngồi chuyên, khó mà cấm cản. Phải mau kiếm nó không cho dong ruổi. Nếu buông thả tâm này sẽ làm mất việc lành của người; kiếm nó một chỗ, thì không việc nào là không làm được. Thế nên Tỳ-kheo phải siêng năng tinh tấn chế phục tâm mình.

b) Khổ về tham cầu ăn uống

Tỳ-kheo các ông! Thọ các thức ăn uống phải coi như uống thuốc, dầu ngon dầu dở chớ sanh tâm lựa chọn, cốt để thân này trừ được đói khát. Như con ong hút mật, chỉ hút vị hoa chẳng làm hại đến hương sắc. Tỳ-kheo cũng vậy, thọ người cúng dường cốt tự trừ khổ, không được cầu nhiều làm thương tổn thiện tâm của người. Thí như kẻ trí, biết trừ liệu sức trâu chở được bao nhiêu chẳng cho quá nặng làm nó kiệt sức.

GIẢNG NGHĨA

Chủ tể : Đứng đầu coi sóc công việc. Người có quyền lực tuyệt đối thống trị hết thảy.

Chế phục : Kiểm giữ, bắt buộc phải phục tùng theo ý mình.

Tinh tấn : Tinh thuần và tấn tới. Tâm mạnh dạn làm các điều lành và đoạn các điều ác. Nghĩa là tinh thuần không xen lộn các việc ác, tấn tới không giải đãi sụt lùi.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật lại khuyên các Tỳ-kheo, phải kiềm chế tự tâm, và không nên mong cầu được nhiều sự thọ dụng, có hai phần:

- 1) Đối trị tâm ngũ dục.
- 2) Đối trị tâm mong cầu được nhiều thức ăn uống.

GIẢI THÍCH

Trong bài này, đoạn thứ nhất, tiến lên một bước, Đức Phật khuyên hàng Tỳ-kheo ngăn dứt Tâm buông lung, tức là phải đối trị Tâm ngũ dục.

Vì đối với ngũ căn, Tâm là chủ tể, nên Tâm rất đáng sợ hơn ngũ căn, tai hại còn hơn là độc xà, ác thú. Ở đây Phật đưa ra hai thí dụ:

Thí dụ thứ nhất là: “Người bung chén mật, chỉ vì mắc lo nghĩ đến chén mật mà phải bị rớt xuống hầm sâu”. Chén mật là dụ cho tâm ngũ dục dắt dẫn con người. “Rớt xuống hầm sâu” là dụ cho sự đọa lạc.

Thí dụ thứ hai là: “Con voi điên không móc sắt; giống khỉ vượn gặp được cây”. Voi điên không móc sắt kiềm giữ nó, tất phá hại người và vật không sao tưởng tượng được; còn giống khỉ vượn gặp được cây thì nhảy nhót, leo chuyên không bao giờ ngừng nghỉ.

Tâm của chúng ta chạy theo ngũ dục cũng thế, nó sẽ gây ra không biết bao nhiêu tai hại, chẳng khác nào như con người chỉ lo nhìn chén mật, hay con voi điên bị sút dây, giống khỉ vượn được đại thọ.

Nếu ai có thể giữ được tâm mình, chuyên tu thiện pháp, thì không có pháp nào là không thành tựu.

Cho nên chúng ta nếu kiềm chế tâm mình trong Giới luật, trong việc bố thí hay trong việc tu trí huệ để khiến cho nó tập trung lại một chỗ, không sanh ra vọng tưởng, điên đảo, thì chẳng những phiền não, vô minh thấy đều tiêu dứt mà còn làm được công đức cứu độ quần sanh.

Vì thế, người xuất gia cần nhất là phải ngăn ngừa tâm ngũ dục bằng cách dùng Giới luật và tinh tấn tu hành các thiện pháp để chế phục không cho nó chạy theo ngũ trần mà hại các công đức.

Đoạn thứ hai là đối trị cái khổ cầu được nhiều thức ăn uống. Phạm là kẻ xuất gia đối với việc ăn uống

cần phải biết lượng và biết đủ, chớ có tham lam quá nhiều, mà phải nên coi đó như là uống thuốc. Vì uống thuốc cốt trị bệnh hoạn, ăn uống cốt trị bệnh đói.

Thế nên, người xuất gia chẳng quản gì thức ăn ngon dở, chỉ đủ no là được. Chẳng khác nào con ong lấy mật, chỉ hút vị hoa mà không làm hại đến hương sắc. Cũng thế, người xuất gia lãnh thọ sự cúng dường, không nên mong nhiều mà sanh ra tham niệm, chỉ cần lành được bệnh đói mà thôi.

Do đó, hàng Tỳ-kheo dùng bát để thọ thức ăn, tùy theo lượng lớn nhỏ vừa chừng. Người lớn dùng bát lớn, người nhỏ thì dùng bát nhỏ. Thí như người trí biết lượng sức trâu, không nên chở quá nặng mà làm cho hao tổn sanh lực.

Cũng thế, người xuất gia không nên thọ dụng quá nhiều mà làm mất lòng tin và sức chịu đựng của đàn na tín thí.

*

* *

如以，眠慚於慚法恥慚愧若無
 譬當之安無；非慚離有，獸
 ，除可是服一人當若。法禽
 心睡屏乃，之第制常，德善諸
 汝室早，眠恥為能丘替功有與
 在汝鉤出而慚最，比暫諸則，
 睡在之既出。嚴鉤故得失，者也
 蛇虺戒蛇不也莊鐵是勿則人愧異
 毒黑持睡；人諸如，恥之無相

DỊCH NGHĨA

c) Khổ về biếng nhác và ngủ nghỉ

Tỳ-kheo các ông ! Ngày thì chuyên tâm tu tập thiện pháp không nên để mất thì giờ; đầu hôm và gần sáng cũng chớ có bỏ bê; giữa đêm tụng Kinh để tự tiêu tức, không vì nhân duyên ngủ nghỉ khiến cho một đời luống qua, chẳng được một sự gì!

Phải nghĩ đến ngọn lửa vô thường thiêu đốt các thế gian mà phải sớm cầu tự độ, chớ nên ngủ nghỉ. Các thứ giặc phiền não thường rình rập giết người còn hơn là oan gia, đâu nên ngủ nghỉ không tự thức tỉnh? Con rấn độc phiền não ngủ ở trong tâm các ông, chẳng khác nào con hắc nguyên đang ở trong thất các ông mà ngủ vậy. Các ông phải sớm dùng móc sắt trì giới đuổi trừ nó, khi con rấn ngủ ra rồi, mới có thể yên giấc. Nếu nó chưa ra mà các ông ham ngủ, ấy là người không biết hổ thẹn. Mặc áo hổ thẹn, đối với các thứ trang sức, rất là hơn hết. Hổ thẹn ví như móc sắt có thể ngăn dứt được sự phi pháp của người. Thế nên Tỳ-kheo thường phải biết hổ thẹn, không được tạm bỏ. Nếu xa lìa hổ thẹn thì mất các công đức.

Người có hổ thẹn thì có thiện pháp, nếu người không biết hổ thẹn cùng với những loài cầm thú không khác chút nào vậy.

GIẢNG NGHĨA

Tiêu tức : Mòn dần là TIÊU, sanh ra hay tăng lên là TỨC. Cũng như nói: “Sanh diệt, Tăng giảm, Tiêu trưởng”.

Sách Trang Tử, chương Thu thủy có câu: “Niên bất khả cử, thời bất khả chỉ; TIÊU TỨC doanh hư, chung tác hữu thi” (年不可舉時不可止消息盈虛終則有始). Tuổi không thể thêm, giờ không thể ngăn (không ai thêm được tuổi, không ai ngăn được giờ); TIÊU ĐI, SANH RA, đầy lên, vơi xuống, chung cục thì có bắt đầu. Đây là chỉ cho thời vận tuần hoàn, cuộc đời thiên biến. Riêng ở Kinh này thì nói: “Làm cho phiền não tiêu dần, thiện pháp sanh ra”.

Hắc nguyên: Con rắn Hồ mang, giống rắn cực độc cùng loại với rắn Mái gấm, dụ cho phiền não.

Hổ thẹn : Hồ là hổ han, Thẹn là thẹn thua. Khi thua sút người về việc thiện, hay làm điều gì sai quấy sanh lòng xấu xa, đối với người là Hồ đối với mình là Thẹn.

ĐẠI Ý

Bài này nói về những khổ do biếng nhác và ngủ nghỉ gây ra và phương pháp đối trị.

GIẢI THÍCH

Mục đích chính của người xuất gia là mong cầu thoát ly sanh tử để tự độ và độ người. Đó là công việc

trọng đại nhưt và cần thiết nhưt. Thế mà mạng sống của con người như mây trôi, như bóng số thì công việc cấp bách lại càng cấp bách hơn. Chúng ta không thể chần chờ, biếng nhác được!

Vì thế, ở đây Đức Phật dạy chúng ta đối với việc mong cầu giải thoát phải chuyên cần tinh tấn, phải ngày đêm gia công tu tập các pháp lành không nên giải đãi, không vì sự biếng nhác và ngủ nghỉ để rồi một đời trôi qua, rốt cuộc không được gì hết.

Để đối trị chúng bịnh biếng nhác và ngủ nghỉ, Đức Phật dạy cho chúng ta ba phương pháp:

- 1) Quán Vô thường.
- 2) Quán phiền não.
- 3) Biết hổ thẹn.

- Phải nghĩ đến ngọn lửa Vô thường thiêu đốt các thế gian mà chúng ta đang sống trong biển lửa ấy. Chúng ta phải mau siêng năng tu tập các pháp lành để sớm cầu tự độ.

- Phải biết phiền não chẳng khác nào bọn giặc giết người, đang rình rập chực giết hại chúng ta. Nó lại ở ngay trong tâm chúng ta, chẳng khác nào con rắn độc đang nằm ngủ trong nhà, nó có thể giết chúng ta bất cứ lúc nào. Vậy chúng ta không nên biếng nhác, ham mê ngủ nghỉ, phải siêng năng dùng thứ móc sắt Giới luật để đuổi trừ nó. Chừng nào nó ra rồi, chúng ta mới có thể yên giấc được.

- Thêm nữa, chúng ta phải luôn luôn biết hổ thẹn. Có hổ thẹn, khi thấy điều tốt chẳng bằng người chúng ta mới cố gắng. Có hổ thẹn, khi làm những điều dở, chúng ta mới biết xấu hổ mà không dám làm.

Vì thế, Cổ đức có nói: “Hổ thẹn là mẹ sanh ra muôn công đức lành”.

*

* *

BÀI VII

3- 對治煩惱

a) 對治瞋恚

汝等比丘，若有
 來節無令出自忍
 口勿則。苦忍大
 心利，行力喜
 節無令出自忍
 者人受
 比支瞋惡妨之
 所，。惡
 丘解恨言道為
 不乃若罵
 ，當亦若失德
 ，及名不毒
 有自當縱功持
 ，為能如
 人攝護恚德戒
 能有歡飲

智？善世知當功白無，而！震
 道何諸今當常劫。怒人也霹。
 入者破，；恚人可之可，也。
 名以則聞見火入瞋道猶欲不中應
 不所，名喜猛得過行瞋無甚雲所
 ，。害好不於令無非，道，冷非
 者也之壞人甚無，欲制行恚清，
 露人恚，世心護賊受自家瞋如火
 甘慧瞋法後瞋防德衣法出懷譬起

DỊCH NGHĨA

3) ĐỐI TRỊ PHIÊN NÃO

a) Đối trị Giận dữ

Tỳ-kheo các ông ! Giả như có người đến cắt đứt mỗi mỗi thân phần, phải tự nhiếp tâm không để sân hận, và cũng phải giữ gìn nơi miệng chớ thốt ra lời nói ác. Nếu buông thả lòng sân thì tự ngăn Chánh đạo, mất công đức lợi. Công đức của Nhân, trì giới, khổ hạnh không thể sánh kịp. Người tu Hạnh nhân, mới có thể gọi là người có sức mạnh.

Nếu ai không thể vui vẻ nhận lãnh những sự cay độc của lời mắng ác như uống nước cam lồ, thì không thể gọi là người Trí huệ nhập đạo.

Vì sao? Vì cái hại của giận dữ sẽ phá hoại các pháp lành và cả danh thơm tiếng tốt, đời này và đời sau người không ưa thấy. Phải biết lòng sân còn hơn là lửa dữ, thường phải đề phòng, không cho nó xâm nhập. Giặc cướp công đức, không gì hơn giận dữ.

Người thế tục thọ hưởng dục lạc, chẳng phải là người hành đạo, không biết pháp ngăn ngừa, giận dữ còn có thể tha thứ. Người xuất gia học đạo không còn thọ hưởng dục lạc mà vẫn ôm lòng giận dữ, càng không thể được! Thí như trong lúc trời quang mây tạnh mà sấm chớp nổi lên là điều không thể có.

GIẢNG NGHĨA

Nhẫn : Tức là Nhẫn nhục. Tiếng Phạn gọi là Sạn Đê (Ksanti). Nghĩa là nhận lãnh mọi sự khinh khi, nhục mạ, não hại mà không giận tức.

Theo trong Kinh Duy Ma Cật thì Nhẫn nhục là Tịnh Độ của Bồ Tát. Bồ Tát khi thành Phật đủ 32 tướng tốt trang nghiêm đều do tu Hạnh Nhẫn nhục. Vì Nhẫn nhục sẽ làm cho nhan sắc dịu hòa, dung mạo đoan chánh, do đó mà được quả báo thân tướng tốt đẹp.

Nhẫn nhục là một pháp trong sáu pháp Ba-la-mật của Bồ Tát.

Khổ hạnh : (Duskara carya hay Tapas): Làm cho thân thể chịu các hạnh khổ cực không sao chịu được. Đây là chỉ cho những hạnh nghiệp của ngoại đạo dạy bảo. Họ cho khổ hạnh là đạo xuất ly giải thoát. Pháp khổ hạnh, các nhà tư tưởng Ấn Độ thường thật hành. Đức Phật cũng đã từng sáu năm tu theo khổ hạnh.

ĐẠI Ý

Đoạn này Đức Phật dạy: Muốn đối trị lòng sân phải tu pháp Nhẫn nhục.

GIẢI THÍCH

Muốn cải thiện đời sống, cần phải cải thiện tự tâm, tức là xây dựng tâm lý; cũng như muốn có một cuộc cách mạng, trước cần phải triệt để cải cách

những thói xấu ở nơi tự tâm của con người, khiến cho tự tâm được tốt đẹp, mới mẻ, đó là xây dựng một tinh thần hoàn bị; rồi sau, chúng ta mới có thể xây dựng một xã hội toàn thiện, toàn mỹ được. Ấy chính là chế phục phiền não vậy.

Hàng Tỳ-kheo xuất gia, phải coi Pháp thân huệ mạng là sanh mạng thứ nhất, còn nhục thân, nhục thể là sanh mạng thứ hai. Do đó, hàng Tỳ-kheo cần phải duy trì sanh mạng thứ nhất mới có thể đạt đến mục đích cứu cánh, đồng thời cũng bảo tồn được ý nghĩa của sanh mạng thứ hai vậy.

Đức Khổng Tử và Mạnh Tử có nói: “Sát thân thành nhân” và “Xả thân sanh thủ nghĩa”. Nghĩa là: “Sát thân này để thành điều nhân”, “Bỏ kiếp này để giữ lấy điều nghĩa”.

Người Quân tử trọng điều “Nhân nghĩa” hơn là “Sự sống”, thì người xuất gia học đạo cũng phải giữ Pháp thân, Huệ mạng hơn là nhục thân, nhục thể của mình.

Do đó, người tu hành muốn cầu Phật đạo, khi có người đến cắt đứt mỗi mỗi thân phần, phải tự an tâm vào trong Phật Pháp, chớ để lòng sân nổi dậy; nếu để một chút lòng sân nổi dậy, là người ấy không có trí huệ, bỏ mất Phật Pháp mà làm theo việc điên đảo rồi! Vì thế, người Nhẫn nhục mới có thể gọi là người tu hành có trí huệ.

Tuy nhiên, Nhẫn nhục ở đây hoàn toàn không đồng với lối Nhẫn nhục thông thường của người đời, vì người đời Nhẫn nhục chỉ vì sợ kẻ cường bạo làm hại mà nhịn chịu cho qua thì; còn Nhẫn nhục trong đạo Phật là một phương pháp cảm hóa con người mà không phải dùng đến bạo lực. Ấy mới gọi là bậc Đại nhân đầy đủ sức mạnh.

Nếu người xuất gia thường nổi tâm sân hận, thì các công đức lành sẽ bị hư hoại, phải chịu trầm luân sanh tử. Do đó, người xuất gia đối với tâm sân hận coi như lửa dữ. Nó có thể đốt cháy cả rừng công đức. (Nhất sân chi hỏa năng thiêu vạn khoảnh công đức chi lâm).

Người thế tục, không biết Phật Pháp, không chế phục được tâm sân, vì thế khi gặp việc trái liền nổi giận, đó cũng chỉ là thường tình có thể tha thứ được. Còn người xuất gia đã bỏ ngũ dục rồi, phải y theo Phật Pháp mà chế phục tâm sân không cho nó phát khởi, nếu trái lại thì không phải là người xuất gia mong cầu giải thoát.

*

* *

BÀI VIII

b) 對治憍慢

汝等比丘，當自摩
 頭，以捨飾好著壞色
 衣，執持應器以乞自
 活，自見如是，若起
 憍慢，當疾滅之。增
 長憍慢，尚非世俗白
 衣所宜，何況出家入
 道之人，為解脫故自
 降其身而行乞耶？

c) 對治諂曲

汝等比丘，諂曲之心與道相違，是故宜應質直其心，當知諂曲但為欺誑，入道之人，則無是處；是故汝等，宜應端心以質直為本。

DỊCH NGHĨA

b) Đối trị Kiêu mạn

Tỳ-kheo các ông ! Phải tự vò đầu, đã bỏ những đồ trang sức tốt đẹp, mặc áo hoại sắc, mang bình bát để khát thực tự sống, nhận thấy như thế, nếu còn khởi tâm kiêu mạn phải mau diệt nó đi. Tăng trưởng lòng kiêu mạn kẻ thế tục bạch y còn không nên có, huống gì người xuất gia nhập đạo,

vì mong cầu giải thoát nên tự hạ mình mà đi khất thực lại còn kiêu mạn hay sao ?

c) Đối trị Dua nịnh

Tỳ-kheo các Ông ! Tâm dua nịnh cùng với Đạo trái nhau. Vì thế, phải nên chất trực tâm mình. Phải biết tâm Dua nịnh chỉ là lừa đảo, người nhập Đạo không nên có. Do đây, các ông phải nên ngay thẳng lòng, dùng chất trực làm gốc.

GIẢNG NGHĨA

Hoại sắc : Tiếng Phạn gọi là Ca sa (Kasàya), Trung Hoa dịch là Hoại sắc. Vì muốn tránh năm sắc chánh là Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng và Đen, nên người ta dùng những màu đã phá hư màu sắc chánh để nhuộm, gọi đó là Hoại sắc.

Hoại sắc có 3 thứ: Màu xanh hoại sắc, màu đen hoại sắc và màu Mộc lan hoại sắc (Mộc lan : một thứ cây có hoa thơm (Magunplia). Hoa như hoa sen, có màu Hồng, màu Vàng và màu Trắng. Người ta còn gọi là Mộc liên).

Khất Thực : Là một hạnh trong 12 Đầu đà. Hàng Tỳ-kheo đi khất thực để nuôi thân đó là Chánh mạng thanh tịnh. Nếu làm các thứ nghề nghiệp mà nuôi sống ấy là Tà mạng.

Theo trong Kinh Thập Nhị Đầu Đà nói, thì Tỳ-kheo ăn có 3 pháp: 1) Ăn do người thỉnh, 2) Ăn cùng chúng Tăng, 3) Ăn do thường đi khất thực.

Hai pháp trước là nhân duyên khởi ra phiền não.

- Vì sao?

- Vì ăn do người thỉnh, nếu được thỉnh thì tự cho mình là người tốt, có đầy đủ phước đức, rồi sanh tâm kiêu mạn tự tôn. Nếu không được thỉnh thì lại sanh tâm giận ghét hoặc bĩ bạc lấy mình. Ấy là pháp tham ái, làm ngăn trở Đạo niệm.

Còn ăn cùng chúng Tăng, thì phải theo phép tắc của chúng Tăng, giúp đỡ, coi sắp mọi công việc của chúng Tăng. Do đó tâm thường tán loạn bỏ bê việc tu niệm.

Vì cả hai Pháp thực trên đều là nhân duyên sanh phiền não và loạn Đạo tâm, nên phải theo pháp đi Khất thực.

Khất thực còn được gọi là Đoàn tùy hay là Bác Tùy. Tiếng Phạn gọi là Phấn vệ (nhưng danh từ Phấn Vệ có lẽ là dùng lầm của danh từ Hán ngữ). Chính tiếng Phạn là: Tân-trà-ba-đa (Pindapāta). Tân Trà dịch là Đoàn; Ba-đa dịch là Tùy, có nghĩa là ăn tùy theo thứ lớp vật thực đựng trong bình bát, còn chữ Đoàn (hay chữ Bác) có nghĩa là ăn từng nắm, từng vắt. Do vì bên Ấn Độ phần nhiều vắt cơm sắp theo thứ lớp ở trong bình bát.

Phấn Vệ : Theo trong Luật Tăng Kỳ thì nghĩa là: Những thức ăn khất thực được đem PHẤN phát cho Tăng Ni để hộ VỆ khiến họ tu hành. Lại còn có nghĩa là Phấn Thân của Đức Phật bảo hộ chúng sanh.

Kiêu mạn : Kiêu căng và ngã mạn. Tức là Tâm tự cao và khinh người, một trong sáu thứ phiền não. Theo trong Câu Xá Luận thì Mạn có bảy thứ:

1) *Mạn* : Đối với người thấp kém hơn mình, khinh khi cho mình là hơn.

2) *Quá mạn* : Đối với người bằng mình, khinh khi cho mình là hơn.

3) *Mạn Quá mạn* : Đối với người hơn mình ngược lại khinh khi cho mình là hơn.

4) *Ngã mạn* : Đối với mình và vật sở hữu của mình mà sanh tâm khinh thị mọi người.

5) *Tăng thượng mạn* : Chưa chứng được Thánh Đạo mà tự cho mình đã chứng.

6) *Ty mạn* (Hạ Liệt Mạn) : Đối với người hoàn toàn hơn mình, tự thấy mình kém mà sanh tâm tự cao.

7) *Tà mạn* : Làm những điều xấu khi được thành công, rồi ỷ vào đó mà sanh tâm khinh người.

Bạch y : Người tại gia, người thế tục. Vì người đời thường mặc đồ trắng nên gọi là Bạch y.

Chất trực : Thành thực, thẳng thắn, không lừa dối.

ĐẠI Ý

Bài này Phật dạy: Chúng ta phải giữ gìn “đức thành thật, khiêm cung” để gây cho mọi người

một niềm tin và lòng tôn kính đối với Tam Bảo, ngõ hầu hoàn thành chí nguyện Tự lợi, Lợi tha.

GIẢI THÍCH

Tâm Kiêu mạn là một trong sáu thứ phiền não, nếu chúng ta không dứt trừ thì: một, không thấu phục được nhân tâm; hai, không thành được Phật đạo. Không thấu phục được nhân tâm tức nhiên không thể hóa độ được chúng sanh; không thành được Phật đạo thì phí uổng chí xuất gia của mình.

Do đó, Phật dạy hàng Tỳ-kheo phải diệt trừ tâm kiêu mạn. Muốn diệt trừ tâm kiêu mạn phải tự nghĩ rằng: Hàng Tỳ-kheo đã cạo tóc xuất gia, bỏ tất cả sự giàu sang, danh lợi và đồ trang sức tốt đẹp, mặc áo hoại sắc, mang bình khát thực, đã sống một cuộc đời như thế, sao còn sanh tâm kiêu mạn? Nếu có khởi tâm kiêu mạn, phải mau vò đầu để tự cảnh tỉnh.

Kiêu là tự cho mình hơn người, khinh thị kẻ khác; còn Mạn là tự ý thế lực lằng mạp mọi người. Thí như chúng ta được sự ăn ngon mặc đẹp; nhà cao, cửa rộng, tự nhiên tâm kiêu căng, hống hách nổi lên.

Tâm kiêu mạn, hàng tại gia thế tục còn không nên có, huống gì là kẻ xuất gia học đạo!

Đức Thích Ca Mâu Ni vốn là bậc Vương tử, giàu sang, quyền quý, Ngài có thể coi rẻ tất cả mọi người. Thế mà, Ngài bỏ hết Vương vị, diệt trừ tâm ngã mạn,

tu hành khổ hạnh không màng đến lợi danh, quyền thế, xem vàng bạc như ngói gạch, coi vương vị như không hoa. Nhưng cái thời mạt pháp, nguyên tử này, đệ tử của Ngài, thì ôi! Phần nhiều đi ngược lại!

Tâm dua nịnh là tâm khi dối không thật. Người dua nịnh là kẻ tiểu nhân, họ chỉ vì chút lợi danh quyền lực mà phải vào lòn ra cúi, hòa theo kẻ khác để mong người ban cho mình một vài ân huệ.

Trong đây, Đức Phật dạy hàng Tỳ-kheo phải dứt trừ tâm dua nịnh, sự thật là Đức Phật dạy cả hai chúng: Tại gia và xuất gia, chứ không riêng gì hàng Tỳ-kheo mà thôi đâu.

Vậy thì, dầu là giới nào, chúng ta cũng phải giữ cho lòng mình được ngay thật. Trong Kinh Duy Ma Cật về phẩm Phật Quốc có nói: Trục tâm thị Bồ Tát Tịnh độ (Tâm ngay thật là cõi Tịnh độ của Bồ Tát), và Phẩm Bồ Tát cũng nói: Trục tâm tức thị Đạo Tràng (Tâm ngay thật tức là Đạo Tràng).

*

* *

BÀI IX

II. 不共法要

1. 少欲

汝等比丘，當知多
 欲之人，多求利故，苦
 惱亦多，少欲之人，患
 求無欲，則無此患。○
 直爾少欲，尚宜修習功
 ，何況少欲之人，則無
 德？少欲之人，亦復少
 諂曲，以諸根心，則坦
 不欲者，然無所

憂 畏 ， 觸 事 有 餘 常 無
 不 足 ； 有 少 欲 者 則 有
 涅 槃 ， 是 名 少 欲 。

2) 知足

汝 等 比 丘 ， 若 欲 脫
 諸 苦 惱 ， 當 觀 是 足 樂 安
 知 穩 之 處 。 上 者 猶 為 安 樂 堂
 雖 不 知 足 稱 而 而 五 之 者 足
 亦 不 富 貧 為 者 足
 雖 常 足 知

DỊCH NGHĨA

II- PHÁP YẾU RIÊNG

1- THIỂU DỤC

Tỳ-kheo các ông ! Phải biết người đa dục vì cầu lợi nhiều nên khổ não cũng nhiều; người Thiểu dục, không mong cầu ham muốn thì không khổ não.

Ngay nơi hạnh Thiểu dục còn phải tu tập, hướng gì là Thiểu dục để sanh ra các công đức?

Người Thiểu dục thì không đua nịnh để vừa ý người, cũng không bị các căn dẫn dắt. Người tu hạnh Thiểu dục, tâm được thả nhiên không sợ lo sợ, gặp việc có dư, thường không thiếu thốn. Người có Thiểu dục, thì có Niết-bàn, ấy là công đức Thiểu dục.

2. TRI TỨC

Tỳ-kheo các ông ! Nếu muốn khỏi các khổ não, phải quán Tri tức, vì Pháp tri tức tức là chỗ giàu có, vui vẻ và an ổn. Người Tri tức, tuy nằm dưới đất cũng được an vui; người không Tri tức, dầu ở Thiên đường cũng không xứng ý. Người không Tri tức tuy giàu mà nghèo, người biết Tri tức tuy nghèo mà giàu. Người không Tri tức thường bị ngũ dục sai khiến, bị người Tri tức thương xót. Ấy là công đức Tri tức.

GIẢNG NGHĨA

Thiểu dục : Ít dục vọng, ít ham muốn.

Đa dục : Nhiều dục vọng, nhiều ham muốn.

Thản nhiên : Xem như thường, không bị ngoại cảnh làm động tâm.

Tri túc : Biết đủ, biết được phân lượng hay tài sức của mình, được bấy nhiêu là đủ rồi, không cần quá phần.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật dạy: Hàng xuất gia phải ít muốn và Biết đủ. Có ít muốn và Biết đủ mới có thể tu hành và dứt trừ được phiền não.

GIẢI THÍCH

Trước đã nói qua những Pháp yếu chung, đây nói về những Pháp yếu riêng. Pháp yếu chung là những Pháp yếu dạy chung cho hàng Tam thừa và Ngũ thừa; còn Pháp yếu riêng là Pháp yếu chỉ thành tựu các công đức của bậc Thánh như xuất thế. Phần này có chia làm 8 đoạn:

- 1) Công đức thiểu dục.
- 2) Công đức tri túc
- 3) Công đức xa bỏ
- 4) Công đức siêng năng
- 5) Công đức không quên chánh niệm

- 6) Công đức Thiên định
- 7) Công đức Trí huệ
- 8) Công đức không hý luận.

Bài này nói về Công đức Thiểu dục và Tri túc. Câu: “Ngay nơi hạnh Thiểu dục còn phải tu tập, hướng gì là Thiểu dục hay sanh ra các công đức”, là nói: ít lòng tham muốn để diệt trừ một ít phần phiền não, còn phải dụng công tu tập hạnh Thiểu dục mới được, hướng gì là ít lòng tham muốn để được sanh ra công đức thì lẽ tất nhiên phải dụng công tu tập hạnh Thiểu dục càng nhiều hơn.

Lòng tham của con người là một cái hang không đáy, nên chúng ta đối với Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc (hay Tài, Sắc, Danh, Thực, Thù) đòi hỏi mong cầu không lúc nào biết nhàm chán. Được thì vui, mất thì giận, do đó mà gây tạo ra không biết bao nhiêu tội lỗi: nào sát sanh, trộm cắp, nào tà dâm, vọng ngữ... để rồi đọa lạc vào nơi Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sanh.

Người xuất gia mong cầu giải thoát, lẽ tất nhiên phải Thiểu dục để lần lần đến chỗ tuyệt dục. Thiểu dục không phải chỉ đối với ái dục không thôi, mà đối với năm thứ Dục đều nên chán bỏ.

Ít tham muốn để thành một vị Sư. Không tham muốn để thành một vị Phật. Nói một cách khác; có “ít tham muốn” vị Sư đó mới đủ tư cách dẫn dắt Tín đồ; có “không tham muốn”, vị Phật đó mới đầy đủ công đức độ tận chúng sanh.

Trong nhút thời, chúng ta không thể làm đúng như lời dạy của Ngài Phù Dung là: “Ngộ thình ngộ sắc như thạch thượng tài hoa, kiến lợi kiến danh như nhãn trung trước tiết¹ được, nhưng kẻ xuất gia, học đạo lúc nào cũng phải lấy đó làm phương châm tiến thủ.

Muốn được Thiểu dục, chúng ta cần phải biết pháp Tri túc. Có Tri túc chúng ta mới thấy nhẹ nhàng, sung sướng; mới không bứt rứt trong lúc thất thời, mới không kiêu hãnh trong khi đắc thế, mới không còn thấy thiếu thốn một thứ gì; nếu không Tri túc thì dù trong địa vị nào cũng thấy khổ sở, cũng thấy chán ngán. Như câu chuyện vua Ả Rập với cái áo lót mình của bác Tiều phu.²

¹ Gặp Thanh gặp Sắc như hoa trông trên đá, thấy lợi thấy danh như bụi rơi vào mắt

² Một ông vua Ả Rập, giàu có, khỏe mạnh ở ngôi chí tôn mà luôn luôn thấy mình khổ sở. Vua hỏi quần thần làm thế nào cho được sung sướng. Mỗi người bày một cách, song khi thi hành, vua đều không thấy kết quả gì. Sau có một Đạo Sĩ đến hiến kế rằng: “Nếu mượn được cái áo lót mình của người sung sướng mặc vào thì sẽ thấy sướng ngay tức khắc”.

Nhà vua hạ lệnh điều tra khắp trong nước, nhưng từ quan tể tướng cho đến người dân thường, ai ai cũng phàn nàn là khổ. Một hôm vua vào rừng săn bắn, chợt nghe ở trong túp lều cỏ có tiếng kêu: “Chà! Như mình thật sướng tuyệt trần đời!”.

Vua vội sai lính thị vệ gọi người ấy ra thì là một bác tiều phu, và đến khi hỏi mượn áo lót mình, bác tâu rằng suốt đời chỉ đeo có một manh khố rách!

Người học Phật nếu biết Tri túc, chẳng những được sự an ổn, sung sướng, tự mình có thể giải thoát được phiền não khổ đau, mà còn có thể cứu độ được mọi người khỏi điều đau khổ. Vì thế, Đức Phật thường đem Pháp Tri túc dạy cho chúng đệ tử của Ngài.

Người biết Tri túc, một giỏ cơm một bầu nước, cũng thấy sung sướng lắm rồi. Vậy nên, người học Phật luôn luôn phải nhớ nghĩ Pháp Tri túc; nếu không Tri túc sẽ bị Ngũ dục khuấy nhiễu, chẳng những không thể học Đạo, thành Phật mà còn phải trầm luân sanh tử, mai một chí xuất gia của mình.

Vậy chúng ta cũng nên đọc thêm hai bài thơ cổ dưới đây, để cùng nhau suy gẫm.

**Đồ lợi tham danh mãn thế gian,
Bất như dưỡng tánh tự thanh nhàn,
Lung kê hữu thực than oa cận,
Dã hạc vô lương thiên địa khoang,
Phú quý bách niên nan bảo thủ,
Luân hồi lục đạo dị tuần hoàn,
Khuyến quân tảo mịch tu hành lộ,
Nhất thất nhơn thân vạn kiếp nan.**

Dịch nghĩa :

Chen chúc lợi danh khắp cõi trần,
Sao bằng dưỡng tánh chốn am vân,
Gà lồng lúa đủ, không toàn mệnh,

Hạc nội lương oi, được vẹn phần,
 Phú quý trăm năm khôn giữ mãi,
 Luân hồi sáu nẻo dễ xoay vần,
 Khuyên ai sớm tính đường tu tiến,
 Kẻo mất thân này khó gặp thân.

**Đản sự vô tâm ư vạn vật,
 Hà sâu vạn vật thường vi nhiễu,
 Thiết ngư bất phạ sư tử hống,
 Khấp tợ mộc nhơn khán hoa diểu,
 Hoa diểu phùng nhơn điệc bất kinh,
 Do mộc nhơn thể tự vô tình,
 Tâm cảnh như như chỉ giá thị,
 Hà lự Bồ-đề đạo bất thành.**

Dịch nghĩa :

Tự tâm, vạn vật lặng yên,
 Lo gì vạn vật theo phiền nhiễu ta.
 Xưa nay trâu sắt đâu mà,
 Khiếp oai Sư tử gầm la, phải hờ.
 Giống như người gỗ đứng trơ,
 Nhìn con chim vẽ hững hờ trên người,
 Dẫu khi chim vẽ gặp người.
 Tịch nhiên nào có mấy đời hãi kinh.
 Vì chưng người gỗ vô tình,
 Trong tâm, ngoại cảnh thình thình một màu.
 Lo gì Giác đạo cao sâu.
 Tự nhiên sẽ được, lọ cầu mà chi.

4. 精進

汝等比丘，若勤精
 進則事無難者，是故
 汝等當勤精進。譬如
 小水長流，則能穿石
 。若行者之心，數數
 懈廢，譬如鑽火未熱
 而息，雖欲得火，火
 難可得，是名精進。

DỊCH NGHĨA

3) XA BỎ

Tỳ-kheo các ông! Muốn cầu quả vị Tịch tịnh Vô vi An Lạc, phải xa lìa chỗ ồn náo, riêng ở nơi vắng vẻ. Người ở nơi vắng vẻ được Đế Thích, chư Thiên thấy đều kính trọng, thế nên phải bỏ đệ tử và học chúng, một mình ở chốn rảnh rang lo diệt gốc khổ. Nếu thích đông người sẽ bị các sự phiền

nhiều. Thí như cây lớn phải bị lũ chim lót ổ, sẽ có mối lo khô gãy. Còn dính líu với thế gian tất bị chìm trong các khổ; thí như voi yếu mắc lầy, không thể tự ra được. Ấy là công đức Xa bỏ.

4) SIÈNG NĂNG

Tỳ-kheo các ông ! Nếu chuyên cần tinh tấn thì không có việc gì là khó, thế nên các ông phải chuyên cần tinh tấn. Thí như giọt nước chảy luôn có thể xoi thủng phiến đá. Nếu như tâm của hành giả thường thường biếng nhác bỏ bê, chẳng khác nào kéo lửa chưa nóng mà ngưng, tuy muốn được lửa, lửa cũng khó được. Ấy là công đức siêng năng.

GIẢNG NGHĨA

Tịch tịnh Vô vi An lạc : Tức là Niết-bàn, Vì đức tánh của Niết-bàn xa lìa tất cả phiền não gọi là Tịch, dứt hết tất cả khổ hoạn gọi là Tịnh, không phải do công tu chứng mới có, nên gọi là Vô vi, xa hẳn các sự khổ lụy, đầy đủ các công đức lành, nên gọi là An lạc. (xem lại bài thứ nhứt, lời giải về Niết-bàn).

Đế Thích : Chủ cõi trời Đao Lợi, ở thành Hỷ Kiến trên đỉnh núi Tu Di thống lãnh 32 cõi trời khác (cõi Đao Lợi là cõi trời thứ 33) Tiếng Phạn gọi là Thích Ca Đề Hoàn Nhơn Đà La (Sákra devànàṃ Indra), cũng gọi là Thích Ca Đề Hoàn Nhơn Đạt La. Thích Ca dịch là Năng, tức là họ của Thiên đế, Đề Hoàn dịch là Thiên, Nhơn Đà La dịch là Đế, tức là Năng Thiên Đế.

Nay dùng cả Phạn ngữ lẫn Hoa ngữ gọi là Đế Thích. Tức là một chúng trong Thích Ca viện thuộc về Thai tạng giới Mạn Trà La.

Trong Pháp Hoa Sớ, quyển hai thì giải thích như sau :

“Thích Đề Hoàn Nhơn, theo ngoại ngữ nói đủ là Thích Ca Đề Hoàn Nhơn Đà La. Thích Ca dịch là Năng, Đề Hoàn dịch là Thiên, Nhơn Đà La dịch là Chủ. Vì vị trời này cai trị giáo hóa Thiện pháp đường, là nơi trung tâm quần hội của chư Thiên, nên gọi là Năng Thiên Chủ”.

Chư Thiên : Dục giới có 6 vị thiên, gọi là Lục dục thiên; Tứ thiên thuộc về Sắc giới có 18 vị thiên; bốn xứ thuộc về Vô sắc giới có 4 vị thiên; ngoài ra còn có Nhật thiên, Nguyệt thiên và Di đà thiên v.v... các vị Thiên thần thuộc về Thiên bộ, gọi đó là chư Thiên.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật dạy: Người xuất gia phải xa lánh tất cả, siêng năng tinh tấn lo tu thiện nghiệp không nên lười nhể.

GIẢI THÍCH

Trong bài này, đoạn thứ nhất nói về công đức xa bỏ. Đã biết Thiếu dục và Tri túc rồi, chúng ta phải tiến lên để tu công đức xa bỏ, tránh chỗ ồn náo nhiều sự ô tạp, vì nơi đó khiến cho tán loạn tâm người,

không làm sao yên định thần trí được. Do đây người muốn cầu quả vị Tịch tịnh Vô vi An lạc phải tránh xa chỗ đông người. Như đóng cửa ẩn mình, ở nơi hang sâu núi thẳm hay nương mình trong một túp lều tranh, đó đều là công việc tấn tu đức xa bỏ. Nếu ai có thể tránh xa được nơi ồn ào, riêng ở chỗ vắng vẻ an nhàn thì người ấy tất được Đế Thích và chư Thiên cùng nhau kính trọng.

Nhưng ở chỗ vắng vẻ an nhàn không phải là biếng nhác, chỉ vì không muốn cho nhiều người làm bận rộn, cốt để tư duy nguồn gốc phát sanh ra khổ mà bồi đắp cho cây trí huệ ngày một tốt tươi.

Nếu người ưa ở chỗ huyên náo, chẳng những không thể tinh chuyên tu tập pháp tư duy mà còn phải bị các nhân duyên làm tăng khổ thọ. Chẳng khác nào cây lớn thường bị các giống chim quần tụ trên những nhánh nhóc, tất không sao tránh khỏi sự khô gãy do chúng gây nên.

Người mê tâm bị thế tục buộc ràng hằng bị chìm đắm trong biển khổ phiền não, không có thời kỳ ra khỏi, chẳng khác nào con voi già say rượu mắc trong bùn lầy, không đủ sức tự ra. Hàng Tỳ-kheo đã xuất gia phải tự tiên liệu chớ để thâm nhiễm thế gian mà không thể tự cứu lấy mình.

Đoạn thứ hai là nói đến công đức siêng năng. Bất cứ nghề nghiệp gì, được tinh xảo là do chuyên cần, bị hư hỏng là do biếng trễ. Cần thì không bỏ phế, Tinh

thì không xen tạp. Do đây mà Đức Phật dạy chúng đệ tử tinh tấn siêng tu trí huệ và phải bền lòng chuyên nhứt.

Nếu tinh tấn siêng tu trí huệ, thì trí huệ không sao không sáng tỏ, còn chán nản biếng lười thì một việc nhỏ cũng không thành. Giọt nước tuy không lớn, nhưng rót lại có thể xoi thủng được phiến đá. Kéo cây lấy lửa, nếu chẳng ngừng tay thì lửa ắt sẽ được. Còn như siêng năng một lúc, trễ nãi nhiều ngày thì chỉ uổng công vô ích mà thôi. Thế nên Tỳ-kheo phải luôn luôn tinh tấn.

*

* *

BÀI XI

5- 不忘念

汝等比丘，求善知識，如念能攝，力中著，
 識，忘，諸是心諸，為陣不
 不者，入念則堅，鎧是
 比善。煩惱故，功雖所，忘
 丘護若惱汝若德入害則念
 ，助有賊等失。五；無。
 求，不則當念若欲譬所
 善無忘不常者念賊如畏，

6. 禪定

汝等比丘，若攝心
 者心則在定。心在定
 故能知世間生滅法相
 ；是故汝等，常當精
 勤修習諸定，若得定
 者心則不散，譬如惜
 水之家，善治隄塘；
 行者亦爾，為智慧水
 故善修禪定，令不漏
 失，是名為定。

DỊCH NGHĨA

5- KHÔNG QUÊN CHÁNH NIỆM

Tỳ-kheo các ông ! Cầu Thiện tri thức, cầu
 Thiện hộ trợ, không bằng không quên Chánh

niệm. Nếu có người không quên chánh niệm, các giặc phiền não sẽ không vào được. Thế nên các ông thường phải nhiếp niệm tại tâm, nếu để mất niệm sẽ mất các công đức. Nếu Niệm lực được vững chắc, tuy vào trong giặc Ngũ dục cũng không bị chúng làm hại. Thí như mặc giáp vào trận thì không còn phải lo sợ điều gì. Ấy là công đức không quên Chánh niệm.

6- THIÊN ĐỊNH

Tỳ-kheo các ông ! Nếu người nhiếp tâm thì tâm ở trong định, vì tâm ở trong định, nên có thể biết được pháp tướng sanh diệt trong thế gian. Thế nên các ông phải thường tinh tấn tu các Thiên định, nếu được định rồi thì tâm không còn tán động. Thí như người giữ nước, khéo giữ đê điều. Cũng thế, hành giả vì nước trí huệ khéo tu Thiên định khiến cho không bị chảy mất. Ấy là công đức Thiên định.

GIẢNG NGHĨA

Thiện tri thức : Tri là biết được lòng. Thức là biết được tánh. Đây tức là bạn tốt, là những người làm cho ta được lợi ích, dẫn ta tiến trên con đường đạo nghiệp, chứ không phải chỉ những người học rộng, hiểu nhiều (Xin xem lời giải trong Tứ Thập Nhị Chương, bài thứ 9 của cùng dịch giả đã xuất bản).

Thiện hộ trợ : Những người bạn tốt, bảo hộ và giúp đỡ trên con đường tiến tu đạo nghiệp, nhưng khác hơn Thiện tri thức là chỉ giúp đỡ mà không biết được lòng và hiểu được tánh.

Nhiếp niệm : Nhiếp là thu giữ lại. Niệm là ý niệm, tâm niệm. Nhiếp niệm là gom giữ những ý niệm ở tâm lại một chỗ, không để cho nó suy nghĩ, vọng tưởng.

Niệm lực : Là một trong Ngũ lực. Do sự chuyên niệm mà được sức mạnh có thể chống lại các sự chướng ngại khác, gọi là Niệm lực.

Pháp tướng : Là những pháp cùng một tánh có hình tướng bên ngoài có thể thấy được, tức là phần cảnh, trái với Pháp tánh là những pháp không có hình tướng thuộc về nội tâm không thể thấy được.

Trong Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển hai nói: “Tất cả những pháp hữu vi, thuộc về Thế đế đều thông gọi là Pháp tướng”.

Sanh diệt : Các pháp hữu vi y nơi nhân duyên hòa hiệp, tuy chưa có pháp mà vẫn có, gọi là sanh; y nơi nhân duyên ly tán, tuy đã có pháp mà vẫn không, gọi đó là diệt. Những pháp có sanh như định có diệt, ấy là pháp Hữu vi, những pháp có diệt mà như định không có sanh, ấy là pháp Vô vi.

Nếu đứng về Chánh kiến Trung đạo mà nói thì: Pháp hữu vi sanh diệt là giả sanh giả diệt mà chẳng phải thật sanh thật diệt.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật dạy chúng ta phải giữ gìn Chánh niệm và nhiếp tâm vào trong định lực.

GIẢI THÍCH

Không quên Chánh niệm tức là không để tà niệm chen vào. Chúng ta cầu Thiện tri thức giúp đỡ biết cách phát triển đường lối tu hành, cũng không bằng luôn luôn giữ gìn được chánh niệm chẳng hề để mất trong một phút giây nào. Chánh niệm được kiên cố rồi dù cho nó vào trong cảnh đời Ngũ dục cũng chẳng còn e ngại; nếu rời bỏ Chánh niệm, tà niệm ắt sẽ thừa cơ xâm nhập, nếu tà niệm đã xâm nhập, chẳng khác nào con điên đã ngự trị trong tâm chúng ta vậy.

Đệ nhị Tổ của Thiên tôn, Ngài Huệ Khả, nói rằng: “Ta điều phục được tự tâm thì đâu có can gì đến việc của kẻ khác”. Nếu chúng ta giữ gìn được Chánh niệm, chẳng khác nào người mặc giáp sắt ra trận. Vì nhờ có giáp sắt chở che nên không còn sợ bị giặc làm hại nữa.

Tâm của chúng ta là tâm tán loạn, thường do tâm tán loạn này mà vào trong lục trần, ngũ dục chịu các thứ khổ não. Vì thế hàng Tỳ-kheo muốn được sanh trí huệ, cần phải nhiếp tâm tu tập Thiền định. Nhờ định phát huệ mới có thể được Quả giải thoát vô thượng, thành tựu được việc rất hiếm có. Chẳng khác

nào người giữ nước, việc tiên quyết phải sửa sang đê điều, có sửa sang đê điều nước mới không tràn bên ngoài gây nhiều tai hại. Hàng Tỳ-kheo muốn cho nước trí huệ khỏi bị chảy mất cũng phải nhiếp tâm tu tập Thiền định.

*

* *

BÀI XII

7- 智慧

智自是脫道所則堅黑病惱
 有常；解非無，海明切煩
 若，失得既，者死無一伐
 著有能，衣慧，是，
 丘貪令中者白智病亦也，
 比無不法爾非實，燈藥
 等則，我不又！老也明良
 汝，察於若也度船大之
 慧，省則。人名是牢暗者

樹之利斧也。是故汝而慧是慧
 等，當以聞思修有眼名智
 自，增益，雖是肉是
 明，照見人也，是名智
 。

8- 不戲論

戲出比論者患
 種復故戲樂之
 種雖是心滅論
 ，○；亂寂戲論
 丘亂脫離得滅戲
 比則得捨欲善不
 等心未急汝當名
 汝其猶當若唯是
 論家丘○，，

DỊCH NGHĨA

7- TRÍ HUỆ

Tỳ-kheo các ông ! Nếu người có trí huệ thì không có tham trước, thường tự tỉnh sát không để sanh ra tội lỗi, thế là ở trong pháp của Ta có thể được sự giải thoát. Nếu chẳng vậy, đã chẳng phải là bậc Đạo nhân, lại cũng chẳng phải là kẻ Bạch y, không biết gọi là gì! Người có Trí huệ chơn thật, ấy là chiếc thuyền chắc vượt qua biển già, bệnh, chết; cũng là ngọn đèn sáng chiếu phá cảnh tối tăm mờ ám; là món thuốc hay trị tất cả các chứng bệnh; là lưỡi búa bén chặt đứt cây nghiệp phiền não. Thế nên các ông phải dùng huệ: Văn, Tư, Tu mà tự làm cho thêm phần lợi ích. Nếu người có Trí huệ chiếu soi, dù cho Nhục nhãn cũng là người thấy được rõ ràng. Ấy là công đức Trí huệ.

8- KHÔNG HÝ LUẬN

Tỳ-kheo các ông! Các thứ Hý luận làm cho tâm mình rối loạn, dù đã xuất gia vẫn chưa được giải thoát. Thế nên Tỳ-kheo phải mau dứt bỏ loạn tâm Hý luận. Nếu các ông muốn được quả vui Tịch diệt, duy phải khéo diệt trừ mối hoạn Hý luận. Ấy là công đức không Hý luận.

GIẢNG NGHĨA

Tham trước : Tham lam nhiễm trước theo sở thích của mình.

Tĩnh sát : Suy xét kỹ càng mà tự thức tỉnh.

Hý luận : Lời nói đùa, lời luận bàn phi lý, vô nghĩa. Lại không luận là lời lẽ nói đúng lý hay không đúng lý, tất cả những ngôn thuyết đều thuộc về Hý luận.

Trong Đại Thừa Huyền Luận, quyển hai nói rằng: “Hý luận là tên giả mượn để thí dụ, đối với đạo không có lợi ích, như đứa bé nói đùa mà thôi”.

Trong Kinh Tối Thắng Vương, quyển một nói rằng: Tánh thật tế không có Hý luận, duy riêng Đức Như Lai chứng được, Hý luận hằng dứt, gọi là Niết-bàn.

Như thế, danh từ Hý luận, ta có thể hiểu theo nghĩa: Giả dối, không thật. Tất cả các pháp hữu vi sanh diệt đều gọi là Hý luận.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật dạy: Hàng Tỳ-kheo phải dùng Trí huệ làm gốc và phải mau dứt bỏ các thứ lý luận vô nghĩa.

GIẢI THÍCH

Có Trí huệ thì có thể tránh được tất cả chương ngại, người có trí huệ thường phải suy xét kỹ càng mà tự thức tỉnh, không để cho công việc ra làm thêm nhiều tội lỗi. Tội lỗi có ít mới có thể vượt qua biển cả sanh, lão, bệnh, tử; tự độ và độ người, đó mới là bực

Đạo nhưn. Tỳ-kheo không như pháp tu hành đạo nghiệp; thì không phải là hàng xuất gia cũng không phải là hàng Bạch y, không thuộc về lớp nào, hạng nào, không biết gọi họ bằng gì ?

Trí huệ chính là chiếc bè báu qua khỏi biển sanh tử, lưới búa bén đốn chặt cây phiền não, Tỳ-kheo nếu không bảo trì trí huệ hằng tự tỉnh sát, dù cho có được nghe Phật pháp cũng chẳng khác nào người được thuốc hay, thầy giỏi mà chẳng chịu sắc uống, thì chắc chắn phải chết một cách oan uổng.

Trí huệ có ba thứ là: Văn huệ, Tư huệ và Tu huệ. Tất cả thiện nghiệp đều nhờ trí huệ mới tăng trưởng.

Bảy đoạn trước nói về Công đức phương tiện trưởng dưỡng tự tánh. Riêng đoạn thứ 8 là chỉ bày Tự tánh ly khai các lậu. Vì không phải là một pháp đối trị nên không đồng với bảy đoạn trước. Vì thế công đức này nói ở sau cùng.

Tự tánh của mỗi người xưa nay thanh tịnh, chỉ vì Hý luận khuấy nhiễu nên lần lần trái với Bản tánh thanh tịnh sẵn có của mình. Tuy nhiên, khi chứng được Thật trí của Sơ quả đã thấy rõ được lý Tứ đế, dứt được Phân biệt phiền não, nhưng Câu sanh phiền não vẫn còn tiềm phục để chờ cơ hội hoạt động. Nhân vì thứ phiền não này từ vô thủy đến nay do Hý luận huân thành, hết sức vi tế rất khó đoạn trừ. Vì vậy mà từ bậc Kiến Đạo đến đệ Tứ quả muốn được

Niết-bàn cứu cánh, phải dứt bỏ các thứ Hý luận, thường quán sát khiến cho hai chương tập khí hoàn toàn không còn sanh trưởng nữa.

Kinh văn đến đây đã hết phần Chánh tôn.

*

* *

BÀI XIII

C) 流通分

1- 勤修

功逸世竟之澤處令進後
 諸放悲究行空閒勿精，
 於諸大已而若，法勉死，
 ，捨。皆勤，下受自空
 丘心賊益當間樹所當為
 比一怨利但山在念常無
 等當離說等於若，。
 汝常如所汝若，室失之，
 德，尊，，。中靜忘修

致有悔 ○ 我如良醫知
 病說藥，服與不服非
 醫咎也 ○ 又如善導，
 導人善道，聞之不行
 非導過也 ○

DỊCH NGHĨA

C. PHẦN LƯU THÔNG

1) SIÊNG TU

Tỳ-kheo các ông ! Đối với các công đức thường phải nhứt tâm, bỏ các sự buông lung như tránh bọn giặc cướp. Những điều lợi ích, Đức Đại bi Thế Tôn nói ra trước sau đã cạn, các ông chỉ phải siêng năng mà thật hành nó. Hoặc ở chốn núi non hoặc ở nơi đầm vắng, hoặc ở dưới gốc cây hay an dưỡng trong tịnh thất, đều phải nhớ nghĩ Giáo pháp đã thọ chớ để quên mất, thường nên tự gắng, tinh tấn tu hành, không để cho chết uổng, sau đến nổi có sự ăn năn. Ta cũng như vị lương y biết bệnh mách thuốc, uống hay không uống chẳng phải lỗi của y sư; lại cũng như kẻ hướng đạo giỏi, chỉ người đường tốt nghe mà không đi chẳng phải lỗi tại kẻ chỉ đường.

GIẢNG NGHĨA

Đại bi : Tâm cứu khổ cho kẻ khác, gọi đó là Bi. Lòng thương của Phật và Bồ Tát rộng lớn bao la nên gọi là Đại bi. Kinh Niết-bàn quyển 11 nói rằng: “Ba đời các Đức Thế Tôn lấy tâm Đại bi làm gốc... Nếu không có tâm Đại bi thì không thể gọi là Phật”.

Tịnh thất : Nhà yên tịnh, chỗ ở để chuyên tu tịnh nghiệp. Đây là danh từ dùng để dụ cho thiền định. Trong Trí Độ Luận, quyển 17 nói rằng: “Thường lạc Niết-bàn từ nơi Trí huệ chơn thật mà sanh; Trí huệ chơn thật từ nơi thiền định nhưt tâm mà có. Thí như đốt đèn, ngọn đèn không thể có tác dụng chiếu soi được khi ở trước trận cuồng phong, nếu để trong nhà kín công dụng của nó mới được trọn vẹn. Trí huệ trong tâm tán loạn cũng vậy, nếu không có Tịnh thất thiền định, tuy có Trí huệ cũng không có công dụng đầy đủ. Khi được thiền định, Trí huệ chơn thật mới phát sanh”.

Lương y : Thầy thuốc giỏi.

Y sư : Thầy thuốc.

Hướng đạo : Người dẫn đường.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật khuyên chúng đệ tử siêng năng tu tập các pháp yếu do Ngài truyền dạy từ trước đến nay.

GIẢI THÍCH

Các công đức ở đây nói chính là chỉ cho Pháp yếu chung và Pháp yếu riêng. Tỳ-kheo tâm phải thường y Đệ nhứt nghĩa tinh tấn tu hành, chẳng nên để cho tâm này có một chút buông lung; lúc nào cũng phải để ý ngăn ngừa nó như bọ ngựa giặc dữ.

Đức Như Lai vì lòng Từ bi thuyết pháp, lời lẽ đến đây đã trọn đủ không còn điều gì phải nói nữa. Tỳ-kheo chỉ phải theo đó tinh chuyên tu tập. Chỗ tu hành cần phải lựa chốn sơn lâm vắng vẻ, nghĩ nhớ những pháp yếu đã thọ, chớ khiến cho thân này thêm nhiều tội lỗi, thường thường phải dùng Pháp tinh tấn để tự cố gắng, gấp rút tu hành, không nên để thân này nhờn như chết uống, đến chừng hối tiếc thì đã muộn rồi.

Đức Như Lai đối với các Tỳ-kheo nói pháp, chẳng khác nào vị lương y danh tiếng lừng lẫy, tùy bệnh cho thuốc, hễ uống là hết ngay, nhưng vì người bệnh không chịu uống mà phải bỏ mình. Đó là tại bệnh nhưn tự chiêu lấy tai họa chứ chẳng phải lỗi do bực danh y. Cũng như kẻ đi đường đã có hướng đạo chỉ cho con đường tốt, được bảo đảm an toàn lại chẳng chịu đi, để đi con đường đầy hiểm trở, giặc cướp. Đó cũng là tại người đi đường muốn lấy điều tai họa, chứ chẳng phải do kẻ dẫn đường.

BÀI XIV

2- 證 決

諦，○，何耨佛熱四說樂異
 四之也唱者阿白令說佛令無
 等問決三以時而可佛。可更
 苦疾求是所。○心月，異不，
 於可不如，故眾！冷令，因
 若者疑尊者疑察尊令可苦是
 等疑懷世問無觀世可不實真
 汝所得時無眾馱：日，諦集
 有無爾人？樓言，諦苦；

因；苦若滅者，即是
 因滅，因滅故果滅；
 滅苦之道，實是真道
 ，更無餘道。世尊！
 是諸比丘於四諦中，
 決定無疑。

DỊCH NGHĨA

2- CHÚNG QUYẾT

Các ông ! Nếu đối với khổ v.v... bốn món Thánh đế có chỗ nào nghi ngờ nên mau thưa hỏi, không được ôm mối hoài nghi mà chẳng cầu giải quyết !

Bấy giờ Đức Thế Tôn ba lần xướng lên như vậy, vẫn không có người nào thưa hỏi. Vì có sao ? Vì trong chúng không có điều gì nghi ngờ nữa.

Khi ấy, ngài A Nậu Lô Đà quán sát tâm của đại chúng, mới bạch Phật rằng: “Thưa Đức Thế Tôn! Mặt trăng có thể trở thành nóng, mặt trời có thể trở thành lạnh, Phật nói về Tứ đế không thể nào khiến cho khác được. Phật nói Khổ đế thì

chắc là khổ không thể khiến cho vui được; Tập đế thật là nhân, không thể nhân khác được. Khổ nếu diệt tức là nhân diệt, nhân diệt nên quả diệt. Đạo diệt khổ thật là Chơn đạo, không có đạo nào khác.

Thưa Đức Thế Tôn, các Tỳ-kheo trong đây đối với Tứ đế, quyết định không còn điều gì nghi ngờ nữa”.

GIẢI NGHĨA

Giải quyết : Quyết định phương pháp để giải đáp một vấn đề.

A Nậu Lô Đà (Aniruddha) : Cựu gọi là A Na Luật hay A Na Luật Đà v.v... Trung Hoa dịch là Như Ý Vô Bân. Tân gọi là A Nê Luật Đà, dịch là Vô Diệt Như Ý. Thuở đời quá khứ xa xưa, gặp thời đói khát, Ngài đã từng cúng dường cho một vị Bích Chi Phật một bữa ăn mà được quả báo trong 91 kiếp qua lại trong cõi Nhơn Thiên, thường thọ phước vui. Phàm có điều gì mong muốn đều được theo ý nguyện, nên gọi là Như Ý Vô Bân.

Ngài là một trong mười vị Đại đệ tử, cũng là em họ của Phật, thuộc dòng họ Thích ở thành Ca Tỳ La.

Theo trong Huyền Ứng âm nghĩa, quyển 26 thì nói rằng “A Na Luật Đà, cựu gọi là A Na Luật cũng gọi là A Nậu Lô Đà, cũng gọi là A Nê Lô Đậu đều là một. Đây dịch là Vô Diệt, cũng dịch là Như Ý. Con của ngài Cam Lộ Phạn Vương, là đường đệ của Phật”.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật muốn chúng quyết bốn thứ Đế lý của Ngài đã nói không hề sai chạy, dối đời, nên Ngài dạy chúng đệ tử có những điều gì nghi ngờ phải mau thưa hỏi để Ngài quyết nghi cho.

GIẢI THÍCH

Giáo pháp một đời của Đức Như Lai bao gồm trong Tứ thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Hai Đế lý Khổ và Tập gồm hết nhân quả thế gian; hai Đế lý Diệt và Đạo gồm hết nhân quả Xuất thế gian.

Bấy giờ Đức Phật bảo các đệ tử đang nghe pháp trong hội rằng: “Đối với giáo pháp Tứ đế như ai có điều gì do dự chưa quyết hãy mau thưa hỏi để cầu giải quyết”. Như vậy Ngài lặp đi lặp lại ba lần vẫn không thấy có người ứng thỉnh thưa hỏi. Bởi trong chúng không còn điều gì nghi ngờ nữa.

Khi ấy có vị đệ tử tên là A Nậu Lô Đà là bực Thiên nhân đệ nhất, quán sát tâm của Đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy ứng tiếng để chứng minh Giáo pháp của Như Lai đã nói quyết không sai lầm: “Dầu cho mặt trăng lạnh có thể biến thành nóng, mặt trời nóng có thể biến thành lạnh đi nữa, giáo pháp Tứ đế của Đức Như Lai quyết định không khi nào thay đổi. Vì thế, Giáo pháp của Phật đã nói chúng con quyết không còn có điều gì nghi ngờ”.

Thế giới là Tướng phần của nghiệp thức biến hiện. Khi hoại mặt trời có thể biến thành lạnh; khi thành, mặt trăng có thể biến thành nóng, nhưng giáo lý Tứ đế của Phật nói chính là nguyên lý nghiệp quả của chúng sanh, tuyệt đối không thể thay đổi.

Nguyên do sanh ra khổ não là vì từ quá khứ chúng ta gây tạo các hoặc nghiệp chứa chất hình thành. Chỉ vì khổ mà con người nảy sanh ý muốn diệt khổ. Hễ Khổ nhân diệt, Khổ quả cũng theo đó mà diệt, gọi là Diệt đế. Đạo đế tức ngay nơi ba môn học: Giới, Định và Huệ có thể dứt được Khổ nhân và Khổ quả, chúng được Vô thượng Biến Chánh Giác, gọi là Đạo đế.

Trong đây, Tập là Khổ nhân, Khổ là Tập quả, Diệt là Đạo quả, Đạo là Diệt nhân.

*

* *

BÀI XV

3. 斷疑

a) 顯餘疑

於此眾中，偌所作
 未辦者，感佛滅度，入
 當有悲，聞佛所說即皆
 法者度；譬如夜見電光
 得，即得見道。若者，作
 已辦已念：苦海尊滅，但
 作是疾哉。○

b) 斷餘疑

語聖諸大等若當不皆更，已
 此四此以汝，亦終法，者悉
 說達令，：惱會，他住度皆
 雖了欲固說悲，離利久可，
 馱悉尊堅眾懷劫不利我應間
 樓皆世得為勿一而自若。人
 耨中，皆復，世會。益上
 阿眾義眾心丘住；得足所天
 ，諦大悲比我滅可具無若

度；其未度者，皆已
 作得度因緣，自今已
 後，我諸弟子輾轉行
 之，則是如來法身常
 在而不滅也。

DỊCH NGHĨA

3- ĐOẠN NGHI

a) Trình bày các nghi

Bấy giờ trong chúng, hoặc có những người tu hành chưa trọn, thấy Phật diệt độ sanh lòng bi cảm, hoặc có những người mới vào đạo pháp nghe lời Phật dạy đều tức thời được độ, chẳng khác nào đêm tối gặp ánh chớp liền thấy đường đi; hoặc có những người việc làm đã xong, qua được biển khổ, nhưng lại nghĩ rằng : “Đức Thế Tôn có sao diệt độ nhanh chóng đến thế?”

b) Dứt các nghi

Ngài A Nậu Lâu Đà tuy nói lời ấy mà trong chúng thấy đều thông suốt được ý nghĩa bốn món Thánh đế, nhưng Đức Thế Tôn muốn khiến cho hết thảy Đại chúng đều được lòng tin vững chắc, nên khởi lòng từ bi vì chúng dạy rằng: Tỳ-kheo

các ông, chớ ôm lòng sâu nảo, dù Ta có trụ ở đời lâu đến một kiếp nữa, rốt cuộc rồi cũng phải hoại diệt; hợp mà không tan không thể nào được. Những pháp tự lợi, lợi tha Ta đều đã nói đầy đủ, dù Ta có trụ lâu ở đời cũng chẳng ích gì.

Những người đủ duyên được độ, hoặc ở cõi Trời hoặc ở cõi người Ta đều độ hết; còn những ai chưa được độ, Ta cũng đều đã tạo cho nhân duyên được độ, từ đây về sau các đệ tử của Ta sẽ lần lượt thực hành. Thế là Pháp thân của Như Lai thường còn mà không hề nhập diệt.

GIẢNG NGHĨA

Diệt độ (Tiếng Phạn Nivàna, Baly Nibbàna) : Dịch là Hữu dư và Vô dư, điều chỉ cho khi mạng chung Chúng quả. Trong Kinh Niết-bàn quyển 29 nói: “Vị diệt sanh tử gọi là Diệt độ”. Trong Triệu Luận nói rằng: “Diệt độ là Đại hoạn hằng diệt vượt khỏi Tứ lưu¹. Trong Hạnh Nguyên Phẩm Sao, quyển 4 nói: “Niết-bàn nói đủ là Niết-bàn na, xưa dịch là Nhập diệt tức”. Tức chính là Diệt, hoặc gọi là Diệt Độ, có nghĩa là Diệt chướng Độ khổ.

¹ TỨ LƯU : 1) *Kiến lưu* : Kiến hoặc trong Tam giới; 2) *Dục lưu* : Tất cả các hoặc trong Dục giới trừ Kiến và Vô minh; 3) *Hữu lưu* : Tất cả các hoặc ở 2 cõi trên, cũng trừ Kiến và Vô minh, có nghĩa là quả báo sanh tử không mất, mặc dù nghĩa này 3 cõi đều thông, nhưng nay đây riêng chỉ cho 2 cõi trên; 4) *Vô minh lưu* : Vô minh trong Tam giới. Hữu tình vì bốn pháp này mà trôi lăn không dứt.

Từ bi : Hai tâm trong Tứ vô lượng tâm. Cho vui là Từ, cứu khổ là Bi. Tâm Đại từ thì cho vui tất cả chúng sanh, còn tâm Đại bi thì cứu khổ tất cả chúng sanh. Đại từ thuộc về Tiêu cực. Đại bi thuộc về Tích cực. Một đằng là thiên về Tự lợi, một đằng thiên về Lợi tha.

Nhân duyên : Bất cứ một vật nào được phát sanh đều có đủ cả hai phần. Nhân và Duyên. Thí như: Hạt giống là Nhân, đất, nước, phân, tro v.v... là Duyên. Nhờ nhân duyên hòa hiệp này mà phát sanh ra cây lúa.

Trong Triệu Luận thì lại giải rằng : “Trước sau sanh nhau là Nhân, hiện tại giúp nhau mà thành tựu là Duyên. Các pháp nhờ có Nhân duyên nương gá nhau mới được thành lập”.

Trong Kinh Lăng Nghiêm Trường Thủy Sở nói rằng: “Phật giáo lấy Nhân duyên làm Tôn, vì Thánh giáo của Phật nói từ cạn đến sâu không ngoài hai chữ Nhân Duyên”.

Pháp thân (Dharmakàya) : Chơn thân của Phật. Danh từ này, Pháp tánh và Pháp tướng giải thích có phần khác biệt:

- **PHÁP TƯỚNG TÔN** : Tôn này y cứ Duy thức luận chia làm 2 thứ: một là Tổng tướng Pháp thân, hai là Biệt tướng Pháp thân:

1) **Tổng tướng Pháp thân** : Gồm cả 2 pháp: Lý và Trí. Đồng với lối giải thích trong Kinh Kim Quang Minh. Theo trong Kinh này thì: “Như như và Như như trí gọi là Pháp thân”. đây là lấy cái nghĩa Chơn như

chúng được và Chơn giác chiếu soi gọi là Pháp thân. Nếu đứng về ba thân mà nói thì: “Tự tánh thân và Tự thọ dụng thân hiệp lại là Pháp thân. Ý trên nghĩa này mà giải thích thì Pháp thân do Lý và Trí hiển bày. Đó là Thể tánh, chỗ nương của tất cả pháp Hữu vi (Trí) và Vô vi (Lý), nên gọi là Pháp thân. Lại cũng có nghĩa là thành tựu trang nghiêm tất cả pháp công đức gọi là Pháp thân.

2) Biệt tướng Pháp thân : Tức là Tự tánh thân trong ba thân. Đó là Chơn như thanh tịnh pháp giới vậy. Chơn như này là Tự tánh của Phật, nên gọi là Tự tánh thân.

Lại Chơn như này đầy đủ công đức Chơn thường, là chỗ nương của tất cả pháp công đức Hữu vi và Vô vi, nên gọi là Pháp thân.

- **PHÁP TÁNH TÔN :** Tôn này thì cho Lý tánh của Chơn như có Tướng giác trí chơn thật, Lý và Trí chẳng hai, cùng với Vô vi Chơn như vẫn đồng, nên Chơn trí cũng là Vô vi.

Lại vì Tánh và Tướng chẳng phải hai, nên Chơn như tức là Pháp tánh, thì Chơn trí cũng tức là Pháp tánh. Pháp tánh Lý Trí chẳng hai này ẩn, gọi là Như Lai tạng. Như Lai tạng ẩn chứa công năng Thỉ giác, hiển bày Pháp tánh kia, gọi là Pháp thân, tức là lấy cái nghĩa Pháp tánh thành thân gọi là Pháp thân.

Trong Kinh Bảo Quật nói rằng: “Pháp thân là pháp Chơn như thật tướng, pháp Thật tướng này ẩn gọi là Như Lai tạng: hiển gọi là Thân, chỉ là một Pháp

Thật tướng, nhưng đứng trên hai phương diện: Ẩn và Hiện không đồng, nên có lúc gọi là TẠNG có lúc gọi là Thân”.

Như Lai : Tiếng Phạn gọi là Đa Đà A Đà Đà (Tathagata). Dịch là Như Lai, là một hiệu trong mười hiệu. Như là Chơn như, Nghĩa là: Nương đạo Chơn như, từ nhân đến quả mà thành bậc Chánh giác, gọi là Như Lai. Cũng có nghĩa là: Vì nương Đạo Chơn như đến trong Tam giới để hóa độ, gọi là Như Lai.

Trong Chuyển Pháp Luân luận nói rằng: Như thật mà đến gọi là Như Lai... Niết-bàn gọi là Như, Trí giải gọi là Lai; chánh giác được Niết-bàn gọi là Như Lai.

Theo các lối giải thích trên ta có thể nhận định rằng: Như là chỉ cho Bản Giác, Lai là chỉ cho Thủ Giác. Như là chỉ cho Pháp thân, Lai là chỉ cho Ứng Hóa Thân; Như là chỉ cho Lý, Lai là chỉ cho Trí.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật muốn cho chúng đệ tử đối với bốn món Thánh để phải có lòng tin vững chắc. Đó là một chơn lý bất di bất dịch vượt ngoài không gian và thời gian.

GIẢI THÍCH

Trong bài này, đoạn thứ nhất, ông A Nậu Lâu Đà vì những người Hữu học mới chứng được Sơ quả, Nhị quả và Tam quả mà nói. Vì mới chứng được Sơ, Nhị, Tam quả, nên chưa đoạn được hoặc nghiệp Câu sanh; do đó, khi thấy Đức Như Lai sắp nhập Niết-bàn sanh

lòng sâu nảo, Như Ngài A Nan tôn giả v.v... đều khóc than thảm thiết. Còn những bực Tứ quả A La Hán công việc tu hành đã mãn, nên chỉ nghĩ rằng: “Đức Thế Tôn có sao mà nhập diệt nhanh chóng như thế!”.

Đoạn thứ hai, Phật muốn ngăn dứt các sự nghi hoặc của chúng sanh đời sau, nên Ngài dạy chúng Tỷ-kheo rằng: “Không nên ôm lòng hoài nghi mà sanh sầu khổ. Dù cho Ta có trụ lại ở đời này lâu đến một kiếp nữa, rồi cũng phải nhập Niết-bàn. Con người có sanh tất phải là chết; có hợp tất phải có tan; sanh mà không chết, hợp mà không tan không bao giờ có”.

Ngài lại dạy: “Công việc tu hành tự lợi trải qua ba Đại kiếp tăng kỳ đã được viên mãn, còn công việc lợi tha (độ người) cũng đã hoàn tất. Như thế Phật có trụ lâu ở đời này cũng không lợi ích gì hơn.

Ở cõi trời và cõi người, những ai đủ duyên được độ đều được độ hết; những người đủ duyên vị lai được độ Ta đã gây cho nhân duyên, và những Giáo pháp để độ họ Ta cũng đã nói đầy đủ rồi. Từ đây về sau các đệ tử của Ta sẽ đem Giáo pháp khai triển lưu thông. Ấy là Pháp thân Như Lai không hề hoại diệt, không hề nhập Niết-bàn.

Vậy các ông không nên lo buồn, khổ não, ôm mối bi cảm mà nghĩ rằng: “Đức Như Lai sao Diệt độ nhanh chóng như thế. Phải biết Đức Như Lai nhập Niết-bàn, đó là Giác hạnh viên mãn, phải nên sanh tâm vui mừng”.

BÀI XVI

c) 重 勸 修

是 故 當 知 : 世 皆 無
 常 , 會 必 有 離 , 勿 懷 憂
 惱 。 世 相 如 是 , 當 勤
 精 進 早 求 解 脫 暗 者 , 智 實
 慧 脆 無 堅 牢 者 惡 , 今 此
 危 滅 , 如 除 身 惡 病 罪 之
 得 應 捨 之 名 為 身 海 ; 惡 沒 在
 是 物 , 假 生 死 除 歡 喜 何 殺 怨
 老 智 賊 而 不 歡 喜 。

4) 囑咐流通

汝等比丘，常當一心勤求出道，一切世間動不動法，皆是敗壞不安之相。汝等且止，勿得復語！時將欲過，我欲滅度。是我最後之所教誨。

DỊCH NGHĨA

c) Khuyên tu hành

Thế nên phải biết : Cảnh đời đều là vô thường, có hợp tất có tan, chỗ sanh lòng sầu khổ, tướng thế gian là vậy. Phải chuyên cần tinh tấn sớm cầu giải thoát, dùng ánh sáng trí huệ diệt các nghi ám. Cảnh đời hư giả không gì bền chắc, Ta nay Nhập diệt như trừ được binh dữ. Đây là xác thân nên bỏ, là vật tội ác, giả gọi là thân, nó chìm đắm trong biển cả sanh, già, bệnh, chết. Có kẻ trí

nào trừ diệt được nó như giết bọn giặc cướp mà chẳng vui mừng ?

4- LỜI DẶN LƯU THÔNG

Tỳ-kheo các ông, thường phải nhứt tâm siêng cầu Đạo giải thoát. Tất cả thế gian dù cho Pháp động hay Pháp bất động đều là tướng bại hoại không an. Các ông hãy thôi! Không nên nói nữa, thời giờ muốn hết rồi, Ta sắp Diệt độ. Đây là lời dạy bảo cuối cùng của Ta.

GIẢNG NGHĨA

Pháp động : Chỉ cho Dục giới. Vì pháp ở Dục giới vô thường nhanh chóng, nên gọi là Pháp động.

Pháp bất động : Chỉ cho Sắc và Vô sắc. Vì Pháp ở hai cõi trên có tánh chất lâu dài, nên gọi là Bất động.

Trong Kinh Duy Ma Cật, ngài La Thập nói rằng: “Sáu cõi Dục gọi là Pháp động, hai cõi trên thọ mạng số kiếp lâu dài, nên Ngoại đạo cho là thường, gọi là Pháp bất động”.

ĐẠI Ý

Bài này Đức Phật chỉ bày cái tướng Vô thường của nhân sanh, vũ trụ để khuyên gắng tu hành mong cầu giải thoát.

GIẢI THÍCH

Tất cả đều là Vô thường thì có hợp tất có tan, có thành tất có hoại. Đó là công lệ muôn đời không thay

đổi. Thế mà chúng sanh vì mê muội không tự nhận biết, dễ rồi phải chịu khổ sở đau đớn theo sự Thành, Hoại, Hợp, Tan. Nên ở đây Đức Phật căn cứ chính mình, chỉ rõ sự vô thường để khuyên chúng sanh siêng năng tu tập mong cầu chứng Đạo.

Câu: “Thường phải nhứt tâm” là lời dặn dò chúng đệ tử nên biết Vô thường mau chóng, phải chuyên nhứt tâm mình an trụ trong trí huệ thanh tịnh để mong được giải thoát.

Trong ba cõi dù cho Động pháp hay Bất động pháp cũng chỉ là Vô thường, Vô ngã, chẳng qua sự an trụ và thọ mạng có dài ngắn khác nhau mà thôi. Sự thọ mạng hoặc là một trăm năm, một ngàn năm, hoặc năm trăm kiếp, tám muôn kiếp, rồi cũng không tránh khỏi sự hoại diệt.

Đến đây Đức Phật dạy ông A Nậu Lâu Đà không nên nói nữa làm kéo dài thời gian. Bởi vì đã gần đến nửa đêm, Đức Như Lai muốn dùng thời giờ đó để nhập Niết-bàn.

Câu: “Đây là lời dạy bảo cuối cùng của Ta” chính là chỉ cho Kinh này, lời dạy bảo cuối cùng của Đức Phật vậy.

Dịch xong tại KHÁNH VÂN

ngày 5 tháng 6 năm 1968

(ngày 13 tháng Bảy (nhuần) năm Mậu Thân)

PHÂN DỊCH ÂM

BÀI THỨ NHẤT

A. TỰ PHẦN

Thích Ca Mâu Ni Phật, sơ chuyển Pháp luân độ A Nhã Kiều Trần Như, tối hậu thuyết pháp độ Tu Bạt Đà La, sở ưng độ giả giai dĩ độ ngật; ư Ta la song thọ gian, tương nhập Niết-bàn. Thị thời, trung hạ tịch nhiên vô thính, vị chư đệ tử lược thuyết pháp yếu.

BÀI THỨ HAI

B. CHÁNH TÔN PHẦN

I- CỘNG PHÁP YẾU

1- ĐỐI TRỊ TÀ NGHIỆP

a) Căn bản tịnh

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, ư ngã diệt hậu đương tôn trọng trân kính Ba La Đề Mộc Xoa, như ám ngộ minh, bần nhơn đắc bảo; đương tri thử tắc thị nhữ đẳng Đại sư, nhược ngã trụ thế vô dị thử dã.

b) Phương tiện tịnh

Trì Giới giả, bất đắc phản mại mậu dịch, an trí điền trạch, súc dưỡng nhân dân, nô tỳ súc sanh; nhưt thiết chủng thực cập chư tài bảo giai đương viễn ly, như ty hỏa khanh. Bất đắc trăm phạt thảo mộc, khẩn

thổ quật địa; hiệp hòa thang dược, chiêm tướng kiết trung, ngưỡng quan tinh tú, suy bộ doanh hư, lịch số toán kế, giai sở bất ưng. Tiết thân thời thực, thanh tịnh tự hoạt. Bất đắc tham dự thế sự thông trí sứ mạng, chú thuật tiên dược, kết hảo quý nhơn, thân hậu tiết mạng, giai bất ưng tác. Đương tự đoan tâm chánh niệm câu độ, bất đắc bao tàng hà ty hiển dị hoặc chúng, ư tứ cúng dường tri lượng tri túc, thủ đắc cúng sự bất ưng súc tích.

BÀI THỨ BA

c) Minh Giới đức

Thử tắc lược thuyết Trì giới chi tướng, Giới thị chánh thuận giải thoát chi bản, cố danh Ba La Đề Mộc Xoa, nhơn y thử Giới, đắc sanh chư thiên định cập diệt khổ trí huệ.

d) Hiển Giới ích

Thị cố Tỳ-kheo đương Trì tịnh giới, vật linh hủy khuyết. Nhược nhơn năng Trì tịnh giới, thị tắc năng hữu thiện pháp, nhược vô Tịnh giới chư thiện công đức giai bất đắc sanh; thị dĩ đương trì Giới vi đệ nhất an ổn công đức chi sở trụ xứ.

BÀI THỨ TƯ

2- ĐỐI TRỊ VỌNG KHỔ

a) Căn dục phóng dật khổ

1/ CĂN PHÓNG DẬ KHỔ

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, dĩ năng Trụ giới, đương chế ngũ căn, vật linh phóng dật nhập ư ngũ dục. Thí như mục ngư chi nhơn, chấp trượng thị chi, bất linh túng dật, phạm nhơn miêu giá. Nhược túng ngũ căn, phi duy ngũ dục tương vô nhai bạn bất khả chế dã! Diệc như ác mã, bất dĩ bí chế, tương đương khiên nhơn trụ ư khanh hám. Như bị kiếp tặc, khổ chỉ nhưt thế. Ngũ căn tặc họa ương cập lụy thế, vi hại thâm trọng, bất khả bất thận! Thị cố trí giả chế nhi bất tùy, trì chi như tặc, bất linh túng dật, giả linh túng chi, giai diệc bất cứu kiến kỳ ma diệt.

BÀI THỨ NĂM

2/ DỤC PHÓNG DẬ KHỔ

Thử ngũ căn giả, tâm vi kỳ chủ. Thị cố nhữ đẳng đương hảo chế tâm! Tâm chi khả úy, thậm ư độc xà, ác thú, oán tặc, đại hỏa, việt dật vị túc dụ dã! Dụ như nhưt nhơn thủ chấp mật khí, động chuyển khinh tháo, dẫn quan ư mật, bất kiến thâm khanh, thí như cuồng tượng vô câu, viên hầu đắc thọ, đằng dước trác trịch, nan khả cấm chế, đương cấp tỏa chi, vô linh phóng dật. Túng thử tâm giả, táng nhơn thiện sự; chế chi nhưt xứ, vô sự bất biện. Thị cố Tỳ-kheo đương cần Tinh tấn chiếc phục nhữ tâm.

b) Đa cầu ẩm thực khổ

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, thọ chư ẩm thực đương như phục dục, ư hảo ư ố vật linh tăng giảm, thú đắc chi thân dĩ trừ cơ khát. Như phong thái hoa, đẳng thủ kỳ vị, bất tổn sắc hương; Tỳ-kheo diệc nhĩ, thọ nhưn cúng dường thú tự trừ não, vô đắc đa cầu hoại kỳ thiện tâm. Thí như trí giả, trừ lượng ngư lực sở kham đa thiếu, bất linh quá phần dĩ kiệt kỳ lực.

BÀI THỨ SÁU

c) Giải đãi thù miên khổ

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, trú tắc cần tâm tu tập thiện pháp, vô linh thất thời, sơ dạ hậu dạ diệc vật hữu phế; trung dạ tụng Kinh dĩ tự tiêu tức, vô dĩ thù miên nhưn duyên linh nhưt sanh không quá vô sở đắc dã! Đương niệm vô thường chi hỏa thiêu chư thế gian, tảo cầu tự độ vật thù miên dã. Chư phiền não tặc thường tư sát nhưn, thậm ư oan gia, an khả thù miên bất tự kính ngộ? Phiền não độc xà thù tại nhữ tâm, thí như hắc nguyên tại nhữ thất thù, đương dĩ Trì giới chi câu tảo bính trừ chi, thù xà ký xuất, nãi khả an miên; bất xuất nhi miên, thị vô tầm nhưn dã. Tầm sĩ chi phục, ư chư trang nghiêm tối vi đệ nhưt; tầm như thiết câu, năng chế nhưn phi pháp, thị cố Tỳ-kheo thường đương tầm sĩ, vật đắc tạm thế, nhược ly tầm sĩ tắc thất chư công đức. Hữu quý chi nhưn, tắc hữu thiện pháp, nhược vô quý giả, dữ chư cầm thú vô tương dị dã!

BÀI THỨ BẢY

3- ĐỐI TRỊ PHIÊN NẢO

a) Đối trị sân nhuế

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, nhược hữu nhơn lai tiết tiết chi giải, đương tự nhiếp tâm vô linh sân hận, diệc đương hộ khẩu vật xuất ác ngôn, nhược túng nhuế tâm tắc tự phòng đạo, thất công đức lợi. Nhẫn chi vi đức, Trì giới, khổ hạnh sở bất năng cập, năng hành Nhẫn giả, nãi khả danh vi hữu đại lực nhơn. Nhược kỳ bất năng hoan hỷ nhẫn thọ ác mạ chi độc như ẩm cam lồ giả, bất danh nhập đạo trí huệ nhơn dã. Sở dĩ giả hà? Sân nhuế chi hại, tắc phá chư thiện pháp, hoại hảo danh văn, kim thể hậu thế nhơn bất hỷ kiến. Đương tri sân tâm thậm ư mãnh hỏa, thường đương phòng hộ vô linh đắc nhập; Kiếp công đức tắc, vô quá sân nhuế. Bạch y thọ dục phi hành đạo nhơn, vô pháp tự chế, sân du khả thứ. Xuất gia hành đạo vô dục chi nhơn nhi hoài sân nhuế, thậm bất khả dã! Thí như thanh lãnh vân trung, thích lịch khởi hỏa, phi sở ung dã.

BÀI THỨ TÁM

b) Đối trị Kiêu Mạn

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, đương tự ma đầu, dĩ xả sức hảo trước hoại sắc ý, chấp trì úng khí dĩ khát tự hoạt, tự kiến như thị, nhược khởi kiêu mạn đương tạt diệt chi. Tăng trưởng kiêu mạn, thượng phi thể tục bạch y sở

nghi, hà hướng xuất gia nhập đạo chi nhơn, vị giải thoát cố tự gián kỳ thân nhi hành khát da?

c) Đối trị Siểm Khúc

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, siểm khúc chi tâm dữ đạo tương vi, thị cố nghi ưng chất trực kỳ tâm, đương tri siểm khúc dẫn vi khi cưỡng, nhập đạo chi nhơn, tắc vô thị xứ, thị cố nhữ đẳng, nghi ưng đoan tâm dĩ chất trực vi bốn.

BÀI THỨ CHÍN

II- BÁT CỘNG PHÁP YẾU

1- THIỂU DỤC

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, đương tri đa dục chi nhơn, đa cầu lợi cố khổ não diệt đa, thiếu dục chi nhơn vô cầu vô dục, tắc vô thử hoạn. Trực nhĩ thiếu dục, thượng nghi tu tập, hà hướng thiếu dục năng sanh chư công đức? Thiếu dục chi nhơn, tắc vô siểm khúc dĩ cầu nhơn ý, diệt phục bất vi chư căn sở khiên. Hành thiếu dục giả, tâm tắc thản nhiên vô sở ưu úy, xúc sự hữu dư thường vô bất túc ; hữu thiếu dục giả tắc hữu Niết-bàn, thị danh Thiếu dục.

2- TRI TÚC

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, nhược dục thoát chư khổ não, đương Quán tri túc, tri túc chi pháp túc thị phú lạc an ổn chi xứ. Tri túc chi nhơn, tuy ngọa địa thượng du vi an lạc, bất tri túc giả, tuy xử thiên đường diệt bất xứng

ý. Bất tri túc giả tuy phú nhi bản, tri túc chi nhưn tuy bản nhi phú. Bất tri túc giả thường vi ngũ dục sở khiên, vi tri túc giả chi sở lân mẫn, thị danh Tri túc.

BÀI THỨ MƯỜI

3- VIỄN LY

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, dục cầu Tịch tịnh vô vi an lạc, đương ly hội náo độc xử nhàn cư. Tịch xử chi nhưn, Đế thích chư thiên sở cộng kính trọng, thị cố đương xả kỹ chúng tha chúng, không nhàn độc xử, tư diệt khổ bản. Nhược nhạo chúng giả, tắc thọ chúng nảo; thí như đại thọ, chúng điều sào chi tắc hữu khô chiết chi hoạn. Thế gian phược trước, một ư chúng khổ; thí như lão tượng nịch nê bất năng tự xuất, thị danh viễn ly.

4- TINH TẤN

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, nhược cần Tinh tấn tắc sự vô nan giả, thị cố nhữ đẳng đương cần tinh tấn. Thí như tiểu thủy trường lưu, tắc năng xuyên thạch. Nhược hành giả chi tâm, sắc sắc giải phế, thí như toàn hỏa vị nhiệt nhi túc, tuy dục đắc hỏa, hỏa nan khả đắc, thị danh Tinh tấn.

BÀI THỨ MƯỜI MỘT

5- BẤT VONG NIỆM

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, cầu Thiện tri thức, cầu thiện hộ trợ, vô như bất vong niệm. Nhược hữu bất vong niệm giả, chư phiền nảo tắc tắc bất năng nhập, thị cố

nhữ đẳng thường đương nhiếp niệm tại tâm. Nhược thất niệm giả, tắc thất chư công đức. Nhược niệm lực kiên cường, tuy nhập ngũ dục tặc trung, bất vi sở hại; thí như trước khải nhập trận, tắc vô sở úy, thị danh bất vong niệm.

6- THIÊN ĐỊNH

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, nhược nhiếp tâm giả tâm tắc tại Định, tâm tại định cố, năng tri thế gian sanh diệt pháp tướng; thị cố nhữ đẳng, thường đương tinh cần tu tập chư định, nhược đắc định giả tâm tắc bất tán. Thí như tích thủy chi gia, thiện trị đê đường; hành giả diệt nhĩ, vi trí huệ thủy cố thiện tu Thiên định, linh bất lậu thất, thị danh vi Định.

BÀI THỨ MƯỜI HAI

7- TRÍ HUỆ

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, nhược hữu trí huệ, tắc vô tham trước, thường tự tỉnh sát, bất linh hữu thất; thị tắc ư ngã pháp trung năng đắc giải thoát. Nhược bất nhĩ giả, ký phi đạo nhơn, hựu phi bạch y, vô sở danh dã! Thật trí huệ giả, tắc thị độ lão, bệnh, tử hải kiên lao thuyên dã, diệt thị vô minh hắc ám đại minh đăng dã, nhưt thiết bệnh giả chi lương dược dã, phạt phiền não thọ chi lợi phủ dã. Thị cố nhữ đẳng, đương dĩ Văn, Tư, Tu huệ nhi tự tăng ích, nhược nhơn hữu trí huệ chi chiếu, tuy thị nhục nhơn nhi thị minh kiến nhơn dã, thị vi trí huệ.

8- BÁT HÝ LUẬN

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, chủng chủng hý luận kỳ tâm tắc loạn, tuy phục xuất gia du vị đắc thoát; thị cố Tỳ-kheo đương cấp xả ly loạn tâm hý luận. Nhược nhữ dục đắc tịch diệt lạc giả, duy đương thiện diệt hý luận chi hoạn, thị danh bát hý luận.

BÀI THỨ MƯỜI BA

C. LƯU THÔNG PHẦN

1- CẦN TU

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, ư chư công đức thường đương nhưt tâm xả chư phóng dật, như ly oán tặc. Đại bi Thế Tôn sở thuyết lợi ích giai dĩ cứu cánh, nhữ đẳng dẫn đương cần nhi hành chi. Nhược ư sơn gian, nhược không trạch trung, nhược tại thọ hạ, nhàn xử tịnh thất, niệm sở thọ pháp vật linh vong thất, thường đương tự miễn tinh tấn tu chi, vô vi không tử, hậu trí hữu hối. Ngã như lương y tri bệnh thuyết dược, phục dữ bất phục phi cứu dã. Hựu như thiện đạo, đạo hơn thiện đạo, văn chi bất hành phi đạo quá dã.

BÀI THỨ MƯỜI BỐN

2- CHỨNG QUYẾT

Nhữ đẳng nhược ư khổ đẳng Tứ đế hữu sở nghi giả khả tạt vấn chi, vô đắc hoài nghi bất cầu quyết dã. Nhĩ thời, Thế Tôn như thị tam xương, hơn vô vấn

giả. Sở dĩ giả hà? Chúng vô nghi cố. Thời A Nậu Lô Đà quán sát chúng tâm nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nguyệt khả linh nhiệt, nhật khả linh lãnh, Phật thuyết Tứ đế, bất khả linh dị. Phật thuyết Khổ đế thật khổ, bất khả linh lạc; Tập chơn thị nhơn, cánh vô dị nhơn; Khổ nhược Diệt giả, tức thị nhơn diệt, nhơn diệt cố quả diệt; diệt khổ chi đạo, thật thị chơn đạo, cánh vô dư đạo. Thế Tôn! Thị chư Tỳ-kheo ư Tứ đế trung, quyết định vô nghi.

BÀI THỨ MƯỜI LĂM

3- ĐOẠN NGHI

a) Hiện dư nghi

Ư thử chúng trung, nhược sở tác vị biện giả, kiến Phật diệt độ, đương hữu bi cảm, nhược hữu sơ nhập pháp giả, văn Phật sở thuyết tức giai đắc độ, thí như dạ kiến điển quang, tức đắc kiến đạo; nhược sở tác dĩ biện dĩ độ khổ hải giả, dẫn tác thị niệm: Thế tôn diệt độ nhưt hà tạt tai!

b) Đoạn dư nghi

A Nậu Lô Đà tuy thuyết thử ngữ, chúng trung giai tất liễu đạt Tứ thánh đế nghĩa, Thế Tôn dục linh thử chư đại chúng giai đắc kiên cố, dĩ đại bi tâm phục vị chúng thuyết: “Nhữ đẳng Tỳ-kheo, vật hoài bi não, nhược ngā trụ thế nhưt kiếp, hội diệt đương diệt; hội nhi bất ly, chung bất khả đắc. Tự lợi lợi tha, pháp giai

cụ túc, nhược ngã cứu trụ, cánh vô sở ích. Ứng khả độ giả, nhược thiên thượng nhưn gian, giai tất dĩ độ; kỳ vị độ giả, giai dĩ tác đắc độ nhưn duyên, tự kim dĩ hậu, ngã chư đệ tử triển chuyển hành chi, tắc thị Như Lai pháp thân thường tại nhi bất diệt dã”.

BÀI THỨ MƯỜI SÁU

c) Trùng khuyến tu

Thị cố đương tri: Thế giai vô thường, hội tất hữu ly, vật hoài ưu não, thế tướng như thị, đương cần tinh tấn tảo cầu giải thoát, dĩ trí huệ minh diệt chư nghi ám. Thế thật nguy thuy vô kiên lao giả, ngã kim đắc diệt, như trừ ác bệnh. Thử thị ưng xả chi thân, tội ác chi vật, giả danh vi thân; một tại lão bệnh sanh tử đại hải, hà hữu trí giả đắc trừ diệt chi như sát oán tặc nhi bất hoan hỷ?

4- CHÚC PHÓ LƯU THÔNG

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, thường đương nhứt tâm cần cầu xuất đạo, nhứt thiết thế gian Động, bất động pháp, giai thị bại hoại bất an chi tướng. Nhữ đẳng thả chỉ, vật đắc phục ngữ! Thời tương dục quá, ngã dục diệt độ. Thị ngã tối hậu chi sở giáo hối.

*

* *

CẢNH SÁCH
(NGHĨA CHÚ)

LỜI GIỚI THIỆU

Trong thế gian này có hai con đường, đường đời và đường đạo. Đi theo con đường đời thì xuôi thuận dễ đi, đi theo con đường đạo thì đi ngược dòng mà có nhiều điều trở ngại.

Vì thế nên trên con đường tu hành, cần phải có nhờ Thiện tri thức nhắc bảo.

Nội dung tập Cảnh Sách này chỉ khuyên răn nhắc bảo mọi người sớm lo tu tỉnh, vì thân này do nhân duyên hòa hợp mà có ra, nó vô thường, sớm còn tối mất, giây phút qua đời khác, như sương mùa xuân, như móc ban mai ở đầu ngọn cỏ, lại cũng như chiêm bao, như bóng bọt nước, không có được lâu bền...

Người thật tâm tu hành thường lo sợ lục căn xúc đối với lục trần cảnh, mà phải giữ lục căn cho thanh tịnh. - Thì ở sau tập Cảnh Sách này chư Tổ có dạy: Chỉ mình vô tâm đối với muôn vật thì đâu có ngại gì muôn vật nó trói buộc mình. Con trâu sắt không sợ con sư tử rống hét, in như người gỗ xem con chim vẽ; con chim vẽ thấy người gỗ nó cũng không sợ, vì người

gỗ bản thể nó là vật vô tình. Tâm cảnh như như chỉ là thể, lo chi đạo Giác Ngộ không thành.

Như thế đủ biết rằng, người tu hành muốn chứng thành quả Giác thì thường căn đối với cảnh không còn phân biệt nữa (hiện lượng cảnh).

Soạn dịch giả tập Cảnh Sách này rất có nhiều thiện chí, là có công phu chọn lọc sắp soạn ra từng bài, giải thích rành rõ, làm cho học giả dễ nhận hiểu. Như thế cũng đủ nói lên công đức vô biên của soạn dịch giả.

Tôi rất hoan hỷ xin ghi lên trang đầu vài dòng để tán dương công đức đó, đồng thời giới thiệu với các học giả Phật tử bốn phương tập Cảnh Sách này. Mong cho mọi người được đọc để tìm hiểu sự lợi ích trong đường lối tu hành thật sự.

Cẩn chí

THÍCH THIÊN HÒA

LỜI NÓI ĐẦU

Lời văn Cảnh Sách này, từ xưa các Tổ ở Trung Hoa đã từng liệt nó vào khóa trình tu học của Tăng giới, cho đến cả Việt Nam cũng vậy.

Hiện nay, nó vẫn còn giữ một vai trò quan trọng trong chương trình tu học của Tăng Ni sinh, đủ hiểu giá trị của nó như thế nào rồi.

Tổ Qui Sơn ra đời sau Phật diệt độ khoảng 1.800 năm tức là đã bước vào thời Tượng mạt. Nhân vì Ngài nhìn thấy Tăng đồ lúc bấy giờ đã xao lãng việc tu hành, nên Ngài viết ra lời văn này để cảnh tỉnh, vì thế mới gọi là Cảnh Sách. Còn hai chữ Qui Sơn là do người sau vì lòng tôn kính Ngài mà thêm vào.

Lời văn Cảnh Sách thật là điêu luyện, vừa già dặn vừa chải chuốt, lại vừa lâm ly cảm động, tỏ ra Ngài rất giỏi về văn chương. Mỗi khi đọc lời văn này, chúng ta cảm thấy như Ngài đang ở trước mặt. Nhiều đoạn có thể làm cho người đọc phải rơi nước mắt cảm thương cho Phật pháp suy tàn mà phải cố gắng, tiến tu đạo nghiệp.

Đã hơn mười năm ròng rã hướng dẫn Tăng Ni tại các Phật học viện, tôi từng muốn dịch bộ Cảnh Sách này ra chữ Việt nhưng vì thời giờ không cho phép. Hơn nữa, tôi nhận thấy lời văn của Tổ quá hay mà sức mình thì không theo kịp, nên cứ mãi rụt rè rồi buông viết. Nhưng hoàn cảnh đẩy xô không làm không được vì học chúng hiện nay Hán văn rất kém, nếu đem nguyên bốn chữ Hán ra dạy, khi dạy rồi, học chúng lại trả hết cho thầy. Cuối cùng, tôi phải cố gắng dịch bộ Cảnh Sách này với mục đích là giúp ích cho các Tăng Ni sinh và quý bạn hâm mộ nghiên cứu giáo lý.

Trước khi dịch, tôi có ý định khi dịch ra văn xuôi xong phụ dịch thành văn vần để cho dễ nhớ nhưng tình cờ tôi gặp được bản dịch văn vần của Hòa thượng Bích Liên đăng trong tạp chí Từ Bi Âm, khi đọc qua, tôi nhận thấy Ngài dịch rất sát với nguyên văn chữ Hán, nên tôi bỏ ý định trước, đem nó ngắt ra từng đoạn đặt vào sau mỗi bài mà không làm công việc trùng điệp kia nữa.

Tuy nhiên, bản dịch của Ngài có một vài chữ hơi cổ hiện thời khó hiểu, nên tôi mạn phép đổi lại cho hợp thời hợp cảnh.

Khi tôi chọn bản dịch của Ngài vào đây với hai mục đích:

Một là muốn bảo tồn cái công nghiệp chấn hưng Phật giáo của các bậc Tiên bối khỏi bị vùi lấp trong sự lãng quên.

Hai là để tỏ lòng mến phục của mình.

Trong khi dịch, tôi cố gắng dịch thật sát với nguyên văn để người đọc dễ bề so sánh. Tuy nhiên có một vài câu quá bóng bẩy, quá hàm súc, tôi phải thêm một vài chữ hoặc đổi một vài tiếng cho dễ đọc, nhưng vẫn giữ được nghĩa chánh của nó.

Về cách trình bày thì: Trước là nguyên văn chữ Hán, kế là phần dịch nghĩa, rồi đến phần chú thích từ ngữ, sau đó là đại ý và văn vần, cuối cùng là câu hỏi.

Ở sau bản dịch này, tôi có thêm phần dịch âm chữ Hán của mỗi bài và phụ thêm một bài Sám Qui Mạng của ngài Di Sơn Thiên Sư mà tôi đã dịch ra văn vần theo thể song thất lục bát.

Về nội dung của bản dịch, tôi chỉ dịch nghĩa và chú thích từ ngữ mà không có giải thích chánh văn, nên tôi đặt tên cho nó là CẢNH SÁCH NGHĨA CHÚ.

Mặc dù khi dịch, tôi đã cố gắng hết mức theo sự hiểu của mình, nhưng không sao tránh khỏi được sự vụng về, thiếu sót, cúi mong các bậc Thiện tri thức vì lòng từ bi chỉ giáo cho.

Dịch giả
CẢN CHÍ

BÀI I

I. HÁN TỰ

策形，乃背人那
 警免體，雖為與刹
 師未遺。雖為與刹
 禪，之成。常不，亡
 圓身，母共，病夕
 大受父而持，老存
 山繫稟緣扶常朝。
 瀉業。眾大無。世
 夫累假四。期異

II. NGHĨA

Lời cảnh sách của Tổ Qui Sơn Đại Viên Thiên Sư

Xét vì nghiệp buộc thọ thân, chưa khỏi hình lụy, di thể nhờ vào cha mẹ, mượn các duyên chung hợp mà thành; tuy rằng bốn đại nương nhau, nhưng thường chống trái ; vô thường, lão, bệnh chẳng hẹn cùng người, sớm còn tối mất, bỗng chốc đã qua đời khác.

III. CHÚ

Hình lụy : Hình phạt và khổ lụy. Sự khổ sở của phần đoạn sanh tử. Cũng có chỗ viết chữ *Hình* là *hình thể* nên ta cũng có thể giải nghĩa là; sự khổ lụy thuộc về hình hài.

Vô thường : Xưa không mà nay có, tạm có rồi lại không, đây là chỉ cho sát-na không an trụ, tức là tên khác của Tử.

Sát-na : Thời gian rất ngắn. Trong một Đại niệm thì có: 81.000 sát na, trong một sát-na có 900 sanh diệt. Như vậy mỗi một Đại niệm có đến 72.900.000 sanh diệt.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Thân này do nghiệp ràng buộc và nhiều duyên giả hợp thì không thể nào tránh khỏi được khổ quả: sanh, già, bệnh và chết của luật vô thường.

V. VẤN VẤN

*Thầy Đại Viên ở miền Quý Linh,
 Dạy người, làm bài “Cảnh sách văn”.
 Rằng mang lấy nghiệp làm thân,
 Máy ai cho khỏi mắc chân lụy mình.
 Thọ cha mẹ di hình vẫn phải,
 Mượn các duyên chung lại mới xong.
 Tuy là địa, thủy, hỏa, phong,
 Giúp nhau nhưng cũng thường cùng
 nghịch nhau.
 Con vô thường khi đau khi yếu,
 Máy cùng ai trước hiểu một lời.
 Sớm còn tối mất như chơi
 Trong giây phút đã đổi đời khác ra.*

VI. CÂU HỎI

1. Do nguyên nhân nào thúc đẩy mà con người phải thọ thân? Khi thọ thân, con người phải chịu trực tiếp và gián tiếp những nhân duyên gì?
2. Khi con người không thể vượt ngoài công lệ của nhân duyên thì con người phải chịu những ảnh hưởng như thế nào trong suốt giai đoạn đã thọ thân đó?

*

* *

BÀI II

I. HÁN TỰ

譬 如 ， 春 霜 曉 露 ，
 倏 忽 即 無 。 岸 樹 井 藤
 ， 豈 能 長 久 。 念 念 迅
 速 。 一 剎 那 間 ， 轉 息
 即 是 來 生 。 何 乃 晏 然
 空 過 。

II. NGHĨA

Thí như : sương xuân, móc sớm, chợt có liền không; cây bờ dây giếng nào được lâu dài; niệm niệm qua mau, trong một sát-na dứt hơi tức là đời khác. Cớ sao nữ an nhiên bó khổng!

II. CHÚ

Niệm : Là vọng niệm của tâm sanh diệt của phàm phu. Niệm có Đại niệm và Tiểu niệm. Niệm ở đây tức là Đại niệm. Một Tiểu niệm tức là một sát-na. Theo trong luật Tăng Kỳ thì: Một cái khảy móng tay có 20 cái nháy mắt; một cái nháy mắt có 20 cái niệm (Đại

niệm); Một niệm (Đại niệm) có 90 sát-na (Tiểu niệm). Nói *Niệm Niệm* là chỉ cho niệm trước chưa diệt, niệm sau lại sanh, từng niệm sanh diệt nối nhau không dứt, trạng thái rất nhanh chóng, nếu chẳng có huệ nhãn thì không thể thấy được.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này đem các thí dụ để chỉ rõ cảnh vô thường nhanh chóng để khuyên phải gắng tu đạo nghiệp.

V. VĂN VẤN

*Ví sương lộ vừa sa đầu đó,
Mảnh hình hài thoạt có thoạt không.
Kìa như cây đứng bờ sông,
Nọ dây vành giếng khó trông lâu dài.
Xúc niệm niệm vãng lai quá gấp,
Phắc phắc theo hồi hấp cho mau.
Một trong giây phút bao lâu?
Tắt hơi thì đã kiếp sau đi rồi.
Cớ sao nữ lần hồi lây lất,
An một bề bỏ vất kiếp nay.*

IV. CÂU HỎI

1. Vì sao Tổ Qui Sơn lại ví kiếp sống của con người như cây bờ dây giếng ?
2. Kiếp sống của con người được bao lâu ?
3. Vậy chúng ta phải làm sao để khỏi trải qua một kiếp sống thừa chết uống ?

BÀI III

I. HÁN TỰ

父 母 不 供 甘 旨 。 六
 身 固 以 棄 離 。 不 能 安
 國 治 邦 。 家 業 頓 捐 繼
 嗣 。 緬 離 鄉 黨 。 剃 髮
 稟 師 。 內 勤 克 念 之 功
 。 外 弘 不 爭 之 德 。 迴
 脫 塵 世 ， 冀 期 出 離 。

II. NGHĨA

Mẹ cha không cung phụng miếng ngon, sáu thân quyết chí xa lìa; chẳng ra trị quốc an bang, gia nghiệp dứt đi chẳng nối, lánh xa làng xóm, cạo tóc theo thầy; trong cố công khắc niệm, ngoài biểu đức lục hòa; vượt ra trần thế, mong kỳ xuất ly.

III. CHÚ

Sáu thân : Sáu bậc bà con gần: cha, mẹ, anh, em, vợ và con.

Trị quốc : Xếp đặt sửa sang việc nước.

An bang : Làm cho quốc gia được yên.

Gia nghiệp : Gia sản và nghề nghiệp.

Lục hòa : Tức là sáu phép hòa kính: 1) Giới hòa đồng tu. 2) Kiến hòa đồng giải. 3) Thân hòa đồng trụ. 4) Lợi hòa đồng quân. 5) Khẩu hòa vô tranh. 6) Ý hòa đồng duyệt.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Người xuất gia rời bỏ thế tục, rộng tu phước huệ, mong cầu giải thoát.

V. VĂN VẤN

*Mẹ cha ngon ngọt chút gì?
 Cả trong sáu họ cũng thì cách xa.
 Nỗi an nước trị nhà lại vắng,
 Gia nghiệp đã bỏ chẳng nói nơi.
 Tránh làng xóm cũ xa xuôi,
 Cạo đầu rồi lại tìm tòi Sư tông.
 Trong đã dốc gắng công niệm Phật,
 Ngoài lại thêm công đức nhịn người.
 Veo veo xa cách bụi đời,
 Quyết trông cho khỏi cho rồi mới xong.*

VI. CÂU HỎI

1) Người xuất gia nhất định phải thiếu những bốn phận gì ?

2) Vậy chúng ta phải làm sao để bù vào những khuyết điểm đó ?

*

* *

BÀI IV

I. HÁN TỰ

何 乃 纔 登 戒 品 。 便
 言 ， 我 是 比 丘 。 檀 越
 所 須 ， 喫 用 常 住 。 不
 解 忖 思 來 處 ， 謂 言 法
 爾 合 供 。 喫 了 聚 頭 喧
 喧 ， 但 說 人 間 雜 話 。

II. NGHĨA

Thì sao vừa lên giới bậc, bèn xưng ta là Tỳ Kheo, rồi của đàn việt sắm ra, trong thường trụ ăn dùng, chẳng biết nghĩ của ấy từ đâu, lại còn bảo “phép phải như thế”, ăn rồi dùm dầu bàn phiêm, chỉ nói chuyện tạp thế gian.

II. CHÚ

Giới bậc : Có bốn: 1) Ngũ giới. 2) Thập giới. 3) Cụ túc giới. 4) Bồ Tát giới. Ngũ giới và Bồ Tát giới thông

cả tại gia và xuất gia, còn Thập giới và Cụ túc giới thì chỉ hạn cuộc trong hàng xuất gia.

Tỳ Kheo : Là người thọ Cụ túc giới. Tỳ Kheo là tiếng Phạn, có hàm súc ba nghĩa:

1) *Phá ác* : Phá trừ ác nghiệp. Như khi mới đắc giới, do vì Tam yết ma mà phát ra Thiện luật nghi phá trừ Ác luật nghi; lần lần nếu hành giả được thông suốt thì có thể phá trừ được cái ác của Kiến Tư nên gọi là Phá ác.

2) *Bố ma* : Làm cho Ma Vương kinh sợ. Khi người tu hành phá trừ ác nghiệp thì Ma Vương nghĩ rằng: “Người này không những ra khỏi hàng ngũ của ta mà còn truyền đấng giáo hóa bà con của ta khiến cho cung điện trống trơn”, nên sanh tâm lo sợ.

3) *Khất sĩ* : Khất là khất cầu, sĩ là chỉ người thanh nhā. Nghĩa là trong thì tu cái đức thanh nhā, ngoài thì lia thứ cơm tứ tà, sống cuộc đời trong sạch, làm những điều phước, lợi lạc chúng sanh, phá tâm kiêu mạn.

Đàn việt : Đàn là đàn-na, dịch âm của Phạn ngữ, có nghĩa là thí (bố thí); việt là việt độ, là tiếng Hán, có nghĩa là vượt qua. Nghĩa là: Nếu ai có thể làm hạnh bố thí thì đời đời sẽ vượt qua biển khổ bản cùng.

Thường trụ : Có chia làm bốn loại:

1) *Thường trụ thường trụ* : Là Tăng tự, phòng xá, vật dụng, ruộng vườn, hoa quả v.v... vì thể chất hạn cuộc tại chỗ, chẳng thông ở những nơi khác, chỉ được

thọ dụng mà không được chia bán, nên nói trùng lặp hai lần: Thường trụ thường trụ.

2) *Thập phương thường trụ* : Như vật thực cúng dường trong chùa, Tăng thường ăn dùng, thể chất thì thông cả mười phương Tăng, nhưng chỉ hạn cuộc tại chỗ.

Hai loại trên gọi là “Tăng Kỳ vật”. (Tăng Kỳ dịch là chúng. Chúng tức là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni. Tăng Kỳ vật là vật của đại chúng, của chúng Tăng).

3) *Hiện tiền hiện tiền* : Là Tăng hiện tiền được cúng thí vật. Vì chỉ cúng thí cho hiện tiền Tăng ở chỗ này mà không phải Tăng ở chỗ khác, như phẩm vật trai tăng v.v...

4) *Thập phương hiện tiền* : Như trong chúng có một người quá cố, vật dụng của người này khi chưa làm phép Yết ma thì vật ấy thông cả thập phương Tăng, còn khi Yết ma rồi thì thuộc về hiện tiền Tăng.

Hai loại vật sau này là hiện tiền Tăng vật.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói : Vì ham hố lợi danh làm mất đạo niệm, trái với sơ tâm buổi ban đầu.

V. VĂN VẤN

*Cớ sao mới vào vòng thọ giới,
Đã khoe mình rằng: Sãi Tỳ Kheo.
Mười phương cúng thí bao nhiêu,*

*Cửa trong thường trụ ăn tiêu mặc dầu.
Chẳng biết nghĩa của từ đâu lại,
Dám nói rằng: phép phải cúng dâng.
Ăn rồi chầu óc bưng lừng,
Cùng nhau nói những chuyện trần mà thôi.*

VI. CÂU HỎI

1. Người xuất gia vừa thọ Tỳ Kheo giới vì sao không được khoe mình là Tỳ Kheo ?
2. Người tu hành có được tự do ăn dùng của thường trụ hay không ? Tại sao ?
3. Trước khi ăn cơm và sau khi ăn phải làm gì ? Câu hỏi này nếu đem áp dụng vào đời sống hàng ngày của những đứa trẻ, của các học sinh ngoài đời sẽ được lợi ích gì ?
4. Cửa thường trụ chia làm mấy thứ ?

*

* *

BÀI V

I. HÁN TỰ

然 則 ○ 一 期 趁 樂 ，
 不 知 樂 是 苦 因 ○ 曩 劫
 徇 塵 ， 未 嘗 返 省 ○ 時
 光 淹 沒 歲 月 蹉 跎 ○ 受
 用 殷 繁 ， 施 利 濃 厚 ○
 動 經 年 載 ， 不 擬 棄 離
 ○ 積 聚 滋 多 ， 保 持 幻
 質 ○

II. NGHĨA

Thế thì, một thưở đua vui, chẳng biết vui là nhân khổ; nhiều kiếp theo trần chưa từng phản tỉnh; ngày giờ lặn mất, năm tháng trôi qua, thọ dụng càng nhiều lợi thứ càng đậm; nhiều năm dồn dập chẳng nghĩ bỏ xa; chứa góp thêm nhiều từng tui vóc huyền.

III. CHÚ

Thọ dụng : Hưởng chịu và tiêu dùng ở trong một đời.

Lợi thí : Tài lợi do sự cúng thí, tức là từ sự cúng dường của đàn na thí chủ.

Phản tỉnh : Phản vọng tỉnh chơn, tức là trái với vọng trần, trở về chơn tánh.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Chúng ta đam mê theo tiền tài danh lợi, chỉ biết hưởng thụ để tưng tiu cái thân hư giả mà không biết đó là nhân khổ; bỏ phí thì giờ không lo tu huệ.

V. VĂN VẤN

*Vậy thời muốn cho vui một lúc,
Chẳng biết vui là gốc khổ sau.
Kiếp xưa theo những trần lao,
Kiếp này đã xét chút nào lại đâu?
Ngày giờ để lu bù lặn mất,
Năm tháng cam lây lất dần dà,
Bộn bần tiền của xay xa,
Mười phương cúng thí lợi ra ê hề,
Trái máy lớp năm kia năm nọ,
Chẳng nghĩ mà quăng bỏ cho xa.
Của tiền thêm chứa nhiều ra,
Toan đem vóc hoạn giữ mà tưng tiu.*

VI. CÂU HỎI

1. Vui và khổ là hai thái cực nghịch chiều, tại sao ở đây lại nói vui là nhân khổ ?

2. Vậy cái vui nào mới là cái vui chơn thật ?

3. Chúng ta và chư Phật có thể là đồng sanh nhưng

tại sao chúng ta cứ mãi sanh tử mà chư Phật lại được Niết Bàn ?

4. Người xuất gia cứ lo chứa góp tiền của do đàn na cúng thí và cũng chịu xác thân hư huyễn này có trái lời Phật dạy không ? Tại sao ?

*

* *

BÀI VI

I. HÁN TỰ

導 師 有 敕 ， 戒 勗 比
 丘 ； 進 道 嚴 身 ， 三 常
 不 足 。 人 多 於 此 ， 眈
 味 不 休 ， 日 往 月 來 ，
 颯 然 白 首 。 後 學 未 聞
 旨 趣 ， 應 須 博 問 先 知
 ， 將 謂 出 家 ， 貴 求 衣
 食 。

II. NGHĨA

Đạo sư có dạy, khuyên gắng Tỳ Kheo: Nơi đạo
 sửa mình, ba thường chẳng đủ, người nhiều ham
 nó, say mê chẳng dứt, ngày qua tháng tới, phút
 chốc bạc đầu; kẻ hậu học chưa nghe chỉ thú, vậy
 nên phải rộng hỏi bậc tiên tri. E cho sự nghiệp
 xuất gia mang tiếng quý vì cơm áo.

III. CHÚ

Đạo sư : Bực thầy dẫn đường, ở đây chỉ cho Đức Thích Ca Mâu Ni.

Ba thường : Ăn, mặc và ngủ nghỉ.

Chỉ thú: Ý chỉ và thú hướng, con đường tiến đến đạo quả.

Tiên tri : Những bậc hiểu biết trước mình.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này dạy kẻ xuất gia phải gắng chí giữ mình theo đạo, không nên quá ham mê về vật chất để cho ngày tháng lẩn qua.

V. VĂN VẤN

*Xưa Đạo Sư có điều nghiêm sắc,
 Để dạy răn những bậc Tỳ Kheo.
 Nghiêm mình giữ đạo mà theo,
 Rằng: ăn, mặc, ngủ thường nghèo cả ba.
 Đời nhiều kẻ đắm sa vào đó,
 Chẳng khi nào dứt bỏ cho xong.
 Lần lần ngày ruổi tháng dong,
 Phát phơ đầu đã như bông trắng phè.
 Kẻ hậu học chưa nghe lý Phật,
 Phải rộng tìm hỏi bậc Tiên tri.
 Ngỡ là cát bước ra đi,
 Ở chùa quý những toan vì áo cơm.*

VI. CÂU HỎI

1. Vì sao đối với ba vấn đề thông thường là: ăn, mặc và ngủ, Đức Phật dạy phải tri túc ? Tri túc có lợi gì trên bước đường tiến tu đạo nghiệp ?

2. Khi chúng ta đã phát tâm xuất gia rồi, phải làm sao để khỏi mang tiếng quý vì cơm áo ?

*

* *

BÀI VII

I. HÁN TỰ

佛先制律，啟創發
 蒙。軌則威儀，淨如
 冰雪。止持作犯，束
 斂初心。微細條章，
 革諸猥弊。毗尼法
 ，曾未叨陪。了義上
 乘，豈能甄別。可惜
 ，一生空過，後悔難
 追；教理未嘗懷，
 玄道無因契悟。

II. NGHĨA

Phật trước chế Luật, mở kẻ sơ mông; quy tắc uy nghi sạch như băng tuyết; “chỉ trì tác phạm” bó buộc tâm đầu; điều chương nhỏ nhít, sửa các tệ tình, nơi pháp tịch Tỳ ni, chưa từng học hỏi, thì chỗ “liễu nghĩa thượng thừa” làm sao phân biệt.

Đáng tiếc, một đời luống qua, sau ăn năn không kịp, giáo lý chưa từng để lòng, chỗ huyền đạo nhân đầu kế ngộ.

III. CHÚ

Sơ mông : Sơ cơ mông muội. Trong chánh văn, câu : “Khải sáng phát mông” tức là “Khải phát sáng mông”. Chữ Sáng có nghĩa là: mới, bắt đầu cũng như nghĩa của chữ Sơ. Câu trên có nghĩa là: “Mở mang cho những kẻ sơ cơ mông muội”. Những kẻ mới bắt đầu vào đạo tập sự tu hành gọi là sơ cơ, nhưng vì chưa chứng Thánh vị nên gọi là mông muội.

Qui tắc : Qui phạm và phép tắc của giới luật.

Uy nghi : Uy nghiêm và nghi biểu. Uy nghiêm khiến cho người nể sợ; Nghi biểu làm cho người kính mến. Uy nghi cũng chính là tác phong đạo đức.

Chỉ trì tác phạm : Chỉ tức là trì giới, Tác tức là phạm giới. Nghĩa là; Dứt ác tức là trì giới, mà làm ác tức là phạm giới.

Sơ tâm : Tâm cầu đạo lúc ban đầu.

Điều chương : Điều tướng nhỏ nhất trong 250 giới. Thường gọi là 3 ngàn uy nghi, 8 muôn tế hạnh.

Tệ tình : Chỉ cho các hoặc tập nhiễm. Đó chính là Tam độc, Thập sử .

Liễu nghĩa : Nghĩa lý rõ ràng thông suốt, tức là chỉ cho Kinh giáo Đại thừa.

Thượng thừa : Chính là Vô Thượng thừa, tức là chỉ cho Phật vị. “Liễu nghĩa thượng thừa là nói: “Kinh giáo của bậc thượng thừa là Kinh giáo liễu nghĩa”.

Huyền đạo : Đạo lý u huyền, vi diệu, tịch diệt, vô tướng. Đây là chỉ cho Tâm Ấn của Phật Tổ. Vì Tâm Ấn ấy không thể dùng lời mà suy diễn được, nên chỉ tạm gọi là huyền đạo.

Khế ngộ : Khế là hợp, Ngộ là ngộ nhập. Là hợp với chơn lý mà ngộ nhập.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói về Giới học trong Tam học. Tam học là Giới, Định và Huệ.

V. VĂN VẤN

*Phật trước đã chế làm Giới luật,
 Vì kẻ khờ ra sức mở mang.
 Uy nghi phép tắc rõ ràng,
 Trong dường như tuyết, sạch dường như băng.
 Làm tức phạm mà ngăn tức giữ,
 Tóm buộc lòng trong thứ ban sơ.*

*Điều chương nhỏ nhỏ như tơ,
Dạy người đổi các thói khờ xưa kia.
Đàn giảng Giới chưa kê chưa dựa,
Nghĩa Thượng thừa khó lựa khó phân.
Tiếc thay một thuở lần cần,
Sau rồi nghĩ lại ăn năn kịp gì?
Kìa lẽ dạy chẳng ghi vào dạ,
Nọ đạo huyền nào đã biết cho.*

VI. CÂU HỎI

1. Vì sao trước tiên Phật lại chế định giới luật?
2. Muốn hiểu rõ được pháp liễu nghĩa thượng thừa thì phải làm sao ?
3. Muốn khế ngộ được huyền đạo thì phải học những gì ?

*

* *

BÀI VIII

I. HÁN TỰ

及至，年高臘長，
 空腹高心；不肯親附
 良朋，惟知倨傲；未
 諳法律，戢斂全無；
 或大語高聲，出言無
 度；不敬上中下坐，
 婆羅門聚會無殊。惋
 鉢作聲，食畢先起；
 去就乖角，僧体全無
 ，起坐忪諸，動他心

念 ○ 不 存 些 些 軌 則 ，
 小 小 威 儀 ， 將 何 束 斂
 後 昆 ， 新 學 無 因 倣 倣
 ○ 纔 相 覺 察 ， 便 言 我
 是 山 僧 ○ 未 聞 佛 教 行
 持 ， 一 向 情 存 粗 糙 ○

II. NGHĨA

Đến chừng tuổi cao tác lớn, bụng rộng lòng kiêu; chẳng chịu gân gũ bạn lạnh, duy biết ngạo mạn; chưa am tường luật pháp, thâm nhiếp toàn không. Lắm lúc to tiếng lớn lời, nói năng vô độ. Chẳng biết kính bậc thượng, trung, hạ tọa, như Bà-la-môn tụ hội khác gì. Bát chén khua vang, ăn rồi dậy trước. Đứng đi trái phép, Tăng thể chẳng còn. Ngồi đứng không yên, động tâm kẻ khác, chẳng còn mảy may quy tắc, mảnh múngh uy nghi, lấy gì thúc liễm đàn em, tân học nương đâu bắt chước. Nếu ai vừa nhắc nhở, liền bảo: “Ta là Sơn Tăng”. Chưa nghe lời Phật dạy để hành trì, nên tánh tình vẫn một bề thô tháo.

III. CHÚ

Am tường : Hiểu biết rõ ràng.

Thâu nhiếp : Do dịch chữ tập liễm ở chánh văn. Chữ TẬP có nghĩa là cấm chỉ; chữ LIỄM có nghĩa là thu lại, góp lại, kết tụ lại. Thâu nhiếp tức là gom giữ lại, gom giữ ba nghiệp trong giới luật, không cho mất.

Thượng, trung, hạ tọa : Là Thượng tọa, Trung tọa và Hạ tọa.

Thượng tọa : Từ 30 tuổi hạ trở lên.

Trung tọa : Từ 10 tuổi hạ trở lên.

Hạ tọa : Từ 5 tuổi hạ trở lên.

Bà-la-môn (Bràmana) : Là một trong bốn chủng tánh ở Ấn Độ. Nói đủ là Bà-la-ha-ma-na. Trung Hoa dịch là Ngoại ý, Tịnh hạnh, Tịnh chí v.v... Là một chủng tộc vưng thờ Đại Phạm Thiên mà tu hành. Những giống người này họ tự cho là họ được sanh ra từ nơi miệng của Phạm Thiên, nên trong bốn giai cấp, họ là trung thắng, do đó, riêng họ tự dùng tên Phạm để tự xưng.

Trong Kinh Phật gọi là Phạm chí cũng là chỉ cho giai cấp này.

Tăng thể : Thể thống của Tăng sĩ, cũng chính là danh dự của đoàn thể Tăng già, gọi là Tăng thể.

Tân học : Người mới vào đạo, mới bắt đầu tu học Phật pháp.

Thúc liễm : Kèm giữ, kiểm soát để dạy dỗ.

Sơn Tăng : Các nhà sư tu ở núi, thường lấy một câu thoại đầu làm căn bản. Ý tự cho người tu thiền chỉ lấy việc “Tức thân thành Phật” mà không cần đến những chi tiết nhỏ nhặt khác.

Hành trì : Giữ theo đó mà tu hành.

Thô tháo : Lý lắc. Tính tình lau chau lóc chóc, thô鄙, nghịch ngợm.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này trách lỗi người xuất gia không lo tu học, nên không biết Giới luật để hành trì và không thể làm mô phạm cho người sau.

V. VĂN VẤN

*Đến khi tuổi lớn tác to,
 Kiêu lòng trống bụng ra trò chi chi ?
 Chẳng nương dựa người Tri thức giỏi,
 Chỉ biết rằng giữ thói kiêu căng.
 Chưa thông pháp luật một phần,
 Lung lẳng nào có giữ thân chút nào ?
 Hoặc nói lớn lại cao hơi tiếng,
 Buông lời ra lỗ miệng không chừng.
 Khinh: cao, giữa, thấp ba từng,
 Khác nào xúm xít như đảng Bà-la,
 Tiếng đĩa chén khua ra thế ấy,
 Ăn vừa xong đứng dậy một mình.*

Tới lui trái phép lỗi tình,
 Xem trong Tạng thế ra hình chi đâu ?
 Khi đứng ngòi lao chao lỏng chổng,
 Phút xui nên người động lòng nghi.
 Chẳng còn phép tắc chút chi,
 Lóp sau hậu học lấy gì nối noi ?
 Xảy có kẻ cùng soi cùng xét,
 Bèn rằng ta vốn thiệt "Sơn Tạng".
 Chưa nghe phép Phật giữ gìn,
 Lòng còn những chuyện hung hăng
 chẳng chừa.

VI. CÂU HỎI

1. Có những người tuy vào chùa đã lâu mà vẫn thiếu tư cách, lễ độ của một ông Thầy, tánh nét thế gian không được hoán cải, là nguyên nhân nào ?
2. Những người như thế có thể hướng dẫn tín đồ, dạy dỗ đạo chúng được không ?
3. Vậy, chúng ta phải làm những gì để có một tác phong tối thiểu trong việc tiếp dẫn hậu lai ?
4. Theo trong đạo thì căn cứ vào đâu để biết cấp bậc lớn nhỏ ?
5. Thượng tọa, Trung tọa và Hạ tọa, mỗi bậc có bao nhiêu tuổi hạ ?

*

* *

BÀI IX

I. HÁN TỰ

如 斯 知 見 ， 蓋 為 初
 心 慵 惰 。 饜 饜 因 循 ，
 荏 苒 人 間 ， 遂 成 踈 野
 。 不 覺 蹶 踵 老 朽 ， 觸
 事 面 牆 ， 後 學 咨 詢 無
 言 接 引 。 縱 有 談 說 ，
 不 涉 典 章 。 或 被 輕 言
 ， 便 責 後 生 無 禮 。 嗔
 心 忿 起 ， 言 語 該 人 。

II. NGHĨA

Tri kiến thế kia, bởi do tâm đầu giải đãi; lợi danh ham hố, lần lựa qua ngày; lây lất theo đời trở thành quê dốt. Chẳng ngờ già nua lụm cùm,

**gặp việc ngỡ ngàng, kẻ hậu học hỏi thưa không lời
dứt điu; dẫu có luận bàn không nhằm sách vở.
Nếu bị khinh khi, bèn trách: “Hậu sanh vô lễ”.
Tâm sân nổi dậy, ăn nói lướt người.**

III. CHÚ

Tri kiến : Sự thấy biết. Tri kiến thế kia là tri kiến do ác tập mà ra.

Tâm đầu : Tâm ban đầu mới nhập đạo.

Kẻ hậu học : Kẻ theo học đạo sau mình.

Hậu sanh : Người sanh sau mình.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Vì lỗi khi mới vào đạo biếng nhác, do đó mà không thể dạy bảo người sau; giả như có dạy bảo thì không nhằm đạo lý.

V. VĂN VẤN

*Tri kiến thế, vì xưa trẽ nãi,
Đã tham tài mà lại tham ăn,
Lây xây trong cõi phong trần,
Lẽ nào cho khỏi mười phần đại ngu.
Chẳng dè nổi già nua lụn cùm,
Gặp việc thì mặt dùm vào phen.
Những người hậu học hỏi lên,
Lấy chi dứt điu cho nên một lời.
Dẫu có nói, nói chơi qua chuyện,*

*Chẳng nhằm vào trong điển tích chi.
Thế mà hoặc bị khinh khi,
Trách người sao chẳng kính vì tuổi cao.
Lòng nổi giận ào ào đổ nóng,
Mở miệng ra lướt giọng cãi càn.*

VI. CÂU HỎI

1. Tri kiến thế kia là những tri kiến gì? Đoạn văn nào đã nói đến tri kiến đó ?

2. Những người bước chân vào chùa rồi, mặc cho chuỗi ngày đưa đẩy, cứ buông trôi thả lỏng cuộc đời mình, không tu không học để cầu hưởng thượng thì sẽ chịu hậu quả như thế nào ?

*

* *

BÀI X

I. HÁN TỰ

一 朝 臥 疾 在 牀 ， 眾
 苦 縈 心 逼 迫 。 曉 夕 思
 忖 ， 心 裏 徊 惶 。 前 路 從
 茫 茫 ， 未 知 何 往 。 掘 預
 茲 始 奚 悔 。 自 恨 蚤 過 咎
 井 修 行 年 晚 多 諸 怖 樟 惶
 臨 穀 揮 穿 霍 飛 債 多 端 強 者
 業 牽 如 雀 負 緒 多 端 強 者
 先 偏 墜 。 無 常 殺 鬼 ，

念 念 不 停 。 命 不 可 延
 , 時 不 可 待 。 人 天 三
 有 , 應 未 免 之 。 如 是
 受 身 , 非 論 劫 數 。

II. NGHĨA

Một mai ngã bệnh tại giường, các khổ tranh nhau bức ngặt, ngày đêm lo nghĩ, lòng dạ bời bời. Đường trước mịt mờ chưa biết về đâu! Từ đây mới biết ăn năn, khát đến đào giếng sao kịp? Hận mình sớm chẳng dự tu, tuổi già sanh nhiều lầm lỗi. Lâm chung chợt đến, lo sợ bàng hoàng. Khác nào: Lưới thủng chim bay, thức tâm theo nghiệp; như người mắc nợ, kẻ mạnh trước đòi, tư lòng nhiều mối, chỗ nặng thì sa, quỷ dữ vô thường, luôn luôn hờn chực. Mạng chẳng kéo dài, giờ không thể đợi. Ba cõi như thiên, vẫn chưa ra khỏi. Thọ thân như vậy, kiếp số không cùng.

III. CHÚ

Dự tu : Dự là lo trước, dự bị; Tu là tu hành. Lo trước việc tu hành.

Thức tâm : Tâm thể của thức, tức là mạng căn, chính là Đệ bát A-lại-da thức hay thần thức.

Ba cõi nhơn thiên : Ba cõi là Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới. Nói ba cõi đã gồm có Nhơn Thiên, mà nói Nhơn Thiên cũng đã gồm có Ba cõi. Ở đây sở dĩ nói trùng điệp như vậy, là ý muốn nhấn mạnh để cho văn nghĩa lẫn nhau được rõ ràng.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Vì chẳng lo tu học, khi nghiệp quả đến rồi thì cái sự lo sợ và khổ não tranh nhau bức bách.

V. VĂN VẤN

*Một mai đau liệt chiếu giường,
 Biết bao nhiêu khổ buộc ràng ngặt thay !
 Nỗi lo nghĩ đêm ngày máy lớp,
 Trong lòng thêm hồi hộp bấy nhiêu.
 Chín e đường trước quạnh hiu,
 Mù mù chưa biết về theo chốn nào,
 Rày biết hồi làm sao nên chuyện,
 Đến khát mà đào giếng kịp đâu?
 Giận mình sớm chẳng dự tu,
 Tuổi già chưa để một bầu tội khiên!
 Khi gần chết múa men trợn trạt,
 Con hãi hùng xón xác khổ thay!
 Vừa khi lưới thủng chim bay,
 Khởi đầu thân thức theo rày nghiệp duyên.
 Như người mắc nợ tiền bạc thiếu,*

*Ai mạnh hơn trước níu trước đời;
Mối lòng nhiều chặng khúc nôi,
Chỗ nào trữu nặng chính rồi phải sa.
Cơn vô thường con ma sát quí,
Hối hả theo chẳng nghĩ chút nào.
Tuổi trời há dễ dài sao,
Tháng ngày há dễ lúc nào đợi ai.
Đành chưa hết đọa đày ba cõi,
Kiếp thọ thân nào hỏi ít nhiều.*

VI. CÂU HỎI

1. Do nguyên nhân nào mà người bệnh sắp chết lại sanh ra khổ não, lo âu và hối hận ?
2. Hối hận như vậy có lợi ích gì không ?
3. Đoạn văn này có thể cho chúng ta bài học gì quý giá ?

*

* *

BÀI XI

I. HÁN TỰ

感傷歎訝，哀哉切
 心！豈可緘言，遞相季
 警策。所恨同生像季
 ，去聖時遙，佛法生
 疎，人多懈怠；略伸
 管見，以曉後來。若
 不蠲矜，誠難輪迓。

II. NGHĨA

Cảm thương biết bao ! Nỗi niềm bi thiết! Há dám ngậm lời : cùng nhắc nhở nhau.

Hận nỗi, đồng sanh (vào thời) tượng quý, cách Thánh lâu xa, Phật pháp sanh lớn, người nhiều biếng nhác. Lược bày thiện kiến để bảo người sau. Nếu chẳng biết răn chữa, thật khó tránh đường đọa lạc!

III. CHÚ

Cảm thương : Vì cảm xúc ở hoàn cảnh bên ngoài mà sanh ra đau đớn trong lòng.

Tượng quý : Chữ *Quý* nghĩa như chữ *Mạt* là rốt, là cuối, sau *Mạnh* và *Trọng* (tức *Mạnh*, *Trọng* và *Quý*).

Căn cứ theo giáo pháp của Đức Như Lai được truyền bá ở đời mà người ta chia ra làm ba thời kỳ : *Chánh Pháp*, *Tượng Pháp* và *Mạt Pháp*.

- **Chánh pháp** : Sau khi Đức Phật nhập diệt trong khoảng 1.000 năm đầu, người tu hành phần nhiều đều được chứng quả. Nên chữ *Chánh* cũng chính là nghĩa của chữ *Chứng* vậy.

- **Tượng pháp** : Chữ *Tượng* có nghĩa như chữ *Tợ*, nghĩa là sự dạy dỗ, thật hành tương tợ như thời *Chánh Pháp* mà thôi. Sau Phật diệt độ trong khoảng 2.000 năm, người có tu hành theo giáo pháp, nhưng vì không đúng như thời chánh pháp, nên ít được chứng quả.

- **Mạt pháp** : Đức Như Lai diệt độ sau *Chánh Pháp* và *Tượng Pháp*. Khoảng một vạn năm, người tuy có bảm thọ giáo pháp, nhưng không thể tu hành chứng quả. Có chỗ nói: *Mạt Pháp* sau *Chánh Pháp* và *Tượng Pháp* đến ba vạn năm.

Ngài *Qui Sơn* ra đời vào thời đại nhà Đường, cách Đức Như Lai diệt độ khoảng 1.800 năm, nên gọi là *Tượng Quý*.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói : Tổ Qui Sơn thấy sự vô thường sanh tử thật khổ sở, phát khởi lòng thương cảm mà nhắc nhở mọi người cố gắng tiến tu để mong cầu đạo giải thoát.

V. VĂN VÂN

*Dám thương than thở mấy điều,
Tắc lòng bi thiết chín chiều quặng đau.
Lời răn gắng lẽ đâu đây miệng,
Thay cùng nhau dạy chuyện tu hành.
Riêng hờn tượng quý đồng sanh,
Kể từ đời Phật đến mình cách xa.
Phật pháp đã hóa ra thưa thớt,
Ai nấy đều giao giọt lòng tu.
Dem chỗ thấy hiểu người sau,
Bằng không chừa bỏ khó hầu kéo lên.*

VI. CÂU HỎI

1. Câu : “Hận nổi đồng sanh tượng quý”, thế nào là “Tượng quý ?”
2. Tổ Qui Sơn sanh sau Đức Phật khoảng bao nhiêu năm ?
3. Chúng sanh trong thời kỳ Tượng quý như thế nào khiến Tổ Qui Sơn phải than thở ?
4. Chúng ta ra đời đã vào thời mạt pháp được bao nhiêu năm ? Như vậy có còn hy vọng tu hành chứng quả được không ?

BÀI XII

I. HÁN TỰ

夫出家者，發足超
 方，心形異俗，紹隆
 聖種震攝魔軍，用報
 四恩，拔濟三有。若
 不如此，濫廁僧倫，
 言行荒疎，虛霑信施
 。昔年行處，寸步不
 移，恍惚一生，將何
 憑恃。

II. NGHĨA

Gẫm kẻ xuất gia, bước đi siêu việt; tâm, hình khác tục, nối hưng giống Thánh, khiếp phục ma quân, để đền đáp bốn ơn, cùng cứu giúp ba cõi.

Nếu không như thế, lộn núp lốt thầy; ngôn hạnh sỗ sàng, ăn lương tín thí, lâu năm đường cũ, tắc bước chẳng dời, măn kiếp lưng khùng, lấy đầu nương tựa.

III. CHÚ

Khiếp phục : Làm cho run sợ mà phục tùng theo.

Bốn ơn : Ôn quốc gia, ơn cha mẹ, ơn thầy bạn và ơn đàn việt.

Ba cõi : Dục hữu, Sắc hữu và Vô Sắc hữu. Trong đây nói ba cõi tức là chỉ cho tất cả chúng sanh.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này : Tổ Qui Sơn dạy người xuất gia phải lập hạnh cho cao và phải nên cố gắng theo chỗ lập hạnh đó mà làm.

V. VĂN VẤN

*Vả xuất thế bậc trên vượt khỏi,
Thân tâm này khác thói nhân gian.
Nói thêm giống Phật bộn bàn,
Uy thần chống xếp muôn ngàn ma quân.
Ngõ trả đặng bốn ơn đầu đội,
Lại cứu xong ba cõi công thành.
Bằng không như vậy tu hành,
Chen vào Tăng chúng dơ tanh đám thầy!*

*Nét ngôn hạnh hòa ngậy hòa vụng,
Luống tiêu hao của cúng thí người,
Chỗ đi nửa bước chẳng đời,
Một đời lơ lảo sau thời nương đâu?*

VI. CÂU HỎI

1. Người xuất gia phải có một ý chí như thế nào mới xứng đáng ?
2. Nếu không giữ đúng với lập trường của người xuất gia thì kẻ ấy là gì ?

*

* *

BÀI XIII

I. HÁN TỰ

況 乃 ， 堂 堂 僧 相 ，
 容 貌 可 觀 ， 皆 是 宿 植
 善 根 ， 感 斯 異 報 。 便
 擬 端 然 拱 手 ， 不 貴 寸
 陰 ， 事 業 不 勤 ， 功 果 生
 無 因 克 就 。 豈 可 一 生
 空 過 ， 抑 亦 來 業 無 禪
 〇

II. NGHĨA

Huống nữa, đường đường Tăng tướng, dung mạo đoan trang đều nhờ thiện căn đời trước cảm sanh dị báo hiện thời; sao lại khoanh tay ngồi đứng, chẳng tiếc tác chiêu. Sự nghiệp không chuyên cần, công quả nhưn dâu khắc tỵ, nỡ để một đời trôi qua, không giúp gì hạnh nghiệp đời sau.

III. CHÚ

Tăng tướng : Tướng mạo của một ông Tăng. Tướng mạo của một Tăng sĩ cần phải được đoan chánh, trang nghiêm, nhưng không tỏ vẻ kiêu kỳ, lập dị mà phải rõ ràng như dung nghi của Phật.

Di báo : Quả báo khác lạ. Vì quả báo này do nhiều đời trước đã gieo trồng nhen lành, nên đời này cảm được quả báo khác.

Sự nghiệp : Công việc của mình phải làm. Sự nghiệp ở đây tức là chỉ cho Giới, Định và Huệ, các hạnh lành của người xuất gia bắt buộc phải theo.

Khắc tỵ : Chắc chắn được thành tựu.

Hạnh nghiệp : Công việc làm ra do thân, khẩu và ý, tức là cái nghiệp thiện ác gây ra có thể cảm sanh ra quả báo khổ, vui.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Hiện nay được tướng mạo đoan trang của một Tăng sĩ là nhờ thiện duyên đời trước thì phải cố gắng lo vun trồng quả sau để nhờ cậy.

V. VĂN VẤN

Hướng chi lại đẹp màu Tăng tướng,

Sồ sộ xem hình tượng dễ coi.

Bởi vì kiếp trước tu rồi,

Thiện căn nay mới nảy chồi tốt tươi.

Sao làm bộ ra người đã lâu,

*Vững khoanh tay chẳng bấu tác chiều ?
Chẳng lo đạo nghiệp mọi điều,
Muốn thành công quả ít nhiều dặng đâu ?
Một kiếp này ví dầu bỏ vãng,
Nửa kiếp sau cũng chẳng nhờ chi.*

VI. CÂU HỎI

1. Chúng ta sanh ra ở đời mà được xuất gia tu hành là nhờ ở nhân duyên nào ?
2. Người xuất gia lấy gì làm chung thân sự nghiệp ?

*

* *

BÀI XIV

I. HÁN TỰ

辭親決志披緇，意思
 欲等超何所。曉夕思
 忖，豈可遷延過時。○
 心期佛法棟梁，用作
 後來龜鏡，常以如此
 ，未能少分相應。○出
 言，須涉於典章；譚
 說，乃傍於稽古，形
 儀挺特，意氣高閒。○

II. NGHĨA

Từ thân quyết chí mang Y. Ý muốn vượt lên những bậc... ? Sớm chiều lo nghĩ, há để thiên diên ngày tháng. Tâm khắc kỳ đóng lương Phật pháp ; cốt để làm quy cảnh hậu lai. Thường cho như thế, chưa đủ đôi phần tương xứng, muốn cho hình nghi chững chạc, ý khí cao nhân: Nói năng, phải hợp với điển chương; luận bàn, cần noi theo Cổ đức.

III. CHÚ

Thiên diên : Dằng dai ra không chịu tiến tới.

Khắc kỳ : Thời kỳ ước hẹn rất gắt gao. Nghĩa là khi ra làm một công việc, ước định một thời kỳ nào đó phải cho rồi và nhất định phải đi đến kết quả.

Đóng lương : *Đóng* là đòn dông ; *lương* là sườn. Chỉ cho người có tài đức làm nên việc lớn, lợi ích cho mọi người.

Qui cảnh : *Qui* là cái mu rùa, dùng nó để bói mà biết được việc quá khứ, vị lai ; *cảnh* là cái gương dùng nó có thể soi mà biết được việc tốt, xấu hiện tại. Nên hai chữ quy cảnh có nghĩa là mô phạm, sư phạm hay gương mẫu.

Hậu lai : Cũng như chữ tương lai. Ở đây là chỉ cho những người học đạo nối theo sau mình.

Hình nghi : Hình tướng và dung nghi.

Chữm chạc : Trầm tĩnh, đứng đấđ.

Ý khĩ : Khĩ khấi. Mộđ thứ tĩnh thầnh chấđ chũa ở trong lòng, khõng thể bị ngoại cẩnh làm lay chuyểđ đượđ.

Cao nhầnh : Cao kỳ và nhầnh nhấ. Trong huầnh bát nhầ, tâmh nhầnh mộđ cẩnh; lợđ, đầnh, thĩnh, sắđ khõng đõđ đượđ chí mĩnh, thườđ yểnh bề theo đạđ, gõđ là “ý khĩ cao nhầnh”.

Điểđ chườđ : Sắđ vớđ.

Cổ đứđ : Nhữđg bậđ có đứđ hậđh thờđ xũa.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Tĩnh thầnh cầuh học của người xuất gia và phải đốđ chí mong chửđg quả gĩađ thoấđ để làm đõđg lườđg cho Phật phắđ và quy cẩnh cho muồnh đờđ.

V. VĂN VẦN

*Từ thầnh quyểđ chí mang Y,
 Trong lòng muốđ bườđ bậđ gì cao xa?
 Khi sớđ tõi nghĩ ra cho chín,
 Lườđg qua ngày đũđg đĩđnh sao xõđg.
 Thề làm rườđg cộđ Cũđ khõng,
 Vớđ làm Qui cẩnh cho đõđg hậđh lầi.
 Lòng đấđ đặđg hoầi hoầi như ấđ,
 Còn chũa hay chũđ thí ỉnh nhầu.*

*Nói năng lấy phép làm đầu,
Chuyện trò cũng phải rộng câu đạo xưa.
Hình nghiêm nghị đã vừa khuôn phép.
Lòng ung dung lại hiệp nét na.*

VI. CÂU HỎI

1. Người từ giã cha mẹ quyết chí xuất gia thì họ đã nuôi sẵn một ý chí như thế nào ?
2. Nếu không làm đúng theo ý chí đó có đáng được gọi là hảo tâm xuất gia không ?
3. Muốn trở thành một con người mẫu mực, nghi biểu khác thường thì phải làm cách nào ?
4. Con người mẫu mực, nghi biểu khác thường có phải là con người lập dị không ?

*

* *

BÀI XV

I. HÁN TỰ

數必未父親行潤知目一。心
 ，止於者。中有惡即，復銘
 朋住聞我友露時長。淪不不
 良。時生朋霧時，惡沈劫豈
 假目時：者如衣者造後萬。
 要耳。云我，濕惡夕歿，耳
 行於伴故成者不習曉，身逆
 遠清擇。善雖狎。報人言
 數須聞母附。見交失忠

者哉！便能澡心育德
 ○ 晦跡韜名 ○ 蘊素精
 神 ○ 喧囂止絕 ○

II. NGHĨA

Đi xa phải nhờ bạn tốt, luôn luôn gạn những điều mắt thấy tai nghe, lưu trú rất cần chọn bạn, thường thường muốn được nghe những chỗ chưa nghe, nên có câu: “Sanh ra ta ấy là mẹ cha ; thành cho ta ấy là bè bạn”. Gần gũi bạn lành như đi trong sương lộ, tuy không ướt áo mà thường thường thấm lạnh; quen thân kẻ ác, tri kiến ác lớn dần, ngày đêm tạo ác gieo báo nhân tiền (hiện báo), chết rồi còn phải trầm luân (sinh báo), một khi đã mất thân người, muôn kiếp khó mà gặp lại.

Lời ngay trái tai, há không tạc dạ hay sao ?

Lại nên, rửa lòng nuôi đức, ẩn tích mai danh ; tịnh dưỡng tinh thần, nhiều phiền sẽ dứt.

III. CHÚ

Sương lộ : *Sương* là hơi nước đóng trên mặt đất, gặp lạnh kết thành những hạt nhỏ gọi là sương ; *lộ* cũng là một thứ như sương, nhưng đã đóng thành hạt. *Sương lộ* là dụ cho bạn lành.

Trầm luân : Chìm đắm trôi lăn vào biển khổ, chỉ cho sự sanh tử luân hồi.

Ăn tích : Ăn mình không cho người tìm ra tông tích để khỏi sự bận rộn.

Mai danh : Chôn vùi tên tuổi, chỉ cho các bậc ẩn sĩ, vì họ không muốn cho ai phiền nhiễu đến.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói : Kể tu hành, khi du phương cầu học phải nên chọn kết bạn lành để cùng nhau sách tấn trên con đường tu học.

V. VĂN VẤN

*Nương người bạn tốt đi xa,
 Thường thường gạn lọc mắt và lỗ tai,
 Ở lưa bạn hôm, mai, khuya tỏ,
 Thường thường nghe đặng chỗ chưa nghe.
 Vậy nên lời có răn dè:
 “Mẹ cha sanh dưỡng, bạn bè mở mang”.
 Nương người lành như sương tuyết ráo,
 Đi vào trong thắm áo luôn luôn.
 Quen chơi những đứa hôn cuồng,
 Kiến tri thêm ác, ra tuồng oan hung!
 Sớm tối những toan lòng làm quấy,
 Ác báo đem cho thấy nhơn tiên.
 Chết rồi đấm xuống mê xuyên,
 Thân người đã mất sau liền mất luôn.
 Lời nói thẳng ắt buồn tai nạn,*

*Song phải ghi lời đó vào trong.
Thời hay nuôi đức sửa lòng,
Tích thời đã giấu, danh cùng phải chôn.
Tinh thần nọ chứa đôn trong trắng,
Ồn ào kia tắt ngấm còn đâu.*

VI. CÂU HỎI

1. Tại sao Tổ Qui Sơn dạy khi muốn du phương học đạo phải nhờ bạn tốt ?
2. Những người quen thân kẻ ác sẽ bị tai hại như thế nào ?
3. Những người chê ta mà chê đúng, ta có nên sanh tâm oán hận không ?

*

* *

BÀI XVI

I. HÁN TỰ

頓玄擇博。須頓階十。
 契決。源善。友切。塵二。
 道心。要真近妙。中出界。
 學。精悟親。其。可。是。三。
 禪門。啟。得。心。便。破。
 參之機。知。難。用。因。此。則。
 欲方便。研。奧。先。宗。細。正。有。
 若方津深問此子悟漸五。

II. NGHĨA

Nếu muốn tham thiên học đạo, pháp môn vượt ngoài phương tiện ; tâm hợp với huyền tâm, xét lòng cho cùng tột; quyết trạch nơi sâu nhiệm, tỏ ngộ được nguồn chơn, thì ta phải rộng hỏi bậc tiên tri, gần gũi người bạn tốt. Tôn này khó đạt chỗ thâm diệu, phải nên chín chắn dụng tâm, trong đó, mới mong đón ngộ chánh nhơn, cũng là xuất trần tiệm thứ. Ấy mới phá được ba cõi hăm lăm hữu.

III. CHÚ

Tham thiên : Tham nhập thiên chỉ, tức là dự vào khảo cứu ý chỉ của thiên.

Học đạo : Học vô thượng chi đạo, tức học cái đạo vô thượng, *tham thiên học đạo* có thể nói là *tham học thiên đạo*, có nghĩa là tham học đạo thiên.

Phương tiện : Phương pháp tiện lợi, tức là phương pháp tạm thời không phải là cứu cánh.

Huyền tâm : Bến huyền, tức là chỗ chí đạo.

Đón ngộ : Giác ngộ không theo thứ lớp, như trường hợp Ngài Quan Âm.

Chánh nhơn : Nguyên nhân chơn chánh, tức là chỉ cho nguồn chơn ở trước.

Xuất trần tiệm thứ : Ra khỏi trần lụy lần lần theo thứ lớp, tức là lần lượt ra khỏi Tam giới.

Hăm lăm hữu : Tức Tam giới có chia ra làm 25 cõi. Vì 25 cõi này đều có sanh tử, nên gọi là hữu. Hai mươi lăm hữu là :

Tứ châu, có	4
Tứ ác thú, có	4
Lục dục, có	6
Phạm Thiên, có	1
Tứ thiên, có	4
Tứ không, có	4
Vô tướng, có	1
Bất hoàn, có	1
Tổng cộng :	25 hữu

Có bài tụng tóm tắt:

*“Tứ châu, tứ ác thú
Lục dục, tình Phạm Thiên
Tứ thiên, tứ không xứ
Vô tướng cập Bất hoàn”.*

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này Tổ Qui Sơn đưa ra pháp môn tu hành: pháp tham thiền, và khuyên phải nên hỏi thầy gần bạn, dùng tâm chín chắn trong lúc tu trì chắc chắn sẽ được lần lần thoát ly Tam giới...

V. VĂN VẤN

*Tham thiền muốn học đạo mau;
Siêu môn phương tiện cho mau, kẻo là.*

Lòng hiệp với sâu xa biển thẳm,
 Xét nẻo lòng thêm lắm công phu.
 Lựa ra chắc chắn lẽ mâu,
 Nguồn chơn mở tỏ, đáy sâu cho cùng.
 Rộng hỏi kẻ trước thông Kinh tạng,
 Năng dựa kẻ những bạn thanh tu.
 Tôn này khó đặng chỗ mâu,
 Phải lo chín chắn xét cầu lòng ta.
 Hễ mau đặng tỏ ra chơn tánh,
 Bước siêu phàm nhập thánh chẳng sai.
 Phá ba cõi hãm lăm loài.

VI. CÂU HỎI

1. Nếu muốn học pháp môn tham thiền là pháp môn vượt ngoài các phương tiện thì trước nhất ta phải làm sao ?

2. Theo đoạn văn này dạy phải rộng hỏi bậc tiên tri, gần gũi người bạn tốt với mục đích gì? Bạn tốt là những hạng người nào ?

3. Ba cõi hai mươi lăm hữu là gì ? Có khác nhau không ?

*

* *

BÀI XVII

I. HÁN TỰ

內 外 諸 法 ， 盡 知 不
 實 。 從 心 變 起 ， 悉 是
 假 名 ， 不 用 將 心 湊 泊
 ， 但 情 不 附 物 ， 物 豈
 礙 人 。 任 他 法 性 周 流
 ， 莫 斷 莫 續 。 聞 聲 見
 色 ， 蓋 是 尋 常 。 這 邊
 那 邊 ， 應 用 不 闕 。

II. NGHĨA

Các pháp trong ngoài, biết cùng chẳng thật; từ tâm hiện khởi, đều chỉ giả danh, chớ nên đem tâm ghé tưởng. Nếu tình không vướng vật, vật há ngại người, mặc cho Pháp tánh châu lưu, chẳng thêm

chẳng bớt; thấy nghe thính, sắc cũng chỉ tâm thường. Nào sự nào lý ứng dụng không cùng.

III. CHÚ

Các pháp trong ngoài : Chỉ cho Ngũ uẩn. Trong là chỉ cho bốn uẩn; Thọ, Tưởng, Hành, Thức thuộc về *Nội tâm*, ngoài chỉ cho *Sắc uẩn*, thuộc về *Ngoại thân*. Vì có đến năm uẩn, nên gọi là *các pháp*.

Pháp tánh : Tức là vật cảnh. Ở trong loài hữu tình thì gọi là Phật tánh; ở trong loài vô tình thì gọi là *pháp tánh*. Xưa nay tự thể vốn thường thanh tịnh, vắng lặng như hư không, khắp cùng sa giới.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Phải quán các pháp đều là hư giả, thì sẽ được giải thoát mọi sự triền phược: tâm tánh rỗng rang diệu dụng vô cùng.

V. VĂN VẤN

*Thầy tường các pháp trong ngoài có chi.
 Theo lòng tạm, một khi phân biệt,
 Đặt làm tên, vốn thiệt là không.
 Chớ đem lòng dạ dính cùng,
 Tình không nương vật, vật không ngại người.
 Mặc pháp tánh chảy vơi vơi khắp,
 Chớ dứt ra, chớ chấp thêm vào.
 Sắc thính là giống tâm phào,
 Bên này bên nọ dùng sao cũng vừa.*

VI. CÂU HỎI

1. Các pháp trong ngoài là những pháp gì ?
2. Tại sao các pháp chỉ có giả danh mà không có thật thể ?
3. Câu: “Mặc cho Pháp tánh châu lưu chẳng thêm chẳng bớt” ý nghĩa như thế nào? Thế nào gọi là Pháp tánh ?
4. Hãy giải thích câu : “Nào sự nào lý ứng dụng không cùng” xem sao ?

*

* *

BÀI XVIII

I. HÁN TỰ

如 斯 行 止 ， 實 不 枉
 披 法 服 。 亦 乃 酬 報 四
 恩 ， 拔 濟 三 有 。 生 生
 若 能 不 退 ， 佛 階 決 定
 可 期 。 往 來 三 界 之 賓
 ， 出 沒 為 他 作 則 ， 此
 之 一 學 ， 最 妙 最 玄 ，
 但 辨 肯 心 ， 必 不 相 賺
 ○

II. NGHĨA

Hành chỉ như thế, thật không uổng mang
 Pháp phục; cũng là thù đáp bốn ơn cứu vớt ba cõi.
 Đời đời nếu không lui sụt, thêm Phật chắc chắn
 định kỳ; qua lại làm người khách trong tam giới,
 ra vào làm quy tắc cho mọi người. Một môn học

này, rất diệu rất huyền, chỉ phải gắng sức bền lòng, quyết không bao giờ hư dối.

III. CHÚ

Hành chỉ : Phẩm hạnh. Cũng có nghĩa: ra làm và không ra làm.

Pháp phục : Tức Pháp y. Tiếng Phạn gọi là Ca-sa. Trung Hoa dịch là Hoại sắc. Vì ba đời các Đức Như Lai đồng mặc y này nên gọi là Pháp phục. Vì người mặc Y này sẽ được thoát ly phiền não, nên cũng gọi là Y Trần Phục; Loài rồng chỉ được mỗi một cái rỏ mà khỏi bị chim Đại bàng ăn, nên cũng gọi là *Cửu long y*. Lại còn có những tên là: Nhẫn nhục khải, Liên Hoa phục hay Phước điền y.

Thù đáp : Đền trả, báo đáp.

Rất diệu rất huyền : *Diệu* là thâm diệu, không thể nói hết ; *huyền* là u huyền, không thể thấy suốt.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này : Khen ngợi hạnh nguyện của người xuất gia, để khuyên ai nấy đều lo gắng công tiến trên con đường đi đến quả Phật.

V. VĂN VÂN

*Tu như vậy đã thừa đạo lực,
Mang Pháp y đáng bậc cao Tăng.
Cũng là đền trả bốn ân,*

*Giúp trong ba cõi Thiên nhân mấy loài.
Kiếp kiếp đặng vậy hoài chẳng thối,
Thềm Phật đâu khó nổi trèo cao.
Đạo chơi Tam giới, ra vào,
Vì kia lặn mọc dạy trao phép này.
Luận đạo học chỉ đây một thức,
Lẽ tình vì hết bậc thăm mầu.
Miễn người chịu sẵn lòng tu,
Ắt là chẳng đối cùng nhau một lời.*

VI. CÂU HỎI

1. “Hành chỉ như thế” là sao? Những gì là hành chỉ ?
2. “Cùng là thù đáp bốn ơn”. Bốn ơn là gì? Muốn thù đáp bốn ơn phải làm cách nào ?
3. Câu: “Đời đời nếu không lui sụt”, trong đây muốn chỉ cho mấy đời ?
4. Một môn học này là môn học nào ?

*

* *

BÀI XIX

I. HÁN TỰ

未留搜接。須儀豈聳方，生
 ，法精，德必威。上，戒生
 士教。揚恩，止器，因齋世
 之於葉敷佛棄住法葛勝修世。
 流且貝唱報虛。中之託懇。果
 中。尋傳，不持僧松附。踰因
 有超溫，來亦扶是倚。益虧妙
 若頓理後光此便見尋廣謾殊
 能心義引時以，不千能莫，

II. NGHĨA

Nếu có kẻ Trung lưu, chưa thể nhất thời vượt bậc, hãy để tâm nơi giáo pháp, Bối điệp ôn tâm, tìm tòi nghĩa lý, truyền bá sâu rộng, dẫn dắt người sau để trả ơn Đức Phật; cũng chẳng nên phung phí thời giờ, quyết phải dùng nó để phò trì Chánh pháp. Đến như uy nghi trụ chỉ cũng là pháp khí trong Tăng.

Chúng ta đâu chẳng thấy dây sắn nướng quăn cội tòng mà vượt lên ngàn trượng, ấy cũng bởi nướng nhờ thắng nhờn, mới có thể được nhiều lợi ích.

Hãy tha thiết tu trì Trai giới: chớ nên dối thiếu vượt qua; kiếp kiếp đời đời gắng gieo trồng nhân quả thù diệu.

III. CHÚ

Kẻ trung lưu : Chỉ những người trí thức trung bình.

Bối điệp : Kinh điển. Vì bên Ấn Độ người ta dùng lá bối để chép những lời Phật dạy, nên hai chữ bối điệp là chỉ cho Kinh sách nhà Phật.

Phò trì : Giúp đỡ để duy trì.

Trụ chỉ : Dừng nghỉ, an trụ ở một ngôi già lam, hay chung sống trong hàng Tăng Bảo.

Pháp khí : Nghĩa đen là món đồ dùng trong Phật pháp. Đây chỉ là những người hữu dụng, những bậc nhân tài trong đạo pháp.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này nói: Người xuất gia phải nên cố gắng học hỏi để mở mang trí huệ, hầu có đủ khả năng hoằng truyền Chánh pháp, đem hết ý chí gánh vác Phật sự và phải thiết tha tu trì Trai giới

V. VĂN VẤN

*Bằng có kẻ giữa vời lũng đưng,
Chưa dựng mau tỏ chứng thiền tông.
Vả đem giáo pháp để lòng,
Ôn tìm lá Bối xét cùng ý sâu.
Theo nghĩa lý nghiệm cầu tinh áo,
Rộng mở bày dạy bảo đường tu.
Toan phương dắt diu người sau,
Trả ơn Đức Phật mau mau kéo mà.
Ngày giờ chớ bỏ qua chẳng tiếc,
Phải lần theo mãi miết tu trì.
Đừng ngồi hợp cả uy nghi,
Ấy là Pháp khí bậc thầy trong Tăng.
Dè chẳng thấy lãng quăng dây sẵn,
Nương cội tông lên thẳng nghìn tầm.
Đưa theo nhưn tốt ám dâm,
Mới hay thêm rộng cho tâm tánh mình.
Phải biết giữ lòng thành Trai giới,*

*Chớ khung khinh mà trái vượt qua.
Đời đời kiếp kiếp thế mà,
Nhân màu quả đẹp ắt là chẳng không.*

VI. CÂU HỎI

1. Những kẻ trung lưu là đối với những hạng người nào mà gọi là trung lưu ?
2. Những kẻ trung lưu phải tu hành theo một đường hướng nào mới có kết quả ?
3. Câu “Chúng ta đâu chẳng thấy dây sắn nương quần cội tòng...” là ý muốn nói gì ?

*

* *

BÀI XX

I. HÁN TỰ

不 可 等 閒 過 日 ， 兀
 兀 度 時 。 可 惜 光 陰 ，
 不 求 升 進 。 徒 消 十 方
 信 ， 亦 乃 孤 負 四 恩 。
 積 累 轉 深 ， 心 塵 易 壅
 。 觸 途 成 滯 ， 人 所 輕
 欺 。 故 云 ： [彼 既 丈
 夫 我 亦 爾] ， 不 應 自 此
 輕 而 退 屈 。 若 不 荏 苒
 ， 徒 在 緇 門 。 荏 苒 一
 生 ， 殊 無 所 益 。

II. NGHĨA

Chớ nên lần lựa qua ngày, dần dà hết buổi; thì giờ đáng tiếc lại chẳng cầu tiến lên! Đó là luống tiêu của mười phương tín thí, cũng chính là cô phụ bốn ơn; tội lỗi chứa chất càng nhiều, lòng trần dễ bề khóa lấp, sự lý không thông bị người khinh phụ.

Cổ đức dạy rằng: “Kia đã trượng phu ta cũng vậy” (Kinh Vị Tăng Hữu), chẳng nên tự khinh mà thói chuyển. Nếu không như thế, luống ở cửa Thiên, lê lét một đời không điều lợi ích.

III. CHÚ

Tín thí : Người thí vật có lòng tin. Đây là chỉ cho các Phật tử do có lòng tin mà cúng dường Tam Bảo.

Cô phụ : Người ta đem lòng tốt đối với mình mà mình không thể báo đáp lại tương xứng. Ý nói riêng một bên bị thua thiệt.

Khinh phụ : Khinh khi và phụ bạc. Do lòng khinh khi mà sanh ra bạc đãi.

Thối chuyển : Sụt lùi trở lại.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này: Khuyên người xuất gia cố công tu học. Nếu không, uổng phí một đời, không điều lợi ích.

V. VĂN VẤN

Đừng lếu láo cho xong ngày bữa,
 Đừng dấy đưa lần lựa qua thời.
 Tiếc thay! Con bóng mặt trời,
 Bỏ mà chẳng kiếm đường đời bước lên.
 Luống tiêu tốn của bên thí chủ,
 Ấy cũng là cô phụ bốn ơn.
 Chứa dòn biển chẳng sâu hơn,
 Bụi lòng rất dễ lấp chơn tu hành.
 Dụng đường nào cũng thành trở trệ,
 Vì chẳng thông người dễ rằng "ngu"!
 Xưa rằng: "Kia đã trượng phu",
 "Thì ta cũng vậy dễ đâu thua hèn"!
 Chẳng nên nghĩ mình quen bực dỡ,
 Minh dễ mình mà trở lui ra.
 Bằng không tình tán những là,
 Chen vào cửa Phật ở mà làm chi?
 Luống thơ thần thánh ngày lịch xịch,
 Trót một đời có ích chi đâu?

VI. CÂU HỎI

1. Câu: "Chớ nên lần lựa qua ngày... đến... chẳng câu tiến lên", là dạy ta điều gì ?
2. Nếu chúng ta cứ nay lần mai lựa không lo sự nghiệp sẽ phạm những lỗi gì ?
3. Ở đoạn này Tố Qui Sơn bảo ta nên lấy câu gì để tự gắng.

BÀI XXI

I. HÁN TỰ

志措於斷息。作為文宰，
 之舉隨決。塵只斯主，
 烈。擅須人諸，覽作
 決懷莫便別與寂熟強。
 興之，生由不境。○
 ○。達流今不，空通策情。
 望特上。料緣心不警人。
 伏開他鄙。想忘。滯時徇
 ，看庸，意對久時莫

II. NGHĨA

Cúi mong, chí hưng quyết liệt, lòng mở rộng rang; động tịnh xem người Thượng trí, chẳng noi theo kẻ phàm ngu. Hiện đời ta nên quyết đoán, lo liệu chớ ỷ lại người.

Hãy dứt ý quên duyên, chẳng cùng các trần đối tượng; tâm không cảnh vắng, chỉ vì lâu lấp không thông.

Phải xem kỹ văn này (Văn Cảnh Sách), luôn luôn tự tỉnh, gắng làm chủ tế, chớ theo nhờn tình.

III. CHÚ

Động tịnh : Động là chỉ cho lúc ra làm các Phật sự; Tịnh là chỉ lúc ẩn tu. Cả hai trường hợp đều phải noi theo các bậc thượng trí. Hai chữ này do dịch nghĩa hai chữ *Cữ Thố* mà ra. Chữ *cữ* có nghĩa là ra làm, chữ *thố* có nghĩa là bỏ đi.

Phàm ngu : Phàm phu ngu muội.

Quyết đoán : Khi gặp việc có chú ý cương quyết để phán đoán.

Đối tượng : Sự thật nhắm làm mục đích của tư tưởng hoặc hành động của mình: mục tiêu.

Chủ tế : Đứng đầu. Người có quyền lực thống trị hết thảy.

Nhờn tình : Tánh tình thông thường của con người. Đây là chỉ cho tánh tình của phàm phu. Vì phàm phu bị vô minh luân tập lâu ngày thành tánh, hễ gặp cảnh thì theo đó mà phan duyên để gây ra các

ngiệp. Không theo như tình tức là không theo cái tánh do vô minh huân tập của phàm phu.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này dạy kẻ sơ cơ phương pháp tu hành và khuyên nên cố gắng tự cảnh tỉnh mà sửa chữa lấy mình.

V. VĂN VẤN

*Cúi xin phần chỉ Trương phu,
Mở lòng cao rộng mà tu cho rộng.
Động tịnh ngộ theo dòng Cổ đức,
Chớ học đòi những bậc tham si.
Kiếp này giải quyết tu trì,
Tại mình toan liệu tại gì ai đâu.
Đã bỏ duyên lại câu dứt ý,
Chớ đối cùng với mấy trần kia.
In nhau tâm cảnh nào chia,
Mất chừng Không tịch bởi vì chẳng thông,
Bài này phải xem trông cho kỹ,
Thường thường khi xét nghĩ đến điều.
Sự đời dễ đắm dễ xiêu,
Vững làm chủ tế chớ theo nhân tình.*

VI. CÂU HỎI

1. Khi lợi tha cũng như khi tự lợi, phải nương đâu làm chuẩn đích ?
2. Đoạn thứ hai trong bài này là dạy chúng ta điều gì ?

BÀI XXII

I. HÁN TỰ

業果所牽，誠難逃
避。聲和響順，形直
影端。因果歷然，豈
無憂懼。故經云：[業
假使百千劫，所作業
不亡。因緣會遇時，
果報還自受]。故知
三界刑罰，縈絆殺人
。努力勤修，莫空過

日。深知過患，方乃
相勸行持。願百劫千
生，處處同為法侶。

II. NGHĨA

Một khi nghiệp quả kéo lôi, thật là khó trốn; tiếng hòa vang thuận, hình thẳng bóng ngay; như quả rành rành dầu không lo sợ.

Nên trong Kinh nói rằng: "Dầu cho trăm ngàn kiếp, nghiệp làm kia không mất, nhân duyên khi hội ngộ, quả báo lại tự mang". Nên biết: Hình phạt trong tam giới, trói buộc chết người, phải gắng sức tu hành, chớ luống qua ngày tháng.

Đã rõ biết điều tội lỗi, nên mới khuyên như hành trì; nguyện trong trăm kiếp ngàn đời, nơi nơi đồng là bạn pháp.

III. CHÚ

Nghiệp quả : *Nghiệp* là thiện nghiệp, ác nghiệp; *quả* là cái nghiệp thiện ác cảm ra quả báo Như, Thiên, Quỷ, Súc v.v...

Nhân duyên : *Nhân* là nguyên nhân; *duyên* là các duyên. Sự sanh trưởng của một vật, có đủ hai phần *nhân* và *duyên*. Hễ gần và sức giúp mạnh là *nhân*, còn xa và sức giúp yếu là *duyên*. Như: Hạt giống là *nhân*; còn đất, nước, phân bón và nông phu v.v... là *duyên*.

Hội ngộ : Gặp gỡ. Khi một vật được phát sanh thì nhân và duyên cùng quy tụ, gọi là nhân duyên hội ngộ.

Hành trì : Giữ theo đó thật hành, tức y theo Phật pháp mà tu hành gọi là hành trì.

IV. ĐẠI Ý

Đoạn này chỉ bày lý nhân quả, khi nghiệp duyên đến rồi không thể nào trốn được, để khuyên nên lo tự độ và độ người.

V. VĂN VẤN

*Nỗi nghiệp quả đơm ngày khó tránh,
Tiếng vang hòa hình chánh bóng ngay.
Rõ ràng nhân quả xưa nay,
Há không lo sợ những thì tai ương.
Trong Kinh nói dẫu ngàn trăm kiếp,
Dễ mất đi cái nghiệp làm ra.
Nhân duyên khi gặp gỡ ta,
Bao nhiêu quả báo lại là mình mang.
Nên phải biết nghinh ngang ba cõi,
Hình phạt theo buộc trói chết người.
Công phu siêng gắng trọn đời,
Chớ dèm gang tác mặt trời bỏ qua.
Đã sâu tỏ những là tội lỗi,
Mới cùng nhau khuyên nổi tu hành.
Nguyện cho trăm kiếp ngàn sanh,
Đâu đâu cũng kết bạn lành với nhau.*

VI. CÂU HỎI

1. Một khi nghiệp quả vướng vào không thể trốn được, vậy chúng ta phải làm cách nào để dứt nó ?
2. Người tu hành đến quả vị nào mới tránh khỏi nghiệp quả trong Tam giới ?
3. Hãy định nghĩa hai chữ nhân duyên ?

*

* *

BÀI XXIII

I. HÁN TỰ

乃為銘曰：

幻 身 夢 宅 ， 空 中 物 色 ○
 前 際 無 窮 ， 後 際 寧 剋 ○
 出 此 沒 彼 ， 升 沈 疲 極 ○
 未 免 三 輪 ， 何 時 休 息 ○
 貪 戀 世 間 ， 陰 緣 成 質 ○
 從 生 至 老 ， 一 無 所 得 ○
 根 本 無 明 ， 因 茲 被 惑 ○
 光 陰 可 惜 ， 剎 那 不 測 ○
 今 生 空 過 ， 來 世 室 塞 ○
 從 迷 至 迷 ， 皆 因 六 賊 ○
 六 道 往 還 ， 三 界 匍 匐 ○

II. NGHĨA

Lời minh dạy rằng :

1. Thân hư nhà mộng, trong không vật sắc.
2. Ngần trước không cùng, mé sau xa lác.
3. Có đầy rồi không, xuống lên khổ khác.
4. Chưa khỏi tam luân, lúc nào dứt bật.
5. Tham luyến thế gian, ám duyên thành chất.
6. Từ sanh đến lão, một không sở đắc.
7. Căn bản vô minh, do đây mê hoặc.
8. Thời gian đáng tiếc, sát na không chắc.
9. Đời này bỏ trôi, kiếp sau bết tắc.
10. Từ mê đến mê, đều như sáu giặc.
11. Sáu nẻo đi về, ba nơi quanh mắc.

III. CHÚ

Lời minh : Một lối văn ngày xưa, dùng tóm đại cương nhắc lại văn trường hàng để đọc nhớ mãi không quên.

Tam luân : Tức Tam giới luân hồi. Nghĩa là chưa khỏi luân hồi trong Tam giới thì cứ phải xả thân thọ thân không lúc nào ngừng nghỉ.

Sở đắc : Cái do mình được, nghĩa là cái thân tứ đại hư huyền này, trong khoảng từ sanh ra đến già đi chỉ là bốn tướng giả hợp, không có cái gì là cái của mình.

Thành chất : Thành ra chất ngại. Tức sắc thân do ngũ ấm và các duyên tạo thành.

Sáu giác : Sáu thứ làm ngại người tu hành: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp.

IV. ĐẠI Ý

Câu 1 : Sắc chất hư huyễn.

Câu 2 : Thời gian vô cùng tận.

Câu 3 : Sự sanh diệt tương tục.

Câu 4 : Sự luân chuyển không dứt.

Câu 5 : Nói về Ái, Thủ và Hữu.

Câu 6 : Nói về “Hư sanh không lão”

Câu 7 : Vô minh hoặc.

Câu 8 : Mạng người mau chóng không
lường được.

Câu 9 : Hiện nhân hậu quả.

Câu 10: Nguyên do của nhân quả.

Câu 11: Luân chuyển không thôi.

V. VĂN VẤN

*Rằng thân hoạn chiêm bao nhà cửa,
Tuồng sắc hình hiện giữa chơn không.
Minh mang lối trước không cùng,
Lối sau nào lại có tông tích gì?*

Luống tráo chác vào dây ra đó,
 Lúc nổi chìm cực khổ biết bao :
 Chưa xong ba cõi ra vào,
 Ví như xe nước lúc nào nghỉ ngơi.
 Bởi tham mến trong đời dơ dục,
 Ấm hòa duyên nên vóc nên hình.
 Từ khi tiếng khóc mới sanh,
 Đến già không dặng đỡ mình chút chi!
 Góc vô minh nhọn rày lâm lỗi,
 Tiếc bóng rơi mai tối chẳng lường.
 Kiếp nay bỏ không qua đường,
 Kiếp sau mù mịt thể dường lấp che.
 Từ mê hoặc đến mê mê hoặc.
 Bởi sáu thằng lục tặc làm tai.
 Sáu đường pháp giới vãng lai,
 Lết bò trong cõi ba loài khổ thân!

VI. CÂU HỎI

1. Lời mình là gì ?
2. Con người chưa khỏi được Tam luân phải chịu những hình phạt như thế nào ?
3. Con người do đâu mà có ?
4. Con người gây tạo những nghiệp quả là do đâu ?
5. Các nghiệp quả ấy sẽ đem lại cho chúng sanh những hình phạt gì ?

BÀI XXIV

I. HÁN TỰ

早訪明師，親近高德○
 決擇身心，去其荊棘○
 世自浮虛，眾緣豈逼○
 研窮法理，以悟為則○
 心境俱捐，莫記莫憶○
 六根怡然，行住寂默○
 一心不生，萬法俱息○

II. NGHĨA

12. Sớm hỏi Minh sư, gần người Cao đức.
13. Lựa chọn thân tâm, bỏ điều phiền phức.
14. Đời tự phù hư, các duyên há bức.
15. Nghiệm cùng pháp lý, ngộ được mới dứt.
16. Tâm cảnh đều quên, không còn ký ức.
17. Sáu căn vui vẻ, đứng đi vắng bật.
18. Nhất tâm chẳng sanh, muôn pháp đều dứt.

III. CHÚ

Minh sư : Những bậc thầy sáng suốt.

Cao đức : Đạo đức cao dày.

Điều phiền phức : Chỉ cho phiền não làm rối loạn thân tâm.

Ký ức : Sự ghi nhớ.

Nhất tâm : Tâm thuần nhất, không có hai tướng hư vọng.

IV. ĐẠI Ý

Câu 12 : Nương theo thầy.

Câu 13 : Quyết trạch các pháp.

Câu 14 : Nhận biết hư vọng.

Câu 15 : Trở về tánh chơn.

Câu 16 : Quên các tướng.

Câu 17 : Tịch mà thường chiếu.

Câu 18 : Tâm cảnh không còn.

V. VĂN VẤN

*Phải sớm hỏi bậc Thầy minh tuệ,
Tâm những người Cao đức mà nương.
Thân tâm phải lựa cho tường,
Bao nhiêu gai góc giữa đường dẹp đi.
Đời mị mộng có gì đâu có,*

*Nào các duyên hay bó buộc mình.
Xét cùng pháp lý cho tình,
Lấy điều chứng ngộ chí tình công ta.
Dem Tâm cảnh, bỏ ra cho khỏi,
Đừng nhớ mà tâm tôi làm chi.
Sáu căn tự được vui vậy,
Đứng ngồi lắng bật có gì nữa đâu.
Một lòng nọ ví dầu chẳng khởi,
Muôn pháp kia đều thấy dứt đi.
Cạn lời xin hãy gắng ghi,
Tu hành xin phải đêm ngày xét soi.*

VI. CÂU HỎI

1. Chúng ta muốn dứt tất cả nghiệp quả phải làm cách nào ?
2. Muốn được “Nhất tâm không sanh” phải làm cách nào ?
3. Câu: “Tâm cảnh đều quên, không còn ký ức” ý nói gì ?

*

* *

PHẦN DỊCH ÂM

QUI SƠN ĐẠI VIÊN THIÊN SỰ CẢNH SÁCH

BÀI THỨ NHẤT

Phù nghiệp hệ thọ thân, vị miễn hình lụy; Bẩm phụ mẫu chi di thể, giả chúng duyên nhi cộng thành; tuy nãi tứ đại phò trì, thường tương vi bội, vô thường lão bệnh, bất dữ nhưn kỳ; triều tồn tịch vong, sát-na dị thể.

BÀI THỨ HAI

Thí như xuân sương hiểu lộ, thúc hốt tức vô, ngạn thọ, tỉnh đằng, khởi năng trường cửu, niệm niệm tấn tốc, nhất sát-na gian, chuyển tức tức thị lai sanh, hà nãi yển nhiên không quá?

BÀI THỨ BA

Phụ mẫu bất cung cam chỉ, lục thân cố dĩ khí ly; bất năng an quốc trị bang, gia nghiệp đốn quyền kế tự. Miến ly hương đảng, thế phát bẩm sự; nội cần khắc niệm chi công, ngoại hồng bất tranh chi đức. Quýnh thoát trần thế, ký kỳ xuất ly.

BÀI THỨ TƯ

Hà nãi tài đẳng giới phẩm, tiện ngôn “Ngã thị Tỳ Kheo”. Đàn việt sở tu, khiết dụng thường trụ. Bất giải

thần tư lai xú, vị ngôn: “Pháp nhĩ hiệp cúng”. Khiết liễu tụ đầu huyền huyền, dẫn thuyết như gian tạp thoại.

BÀI THỨ NĂM

Nhiên tác nhất kỳ sấn lạc, bất tri lạc thị khổ nhân. Năng kiếp tuần trần, vị thường phản tình; thời quang yếm một, tuệ nguyệt tha đà. Thọ dụng ân phôn, thí lợi nùng hậu, động kinh niên tải, bất nghi khí ly, tích tụ tư đa, bảo trì huyền chất.

BÀI THỨ SÁU

Đạo sư hữu sắc, giới húc Tỳ Kheo : “Tấn đạo nghiêm thân, tam thường bất tức”; nhưn đa ư thủ, đam vị bất hu, nhật vãng nguyệt lai, tạp nhiên bạch thủ. Hậu học vị văn chỉ thú, ưng tu bác vấn tiên tri, tương vị xuất gia, quý cầu y thực.

BÀI THỨ BẢY

Phật tiên chế luật, khả sáng phát mông, quỹ tác uy nghi, tịnh như băng tuyết, chỉ trì tác phạm, thúc liễm sơ tâm, vi tế điều chương, cách chư ỏi tệ. Tỳ-ni pháp tịch, tăng vị thao bồi, liễu nghĩa thượng thừa, khởi năng chơn biệt. Khả tích, nhất sanh không quá, hậu hối nan truy; giáo lý vị thường thố hoài, huyền đạo vô nhưn kế ngộ.

BÀI THỨ TÁM

Nãi chí, niên cao lập trưởng, không phúc cao tâm; bất khảng thân phụ lương bằng, duy tri cứ ngạo; vị am pháp luật, tạp nhiệm toàn vô. Hoặc đại ngữ cao thình, xuất ngôn vô độ; bất kính Thượng, Trung, Hạ tọa, Bà-la-môn tụ hội vô thù. Uyển bát tác thình, thực tất tiên khởi; Khứ tỵ quai giác, Tăng thể toàn vô, khởi tọa chung chư, động tha tâm niệm. Bất tồn ta ta quĩ tắc, tiểu tiểu uy nghi, tương hà thúc liễm hậu côn, tân học vô nhơn phỏng hiệu. Tài tương giác sát, tiện ngôn: “Ngã thị sơn Tăng”. Vị Văn Phật giáo hành trì, nhất hướng tình tồn thô tháo.

BÀI THỨ CHÍN

Như tư tri kiến, cái vị sơ tâm dung đọa, thao thiết nhơn tuân, nhâm nhiệm nhân gian toại thành sơ dã. Bất giác lũng chủng lão hủ, xúc sự diện tường; hậu học tư tuân, vô ngôn tiếp dẫn, tủng hữu đàm thuyết, bất thiệp diễn chương, hoặc bị khinh ngôn, tiện trách hậu sanh vô lễ. Sân tâm phẩn khởi, ngôn ngữ cai nhơn.

BÀI THỨ MƯỜI

Nhất triệu ngọa tạt tại sàng, chúng khổ oanh triển bức bách. Hiểu tịch tư thôn, tâm lý hồi hoàng, tiền lộ mang mang, vị tri hà vãng, tủng tư thĩ tri hối quá, lâm khát quật tình hề vi ? Tự hận tảo bất dự tu, niên vãng

đa chư quá cũu. Lâm hành huy hoắc, phạ bố chương
hoàng; học xuyên tước phi. Thức tâm tùy nghiệp, như
nhơn phụ trái, cường giả tiên khiên; tâm chử đa đoan,
trọng xứ thiên trụ; vô thường sát quĩ, niệm niệm bất
đình; mạng bất khả diên, thời bất khả đãi. Nhơn
thiên tam hữu ưng vị miễn chi, như thị thọ thân phi
luyện kiếp số !

BÀI THỨ MƯỜI MỘT

Cảm thương thán nhạ, ai tai thiết tâm! Khởi khả
giam ngôn, đệ tương cảnh sách. Sở hận đồng sanh
tượng quý, khứ Thánh thời diêu, Phật pháp sanh sơ,
nhơn đa giải đãi; lược thân quán kiến, dĩ hiểu hậu lai,
nhược bất quyên căng, thành nan luân hoán.

BÀI THỨ MƯỜI HAI

Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình
dị tục, thiệu long Thánh chủng, chấn nhiếp ma quân,
dụng báo tứ ân, bạt tế Tam hữu. Nhược bất như thử,
lạm xí Tăng luân, ngôn hạnh hoang sơ, hư triêm tín
thí. Tích niên hành xứ, thốn bộ bất di, hoảng hốt nhưt
sanh, tương hà bằng thị.

BÀI THỨ MƯỜI BA

Hướng nãi đường đường Tăng tướng, dung mạo
khả quan, giai thị túc thực thiện căn, cảm tư dị báo;
tiện nghĩ đoan nhiên cung thủ, bất quý thốn âm; sự

nghiệp bất cần, công quả vô nhơn khắc tỵ. Khởi khả nhất sanh không quá, ức diệc lai nghiệp vô tì.

BÀI THỨ MƯỜI BỐN

Từ thân quyết chí phi truy, ý dục đấng siêu hà sở; hiểu tịch tư thốn, khởi khả thiên diên quá thời. Tâm kỳ Phật pháp đồng lương, dụng tác hậu lai quy cảnh. Thường dĩ như thử, vị năng thiếu phần tương ưng. Xuất ngôn, tu thiệp ư điển chương; đàm thuyết, nãi bàng ư kê cổ, hình nghi đĩnh đặc, ý khí cao nhàn.

BÀI THỨ MƯỜI LĂM

Viễn hành yếu giả lương bằng, sát sát thanh ư nhi mục; Trụ chỉ tất tu trạch bần, thời thời văn ư vị văn. Cố vân: “Sanh ngã giả phụ mẫu, thành ngã giả bằng hữu”. Thân phụ thiện giả, như vụ lộ trung hành, tuy bất thấp y, thời thời hữu nhuận; hiệp tập ác giả, trưởng ác tri kiến. Hiểu tịch tạo ác tức mục giao báo, một hậu trầm luân ; nhất thất nhơn thân, vạn kiếp bất phục. Trung ngôn nghịch nhĩ, khởi bất minh tâm giả tai ! Tiện năng tháo tâm dục đức, hối tích thao danh ; uẩn tố tinh thân, huyền hiệu chỉ tuyệt.

BÀI THỨ MƯỜI SÁU

Nhược dục tham thiên học đạo, đốn siêu phương tiện chi môn, tâm khế huyền tân, nghiên cơ tinh yếu, quyết trạch thâm áo, khả ngộ chơn nguyên; bác vấn

tiên tri, thân cận thiện hữu. Thử tôn nan đặc kỳ diệu, thiết tu tử tế dụng tâm; khả trung, đốn ngộ chánh nhơn, tiện thị xuất trần giai tiệm. Thử tắc phá Tam giới nhị thập ngũ hữu.

BÀI THỨ MƯỜI BẢY

Nội ngoại chư pháp, tận tri bất thật; tòng tâm hiện khởi, tất thị giả danh; bất dụng tương tâm thấu bạc. Đản tình bất phụ vật, vật khởi ngại nhơn. Nhậm tha pháp tánh châu lưu, mạc đoạn mạc tục, văn thỉnh kiến sắc, cái thị tầm thường; giá biên na biên, ứng dụng bất khuyết.

BÀI THỨ MƯỜI TÁM

Như tư hành chỉ, thật bất ủng phi pháp phục, diệc nãi thù báo tứ ân, bạc tế Tam hữu. Sanh sanh nhược năng bất thoái, Phật giai quyết định khả kỳ. Vãng lai tam giới chi tân, xuất một vị tha tác tắc. Thử chi nhất học, tối diệu tối huyền, đản biện khăng tâm, tất bất tương trảm.

BÀI THỨ MƯỜI CHÍN

Nhược hữu trung lưu chi sĩ, vị năng đốn siêu, thả ư giáo pháp lưu tâm, ôn tầm bối diệp, tinh sư nghĩa lý, truyền xướng phu dương, tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức. Thời quang diệc bất hư khí, tất tu dĩ thử phò trì; trụ chỉ oai nghi, tiện thị Tăng trung pháp khí.

Khởi bất kiến ỷ tòng chi cát, thượng tủng thiên tâm;
phụ thác thắng nhơn, phương năng quảng ích. Khẩn
tu trai giới, mạc man khuy du, thế thế sanh sanh, thù
diệu nhơn quả.

BÀI THỨ HAI MƯỜI

Bất khả đẳng nhàn quá nhựt, ngọt ngọt độ thời;
khả tích quang âm, bất cầu thăng tiến. Đồ tiêu thập
phương tín thí, diệc nãi cô phụ tứ ân, tích luy chuyển
thâm, tâm trần dị ứng; xúc đồ thành trệ, nhơn sở
khinh khi. Cổ vân: “Bỉ ký trượng phu ngã diệc nhĩ”,
bất ưng tự khinh nhi thoái khuất. Nhược bất như thử,
đồ tại truy môn, nhậm nhiễm nhất sanh, thù vô sở
ích.

BÀI THỨ HAI MƯỜI MỐT

Phục vọng, hưng quyết liệt chi chí, khai đặc đạt
chi hoà; cũ thổ khán tha thượng lưu, mạc thiện tùy ư
dung bỉ. Kim sanh tiện tu quyết đoán, tướng liệu bất
do biệt nhơn; tức ý vong duyên, bất dữ chư trần tác
đối; tâm không cảnh tịch, chỉ vị cứu trệ bất thông.
Thục lâm tư vấn, thời thời cảnh sách, cương tác chủ tế,
mạc tuấn nhơn tình.

BÀI THỨ HAI MƯỜI HAI

Nghiệp quả sở khiên, thành nan đào ty. Thịnh hòa
hưởng thuận, hình trực ảnh đoan. Nhơn quả lịch

nhiên, khởi vô ưu cụ. Cố Kinh vân: “Giả sử bách thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong, như duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ”. Cố tri Tam giới hình phạt, oanh bạn sát như; nỗ lực cần tu, mặc không quá nhạt. Thâm tri quá hoạn, phương nãi tương khuyến hành trì; nguyện bách kiếp thiên sanh, xứ xứ đồng vi pháp lữ.

BÀI THỨ HAI MƯỚI BA

Nãi vi minh viết :

Huyễn thân mộng trạch không trung vật sắc.
 Tiền tế vô cùng, hậu tế ninh khắc ?
 Xuất thử một bể, thăng trầm bì cực;
 Vị miễn tam luân, hà thời hưu tức ?
 Tham luyến thế gian, ám duyên thành chất.
 Tùng sanh chí lão, nhất vô sở đắc.
 Căn bản vô minh, như tư bị hoặc,
 Quang âm khả tích, sát na bất trắc.
 Kim sanh không quá, lai thế trất tặc.
 Tùng mê chí mê, giai như lục tặc.
 Lục đạo vãng hoàn, Tam giới bồ bặc.

BÀI THỨ HAI MƯỚI BỐN

Tảo phóng minh sư, thân cận cao đức.
 Quyết trạch thân tâm, khứ kỳ kinh cực,

Thế tự phù hư, chúng duyên khởi bức ?
Nghiên cùng pháp lý, dĩ ngộ vi tắc,
Tâm cảnh câu quyên, mạc ký mạc úc.
Lục căn di nhiên, hành trụ tịch mặc.
Nhất tâm bất sanh, vạn pháp câu tức.

Dịch xong tại Khánh Vân
Ngày 12-4-1971
(16/3 năm Tân Hợi)

*

* * *

PHỤ BÀI SÁM QUI MẠNG

Nguyên tác của Ngài DI SƠN *thiền sư*

*

Qui mạng thập phương Điều Ngự Sư.
 Diễn dương thanh tịnh vi diệu pháp,
 Tam thừa, Tứ quả giải thoát Tăng,
 Nguyên tứ từ bi ai nhiếp thọ.
 Đệ tử chúng đấng:
 Tự vi chơn tánh,
 Ưống nhập mê lưu,
 Tùy sanh tử dĩ phiêu trầm.
 Trục sắc thính nhi tham nhiễm.
 Thập triền thập sử,
 Tích thành hữu lậu chi non.
 Lục căn lục trần.
 Vọng tác vô biên chi tội.
 Mê luân khổ hải,
 Thân nịch tà đồ.
 Trước ngã đam non,
 Cử ướng thố trực.
 Lụy sanh nghiệp chướng.
 Nhứt thiết khiên vu.
 Ngưỡng Tam Bảo dĩ từ bi,

Lịch nhứt tâm nhi sám hối
Sở nguyện :
Năng Nhơn chứng bạc
Thiện hữu đề huề,
Xuất phiền não chi thâm uyên.
Đáo Bồ đề chi bỉ ngạn.
Thử thế, phước cơ mạng vị,
Các nguyện xươg long.
Lai sanh, trí chươg linh miêu,
Đồng hy Tăng tú.
Sanh phùng trung quốc,
Trườg ngộ minh sư.
Chánh tín xuất gia,
Đồng chơn nhập đạo
Lục căn thông lợi,
Tam nghiệp thuần hòa
Bát nhiễm thế duyên,
Thườg tu phạm hạnh
Cháp trì cấm giới.
Trần nghiệp bất xâm.
Nghiêm hộ oai nghi.
Quyên phi vô tổn.
Bát phùng Bát nạn,
Bát khuyết Tứ duyên.
Bát Nhã trí dĩ hiện tiền.

Bồ đề tâm nhi bất thối.
 Tu tập Chánh pháp
 Liễu ngộ Đại thừa
 Khai lục độ chi hạnh môn,
 Việt tam kỳ chi kiếp hải,
 Kiến pháp tràng ư xứ xứ
 Phá nghi võng ư trùng trùng.
 Hàng phục chúng ma,
 Thiệu long Tam Bảo.
 Thừa sự thập phương chư Phật,
 Vô hữu bì lao,
 Tu học nhất thiết pháp môn,
 Tất giai thông đạt.
 Quảng tác phước huệ
 Phổ lợi trần sa,
 Đắc lục chủng chi thân thông,
 Viên nhất sanh chi Phật quả.
 Nhiên hậu :
 Bất xả pháp giới,
 Biến nhập trần lao
 Đẳng Quan Âm chi từ tâm.
 Hạnh Phổ Hiền chi nguyện hải.
 Tha phương thử giới,
 Trục loại tùy hình,
 Ứng hiện sắc thân,

Diễn dương diệu pháp,
Nê lê khổ thú,
Ngạ quỷ đạo trung,
Hoặc phóng đại quang minh,
Hoặc hiện chư thân biến.
Kỳ hữu kiến ngā tướng.
Nãi chí văn ngā danh.
Giai phát Bồ-đề tâm.
Vĩnh xuất luân hồi khổ.
Hỏa hoạch băng hà chi địa,
Biến tác hương lâm.
Ấm đông thực thiết chi đồ,
Hóa sanh Tịnh độ.
Phi mao đới giác,
Phụ trái hàm oan.
Tận bãi tân toan,
Hàm triêm lợi lạc.
Tật dịch thể nhi hiện vi dược thảo,
Cứu liệu trầm kha,
Cơ cần thời nhi hóa tác đạo lương,
Tế chư bản nổi.
Đản hữu lợi ích.
Vô bất hưng sùng.
Thứ kỳ :
Luy thế oan thân,

*Hiện tôn quyền thuộc,
Xuất tứ sanh chi cốt một,
Xả vạn kiếp chi ái triền.
Đẳng dữ hàm sanh, tề thành Phật đạo.
Hư không hữu tận,
Ngã nguyện vô cùng,
Tình dữ vô tình,
Đồng viên chủng trí*

Di Sơn Thiên Sư

*

* *

QUI MẠNG DIỄN NGHĨA

THÍCH HOÀN QUAN

Mười phương Điều Ngự nguyện về nương,
 Trong sạch Pháp mâu thệ xiển dương,
 Bốn quả, Ba thừa Tăng giải thoát,
 Từ bi thâm nạp rải lòng thương.

*

Kiếp lại kiếp trái thường Chơn tánh,
 Theo đường mê nặng gánh trần ai
 Xuống lên sanh tử bao nài
 Nhiễm mùi thanh sắc càng ngày càng sâu.
 Nào triền sử⁽¹⁾ từ lâu thất chặt.
 Chứa đã thành dày đặc lậu nhân⁽²⁾
 Sáu căn hiệp với sáu trần.
 Đối gây tội cấu chất ngân trời cao
 Nơi khổ hải dẫn vào lặn hụp
 Chốn tà đồ mãi dục chân bon
 Đam mê nhân ngã bằng non
 Đi theo đường vậy, bỏ con đường bằng
 Bao kiếp trước dùng dằng dây nghiệp
 Nhiều đời qua oan kiếp còn giâm
 Ngửa mong Tam Bảo từ tâm

(1) TRIỀN SỬ : Tức là Thập triền và Thập sử.

(2) LẬU NHÂN : Nhân hữu lậu. Tạo nhân thiện ác để thành thân sau.

Một lòng sám hối lỗi lầm sạch trơn
 Nguyên xin đấng Năng Nhơn cứu vớt
 Mỗi mòn trông bạn tốt diu nhau
 Vượt ra phiền não vực sâu
 Đến nơi ngàn giác nhiệm mầu bờ kia
 Kiếp hiện tại phước lành, mạng vị,
 Đòi lai sanh giống trí, mạ linh,
 Những mong xươg thanh cho mình
 Những mong tươi đẹp thêm xinh sắc màu
 Sanh vào chốn trung châu quốc thổ
 Lớn lên cùng hội ngộ minh sư
 Do lòng chánh tín chơn như
 Xuất gia nhập đạo đồng chơn buổi đầu
 Sáu căn đủ lậu lậu thông lợi
 Ba nghiệp đầy vơi vơi thuần lương
 Duyên đời há để nhiệm vương
 Siêng tu phạm hạnh, giữ thường giới căn
 Nghiệp trần cấu đón ngăn chớ phạm
 Gìn uy nghi chẳng dám lẩn sai
 Côn trùng nhỏ nhít cựa bay
 Hộ sanh nào để ý này tổn thương
 Kia tám nạn⁽¹⁾ chưa từng vướng víu
 Nọ bốn duyên⁽¹⁾ chẳng thiếu chi đâu

(1) TÁM NAN : Tức là tám chỗ không gặp Phật pháp. Tám chỗ ấy là :

1) Địa ngục, 2) Súc sanh, 3) Ngạ quỷ, 4) Đui, điếc, ngong, câm, 5) Thế tri biện thông, 6) Sanh trước hoặc sanh sau Phật, 8) Bắc Câu Lô Châu, 8) Vô tướng Thiên.

Hiền bày Bát Nhã trí mâu
 Bồ đề tâm ấy vững lâu chẳng lụi
 Nương Chánh pháp hằng vui tu tập
 Hiểu Đại thừa chẳng chấp tà tôn
 Mở bày Lục độ hạnh môn
 Vượt ra kiếp số minh mông ba kỳ
 Dụng cờ pháp lãn đi mọi chỗ
 Xé lưới nghi kiên cố điệp trùng
 Uy linh hàng phục ma hung
 Nói hưng Tam Bảo tận cùng ngàn sau
 Mười phương Phật vưng thờ không mỗi
 Ngàn pháp môn học hỏi lâu thông.
 Rộng tu phước huệ viên dung
 Lợi người cứu vật khắp cùng trần sa
 Thân thông nạn được qua sáu phép
 Phật quả kia viên kíp một đời
 Rồi sau pháp giới chẳng rời
 Khấp vào sanh tử độ người trăm luân
 Lòng từ Đức Quan Âm bi thiết
 Hạnh Phổ Hiền nào biết mỗi mê
 Cõi này phương khác chi nê
 Tuyên dương chánh pháp tùy loài hiện thân
 Chốn địa ngục khổ phân vĩnh kiếp

(1) BỐN DUYÊN : Có hai thuyết :

- 1) Thấy nghe duyên, nghe pháp duyên, hộ pháp duyên, phát tâm duyên.
Bốn duyên này giúp cho tâm Bồ-đề được tăng trưởng.
- 2) Áo mặc, cơm ăn, đồ nằm, thuốc thang.

Trong đường ma quỷ nghiệp còn vương
 Phóng quang chiếu sáng đôi đường
 Hoặc là thần biến tùy phương hiện hình
 Người thấy tướng tâm linh diệu vợi
 Kể nghe danh phôi phôi mừng vui
 Bỏ-đề tâm phát chẳng lui
 Vượt ra khổ ải, luân hồi hằng không
 Nơi ngục giá, lửa hồng hăng hắc
 Biến thành rừng thơm ngát mùi hương
 Uống đồng nuốt sắt thảm thương
 Hóa ra Lạc quốc, Thiên đường tịnh chơn
 Giống chớ nặng, ngậm hờn nhiều nổi
 Loài mang lông, đầu đội sừng dài
 Hết điều khổ lụy bi ai
 Hưởng điều lợi lạc, ngày ngày lo chi
 Đòi tật dịch con thì hiện thuốc
 Cứu bệnh nghèo đều được tiêu tan
 Trời sanh nhiều nổi cơ hàn
 Hóa ra lúa bắp độ an cảnh nghèo
 Điều lợi ích bao nhiêu chẳng những
 Không việc nào chẳng khứng ra ân
 Kế là nhiều kiếp oan thân
 Bà con quyến thuộc kẻ gần người xa
 Dứt dây nghiệp ái hà nhiều mối
 Biến tứ sanh⁽¹⁾ chìm nổi đưa qua

(1) TỨ SANH : Bốn loại sanh : noãn sanh, thai sanh, thấp sanh và hóa sanh.

*Hàm linh hết thấy đều là
Đồng thành quả Phật ngự tòa Pháp Vương.*

*

*Nay xin dâng tấm lòng son
Hư không có hết nguyện con chẳng cùng
Hữu vô tình thức nguyên chung
Đồng viên trí Phật đồng cùng an vui.*

*

* *

DUY THỨC
TAM THẬP TỤNG
(GIẢNG YẾU)

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

THÂN THỂ

Ngài Thiên Thân, tiếng Phạn gọi là Bà Tẩu Bàn Đậu hay Bà Tu Bàn Đà cũng gọi là Phật Tổ Bạt Độ (Vasubandhu). Trung Hoa dịch là Thiên Thân hay Thế Thân.

Theo truyện Bà Tẩu Bàn Đậu, thì Ngài là người nước Phú Lâu Sa Phú Lã, miền Bắc Ấn Độ, tức là nước Trung Phu bây giờ. Ngài ra đời sau Phật diệt độ 900 năm. Gia đình Ngài có ba anh em, đều lấy tên là Bà Tẩu Bàn Đậu. Người anh cả có tên riêng là A Tăng Già (Asanga) tức là Ngài Vô Trước. Người em út (người thứ ba) có tên riêng là Tỷ Lâu Trì Bạt Bà. Còn người giữa lấy tên chung là Bà Tẩu Bàn Đậu, chính là Ngài Thế Thân.

CÔNG NGHIỆP TRƯỚC TÁC

Trước kia, Ngài xuất gia theo bộ phái Tác Bà Sa, và nghiên cứu học hỏi giáo nghĩa Tiểu thừa. Ngài thông suốt nghĩa lý bộ luận Đại Tỳ Bà Sa và vì chúng

giảng nói. Cứ mỗi ngày, Ngài làm một bài kệ, tổng cộng được 600 bài gọi là **CÂU XÁ LUẬN**. Đến sau, nhờ anh Ngài là Vô Trước khuyến hóa, Ngài hiểu rõ chỗ thâm diệu của Đại thừa nên hết sức ăn năn, rồi bỏ Tiểu thừa theo Đại thừa.

Để sám hối cái tội “chấp Tiểu phỉ Đại”, Ngài định cắt lưỡi để tạ tội, nhưng Ngài Vô Trước không cho và bảo rằng: “Trước kia em đã đem lưỡi ấy phỉ báng Đại thừa, thì bây giờ em vẫn đem nó ra mà ca ngợi Đại thừa, tuyên dương Đại giáo cũng đủ chuộc lại tội kia vậy”.

Từ ấy, Ngài bắt đầu sáng tác các bộ Luận Đại Thừa Duy Thức, tổng cộng được năm trăm bộ để hoằng dương giáo nghĩa Đại thừa.

Theo lời sớ của bài tựa **Bách Luận** thì trước Ngài theo Tiểu thừa học thông 500 bộ luận, sau về Đại thừa Ngài sáng tác 500 bộ nữa. Vì thế, người đời gọi Ngài là **Thiên Bộ Luận Chủ**.

Ngài thọ được 80 tuổi và tịch ở nước A Du Đà.

*

* *

BÀI I

唯識三十頌講要

天親菩薩造

DUY THỨC TAM THẬP TỤNG GIẢNG YẾU
DO NGÀI THIÊN THÂN BỒ TÁT TẠO RA

*

- Thức là gì ?

- Thức là sự nhận thức phân biệt. Sơn hà, đại địa là những vật bị phân biệt (đối tượng phân biệt), cũng gọi đó là cảnh, là sự, là vật. Cái tác dụng hay phân biệt sơn hà, đại địa gọi đó là *Thức*. Cảnh thì có hình tướng, Thức thì không hình tướng, do đó người đời ngỡ là hai vật khác nhau, nhưng dầu là Năng phân biệt hay Sở phân biệt cũng chỉ là Thức mà thôi, chứ không phải hai vật. Vì thế nên gọi là *Duy Thức*.

Người đời thường thấy sơn hà, đại địa cho là thật có, nên không tin Duy Thức, nay muốn nói rõ rằng: Những sự vật kia đều chỉ do Thức biến hiện, không phải thật có, nên gọi là *Duy Thức Học*.

Thông thường trong Kinh Phật, cứ mỗi bốn câu là một bài tụng, nay đem 30 bài tụng để giải thích diệu nghĩa của Duy Thức, nên gọi là *Duy Thức Tam Thập Tụng*. Ba mươi bài tụng Duy Thức này do Ngài Thiên Thân Bồ Tát làm ra, văn nghĩa rất thâm diệu, kẻ sơ học thật khó thông hiểu, nay theo nghĩa cốt yếu thông thường mà giảng giải để cho ai cũng có thể hiểu được, nên gọi là *Duy Thức Tam Thập Tụng Giảng Yếu*.

*

* *

BÀI II

若唯有識，云何世間

Nhược duy hữu Thức vân hà thế gian

及諸聖教，說有我法

Cập chư Thánh giáo thuyết hữu Ngã Pháp ?

DỊCH NGHĨA

Nếu chỉ có Thức thì sao thế gian và các Thánh giáo đều nói có Ngã Pháp ?

CHÚ THÍCH

Thế gian : Thế có nghĩa thiên lưu, phá hoại, phúc chơn (che lấp chơn tánh); Gian có nghĩa là trong, là sự vật sa đoạ trong đời gọi đó là gian. Lại chữ gian còn có nghĩa là ngăn cách, là sự vật trong đời từng cái từng cái ngăn cách nhau làm thành ranh giới, nghĩa này đồng với chữ thế giới. Đại lược thì Thế gian có hai loại: Một là Hữu tình thế gian, chỉ cho loài có tình thức. Hai là Khí thế gian, tức là quốc độ. Chữ thế gian trong đây dùng là riêng chỉ cho loài người trong xã hội, người thế tục.

Ngã : Chủ thể, thường nhất, tự tại.

Pháp : Những gì duy trì được tự tánh, có khuôn khổ của mình để cho người ta có thể nhận biết được đều gọi là *Pháp*. Vậy *Pháp* có nghĩa là *Quy Trì* : Nhậm *Trì* tự tánh, *Quy* sanh vật giải (Giữ gìn thể cách của mình để có một khuôn khổ nào đó, khiến người trông vào sanh ra sự hiểu biết).

ĐẠI Ý

Câu trên Luận chủ mượn lời người ngoài để hỏi về **NGÃ** và **PHÁP**.

GIẢNG YẾU

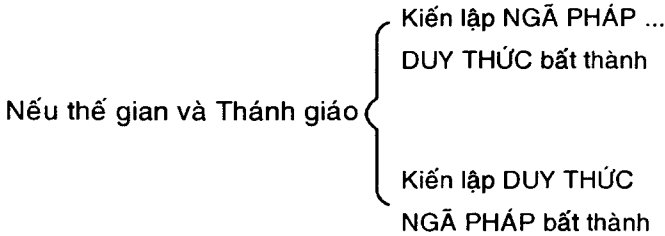
Thông thường người đời đều cho sơn hà, đại địa, mọi sự mọi vật là thật có, nhưng nay thoát nhiên nghe nói sơn hà, đại địa v.v... đều không phải là thật vật, chỉ là cái giả, tướng của Duy Thức biến ra, thì chắc chắn họ không thể nào tin được. Vì người đời không tin, nên Luận chủ mới đề xướng Duy Thức học để giải thích những chỗ nghi ngờ ấy. Muốn đặt vấn đề để giải thích, ở đây Luận chủ giả lập lời hỏi đáp.

Xem lược biểu :

Sơn hà đại địa	{ Thường thức thể gian { Bản ý Luận chủ	{ Thật có sự vật { Chẳng phải thức biến
		{ Duy Thức biến ra { Chẳng có thật vật

Nếu Luận chủ bảo rằng: Tất cả đều Duy Thức thì tại sao chẳng những thế gian đều nói có *Ngã Pháp*, mà ngay trong các Thánh giáo cũng đều nói có Ngã Pháp? Nếu có Ngã Pháp như thế gian và Thánh giáo đã nói, thì Duy Thức không thể thành lập; còn như thành lập *Duy Thức* thì *Ngã Pháp* không thành. Vậy trong hai điều đó quyết phải thừa nhận một điều. Đây là cả một vấn đề quan yếu, mà Luận chủ cần phải giải quyết.

Tóm tắt theo lược biểu :



*

* *

BÀI III

1) 由假說我法

Do giả thuyết ngã pháp

有種種相轉

Hữu chủng chủng tướng chuyển

彼依識所變

Bỉ y thức sở biến

此能變爲三

Thử năng biến vi tam

2) 謂異孰思量

Vị dị thức, Tư lương

及了別境識

Cập Liễu biệt cảnh thức

DỊCH NGHĨA

1. Do giả nói ngã pháp
 Có các thứ tướng chuyển
 Nó y Thức biến ra
 Năng biến này có ba:
2. Là Dị thực, Tư lương
 Và Liễu biệt cảnh thức

CHÚ THÍCH

Dị thực : Đệ bát thức.

Tư lương : Đệ thất thức.

Liễu biệt cảnh : Tiền lục thức: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức và Ý thức.

ĐẠI Ý và PHÂN ĐOẠN

Bài này đáp lời hỏi ở trước: Nói nguyên do tại sao Thế gian và Thánh giáo đều nói có *Ngã* và *Pháp*. Có hai phần:

- 1) Lược nói nguyên do vì sao Thế gian và Thánh giáo nói có Ngã Pháp (4 câu đầu).
- 2) Đưa ra 3 món Năng biến thức (2 câu sau).

GIẢNG YẾU

Trong câu hỏi trước dùng chữ Sao để hỏi cái nguyên do vì sao trong Thánh giáo cũng nói có *Ngã Pháp*. Ở đây Luận chủ dùng chữ *Do* để đáp cái nguyên do trên.

Trong câu hỏi dùng chữ *Nói Có*, người ta nghi chữ *Có* là *Thật Có*. Ở đây Luận chủ dùng chữ *Giả Nói* để đáp lại lời hỏi. Ý bảo rằng : Sự *Nói* đã là *Giả*, thì *Có* cũng là *Giả Có*.

Ba câu đầu trong bài này nói: Không luận là Thế gian hay Thánh giáo nói *Có Ngã Pháp*, đó chẳng qua đều là *Giả Nói*. Hễ có *Giả Nói* thì người nghe liền có các thứ Ngã tướng, Pháp tướng chuyển khởi. Nhưng các thứ ngã tướng, pháp tướng y cứ nơi đâu mà chuyển khởi ? Chính là chỉ y nơi Thức mà biến khởi.

Thí như có người ngồi trong tịnh thất, nghe nói có quỉ ở góc hè... hoặc tuyết bay mù mịt bên ngoài... hay nghe nói cảnh Cực Lạc toàn là thất bảo trang nghiêm v.v... thì khi ấy trí người nghe liền có các Tướng hiện ra. Các tướng đó chính là Cảnh sở biến vậy.

Ba câu dưới nói: Đã có Cảnh sở biến tức nhiên phải có cái Năng biến. Năng biến đây chính là *Thức*. Năng biến thức có chia làm 3 loại.

*

* *

BÀI IV

第一能變識

Đệ nhất năng biến thức

初阿賴耶識

Sơ A Lại Da thức,

異熟一切種

Dị thục, Nhất thiết chủng.

3) 不可知執受

Bất khả tri chấp thọ,

處了常與觸

Xứ, Liễu thường dũ Xúc,

作意受想思

Tác Ý, Thọ, Tưởng, Tư;

相應唯捨受

Tương ứng duy Xả thọ.

4) 是無覆無記

Thị vô phú vô ký;

觸等亦如是

Xúc đẳng diệc như thị.

恆轉如瀑流

Hằng chuyển như bộc lưu

阿羅漢位捨

A-la-hán vị xả.

DỊCH NGHĨA

Thức Năng biến thứ nhất

*

Một, Thức A-lại-da,

Dị thực, Nhất thiết chủng.

3. Không biết được chấp thọ,

Xứ, Liễu thường cùng Xúc,

Tác Ý, Thọ, Tưởng, Tư;

Tương ứng chí Xả thọ.

4. Nó vô phú vô ký,

Xúc thấy cũng như thế,

Hằng chuyển như thác nước,

A-la-hán thì xả.

CHÚ THÍCH

A-lai-da thức (Alaya) : Dịch là Tầng thức. Tầng có 3 nghĩa :

1) *Năng tàng* : Thức này có công năng chứa tất cả chủng tử thiện ác, như một cái lẫm (kho) chứa hạt giống ngũ cốc.

2) *Sở tàng* : Chỗ chứa đựng. Thức này là chỗ bị chứa của những chủng tử các pháp, thí như cái lẫm là nơi bị chứa đựng ngũ cốc.

3) *Ngã ái chấp tàng* : Thức này thường bị Đệ thất thức đeo theo chấp làm tự ngã rồi khởi ra ngã ái (yêu mến cái ngã), chẳng khác nào anh chàng giữ kho, cứ lo giữ kho lúa không cho mất.

Dị thực : Dị là khác; thực là chín. Tất cả chủng tử trong A-lai-da khi hiện hành đều bị biến đổi trạng thái. Thí như hạt gạo khi nấu chín thành cơm, thì trạng thái và mùi vị đều biến đổi. Dị thực có 3 nghĩa :

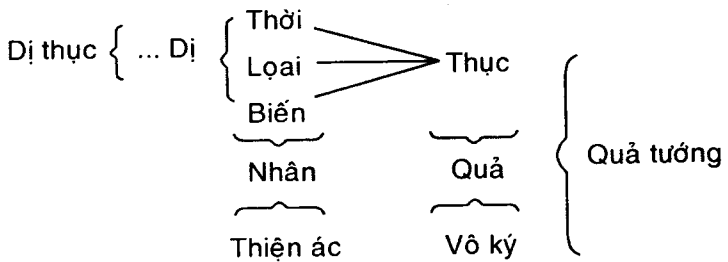
1) *Dị thời nhi thực* : Thời khác mới chín. Gây nhân ở một thời kỳ trước, đến một thời kỳ khác về sau mới thành quả chín. Thí dụ: các loại quả như quả đào chẳng hạn, sống và chín không cùng một lúc.

2) *Biến dị nhi thực* : Biến khác đi rồi mới chín. Khi kết quả chín thì quả khác hẳn nhân. Từ khi gây nhân đến khi thọ quả, tất phải theo thời gian và không gian mà biến đổi ra nhiều hình dạng khác nhau mới thành quả chín. Thế là quả chẳng giống nhân, mà

nhân cũng khác hẳn quả. Thí như trái đào, khi còn cái nụ thì nhỏ mà trắng xanh, khi chín thì lại lớn mà đỏ.

3) *Dị loại nhi thực* : Biến ra loài khác rồi mới chín. Từ quá khứ đến giờ, tạo ra bao nhiêu nghiệp thiện ác, rồi do nghiệp thiện ác này dẫn dắt thúc đẩy A-lại-da đi thọ sanh để được thân này, thì thân này chỉ là Vô ký: không phải thiện, không phải ác. Thế là Nhân thì thiện ác mà Quả lại vô ký; từ nhân đến quả đã biến ra loài khác. Như trái xoài, khi sống thì chua mà khi chín lại ngọt.

Xem lược biểu:



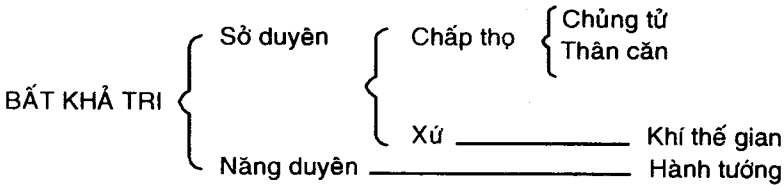
Nhất thiết chủng : Tất cả hiện hành của pháp thế và xuất thế gian, mỗi loại đều có chủng tử của tự nó, các chủng tử ấy đều chứa ở trong Đệ bát thức. Do những chủng tử chứa trong Thức này làm nhân, khởi ra hiện hành tất cả pháp là quả.

Chấp Thọ, Xứ : Đây là Cảnh sở duyên của Đệ bát thức. Chấp Thọ: Chỉ cho Chủng tử và Thân căn. Thức này có công năng giữ gìn chủng tử của các pháp và duy trì thân hữu căn để sanh ra giác thọ. Xứ: Là Khí thể

gian. Tức là toàn thể giới và chúng sanh đều do Đệ bát thức biến ra và giữ gìn không cho mất.

Liễu : Minh liễu phân biệt, thuộc về phần Năng duyên của Đệ bát thức. Vì hai phần Sở duyên và hành tướng Năng duyên của Đệ bát thức quá nhỏ nhiệm, dùng thô tâm của người đời không thể nào thấy nghe nhận biết được, nên gọi là Bất khả tri.

Xem lược biểu:



Vô ký : Không ghi nhớ, không ký định. Các pháp có thể phân làm ba tánh: Thiện tánh, Ác tánh và Vô ký tánh (phi thiện phi ác). Vô Ký có hai:

1) *Vô phú vô ký* : Không bị che lấp, không ký định là Thiện hay Ác.

2) *Hữu phú vô ký* : Có che lấp không định Thiện hay Ác.

Thí như : Mặt gương, không thể nói là Thiện hay Ác được, gọi là Vô ký. Khi mặt gương không bị bụi làm mờ ánh sáng của nó thì gọi là Vô phú vô ký; nếu mặt gương bị bụi làm mờ ánh sáng thì gọi là Hữu phú vô ký.

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này nói về Thức Năng biến thứ nhất, có ba phần chính :

- 1) Nêu tên của Thức năng biến thứ nhất (2 câu đầu)
- 2) Nói phần duyên cảnh và những Tâm sở tương ứng với nó (4 câu giữa).
- 3) Giải thích Tánh, Tướng và cần phải tu đến quả vị nào mới bỏ được tên A-lại-da (4 câu cuối).

GIẢNG YẾU

Thức Năng biến thứ nhất có nhiều tên: Đệ bát thức, Căn bản thức v.v... nhưng ở đây chỉ nói đến ba tên là đứng trên ba trường hợp khác nhau :

1) **A-lại-da** : là đứng về *Tự tướng* (công năng) mà nói. Vì A-lại-da tự nó có công năng chứa góp tất cả chủng tử của các pháp.

2) **Đị thực** : là đứng về *Quả tướng* mà nói : Vì Căn thân và Khí giới đều là kết quả của A-lại-da.

3) **Nhất thiết chủng** : là đứng về mặt *Nhân tướng* mà nói. Vì những chủng tử chứa góp trong Đệ bát A-lại-da thức sẽ là cái NHÂN sanh ra Căn thân, Khí giới.

Thức này khi ra tạo nghiệp thường tương ứng với năm món Biến hành và Xả thọ trong ba món thọ. Thế

của nó không nhất định thiện hay ác và không bị phiền não ngăn che, nên tánh nó thuộc về *Vô phú vô ký* ; chẳng riêng gì nó mà các Tâm sở tương ưng với nó cũng thuộc về *Vô phú vô ký*.

Chúng ngoại đạo và các học thuyết khác hoặc chấp các pháp là thường còn, hoặc chấp là đoạn diệt, đều lạc vào hai lối : *Đoạn kiến* và *Thường kiến*. Nay nhà Duy thức thành lập Đệ nhất Năng biến là *Hằng chuyển*, nghĩa là từ vô thủy đến nay niệm niệm sanh diệt không hề gián đoạn; tuy không gián đoạn mà hằng chuyển biến, để phản đối lại hai lối chấp trên.

Đã *Hằng* thì không phải đoạn : phá hạng người chấp *Đoạn*; *Chuyển* thì không phải thường: phá hạng người chấp *Thường*.

Thức A-lại-da sanh diệt liên tục, nên nó là cội gốc của sanh tử, luân hồi. Người tu hành khi phá trừ được phiền não chướng đến chỗ cứu cánh, chứng được A-lai-hán quả, tức là diệt được Thức này. Ở đây diệt cái tên A-lại-da tức là phần cấu nhiễm, chứ không phải diệt Thức thể là phần chơn tịnh, tức là Chuyển thức thành trí. Nếu xả thức thể trở thành đoạn diệt, đồng với ngoại đạo, trái với Duy Thức học của Phật giáo vậy.

*

* *

BÀI V

- 5) 次 第 二 能 變
Thứ Đệ nhị Năng biến ,
 是 識 名 末 那
Thị Thức danh Mạt-na
 依 彼 轉 緣 彼
Y bỉ chuyển duyên bỉ
 思 量 為 性 相
Tư lương vi tánh tướng ,
- 6) 四 煩 惱 常 俱
Tứ phiền não thường câu ,
 謂 我 癡 我 見
Vị Ngã si, Ngã kiến ,
 並 我 慢 我 愛
Tịnh Ngã mạn, Ngã ái,

及 餘 觸 等 俱

Cập dư Xúc đẳng câu.

有 覆 無 記 攝

Hữu phủ Vô ký nhiếp,

隨 所 生 所 繫

Tùy sở sanh sở hệ

阿 羅 漢 滅 定

A-la-hán, Diệt định,

出 世 道 無 有

Xuất thế đạo vô hữu.

DỊCH NGHĨA

5. Hai, Đệ nhị Năng biến:
Thức này tên Mạt-na (manas).
Y kia lại duyên kia,
Tư lương làm Tánh Tướng.
6. Thường cùng bốn phiền não:
Là Ngã si, Ngã kiến,
Và Ngã mạn, Ngã ái,
Cùng Xúc thủy, các thứ...

7. **Thuộc Hữu phú Vô ký.**
Tùy hệ Lại-da sanh,
Đến: La-hán, Diệt định.
Xuất thế đạo không còn.

CHÚ THÍCH

Mạt-na (Manas) : Trung Hoa dịch là Ý. Vì nó làm chỗ nương cho Ý thức (thức thứ sáu) nên gọi là Ý CĂN. Nó thường mang các chủng tử đưa vào A-lại-da thức và đem chủng tử A-lại-da ra Sáu thức để khởi tác dụng, nên cũng gọi là Truyền tổng thức.

Y kia lại duyên kia : Chữ KIA trong câu này là chỉ cho Thức A-lại-da. Nghĩa là Đệ thất thức nương nơi A-lại-da mà sanh khởi, nhưng trở lại duyên A-lại-da chấp làm tự ngã.

Tư lương làm tánh tướng : Tánh là Thể tánh; Tướng là Tướng trạng. Thể tánh của nó là Tư lương và hiện ra Tướng trạng cũng Tư lương nên gọi là Tư lương làm Tánh tướng.

Cùng Xúc thấy các thứ : Chữ THẤY ở đây là chỉ cho: Tác ý, Thọ, Tưởng và Tư; còn chữ CÁC THỨ ... là chỉ cho các món Tùy phiền não.

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

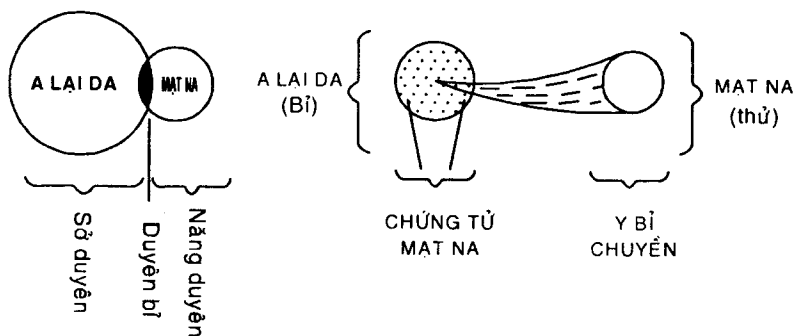
Bài này nói về Thức Năng biến thứ hai, có thể phân làm ba đoạn:

- 1) Nói tánh chất của Đệ nhị Năng biến thức (4 câu đầu).
- 2) Các tâm sở tương ưng của nó (3 câu giữa).
- 3) Tánh sở thuộc, sự tương quan với A-lại-da và quả vị đoạn thức (4 câu sau).

GIẢNG YẾU

Thức Đệ nhị Năng biến lấy Đệ bát thức (bỉ) làm chỗ nương tựa mới có thể sanh khởi, nhưng nó trở lại duyên Kiến phần của A lại Da chấp làm tự ngã. Chẳng khác nào cái tay từ thân sanh ra mà trở lại bảo vệ cho thân (chấp cái thân cho là cái của mình).

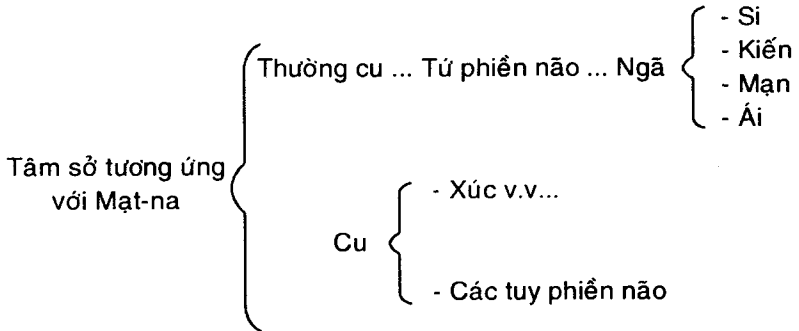
Xem lược biểu :



Thức này lấy Tư lương làm Tánh mà cũng lấy Tư lương làm Tướng. Thí dụ: Một người văn sĩ nọ, hằng ngày suy nghĩ về văn chương, ấy là *Tánh tư lương*; do suy nghĩ mà sáng tác ra văn chương, ấy là *Tướng tư lương*.

Thức này vì lúc nào cũng chấp ngã nên luôn luôn tương ứng với bốn món phiền não là: Ngã si của ngu si, Ngã kiến của chấp ngã, Ngã mạn của kiêu mạn và Ngã ái của tham ái. Ngoài bốn món phiền não trên, Mạt-na còn tương ứng với năm món Biến hành: Xúc, Tác ý, Thọ, Tưởng, Tư, một món Huệ trong Biệt cảnh và tám món Đại tùy trong Tùy phiền não: Trạo cử, Hôn trầm, Bất tín... Bất chính tri.

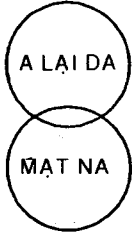
Xem lược biểu :



Thức Mạt-na vì bị bốn món phiền não che ngăn tự Thể của nó, nên đối trong ba tánh nó thuộc về *Hữu phú vô ký*. Lại như nương Đệ bát thức làm Căn mà được sanh khởi, nên tùy Đệ bát thức sanh ở cõi nào thì nó liền hệ thuộc với Đệ bát thức sanh ở cõi ấy.

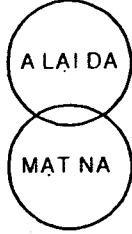
Xem lược biểu:

Sanh Vô sắc giới



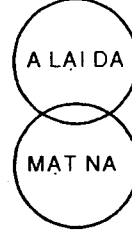
Tuy hệ Vô sắc giới

Sanh Sắc giới



Tuy hệ Sắc giới

Sanh Dục giới



Tuy hệ Dục giới

- Vậy người tu hành phải đến quả vị nào mới có thể đoạn được Ngã chấp mà xả được tên Mạt-na?

- Có ba quả vị xả tên Mạt-na :

1) A-la-hán. Vì vị này xả được A-lại-da, nên Mạt-na không còn chấp ngã nữa.

2) Diệt tận định. Vì Định này Tâm và Tâm sở của Tiền thất thức đều diệt, nên phần nhiệm ô của Mạt-na và các Tâm sở cũng đều diệt.

3) Xuất thế đạo. Vì quả này được Chơn vô ngã giải và được Hậu đắc vô lậu trí, nên ngã chấp cũng không còn.

Xem lược biểu:

Ba vị không có Mạt-na	{	A-la-hán	{	Xả A-lại-da thì
				Mạt-na không chấp
		Diệt tận định	{	Tâm, Tâm sở tiến thất diệt
				Phần nhiệm Mạt-na và
				Tâm sở cũng diệt
		Xuất thế đạo	{	Được Chơn vô ngã giải
				Hậu đắc vô lậu trí phát sanh

*

* *

BÀI VI

8) 次 第 三 能 變

Thứ Đệ tam Năng biến,

差 別 有 六 種

Sai biệt hữu lục chủng,

了 境 為 性 相

Liễu cảnh vi tánh tướng,

善 不 善 俱 非

Thiện, bất thiện, câu phi.

9) 此 心 所 遍 行

Thử tâm sở Biến hành.

別 境 善 煩 惱

Biệt cảnh, thiện, phiền não,

隨 煩 惱 不 定

Tùy phiền não, Bất định;

皆 三 受 相 應

Giai tam thọ tương ứng.

DỊCH NGHĨA

8. Ba, Đệ tam Năng biến,
 Có sáu thứ sai biệt
 Liễu cảnh làm Tánh Tướng,
 Thiện, ác và câu phi.
9. Tâm sở nó : Biến hành,
 Biệt cảnh, Thiện, Phiền não,
 Tùy phiền não, Bất định;
 Tương ứng cả ba Thọ.

CHÚ THÍCH

Câu phi : Phi thiện và phi ác, tức là Vô ký tánh.

Biến hành : Đi khắp, Tâm sở này đi khắp cả bốn nơi, nên gọi là Biến hành. Bốn nơi là:

- 1) Tất cả thời : Quá khứ, Hiện tại và Vị lai.
- 2) Tất cả chỗ : Chín địa và Ba cõi.
- 3) Tất cả tánh: Thiện, Ác và Vô ký tánh.
- 4) Tất cả thức : Tám thức tâm Vương.

Biệt cảnh : Cảnh sở duyên của những Tâm sở này khác nhau và khi duyên cảnh không đồng một thời. Cảnh sở duyên của chúng có năm:

- 1) Cảnh đáng ưa,
- 2) Cảnh quyết định,
- 3) Cảnh quen thuộc,
- 4) Cảnh chuyên nhất,
- 5) Cảnh sở quán,

Xem lược biểu :

BIỆT CẢNH	{	Dục ... Thắng giải ... Niệm ... Định ... Huệ ...	{	Đáng ưa Quyết định Quen thuộc Chuyên nhất Sở quán
		} Tâm sở ...		} Biệt cảnh

Bất định : Bất định thiện và bất định ác.

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này nói về thức Đệ tam Năng biến, có thể phân làm hai đoạn:

- 1) Nói tánh chất của Đệ tam Năng biến.
- 2) Nói những tâm sở tương ứng với nó (4 câu sau).

GIẢNG YẾU

Thức Đệ tam Năng biến có sáu thứ khác nhau:

- | | |
|--------------|---------------|
| 1) Nhân thức | 4) Thiệt thức |
| 2) Nhĩ thức | 5) Thân thức |
| 3) Tỷ thức | 6) Ý thức |

Đệ nhất và Đệ bát thức cũng đều có Liễu biệt, nhưng chỉ liễu biệt cảnh tế, còn Sáu Thức này thì liễu biệt cảnh thô. Nghĩa là Sáu Thức này thiên về phần liễu cảnh nhiều hơn, nên trong bài tụng gọi là “Liễu

cảnh làm Tánh Tướng”, Tánh tức là phần Thể, còn Tướng tức là phần Dụng. Thí như: Mặt trăng tự nó là sáng, ấy thuộc về phần Tánh (thể), mặt trăng lại hay chiếu sáng mọi vật, ấy là phần Tướng (dụng).

Mặt trăng sáng là dụ cho Bản Thể của Sáu Thức; còn sự chiếu soi là dụ cho tác dụng của Sáu Thức.

Sáu Thức này thông cả ba tánh, nghĩa là cảnh thiện, cảnh ác và cảnh phi thiện phi ác, chúng đều duyên cả.

Sáu thức này tương ứng với tất cả 51 món Tâm sở. Năm mươi một món tâm sở, có chia ra làm sáu vị là:

1) Biến hành, có	5
2) Biệt cảnh, có	5
3) Thiện, có	11
4) Căn bản phiền não, có	6
5) Tùy phiền não, có	20
6) Bất định, có	4

Tổng cộng là 51

*

* *

BÀI VII

10) 初 遍 行 觸 等

Sơ Biến Hành : Xúc Đẳng.

次 別 境 謂 欲

Thứ Biệt cảnh vị Dục,

勝 解 念 定 慧

Thắng giải, Niệm, Định, Huệ.

所 緣 事 不 同

Sở duyên sự bất đồng.

11) 善 謂 信 慚 愧

Thiện vị Tín, Tàm, Quý

無 貪 等 三 根

Vô tham đẳng tam căn

勤 安 不 放 逸

Cần, An, Bất phóng dật,

行捨及不害

Hành xả cập Bất hại.

12) 煩惱謂貪瞋

Phiền não vị Tham, Sân,

癡慢疑惡見

Si, Mạn, Nghi, Ác kiến

DỊCH NGHĨA

10. Trước, Biến hành: Xúc thấy...
Kế Biệt cảnh là: Dục,
Thắng giải, Niệm, Định, Huệ
Cảnh Sở duyên chẳng đồng.

11. Thiện là: Tín, Tàm, Quý.
Vô tham thấy... ba căn,
Căn, An, Bất phóng dật,
Hành xả và Bất hại.

12. Phiền não là: Tham, Sân,
Si, Mạn, Nghi, Ác kiến

CHÚ THÍCH

Biến hành : Có 5:

1) *Xúc* : Tiếp xúc. Do Căn, Cảnh, Thức hòa hiệp.

- 2) *Tác ý* : Móng tâm. Dẫn tâm đến cảnh.
- 3) *Thọ* : Lãnh thọ. Dung nạp những cảnh: thuận, nghịch, câu phi.
- 4) *Tưởng* : Tưởng tượng. Đối với cảnh đã qua giữ lấy cái hình dáng trong Tâm thức.
- 5) *Tư* : Tạo tác. Khiến tâm tạo tác vật mà mình đã thấy.

Biệt cảnh : Có 5:

- 1) *Dục* : Mong muốn. Đối với cảnh sở thích sanh lòng mong muốn.
- 2) *Thắng giải* : Đối với cảnh quyết định nện biết rõ ràng.
- 3) *Niệm* : Đối với cảnh quen thuộc, ghi nhớ không quên.
- 4) *Định* : Đối với cảnh chuyên nhất, tâm không tán loạn.
- 5) *Huệ* : Đối với cảnh Sở quán, giản trạch phân minh.

Thiện: có 11:

- 1) *Tin* : Tín chịu. Đối với Phật pháp, chơn lý khởi lòng tin chơn chánh.
- 2) *Tàm* : Thẹn lấy mình.
- 3) *Quý* : Hồ với người.
- 4) *Vô tham* : Không thèm muốn. Đối với cảnh đáng ưa, không sanh tâm tham ái.

- 5) *Vô sân* : Không giận dữ. Đối với những việc trái ý, không tức giận hành hung.
- 6) *Vô si* : Không u mê. Đối với sự lý các pháp không có tâm ngu muội. Vô tham, Vô sân và Vô si cũng gọi là Tam thiện căn, nên lời tụng nói là: “Vô tham đẳng tam căn”.
- 7) *Cần* : Tịnh tấn (siêng năng). Đối với việc đoạn ác tu thiện, siêng năng không sút lùi.
- 8) *Khinh an* : Nhẹ nhàng an tĩnh, tâm sở này khiến cho thân tâm được nhẹ nhàng khoan khoái.
- 9) *Bất phóng dật* : Không buông lung. Đối với việc dứt ác làm lành, lòng chẳng dám buông lung.
- 10) *Hành xả* : Làm rồi không tham trước. Đối với tất cả việc phúc thiện đã làm không sanh lòng tham nhiễm, khiến cho tâm bình đẳng an trụ mà không còn dụng công.
- 11) *Bất hại* : Không tổn hại. Đối với tất cả chúng sanh không để tâm làm hại.

Phiền não : có 6 thứ:

- | | | |
|----------------|---|---|
| 1) <i>Tham</i> | } | Ba thứ tâm sở này trái với ba thứ thiện căn ở trước. Trong Kinh thường gọi nó là Tam độc. |
| 2) <i>Sân</i> | | |
| 3) <i>Si</i> | | |
- 4) *Mạn* : Ngã mạn. Tự ý vào tài lực khinh khi kẻ khác (Mạn có 7 thứ).

- 5) *Nghi* : Ngờ vực. Đối với chơn lý, nhân quả, luân hồi, nghi ngờ không tin.
- 6) *Ác kiến* : Kiến giải tà ác, bất thiện. Chỗ thấy biết sự vật, sai với sự thật. Đây lại khai ra làm 5 thứ là: Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, Kiến thủ và Giới cấm thủ (Sáu thứ phiền não này nếu khai Ác kiến ra làm năm thứ gọi là Thập sử).

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này nói những Tâm sở tương ứng với Đệ tam Năng biến, có thể chia làm 3 đoạn:

- 1) Nói về năm món Biến hành và năm món Biệt cảnh (4 câu đầu).
- 2) Nói 11 món Thiện (4 câu kế).
- 3) Nói 6 món Căn bản phiền não (2 câu cuối).

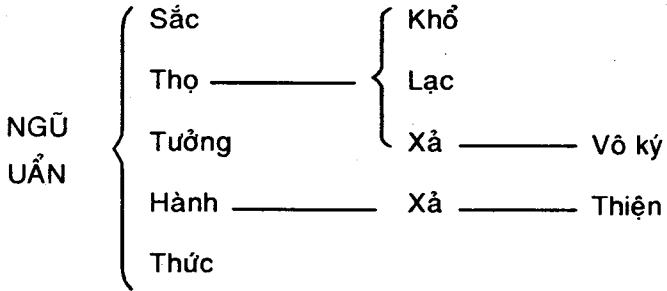
GIẢNG YẾU

Trong 51 món Tâm sở, 11 món Thiện đối với kẻ tu hành, nó là những người bạn tốt, chẳng khác nào nước có lương thần, chủ có tứ trung. Ngoài ra còn có 5 món Biệt cảnh cũng là những Tâm sở quan trọng trong việc đoạn ác tu thiện. Còn 5 món Biến hành thì chỉ là những kẻ trung lập: gặp trường hợp tốt thì chúng cũng hòa theo làm điều tốt, mà gặp trường hợp xấu thì chúng cũng a dua làm điều xấu.

Ta nên chú ý: Hành xả trong 11 món Tâm sở thiện, chính là Xả thuộc Hành uẩn trong ngũ uẩn, chứ

không phải Xả của Thọ uẩn. Vì Xả trong 11 món thiện thuộc về thiện pháp còn xả trong Thọ uẩn thuộc về Vô ký tánh.

Xem lược biểu :



Hành giả ở đây, thí dụ như người đi đường; quyết phải bỏ một bước ở sau mới có thể bước tới trước một bước. Cũng thế, khi làm việc lành, có quên đi việc mà mình đã làm trước kia thì mới có thể làm được việc lành khác nữa vậy.

*

* *

BÀI VIII

隨 煩 惱 謂 忿

Tùy phiền nảo vị phẫn

恨 覆 惱 嫉 慳

Hân, Phú, Nảo, Tật, Xan,

13) 誑 諂 與 害 憍

Cuống, Siểm dữ Hại, Kiêu,

無 慚 及 無 愧

Vô tàm cập Vô quý,

掉 舉 與 憒 沈

Trạo cử dữ Hôn trầm,

不 信 並 懈 怠

Bất tín tịnh Giải đãi,

14) 放 逸 及 失 念

Phóng dật cập Thất niệm,

散 亂 不 正 知

Tán loạn, Bất chánh tri

不 定 謂 悔 眠

Bất định vì Hối, Miên

尋 伺 二 各 二

Tâm, Từ nhị các nhị

DỊCH NGHĨA

Tùy phiền não là: Phẫn,
Hận, Phú, Nảo, Tật, Xan,

13. Cuống, Xiểm cùng Hại, Kiêu,
Vô tâm và Vô quý
Trạo cử với Hôn trầm,
Bất tín và Giải đãi,

14. Phóng dật cùng Thất niệm,
Tán loạn, Bất chánh tri.
Bất định là: Hối, Miên,
Tâm, Từ thông nhiễm tịnh.

CHÚ THÍCH

Tùy phiền não : Phiền não tùy thuộc. Có 20 món, hai mươi món phiền não này từ Căn bản phiền não mà phát sanh, nên gọi là Tùy phiền não.

- 1) *Phẫn* : Phẫn nộ (giận dữ).
- 2) *Hận* : Uất hận (tức tối).
- 3) *Phú* : Che giấu.
- 4) *Não* : Náo loạn (bút rứt).
- 5) *Tật* : Ganh ghét.
- 6) *Xan* : Bỏn sẻn.
- 7) *Cuống* : Giả trá.
- 8) *Xiểm* : Dua nịnh.
- 9) *Hại* : Tổn hại.
- 10) *Kiêu* : Kiêu căng.
- 11) *Vô tâm* : Không thiện.
- 12) *Vô quý* : Không hổ.
- 13) *Trạo cử* : Không yên.
- 14) *Hôn Trâm* : Mờ ám trầm trọng.
- 15) *Bất tín* : Không tin.
- 16) *Giải đãi* : Biếng nhác.
- 17) *Phóng dật* : Buông lung.
- 18) *Thất niệm* : Không ghi nhớ (mất chánh niệm).
- 19) *Tán loạn* : Rối loạn (lưu dãng).
- 20) *Bất chánh tri* : Biết không chơn chánh.

Bất định : Bốn món tâm sở: Hối, Miên, Tâm và Từ nó không nhất định thiện hay ác; gặp cảnh tốt thì nó tốt, gặp cảnh xấu thì nó xấu, nên gọi là Bất định.

- 1) *Hối* : Ăn năn, cũng gọi là ố tác.
- 2) *Miên* : Ngủ nghỉ.
- 3) *Tâm* : Suy tìm.
- 4) *Từ* : Nghiệm xét.

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này tiếp nối những Tâm sở tương ứng với Thức Đệ tam Năng biến, có thể phân làm hai:

- 1) Nói 20 món Tùy phiền não (8 câu đầu).
- 2) Nói 4 món Bất định (2 câu cuối).

GIẢNG YẾU

Trong 20 món Tùy phiền não, người ta căn cứ theo phạm vi sanh khởi rộng hẹp mà chia ra làm ba loại như sau:

- 1) Nếu mỗi tâm tự nó không khởi riêng biệt, nghĩa là tự loại không cùng sanh khởi, thì gọi là Tiểu tùy.
- 2) Nếu tự loại cùng khởi, lại đi khắp tâm bất thiện, trường hợp này phạm vi hơi rộng, nên gọi là Trung tùy.
- 3) Nếu các tâm sở có những đặc tánh là tự loại cùng sanh khởi, đi khắp các tâm sở bất thiện và Hữu phú vô ký, gọi là Đại tùy.

Trong đây, từ 1 đến 10 là Tiểu tùy; từ 11 đến 12 là Trung tùy; từ 13 đến 20 là Đại tùy.

BÀI IX

15) 依止根本識

Y chỉ Căn bản thức,

五識隨緣現

Ngũ thức tùy duyên hiện,

或俱或不俱

Hoặc câu hoặc bất câu,

如波濤依水

Như ba dào y thủy.

16) 意識常現起

Ý thức thường hiện khởi,

除生無想天

Trừ sanh Vô Tưởng Thiên

及無心二定

Cập vô tâm nhị định

睡眠與悶絕

Thùy miên dữ muộn tuyệt.

DỊCH NGHĨA

15. Nương nhờ Căn bản thức
 Năm Thức tùy duyên hiện,
 Hoặc chung hoặc chẳng chung,
 Như ba đào y nước.

16. Ý thức thường hiện khởi,
 Trừ sanh trừ Vô Tướng,
 Và hai Định vô tâm,
 Ngủ say cùng chết giấc (giả).

CHÚ THÍCH

Căn bản thức : Tức là Thức thứ tám. Vì Thức này là nơi nương tựa của Tiền thất thức, nên gọi là Căn bản thức.

Hai Định vô tâm : Tức là Vô tướng định và Diệt tận định.

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này nói về phạm vi hiện khởi của Tiền thất thức. Có hai phần:

1) Nói sự sanh khởi gián đoạn của Tiền ngũ thức (4 câu đầu).

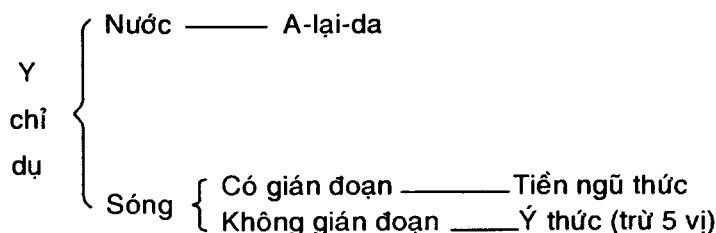
2) Nói sự thường sanh khởi của Ý thức (4 câu sau).

GIẢNG YẾU

Tiền lục thức sanh khởi, mỗi thức tùy theo phận vị của nó, nên có sự bất đồng. Nhưng chúng đều lấy Đệ bát thức làm căn bản.

Riêng về Tiền ngũ thức thì: Trong nương nhờ Căn bản thức, ngoài tùy theo các duyên: Tác ý, Căn và Cảnh mà được hiện khởi. Nếu duyên đủ thì Năm Thức cùng hiện khởi, nếu duyên thiếu thì Năm Thức không cùng hiện khởi. Chẳng khác nào như sóng y nơi nước: lúc nhô lên, lúc lặn xuống.

Xem lược biểu :



Duy có Đệ lục thức đối với các duyên dễ đủ nên nó thường hiện khởi; chỉ trừ ra năm vị Ý thức không có hiện khởi là:

1) Vô Tướng Thiên: Vì do nhầm chán Tướng mà sanh lên cõi Trời này, nên Ý thức không hiện nữa.

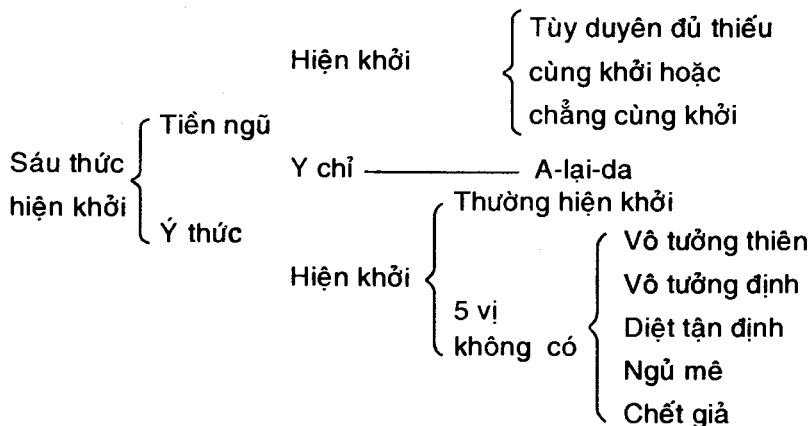
2) Vô Tướng Định: Vì diệt trừ được Tiền lục thức mà nhập định này, nên Ý thức không hiện.

3) Diệt Tận Định: Do diệt hết phần hiện hành của Tiền thất thức mà nhập định này, nên cũng không còn Ý thức hiện khởi nữa.

4) Khi ngủ mê không chiêm bao.

5) Khi chết giấc.

Trong hai trường hợp này, Ý thức cũng không xuất hiện. Xem lược biểu :



*

* *

BÀI X

唯識成立之理由

Duy thức thành lập chi lý do.

17) 是諸識轉變

Thị chư Thức chuyển biến

分別所分別

Phân biệt, Sở phân biệt,

由此彼皆無

Do thứ bị giai vô,

故一切唯識

Cố nhất thiết Duy thức.

18) 由一切種識

Do Nhất thiết chủng thức,

如是如是變

Như thị như thị biến,

以展轉力故

Dĩ triển chuyển lực cố,

彼彼分別生

Bỉ bỉ phân biệt sanh.

19) 由諸業習氣

Do chư nghiệp tập khí,

二取習氣俱

Nhị thủ tập khí câu.

前異熟既盡

Tiền dị thục ký tận

復生餘異熟

Phục sanh dư dị thục

DỊCH NGHĨA

Lý do thành lập Duy Thức

17. Là các Thức chuyển biến,
Phân biệt, Sở phân biệt,
Do đây, kia đều không,
Nên tất cả: Duy Thức.

18. Do Thức nhưt thiết chủng.

Như thế, như thế biến,
 Vì do sức triển chuyển,
 Các thứ phân biệt sanh.

19. Do các nghiệp tập khí

Cùng hai thủ tập khí,
 Dị thực trước dứt rồi
 Dị thực sau lại sanh.

CHÚ THÍCH

Các thức : Chỉ cho Tám Thức ba món Năng biến.

Chuyển biến : Tức là Tám Thức và Tâm sở tương ưng đều có thể biến thành hai phần Kiến tướng.

Các nghiệp tập khí : Là Phước nghiệp, Phi phước nghiệp và Bất động nghiệp.

Phước nghiệp : Thiện nghiệp ở Dục giới, cảm sanh cái quả đáng ưa, làm lợi ích loài hữu tình.

Phi phước nghiệp : Bất thiện nghiệp ở Dục giới, cảm sanh cái quả không đáng ưa, làm tổn hại loài hữu tình.

Bất động nghiệp : Thiện nghiệp ở hai cõi Sắc và Vô sắc, cảm sanh được quả bền vững lâu dài không thể phá hoại được, gọi là Bất động nghiệp.

Hai thủ tập khí :

1) *Kiến thủ* : Chúng hữu tình đều chấp lấy Kiến phần làm tự ngã (ngã chấp).

2) *Tướng thủ* : Chúng hữu tình chấp Tướng phần của Thức cho là thật có (pháp chấp). Tập Khí: Tức là Chủng tử.

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này nói những nguyên do thành lập Duy thức, có 3 lý do:

1) Năng phân biệt và Sở phân biệt chỉ là Thức biến, không thật có, nên Duy Thức được thành lập (4 câu đầu).

2) Các thứ PHÂN BIỆT cũng do Chủng tử nội thức biến ra, không phải ngoài thức, nên thành lập Duy thức (4 câu giữa).

3) Chúng hữu tình có sanh tử tương tục cũng do các Nghiệp Tập khí và hai Thủ Tập khí chứa góp trong Nội Thức. Nên thành lập Duy Thức (4 câu sau).

GIẢNG YẾU

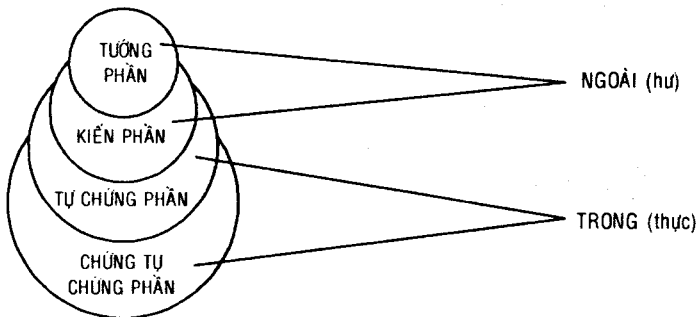
Bài này Luận chủ đưa ra những lý do thành lập Duy thức:

1) **Lời hỏi về lý do thứ nhất** : Đã phân biệt rõ ràng Tướng của ba món *Năng biến* là hai phần Sở biến của tự chứng phần Sở y rồi, nhưng làm sao biết được : *Ngã Pháp* ý nơi Thức biến ra chỉ là giả nói, chẳng phải thật có, mà bảo rằng: “Tất cả duy có Thức?”.

Luận chủ nói bài tụng (4 câu đầu) để đáp lời hỏi trên rằng: “Do trước nói ba món Năng biến thức đều từ nơi Tự thể chuyển biến ra Kiến tướng hai phần. Kiến phần gọi là Năng phân biệt. Tướng phần gọi là Sở phân biệt. Tướng phần Sở phân biệt chính là sơn hà, đại địa v.v... còn Kiến phần Năng phân biệt chính là cái tác dụng nhận biết được sơn hà, đại địa v.v... Do vì sơn hà, đại địa và cái tác dụng nhận biết được sơn hà, đại địa này đều từ nơi Thức chuyển biến, nên biết rằng Ngã tướng, Pháp tướng giả nói kia hoàn toàn không có. Vì thế mới nói rằng: “Tất cả chỉ có thức”. Đây là lý do thứ nhất thành lập Duy thức.

Trong tám Thức Tâm vương và năm mươi một món Tâm sở, mỗi cái đều gồm có 4 phần:

Xem lược biểu :



1) **Kiến phân**: Tức là tác dụng Năng kiến.

2) **Tướng phân**: Tức là sơn hà đại địa Sở phân biệt.

3) **Tự chứng phần**: Tức là phần kiểm soát Kiến phần coi có lầm lộn hay không.

4) **Chứng tự chứng phần**: Phần này kiểm soát lại phần Tự chứng đồng thời nó cũng tự kiểm soát lấy mình, nên không thành lập phần thứ năm nữa.

Ở đây xin đưa ra một thí dụ: Có hai người muốn cùng nhau buôn bán: Anh A xuất tiền, anh B ra công, rồi cùng nhau làm một tờ giao kèo có ghi rõ kẻ ra của người ra công. Sau thời gian hai anh bất hòa nhau đi kiện tới quan, ông quan căn cứ theo tờ giao kèo mà xét xử.

Xem lược biểu :

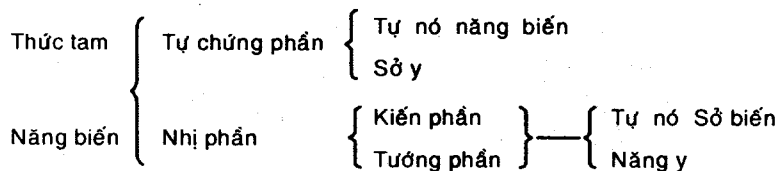
Bốn phần	{	Tướng phần	{	Pháp Sơn hà đại địa
			{	Dụ A xuất tiền
	{	Kiến phần	{	Pháp Tác dụng hay phân biệt núi ...
			{	Dụ B ra công
{	{	Tự chứng phần	{	Pháp Hai phần Sở y lại duyên lấy Kiến phần
			{	Dụ Tờ giao kèo của A và B đồng đứng
{	{	Chứng tự chứng	{	Pháp Hay duyên nơi Chứng tự chứng.
			{	Dụ Ông quan xử việc

Theo thí dụ trên thì: Anh A xuất tiền là công việc có hình tướng, dụ cho *Tướng phần* ; anh B ra công

không có hình tướng, dụ cho Kiến phần, từ giao kèo chúng mình công việc làm của hai người, dụ cho *Tự chứng phần*; còn công việc lờn thôi đem đến quan nhờ xét xử, ông quan dụ cho *Chúng tự chứng phần*.

Trước đã rộng nói cái Tướng của ba món Năng biến, tức là hai phần Kiến tướng y nơi Tự chứng phần biến ra, nên hai phần Kiến tướng là Năng y mà Tự chứng phần là Sở y. Tự chứng phần thí dụ như cái đầu của con ốc trâu mọc ra hai cái vòi. Hai cái vòi khi ẩn khi hiện, dụ cho hai phần Kiến tướng có sanh diệt; còn cái đầu con ốc trâu thường còn không có ẩn hiện, dụ cho cái thể của Tự chứng phần không sanh diệt.

Xem lược biểu:



2) Lời hỏi về lý do thứ hai : Nếu nói rằng chỉ có Thức, ngoài ra không có cảnh duyên nào khác thì do đâu mà thế gian có sanh ra các thứ phân biệt ?

Để trả lời câu hỏi trên, Luận chủ nói bài tụng (4 câu giữa) đáp rằng: “Do Thức Nhất thiết chủng tức là Đệ bát A-lại-da hàm chứa tất cả chúng tử, từ nơi chúng tử này khởi ra hiện hành tất cả pháp (Tiền thất thức) rồi mỗi Thức mới chuyển biến sanh ra Kiến phần và Tướng phần. Thế là Kiến phần và Tướng phần cũng chỉ do Thức biến, nên thành lập Duy thức”.

Trong bài tụng giữa trùng điệp hai lần: “Nhu thể như thể”, là để biết rằng từ nói lúc Sanh vị chuyển lần đến Thục vị, chủng tử trải qua nhiều lần biến.

Thí như: Nhĩ thức nhờ có chủng tử, nên khi gặp các duyên: Căn, Cảnh, Tác ý mà khởi ra Kiến Tướng phần để nghe tiếng. Cái kết quả nghe tiếng như thế là từ nơi chủng tử được trợ duyên sanh ra Kiến Tướng phần, thứ lớp lần lần thành thục, tức gọi là *Nhu thể biến* lần thứ nhất, khi ấy, nếu có chủng tử ưa thích, thì liền theo Nhĩ thức tâm vương mà khởi ra hiện hành, cũng lại sanh ra Kiến Tướng phần để nghe những âm thanh ưa thích đó. Cái kết quả nghe tiếng ưa thích như thế là do Tâm vương, Tâm sở tương ưng lần lần thứ lớp thành thục, ấy là *Nhu thể biến* lần thứ hai.

Tóm lại, *Nhu thể biến* lần thứ nhất chỉ mới nghe tiếng, chưa khởi ra phân biệt, *Nhu thể biến* lần thứ hai thì có các thứ phân biệt ưa thích v.v... Như thế đều do sức triển chuyển biến hiện ra.

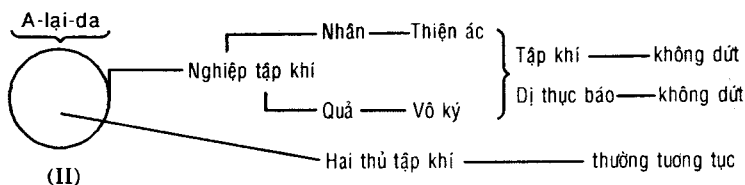
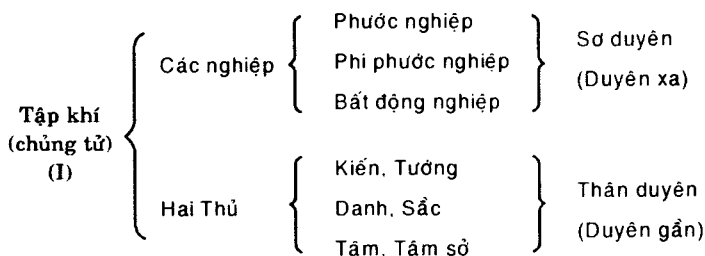
Triển chuyển : Là tám món Hiện hành thức và tâm sở tương ưng của nó, mỗi phần Kiến tướng đều có sức hỗ trợ cho nhau để biến khởi ra tất cả cảnh giới thế gian mà sanh ra các thứ phân biệt không đồng.

3) **Lời hỏi về lý do thứ ba** : “Mặc dù có Nội Thức, nhưng nếu không có ngoại cảnh, sao hiện tại thấy hữu tình có sanh tử tương tục?”.

Để đáp lời hỏi, Luận chủ nói bài tụng (4 câu cuối) trả lời rằng: Do các Nghiệp tập khí làm sơ duyên và

hai Thủ tập khí làm thân duyên đều từ trong Tạng thức tương tục không dứt, lại có công năng sanh khởi ra các Dị thực báo thể (sắc thân) nên chúng hữu tình hễ bỏ một sắc thân này thì lại thọ lấy một sắc thân khác nữa. Vì tuy sắc thân này chết rồi, nhưng các Nghiệp tập khí và hai Thủ tập khí do sắc thân đó gây tạo lại huân chứa vào Tạng thức để sanh ra sắc thân sau nữa, vì thế mà có sanh tử nối nhau không dứt. Sự sanh tử tiếp nối này cũng chỉ do Thức mà ra, nên thành lập Duy thức.

Xem lược biểu (I) và (II) :



Trường hợp này, thí dụ như người có thói quen viết chữ: Khi chưa viết thì thói quen ấy nó ẩn tàng trong tay không thể thấy được, gọi là chủng tử, đến khi viết,

do thói quen trước kia mà có thể viết ra chữ: Khi chữ đã viết này mất đi, nhưng thói quen (chủng tử) viết chữ vẫn còn, nên có thể tiếp tục viết được nhiều lần.

*

* *

BÀI XI

三自性

TAM TỰ TÁNH

20) 由 彼 彼 遍 計
Do bi bi biến kế,
 遍 計 種 種 物
Biến kế chủng chủng vật,
 此 遍 計 所 執
Thử Biến kế sở chấp,
 自 性 無 所 有
Tự tánh vô sở hữu

21) 依 他 起 自 性
Y tha khởi tự tánh
 分 別 緣 所 生
Phân biệt duyên sở sanh;

圓 成 實 於 彼

Viên thành thật ư bỉ

常 遠 離 前 性

Thường viễn ly tiền tánh.

22) 故 此 與 依 他

Cố thử dữ Y tha

非 異 非 不 異

Phi dị phi bất dị.

如 無 常 等 性

Như vô thường đẳng tánh,

非 不 見 此 彼

Phi bất kiến thử bỉ.

DỊCH NGHĨA

BA TỰ TÁNH

20. Do các thứ Biến kế,
Biến kế các thứ vật,
Biến kế sở chấp này,
Nó không có tự tánh.

21. Y tha khởi tự tánh,
Do phân biệt sanh ra,
Viên thành thật từ nó,
Thường xa lìa tánh trước,

22. Nên nó và Y tha,
Chẳng phải khác mà khác.
Như tánh vô thường thấy...
Thấy đây mới thấy kia.

CHÚ THÍCH

Biến kế sở chấp : Biến kế là: Cùng khắp so đo, suy xét; sở chấp là: cho điều mình so đo suy xét là đúng. Biến kế sở chấp là điều so đo chấp trước sai lầm, vật không cho là có, vật hư cho là thật. Như ban đêm thấy sợi dây cho là con rắn.

Y tha khởi : Nương vào cái khác mà sanh khởi, tức là do nhiều nhân duyên mà có. Như sợi dây, tự thể của nó không có, chỉ nhờ có công thợ và từng sợi xơ dũa kết lại mà thành.

Viên thành thật : Viên mãn, thành tựu và chơn thật.

Đây tức là Chơn như tánh, Tánh này từ trên Y tha khởi thường xa lìa tánh Biến kế mà có.

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này nói về ba Tự tánh, để giản trạch các pháp chơn vọng. Có 2 phần:

- 1) Nói rõ ba thứ Tự tánh (8 câu đầu).
- 2) Sự liên hệ của ba Tự tánh (4 câu sau).

GIẢNG YẾU

Từ trước đến đây tuy đã hiểu rằng: “Tất cả chỉ có Thức”, nhưng thấy rải rác trong các Kinh, Đức Phật có nói đến ba Tự tánh, nên người ta còn nghi ngờ mà hỏi rằng: “Đã biết chỉ có Thức sao lại thấy trong các Kinh Đức Thế Tôn có nói đến ba thứ Tự tánh là:

- Biến kế sở chấp Tự tánh,
- Y tha khởi Tự tánh.
- Viên thành thật Tự tánh.

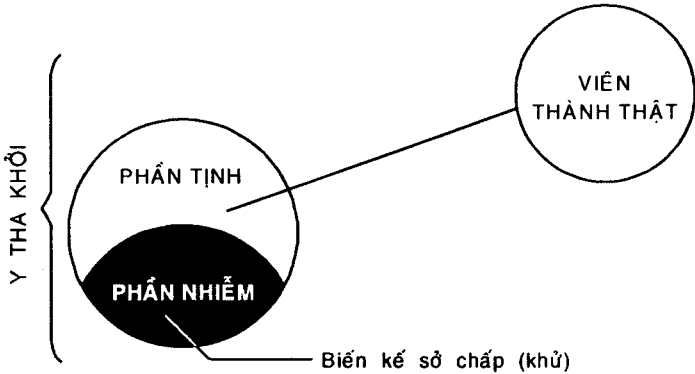
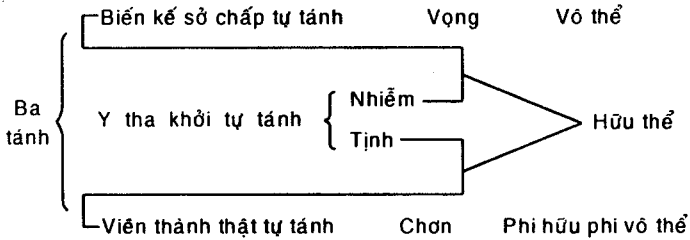
Luận chủ đáp câu hỏi trên bằng ba bài tụng để vừa giải thích vừa trả lời rằng: Ba Tự tánh mà Đức Phật nói đó cũng không ngoài Thức:

- Biến kế sở chấp tự tánh chỉ là vọng tưởng phân biệt, nhận Y tha một cách sai lầm, nó hoàn toàn không thật có, chẳng khác nào “lông rùa, sừng thỏ”. Như ban đêm nhận sợi dây là con rắn. Con rắn đó hoàn toàn do lầm sợi dây tưởng tượng mà ra, chứ sự thật không phải là con rắn.

- Y tha khởi tự tánh có hai phần : *Nhiễm* và *Tịnh*. Chúng ta chỉ nhận thấy phần *Nhiễm* tức là Biến kế sở chấp, nếu chúng ta rời bỏ phần *Nhiễm* nhận thức phần *Tịnh*, thì *Y tha khởi Tự tánh* bấy giờ là *Viên thành thật Tự tánh*. Nghĩa là:

- Viên thành thật tự tánh do từ trên Y tha khởi xa
lìa tánh Biến kế sở chấp.

Xem lược biểu:

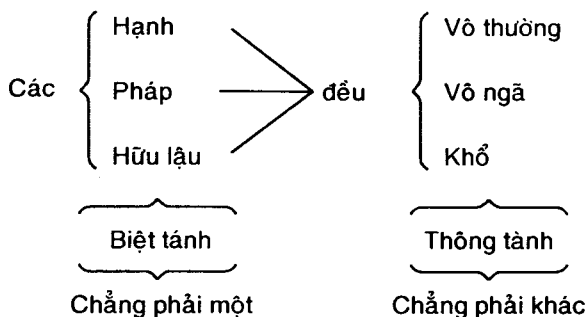


Do đó mà Viên thành thật tánh cùng với Y tha khởi có thể nói: *Chẳng phải khác*, như cái Thể của sóng chính là nước; nhưng cũng có thể nói là *Khác*, như cái Tượng của sóng chẳng phải là cái tướng của nước. Nên trong bài tụng nói rằng: “Chẳng phải khác mà khác”.

Và thí như tánh vô thường v.v... Trong các Kinh nói: “Tất cả pháp đều là Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã, ấy là tánh chung. Ngoài những tánh chung ấy, tất

cả pháp như: núi, sông, cây cỏ vẫn còn có tánh riêng. Nếu căn cứ trên tánh chung thì các pháp *chẳng phải khác*, nhưng căn cứ trên tánh riêng thì các pháp *chẳng phải chẳng khác*. Nên trong bài tụng nói: “Như tánh vô thường v.v...”

Xem lược biểu:



Trong bài tụng có câu: “Phi bất kiến thử bỉ”, vì theo thể văn bài tụng nên có hơi tối nghĩa. Chính câu ấy phải viết: “Phi bất năng kiến thử nhi năng kiến bỉ”. Nghĩa là: Chẳng phải chẳng thấy được tánh Viên thành thật này mà có thể thấy được Tánh Y tha khởi kia. Chính là phải ngộ được Tánh Viên thành thật mới nhận được Tánh Y tha khởi.

Vì lẽ trên, chẳng những Phật pháp phải như vậy mà ngay nơi thế pháp là Y tha khởi, nếu chẳng cố công tu hành để chứng ngộ được Viên thành thật thì chắc chắn không bao giờ nhận được các Pháp duyên sanh (Y tha khởi) vậy.

BÀI XII

三 無 性

TAM VÔ TÁNH

23) 即 依 此 三 性

Tức y thử tam tánh,

立 彼 三 無 性

Lập bỉ tam vô tánh

故 佛 密 意 說

Cố Phật mật ý thuyết :

一 切 法 無 性

Nhất thiết pháp vô tánh.

24) 初 即 相 無 性

Sơ tức tướng vô tánh,

次 無 自 然 性

Thứ vô tự nhiên tánh,

後由遠離前

Hậu do viễn ly tiền:

所執我法性

Sở chấp ngã pháp tánh.

25) 此諸法勝義

Thử chư pháp thắng nghĩa,

亦即是真如

Diệc tức thị chân như,

常如其性故

Thường như kỳ tánh cố,

即唯識實性

Tức Duy thức thật tánh.

DỊCH NGHĨA

BA VÔ TÁNH

23. Tức y ba Tánh này,
Lập ba Vô tánh kia,
Nên Phật mật ý nói :
Tất cả Pháp Vô tánh.

24. Trước là Tướng vô tánh,
Kế, Vô tự nhiên tánh
Sau, do lia tánh trước:
Là tánh chấp ngã pháp.
25. Các pháp Thắng nghĩa này
Cũng tức là Chơn như,
Vì tánh nó Thường như,
Tức Thật Tánh Duy Thức.

CHÚ THÍCH

Tướng vô tánh : Các pháp Biến kế sở chấp là do tâm chấp trước, mê lầm mà ra, không có thể tướng chơn thật, tánh nó vốn không.

Vô tự nhiên tánh : Tức là không có tánh tự nhiên, cũng gọi là Sanh vô tánh. Các pháp Y tha khởi là do nhiều nhân duyên sanh ra, không phải tự nhiên mà có được. Vì nhiều nhân duyên sanh, nên nó không có tự tánh.

Thắng nghĩa vô tánh : Tánh này sau khi chứng được Ngã không và Pháp không, vượt ngoài các tình chấp, xa lìa các tướng trạng, tức xa lìa tánh chấp Ngã và Pháp của Biến kế mà nhận được Tánh Viên thành thật, gọi đó là Thắng nghĩa. Vì Viên thành thật tánh này, nó không có “tánh chấp Ngã pháp” mà cái “không có tánh chấp Ngã pháp” kia cũng không, nên gọi là *Vô tánh*. Đây chính là Chơn như phi hữu phi vô vậy.

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này Luận chủ nói ba thứ Vô tánh để phá trừ bịnh chấp ba thứ Tự tánh trước. Có 3 phần:

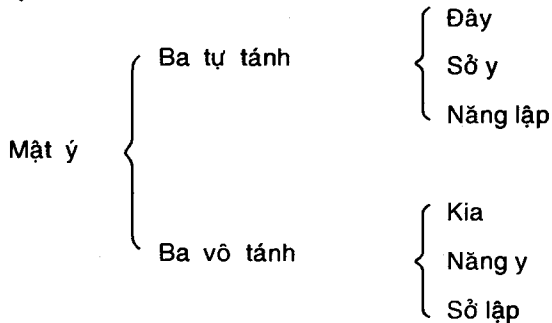
- 1) Lý do thành lập ba thứ Vô tánh (4 câu đầu).
- 2) Nói qua ba thứ Vô tánh (4 câu giữa).
- 3) Nói Thật tánh của Duy thức (4 câu cuối).

GIẢNG YẾU

Khi nghe nói ba thứ Tự tánh, thì người ta nghi ngờ rằng: “Nếu có ba thứ Tự tánh sao Đức Thế Tôn lại nói: Tất cả pháp đều không có tự tánh?”.

Bài này đáp lại ý câu hỏi trên: Ba món Vô tánh ở đây nói, cũng chỉ căn cứ trên ba món Tự tánh giả lập, nó chẳng phải là thật không, nên biết lời Đức Phật nói “Tất cả pháp đều là Vô tánh” đó chẳng qua là mật ý nói, chứ chẳng phải thật Vô tánh.

Xem lược biểu :



Sở dĩ nói ba Vô tánh là cốt để phá trừ bệnh cố chấp đối với ba Tự tánh. Nó cũng như ba phương thuốc đối trị ba thứ bệnh.

Xem lược biểu:

Ba vô tánh	{	Tướng vô tánh.....	Biến kế	}	Ba tự tánh
		Tự nhiên vô tánh.....	Y tha		
		Thắng nghĩa vô tánh.....	Viên thành		
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
		 			
					

BÀI XIII

唯識五位

DUY THỨC NGŨ VỊ

* * *

資糧及加行位

Tư lương cập Gia hạnh vị

26) 乃至未起識

Nāi chí vị khởi thức.

求住唯識性

Câu trụ Duy thức tánh,

於二取隨眠

Ư nhị thủ tùy miên,

猶未能伏滅

Du vị năng phục diệt.

- 27) 現前立少物
Hiện tiền lập thiểu vật;
 謂是唯識性
Vị thị Duy thức tánh,
 以有所得故
Dĩ hữu sở đắc cố,
 非實住唯識
Phi thật trụ Duy Thức.

DỊCH NGHĨA

NĂM VỊ DUY THỨC

Tư lương và gia hạnh vị

26. Từ trước chưa khởi thức,
 Cầu trụ Duy thức tánh,
 Với hai thủ tùy miên,
 Vẫn chưa thể phục diệt;
27. Hiện tiền còn chút vật,
 Ấy là tánh Duy thức,
 Vì còn có sở đắc,
 Chưa thật trụ Duy thức.

CHÚ THÍCH

Chưa khởi thức : Từ trước đến giờ chưa phát khởi Thức quyết trạch, tức là chưa phát khởi Tâm Đại Bồ Đề.

Duy thức tánh : Tức là Duy thức thật tánh thuộc về phần Tâm.

Hai thủ Tùy miên : Hai thủ là Năng thủ (kiến phần) và Sở thủ (tướng phần). Tùy là tùy duyên mà khởi. Miên là miên phục. Nghĩa là ở trên Thức còn có chủng tử tập khí miên phục (nằm ngủ) trong Đệ bát A-lại-da thức, khi gặp duyên thì khởi hiện hành.

Phục diệt : Phục là chế phục; diệt là diệt trừ. Nghĩa là đối với hai thủ Tùy miên chẳng những không đoạn trừ được mà chế phục cũng chưa hoàn toàn (Chế phục: chẳng khác nào lấy đá đè lên cỏ).

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này nói về Tư lương vị và Gia hạnh vị trong năm vị Duy thức. Bốn câu đầu nói về Tư lương vị, bốn câu kế nói về Gia hạnh vị.

GIẢNG YẾU

Từ trước đã nói về Duy thức tướng và Duy thức tánh, cốt để cho học giả hiểu rõ về phần cảnh; đến đây nói về Duy thức vị, tựu trung muốn cho học giả đem chỗ hiểu biết ra thực hành để mong cầu chứng quả.

Duy thức vị chia làm năm thứ:

- | | |
|--------------|-------------|
| 1) Tư lương | 4) Tu tập |
| 2) Gia hạnh | 5) Cứu cánh |
| 3) Thông đạt | |

Bài này nói về Tư lương và Gia hạnh.

Tư lương vị : Vị này đã tin Đại thừa thuận phần giải thoát. Đối với Duy thức tướng và Duy thức tánh sanh lòng tín giải sâu sắc. Bây giờ muốn đi đến Duy thức tánh (câu trụ Duy thức tức là câu nhập Sơ địa) cần phải có đủ Tư lương (lương thực và hành lý) nghĩa là phải tu hành Lục độ, tích tập phúc đức và trí huệ để trang bị lúc đi đường. Vị này mới phát khởi lòng Đại Bồ đề, câu trụ Duy thức tánh; nhưng vì chưa diệt trừ được hai thủ, nên chưa trụ được Duy thức.

Xem lược biểu:

Tư lương vị	{	Hai thủ tùy miên	Chưa diệt trừ
		Duy thức tánh	Chưa thể trụ

Gia hạnh vị : Vị này đã khởi tu Đại thừa, thuận phần quyết trạch (giản trạch các pháp, tức là quán Duy thức), có thể lần lần phục trừ được hai thủ, phát khởi Chơn kiến.

Ở Tư lương vị chỉ là thời kỳ chuẩn bị mà thôi. Nghĩa là muốn đi, lo sửa soạn chớ chưa đi. Còn vị này chuẩn bị đã xong, sắp khởi hành. Khi muốn bước lên Sơ địa, tức là thiết thực nhập Duy thức tánh, cần phải

gia công tu tập bốn pháp Tầm tư (Danh, Nghĩa, Tự tánh và Sai biệt), quan sát các pháp không thật có, để lần lần xa lìa hai món Năng thủ và Sở thủ.

Ở đây chia làm 4 giai đoạn. Noãn, Đảnh, Nhãn và Thế đệ nhất, gọi là Tứ gia hạnh hay Tứ thiện căn.

Tư lương vị vẫn còn cả Năng thủ và Sở thủ, Gia hạnh vị chỉ còn có Năng thủ (còn chút vật), vì thế mà tuy đã trụ Duy thức, nhưng chưa thật trụ (tợ trụ).

*

* *

BÀI XIV

通達修習及究竟位

THÔNG ĐẠT, TU TẬP CẬP CỨU CÁNH VỊ

28) 若時於所緣

Nhược thời ư Sở duyên,

智都無所得

Trí đô vô Sở đắc,

爾時住唯識

Nhĩ thời trụ Duy thức.

離二取相故

Ly Nhị thủ tướng cố,

- 29) 無 得 不 思 議
Vô đắc bất tư nghị,
- 是 出 世 間 智
Thị xuất thế gian trí,
- 捨 二 粗 重 故
Xả nhị thô trọng cố,
- 便 證 得 轉 依
Tiện chứng đắc chuyển y
- 此 即 無 漏 界
Thử tức Vô lậu giới,
- 不 思 議 善 常
Bất tư nghị, Thiện, Thường,
- 安 樂 解 脫 身
An lạc, Giải thoát thân,
- 大 牟 尼 名 法
Đại Mâu Ni danh Pháp.

DỊCH NGHĨA

THÔNG ĐẠT, TU TẬP VÀ CỨU CẢNH VỊ

* * *

28. Nếu đối cảnh Sở duyên
 Trí không còn Sở đắc
 Bảy giờ trụ Duy thức.
 Vì xa tướng Hai thủ,
29. Vô đắc không nghĩ bàn,
 Là trí xuất thế gian,
 Vì bỏ hai thô trọng.
 Nên chứng được Chuyển y
30. Đây là Vô lậu giới,
 Bát tư nghi, Thiện, Thường,
 An lạc, Giải thoát thân,
 Đại Mậu Ni là pháp

CHÚ THÍCH

Hai thô trọng : Hai là chỉ cho Phiền não chướng và Sở tri chướng. Thô trọng là tên khác của Chủng tử.

Chuyển y : Chuyển là thay đổi; Y là Y tha khởi tánh. Y tha khởi tánh có hai phần: Nhiễm và Tịnh. Chuyển bỏ phần Nhiễm, lưu lại phần Tịnh. Tức là chuyển Phiền não chướng thành Đại giải thoát, chuyển Sở tri chướng thành Đại Bồ-đề.

Vô lậu giới : Cảnh giới xuất thế gian, không còn đọa lạc sanh tử luân hồi.

Bất tư nghi : Vượt ngoài sự suy nghĩ, luận bàn.

Thiện : Hằng xa lìa pháp bất thiện, tạp nhiễm.

Thường : Suốt ngàn mé vị lai không cùng tận.

An lạc : Pháp giới thanh tịnh, không có sự phiền muộn bức bối.

Giải thoát thân : Do xa lìa Phiền não chướng mà được thân giải thoát. Đây là chỗ chứng và trụ của hàng Nhị thừa.

Đại Mâu Ni : Khi xa lìa được Sở tri chướng, chúng được Vô Thượng Bồ đề, tánh nó hoàn toàn vắng lặng nên gọi là Đại Mâu Ni (Mâu Ni: tịch diệt, tức là vắng lặng).

Pháp : Tức là Pháp thân. Vì lấy các pháp làm thân nên gọi là Pháp thân. Thân này do xa lìa hai chướng mà được hiển bày.

ĐẠI Ý VÀ PHÂN ĐOẠN

Bài này tiếp bài trước, nói về năm vị Duy thức, tức là ba quả vị sau trong năm quả vị:

Bốn câu đầu: Nói về Thông đạt vị.

Bốn câu giữa: Nói về Tu tập vị.

Bốn câu sau: Nói về Cứu cánh vị.

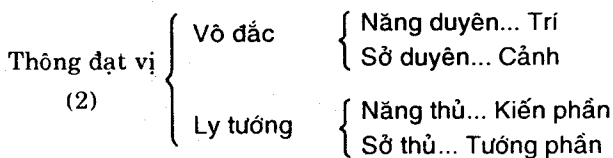
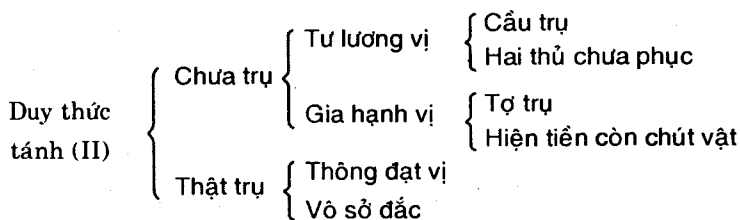
GIẢNG YẾU

Ba bài tụng này liên tiếp nói ba quả vị sau cùng trong năm quả vị.

THÔNG ĐẠT VỊ : thông đạt vị cũng gọi là Kiến đạo vị, nghĩa là các bậc Bồ Tát, thấy đạo đúng như thật, thông suốt được Duy thức tánh và Duy thức tướng. Vị này đối với Cảnh sở duyên, Quán tri rõ ràng, lúc ấy hoàn toàn không còn cảnh sở đắc và cũng không còn tướng ngã pháp, chỉ là một vị bình đẳng. Đến vị này mới thật trụ Duy thức, nhập tâm Sơ địa.

Vị này chẳng khác nào đã được thông suốt con đường mình muốn đi.

Xem lược biểu:



Ở đây chúng ta có thể đem so sánh với câu : “Vô trí diệt vô đắc” trong Bát Nhã Tâm Kinh như sau :

So với Tâm Kinh	$\left\{ \begin{array}{l} \text{Năng duyên} \\ \text{Sở duyên} \end{array} \right.$	$\left\{ \begin{array}{l} \text{Duy thức ... Tri vô đắc} \\ \text{Tâm kinh ... Vô trí} \end{array} \right.$
		$\left\{ \begin{array}{l} \text{Duy thức ... Thức tánh vô đắc} \\ \text{Tâm kinh ... Diệc vô đắc} \end{array} \right.$

Tu tập vị : Tức là từ trụ tâm Sơ địa đến xuất tâm Thập địa (tức là Đẳng giác), trong suốt thời gian ấy, như Chơn lý đã hiểu thông suốt chuyên tu đạo nghiệp để diệt trừ Phiền não chướng và Sở tri chướng. Vị này còn gọi là Tu đạo vị.

Ở vị Thông đạt, tuy đã thông hiểu giáo lý, nhưng chưa tu tập (thật hành), nên mới chỉ được Vô đắc trí thể, chứ chưa thấy được phần diệu dụng nên còn thấy có cái dụng Bất tư nghi, trí còn có Sở đắc, vì vậy mà chưa được Xuất thế gian. Đến vị Tu tập này mới phát khởi Vô đắc trí dụng nên được gọi là Xuất thế gian trí.

Xem lược biểu :

Vô đắc	$\left\{ \begin{array}{l} \text{Thông đạt vị} \\ \text{Tu tập vị} \end{array} \right.$	Không cảnh trí (thể)
		Bất tư nghi (dụng)

Ở vị Thông đạt chỉ lìa được phần hiện hành của Phiền não chướng và Sở tri chướng, đến Tu tập vị mới bỏ được phần chủng tử của nó, nên chứng được hai quả Chuyển y.

Hai quả Chuyển y là: chuyển Phiền não chướng thành Đại giải thoát và chuyển Sở tri chướng thành Đại Bồ-đề.

Vị này thí như người lữ hành đang đi trên con đường thiên lý.

Xem lược biểu (I) và (II) :

Xa bò (I)	{	Thông đạt vị ...	Xa hai thủ (hiện hành)	
		Tu tập vị ...	Bò Thô trọng (chủng tử)	
Tu tập vị (II)	{	Y... Y tha khởi	{ Phần tịnh Phần nhiễm	
		Chuyển {	Bò hai Thô trọng	{ Chủng tử Phiền não Chủng tử Sở tri
			Được hai quả	{ Đại Niết-bàn Đại Bồ-đề

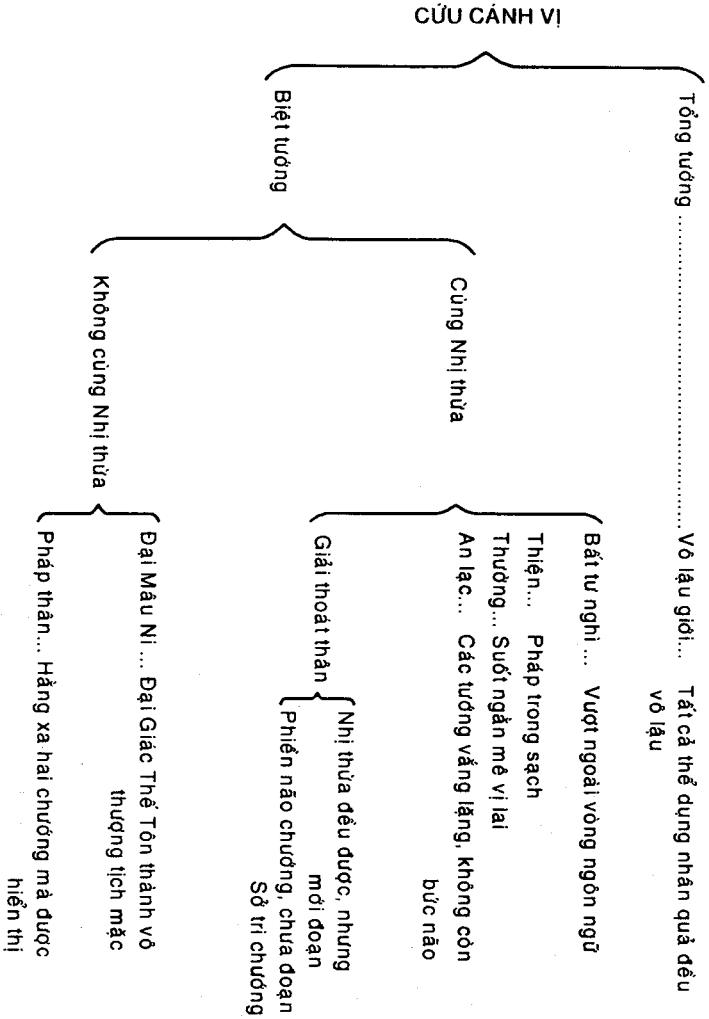
Cứu cánh vị : Đây là quả vị cùng cực trong tất cả thiện vị. Vị này đã hoàn toàn được hai quả Chuyển y ở trước, chính là Giới vô lậu thanh tịnh.

Vô lậu giới là Tổng tướng, còn sáu thứ sau là: Bất tư nghi, Thiện, Thường, An lạc, Giải thoát thân và Đại Mâu-ni là Biệt tướng của Pháp thân, chứ không riêng chỉ Giải thoát thân mới gọi là Pháp thân.

Quả vị này còn gọi là Vô Thượng Bồ-đề hay Kim Cang đạo hậu, tức là Phật vị vậy.

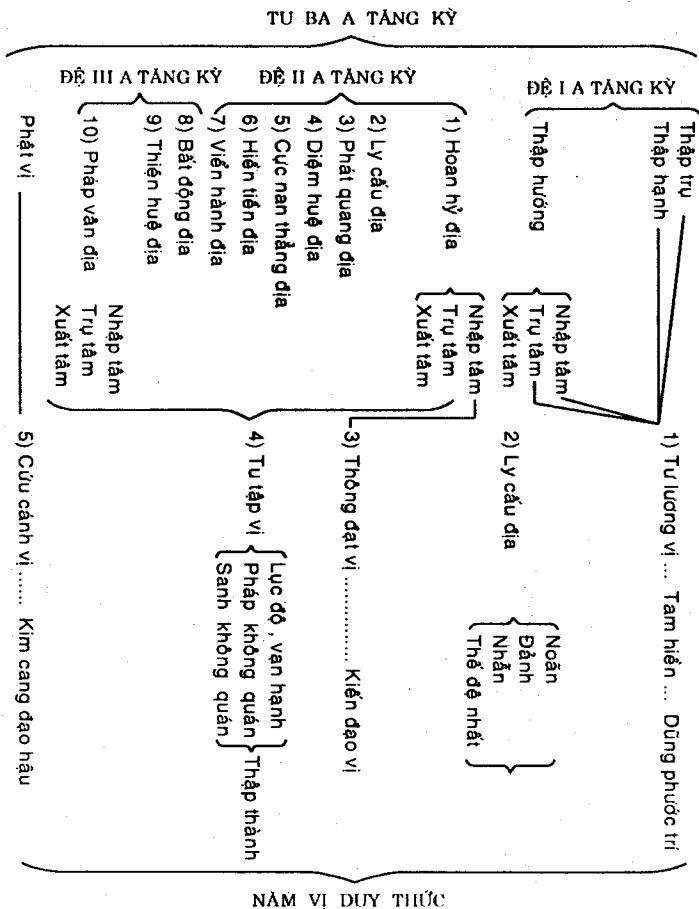
Quả vị Cứu cánh này tử cũng như người đi đường đã đến nơi đến chốn rồi, không cần phải đi nữa vậy.

Xem lược biểu:



Năm quả vị Duy thức trên, chúng ta cũng cần nên biết qua người tu hành phải đi trong khoảng thời gian nào mới viên mãn. Ấy là một điều mà người học Phật không thể không biết, nhưng thời gian ấy không phải là cố định, như trường hợp của Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát.

Xem lược biểu:



TỔNG LUẬN

Toàn bộ Luận Duy thức này gồm có 30 bài tụng thuyết minh, có 3 phần:

1) **Duy thức cảnh** : Gồm có 25 bài, 19 bài đầu nói về Duy thức tướng, 6 bài kể nói về Duy thức tánh.

2) **Duy thức hạnh** : Gồm có 4 bài (từ bài 26 đến bài 29).

3) **Duy thức quả** : Chỉ có 1 bài sau cùng.

Xem lược biểu.

30 bài Tụng Duy thức	{	Cảnh	Duy thức tướng - do giả thuyết ngã pháp.. 19 bài	
			Duy thức tánh - Do bỉ bỉ Biến kể... 6 bài	
		}	Hạnh - Nãi chí vị khởi thức ... 4 bài Quả - Thử tức Vô lậu giới 1 bài	Duy thức vị

Nếu đứng về phương diện phổ thông, để các học giả nghiên cứu, thì chỉ quan trọng về Duy thức cảnh mà thôi, nhưng vì phương tiện muốn đưa người đi lần đến chỗ Thù thắng của Duy thức là Hạnh và Quả, vì thế mà Hạnh, Quả rất quan thiết.

Có nhiều học giả, ban đầu chỉ nghiên cứu nghĩa lý của Duy thức, nhưng về sau lần lần muốn thật hành và rồi lại nghĩ đến chỗ chứng quả.

Có những người thiết tâm học Phật, thì họ lại rất chú trọng về phần Hạnh và Quả. Nhưng nếu không thuyết minh về phần Cảnh tượng, thì Hạnh từ đâu mà phát khởi, Quả do đâu mà chứng ngộ?

Thế nên Hạnh, Quả thí như việc qua sông, còn Cảnh tượng chẳng khác nào chiếc đò, nếu không có đò thì không thể qua sông được. Vì thế, người thiết tâm học Phật, khi học xong Duy thức, ví như đã sang sông rồi, không còn dùng đò nữa. Do đó, Cổ nhơn bảo rằng: “Khi Hạnh khởi thì Giải tuyệt” là vậy.

Tuy nhiên, khi đến bờ bên kia rồi, tự mình không còn dùng đò nữa, nhưng phải để lại cho kẻ khác chưa qua được dùng. Vì lẽ ấy, người học Duy thức rồi, cần phải đem mà truyền lại cho người chưa học để lưu truyền trong đời mãi mãi không dứt.

Dịch xong

tại Phật Học Viện PHƯỚC HÒA, Vĩnh Bình
Mạnh Hạ, ngày 29 tháng 5 năm Nhâm Dần
(ngày 28 tháng 6 năm 1962)

MỤC LỤC

1. KINH THẬP THIỆN

<i>Lời Dịch Giả</i>	07
<i>Lời Nói Đầu</i>	11
A. PHẦN CHỨNG TÍN (tự phần)	21
B. CHÁNH THUYẾT (chánh tôn)	25
I. NGHIỆP QUẢ THẾ GIAN XUẤT THẾ GIAN	25
1. Từ nơi nhân mà nói quả.....	25
2. Từ nơi quả mà nói nhân.....	25
3. Nói rõ về tướng của nhân	29
4. Dem tướng của nghiệp quả để chứng minh.....	33
5. Khuyên tu học.....	36
II. CHÁNH THUYẾT MINH THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO	40
1. Hiến bày công dụng của thiện pháp.....	40
2. Giải thích tên thiện pháp	41
3. Trình bày hành tướng thiện pháp.....	44
III. CÔNG ĐỨC CỦA MƯỜI THIỆN NGHIỆP	51
1. Công đức xa lìa nghiệp sát	51
2. Công đức xa lìa trộm cắp	55
3. Công đức xa lìa tà hạnh	58

4. Công đức xa lìa vọng ngữ	61
5. Công đức xa lìa nghiệp hai lưỡi	64
6. Công đức xa lìa nghiệp ác khẩu	67
7. Công đức xa lìa ý ngữ	70
8. Công đức xa lìa tham dục	73
9. Công đức xa lìa sân khuể	76
10. Thuyết minh công đức xa lìa tà kiến	79
IV. THẮNG HẠNH CỦA MƯỜI THIÊN NGHIỆP	84
1. Nói về lục độ	84
a) Nói rộng về bố thí độ	84
b) Lược nói năm độ sau	91
2. Các hạnh khác	93
3. Tổng kết	98
V. THUYẾT MINH SỰ THÙ THẮNG CỦA THẬP THIÊN NGHIỆP	107
C. PHẦN LƯU THÔNG	108
PHẦN DỊCH ÂM	110

2. KINH TỬ THẬP NHỊ CHƯƠNG

<i>Bức Thư Thay Lời Tựa</i>	127
<i>Lời Nói Đầu</i>	129
A. PHẦN TỔNG KHỞI	133
B. PHẦN CHÁNH THUYẾT	141
I. HẠNH QUẢ CỦA TAM THỪA CỘNG GIÁO	141
1. Chứng quả xuất thế	141
2. Tu hạnh xuất gia	149
II. THÔNG NGHĨA THIÊN ÁC CỦA NGŨ THỪA	160
III. THẮNG HẠNH BẤT CỘNG CỦA ĐẠI THỪA	169
1. Lập Tín nguyện	169
2. Tu lục độ	169
a) Bố thí độ	169
b) Trì giới độ	183
c) Nhẫn nhục độ	189
d) Thiên định độ	192
e) Bát nhã độ	200
1/ Căn bản trí	200
2/ Hậu đắc trí	200
3/ Gia hạnh trí	212
a) Quán vô thường là thường	212
b) Quán vô ngã như huyễn	212

c) Quán ngữ dục.....	221
d) Trách về sắc dục.....	225
f) Tinh tấn độ.....	231
1) Mặc giáp tinh tấn.....	231
a) Hạnh mặc giáp tinh tấn.....	231
b) Tướng mặc giáp tinh tấn.....	244
2) Nhiếp thiện tinh tấn.....	247
3) Lợi lạc tinh tấn.....	254
3) Giới thừa là cần kíp.....	258
IV. TÍN GIÁO, HIỂU LÝ VÀ TU HẠNH.....	262
1) Tín giáo.....	262
2) Hiểu lý.....	263
3) Tu hạnh.....	263
C. PHẦN TỔNG KẾT.....	269
PHẦN DỊCH ÂM.....	274

3. KINH DI GIÁO

<i>Lời Nói Đầu</i>	291
I. GIẢI THÍCH ĐỀ KINH	291
II. LỊCH SỬ DỊCH GIẢ	294
A. PHẦN TỰA	296
B. PHẦN CHÁNH TÔN	304
I. PHÁP YẾU CHUNG	304
1) Đối trị tà nghiệp	304
a) Căn bản thanh tịnh	304
b) Phương tiện thanh tịnh	304
c) Công đức trì giới	311
d) Lợi ích của giới	311
2) Đối trị khổ vọng	315
a) Khổ do Căn và Dục buồng lung	315
- Khổ do Căn buồng lung	315
- Khổ do Dục buồng lung	320
b) Khổ về tham cầu ăn uống	320
c) Khổ về biếng nhác và ngủ nghỉ	326
3) Đối trị phiền não	332
a) Đối trị giận dữ	332
b) Đối trị kiêu mạn	337
c) Đối trị dua nịnh	338

II. PHÁP YẾU RIÊNG.....	345
1) Thiệu dục.....	345
2) Tri túc	345
3) Xa bỏ	352
4) Siêng năng	353
5) Không quên chánh niệm	358
6) Thiền định	359
7) Trí huệ.....	365
8) Không hý luận	365
C. PHẦN LƯU THÔNG.....	370
1) Siêng tu.....	370
2) Chứng quyết	374
3) Đoạn nghi.....	380
a) Trình bày các nghi.....	380
b) Dứt các nghi.....	380
c) Khuyến tu hành	387
4) Lời dặn lưu thông	388
PHẦN DỊCH ÂM.....	390

4. CẢNH SÁCH

<i>Lời Giới Thiệu</i>	405
<i>Lời Nói Đầu</i>	407
BÀI I	410
BÀI II	413
BÀI III.....	415
BÀI IV.....	418
BÀI V	422
BÀI VI.....	425
BÀI VII.....	428
BÀI VIII.....	432
BÀI IX.....	437
BÀI X	440
BÀI XI.....	444
BÀI XII.....	447
BÀI XIII.....	450
BÀI XIV	453
BÀI XV	457
BÀI XVI.....	461
BÀI XVII	465
BÀI XVIII.....	468
BÀI XIX.....	471
BÀI XX.....	475
BÀI XXI	478
BÀI XXII.....	481
BÀI XXIII	485
BÀI XXIV	489
PHẦN DỊCH ÂM	492
Phần phụ trang : SÁM QUY MẠNG	502
QUY MẠNG DIỄN NGHĨA.....	507

5. DUY THỨC TAM THẬP TỤNG

<i>Tiểu sử tác giả</i>	515
BÀI I	517
BÀI II	519
BÀI III	522
BÀI IV	525
BÀI V	532
BÀI VI	539
BÀI VII	543
BÀI VIII	549
BÀI IX	553
BÀI X	557
BÀI XI	567
BÀI XII	573
BÀI XIII	578
BÀI XIV	583
TỔNG LUẬN	592

PHẬT TỔ NGŨ KINH

Tái bản lần thứ nhất

---o0o---

Dịch giả : HT. THÍCH HOÀN QUAN

Chịu trách nhiệm xuất bản : NGUYỄN THANH XUÂN
Biên tập : NGUYỄN TƯỜNG LONG
Sửa bản in : HOÀNG MINH
Trình bày : TRƯỜNG THỊNH
Bìa : CHÁNH TÂM NGHIÊM

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Số 4 - Lô 11- Trần Duy Hưng - Hà Nội

ĐT : (04)5566701 - Fax : (04)5566702

In : 2.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm.

Tại : Xí Nghiệp In Người Lao Động

131 Cống Quỳnh, Q. 1, TP.HCM. ĐT : 8374604

Số xuất bản : 54 - 131/XB-QLXB ngày 03/02/2005

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2005